M-PHONG TẠP-CHÍ

Nước
Chế-đ
Một bè
Nghĩa
Thư cl
Tâm-l
Danh-
Cảnh v
Văn Cl
Mạnh-
Gương
Tấm g
Văn-u
Một b
Thời-
Văn-ch
Khảo v
Giải ng
Các xu
Cảnh-v
Gương
Mê-tín
Danh-n
Nghĩa-l
Mạnh-t
Qui-phi
Thời-đà
1
1 Bảo-thu
1 Cải-cách
1 Mấy điề
1 Nghề làn
1 Đời đạo
1 Gương
1 Phong-tu
1 Truyện
1 Tập thơ
1 Nghĩa-l
Khảo v
Mạnh-t
Qui-ph

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút

PHẠM QUỲNH

TOME XXVII

Nos 152 – 157

JUILLET – DÉCEMBRE

1930

IN TẠI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)

80-82, Rue du Chanvre, Hanoi

1930

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ XXVII *(từ số 152 đến số 157)*

Số 152 — Juillet 1930

	trang
Một bài diễn-thuyết tán-dương cái chế-độ Bảo-hộ.	1
Điều-ước Bảo-hộ năm 1884	5
Trả lời bài Cảnh-cáo các nhà học-phiệt trong « Phụ-nữ tân-văn »	10
Gương đức-dục. II.	15
Sự lễ nhượng đời nay.	21
Nguyễn Tựu tiên-sinh truyện	25
Tiểu-sử Tuy-lý-vương.	31
Danh-nhân Hải-dương. II.	37
Cảnh-vật Hà-tiên. III.	42
Văn Chiến-quốc-sách. I.	53
Tiếng Nam Bắc khác nhau.	56
Thơ văn cũ Nam-kỳ.	61
Mạnh-tử quốc-văn giải thích. XXXVI.	70
Tấm gương tinh.	81
Văn-uyển.	91
Thời-đàm.	93

Số 153 — Août 1930

Khảo về hiến-pháp Nhật-bản.	107
Chế-độ đồng-tử-quân.	121
Người điên.	128
Lập-hiến là gì?	134
Truyện ông nghè Tân.	137
Đông-sơn hoài-cổ.	147
Danh-nhân Hải-dương. III.	153
Đời đạo-lý. V	157
Văn chiến-quốc-sách. II.	165
Cảnh-vật Hà-tiên. IV.	168
Gương đức-dục. III.	176
Mạnh-tử quốc-văn giải-thích. XXXVII.	[illegible]
Tấm gương tinh.	[illegible]
Văn-uyển.	[illegible]
Thời-đàm.	[illegible]

Số trang

Số 154 — Septembre 1930

Nước Nam 50 năm nữa thế nào ? 215
Chế-độ lập-hiến và chế-độ đại-nghị. 219
Một bộ sách Tây khảo về văn-minh Tàu 226
Nghĩa chữ văn-minh ở trong tâm-lý người Pháp. 231
Thư cho em gái. 239
Tâm-lý linh Lê-dương 242
Danh-nhân Hải-dương. IV. 245
Cảnh vật Hà tiên V. 250
Văn Chiến-quốc-sách III. 258
Mạnh-tử quốc-văn giải thích. XXXVIII. 261
Gương đức dục. IV. 276
Tấm gương tinh. 281
Văn-uyển 287
Một bài diễn-thuyết quan-trọng 292
Thời-đàm 301

Số 155 — Octobre 1930

Dân-chúng Á-châu. 321
Khảo về hiến-pháp Vạn-quốc. 326
Giải nghĩa hiến-pháp. 335
Các xu-hướng về chế-độ đại-nghị. 342
Cảnh-vật Nhật-bản. 351
Gương đức-dục. V. 359
Mê-tín với chân-lý. 369
Danh-nhân Hải-dương. V. 380
Nghĩa-bộc báo chủ. (Hát chèo). I. 390
Mạnh-tử quốc-văn giải thích XXXIX. 400
Qui-phi diễm-sử I (tiểu thuyết). 410
Thời-đàm. 417

Số 156 — Novembre 1930

Bảo-thủ với tiến hóa. 431
Cải-cách về tri-thức tinh-thần. 435
Mấy điều khuyết-điểm của chính-thể đại-nghị. 439
Nghề làm báo. 446
Đời đạo lý 452
Gương đức-dục. VI 461
Phong-tục Hòa-bình 474
Truyện thần-nữ Vân-cát 479
Tập thơ đi Tây của đức Khải-định 485
Nghĩa-bộc báo chủ (Hát chèo) II 495
Khảo về hiến-pháp Vạn-quốc. II 502
Mạnh-tử quốc-văn giải-thích. XL 514
Qui-phi diễm-sử (tiểu-thuyết). II 521
Thời-đàm 530

Số trang

Số 157 — Décembre 1930

Giải-nghĩa thế-giới đời nay 541
Nghĩa quốc-gia và lòng ái-quốc 546
Đời đạo-lý. VIII 549
Cảm-tưởng đối với thiếu-niên ngày nay 556
Truyện quan trạng Khiếu. I. 559
Bài ký về giáo-dục 571
Quảng-xương danh-thắng 583
Cuộc đi chơi Huế 586
Khảo về hiến pháp Vạn-quốc III 590
Gương đức-dục VII 594
Nghĩa-bộc báo chũ (Hát chèo). III và hết. 612
Qui-phi diễm-sử (Tiểu-thuyết) III 619
Văn-uyển 626
Thời đàm 631

Các tranh ảnh

Số 152 — Ảnh quan Thuộc địa Thượng-thư PIÉTRI.
Số 153 — Ảnh nhà Học-sinh Đông-Pháp ở xóm Học-sinh Paris.
Số 154 — Ảnh nhà Học-sinh Đông-Pháp ở xóm Học-sinh Paris.
Số 155 — Ảnh quan Thủ-tướng TARDIEU.
Số 156 — Ảnh phong-cảnh Hà-tiên.
Số 157 — Ảnh tượng Phật nhập nát-bàn.

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Une apologie du régime du Protectorat 1
Qui sera maître de l'Asie 4
Littérature chinoise : Le Poète K'iu Yuan 屈原 6
Une belle figure de mandarin 9
A propos d'une conférence. 12
Mahatma Gandhi 15
Anticipation : Ce que sera l'Annam dans cinquante ans. . 17
Les clercs qui ne trahissaient point 19
La Main du poète 22
Foules d'Asie ? 25
Autour d'une dispute 28
Education et politique 30
Conservation et évolution 33
Réforme intellectuelle et morale 36
Morale annamite et morale occidentale 39
Interprétation du monde moderne 41
Tombeaux sous la pluie 44

No. 152 Juillet 1930

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT TÁN-DƯƠNG CÁI CHẾ-ĐỘ BẢO-HỘ (1)

Bài diễn-thuyết của quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư PIÉTRI đọc ở *Lorient* kỳ hội-nghị hội Liên-đoàn các nhà ở thuộc-địa cũ, không phải là một bài diễn-thuyết tầm-thường. Thực là một bài diễn-thuyết đáng kỷ-niệm, ý-tứ ngay-thẳng, lời-lẽ sáng-suốt, lại có cái khí-vị khoan-hồng quảng-đại nữa.

Tất cả các báo ở Đông-dương này, từ Nam chí Bắc, đều trích-lục và ngợi-khen bài diễn-thuyết đó, vừa hùng-hồn vừa ý-nhị, thật xưa nay chưa có mấy bài mà lại khiến cho cả dư-luận người Tây người Nam đồng-thanh tán-tưởng như vậy. Phái thực-dân Tây, phái quốc-gia An-Nam, hai bên đều không thể chỉ-trích được một lời nào trong bài diễn-thuyết đó, và nếu thành-thực thì phải công-nhận rằng lời quan Thượng-thư nói có lắm câu đích-đáng, xưa nay nhiều người hiểu lầm mà không biết vậy.

Nói tóm lại, bài diễn-thuyết của quan PIÉTRI, theo như lời một nhà báo Tây đã bình-phẩm, thật là lời-lẽ một người chính-nhân quân-tử vậy.

Các báo đã phê-bình nhiều rồi, nay tôi không bàn lại nữa.

Nhưng bài diễn-thuyết đó thật là một áng văn-chương đáng ghi-chép vào trong sách văn-tuyển của thuộc-địa, ở trong có một đoạn giải nghĩa về cái chế-độ Bảo-hộ một cách rất tinh-tường, nói rõ về tính-cách cái chế-độ này mầu-nhiệm tinh-vi là đường nào, những nỗi khó-khăn là thế nào, và muốn cho thành-công thì phải thế nào. Đoạn đó không những là một bài tán-dương về chế-độ Bảo-hộ, lại là một bài tâm-lý-học, chính-trị-học về thuộc-địa nữa.

Ông PIÉTRI trước hết tuyên-bố rằng phàm đối với các dân-tộc cũ mà vì tình-cờ nước Pháp đã đảm-đương cái trách-nhiệm bảo-hộ, là những dân-tộc đã có lịch-sử, đã có văn-minh, đã có thể-thống về xã-hội, về chính-trị rồi, thì không thể dùng những phương-pháp chính-trị như cách đối với các nơi đất mới, người dân còn dã-man mộc-mạc vậy.

Ông nói rằng: « Như đất Đông-dương, cách cai-trị phải khác đất Tây-Phi-châu hay là Úc-châu. Ngay ở trong cõi Đông-dương, cũng có cái vẻ sai-biệt mầu-nhiệm: như Trung Bắc-kỳ, cách cai-trị phải khác với Cao-miên, lại như người sơn-lâm, cách cái-trị cũng phải khác với người đồng-bằng. »

Nhân nói về hai cái phương pháp cai-trị mà nước Pháp thường dùng để đối với các thuộc-địa, nhưng hướng-lai vẫn chưa quyết hẳn về đường nào, là chính-sách đồng-hóa và chính-sách hiệp-tác, quan Thượng-thư công-nhiên bác cái chính-sách đồng-hóa và chủ-trì cái chính-sách hiệp-tác.

(1) Nguyên Pháp-văn đăng ở báo *France Indochine* (xem phần phụ-trương).

Ngài nói rằng: « Cái chính-sách cũ xưa nay là cái chính-sách nhất-thiết đồng-hóa thuộc-địa theo mẫu-quốc, thì ngày nay ai cũng cho là không hay rồi, và nên dùng một cách mới-mẻ hơn, uyển-chuyển hơn, là cách hiệp-tác, cách này nước Pháp đã thử dùng đối với các thuộc-địa mới chiếm-lĩnh về sau này, mà thấy quả-nhiên có thành-hiệu. »

Ngài nói câu đó chắc là tưởng đến đất *Maroc*, là nơi ngài đã bắt đầu làm quan thuộc-địa ở dưới quyền thống-chế LYAUTEY, và chính là nơi cái chính-sách hiệp-tác đó, tức là chính-sách Bảo-hộ, đã có kết-quả tốt vậy.

Ngài giải nghĩa cái chính-sách bảo-hộ như sau này:

« Trong khoảng ba-mươi năm nay, có xuất-hiện ra một cái phương-pháp chính-trị mới đối với thuộc-địa, phương-pháp đó muốn thi-hành thì các nhà thuộc-địa ngày nay cần phải khôn-ngoan khéo-léo hơn xưa nhiều. Cách này gọi là cách bảo-hộ, là một cái lối chiết-trung ở giữa hai cách « trực-tiếp cai-trị » (*administration directe*) và « cố-vấn cai-trị » (*administration conseillée*), hay là muốn theo danh-từ của người Anh thì gọi là « thuộc-địa thống-trị » hay là « thuộc-địa của nhà vua » (*colonie de la couronne*), và « thuộc-địa tự-trị » (*dominion.*)

« Cách bảo-hộ này thì không phải lối nọ mà cũng không phải lối kia, chính là gồm cả hai lối làm một. Cái chính-sách đó nó có nhiều điều mầu-nhiệm mà không có giới-hạn nhất-định. Nhưng quả là một chính-sách rất hay, các tay trứ-danh đi cai-trị thuộc-địa, đều đã dùng cả. Tôi thật là nhiệt-thành chủ-trương cái chính-sách đó. Những xứ như *Tunisie*, *Maroc*, Cao-miên hay An-Nam, là những dân-tộc đã có nền-nếp rồi, biết yêu-mến quí-trọng cái lịch-sử của mình, thì phải dùng cái chính-sách đó, và phải dùng một cách thành-thực mới được. *Đừng có làm mà tưởng nên làm cách giả-dối, khiến cho cái lâu-đài tốt đẹp dần dần biến thành ra một cái bình-phong nhà mồ vậy...* »

Đoạn sau đó, ta nên đặc-biệt chú-ý, vì chính bởi cái chính-sách bảo-hộ « có lắm điều mầu-nhiệm, mà không có giới-hạn nhất-định », nên người ta dễ có cái khuynh-hướng quên hẳn những lẽ mầu-nhiệm đó và vượt qua những giới-hạn đó, khiến cho như lời quan Thượng-thư đã nói, cái lâu-đài tốt-đẹp biến thành cái bình-phong nhà mồ vậy. Ấy cái chính-thể Trung Bắc-kỳ hiện nay như thế, đã lâu nay chỉ còn cái tên bảo-hộ chứ không thực sự bảo-hộ, thành ra một cái tình-trạng mập-mờ, nhờ đó mà thật dễ làm cách giả-dối; sở-dĩ đến như thế là lỗi tại vua quan An-Nam cũng có, mà lỗi tại Chính-phủ Pháp cũng có. Cái tình-trạng đó thật là không xứng-đáng với nước Pháp mà cũng không xứng-đáng với nước Nam. Tình-trạng ấy thật là coi thường cái tâm-lý sâu-xa của cả một dân-tộc, hiện nay đương nhờ ảnh-hưởng Thái-Tây mà hình như tỉnh thức lại, tự nhận-chân mình, và thấy cái quyền giám-đốc chặt-chẽ quá đã lấy làm khó chịu. Bởi tình-trạng đó mà gây ra cái không-khí bất-bình u-uất trong dân-gian. Tình-trạng ấy cần phải sửa đổi, từ việc biến-động mới rồi lại càng cần lắm nữa. Về phần riêng chúng tôi, đã từng bày tỏ cái cách nên sửa đổi thế nào. Nay chính quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư, đã công-nhiên tuyên-bố rằng ngài quyết theo một cái chính-sách bảo-hộ rộng-rãi, thời các nhà cầm quyền cùng những người có tư-cách thay mặt cho dân nên bàn định lấy một cái chương-trình cải-cách thế

nào cho thi-hành được cái chính-sách bảo-hộ chân-chính cho xứ này, để đệ-trình cho quan thượng-thư xét. Nếu cái chương-trình đó mà chánh-đáng thời chắc thế nào chính-phủ Đại-Pháp cũng ưng-thuận, vì người thay mặt cho chính-phủ Pháp ở bộ Thuộc-địa hiện nay chính là một người chính-nhân quân-tử đã từng nói những lời hay lẽ phải ta đương bàn đây.

Nay lại xin bàn nốt về bài diễn-thuyết của quan PIÉTRI.

Ngài đã chỉ rõ cái sự sai-lầm cần phải tránh, rồi nói tiếp luôn rằng :

« Như cái chính-sách bảo-hộ, nếu biết thi-hành cho thành-thực, *đừng coi như bức tranh cảnh ở nhà hát mà coi như cái đồ dùng để làm việc thật*, nếu biết làm như thế thời chính-sách bảo-hộ có thể làm cho sự hành-động của ta ở thuộc-địa thành ra có lẽ chánh-đáng, mà làm-thời gặp lúc nguy-hiểm lại có thể làm một cái trợ-lực để giúp-đỡ chỉ-bảo cho ta nữa. Chính tôi ở Ma-lạc-kha đã được biết có người như ông thủ-tướng MOKAI, tưởng có thể sánh với các nhà chính-trị thật giỏi của Âu-châu cũng được, và mỗi lần ông ấy khuyên bảo điều gì, tôi thật thành-kính và sẵn lòng nghe. »

Nước Nam này tưởng cũng không phải là không có những người có thể sánh được với ông thủ-tướng Ma-lạc-kha đó. Hướng-lai sở-dĩ không thể xuất-hiện ra được, không thể thi tài ra được, chính là vì cái chế-độ hẹp-hòi, khiến cho nhân-tài không thể nảy-nở ra được. Lại gặp cơ-hội khó-khăn mà những người ấy sở-dĩ không được hết lòng hết sức mà ra giúp việc, cũng là bởi cái chế-độ không biết mở-mang ra cho rộng-rãi, cho chính-thể với quốc-gia không có giản-cách nhau, điều-hòa được cái chủ-quyền ngoại-quốc với cái tư-tưởng dân-tộc vậy. Vẫn biết rằng một cái chính-sách như thế không phải là dễ, và các nhà cai-trị của ta không phải là ai ai cũng có thể thành-thực mà thi-hành được ; chính-sách đó cần phải khôn-khéo lắm mới được, lại phải có những người thừa-hành cho đích-đáng. Nhưng đã kết-quả ở các thuộc-địa khác, thì ở đây không có lẽ nào lại không kết-quả được.

Đến sau quan Thượng-thư kết-luận bài diễn-thuyết nói rằng muốn giúp cho cái chính-sách hiệp-tác đó thì lại phải một cái « chính-sách lễ-nhượng » (*politique d'égards*) nữa, chính-sách này đối với một dân-tộc văn-vật biết trọng sự lễ-phép như dân An-Nam, thì lại càng cần lắm nữa.

Quan Thượng-thư nói rằng : « Tôi biết cái chính-sách bảo-hộ là cái chính-sách hay, bài diễn-thuyết này tức là một bài tán-dương cái chính-sách đó ; nay kết-luận tôi lại xin nói thêm một lời : bênh-vực cho người bản-dân, kính-trọng những phong-tục, tôn-giáo, cho đến cả những sự tin-tưởng sai-lầm của họ nữa, như thế cũng chưa đủ... Lại còn phải cốt nhất là biết yêu-mến họ, đối với họ phải ăn ở cho có nhân-nhượng, cho rõ cái lòng thành-thực yêu-mến đó.

« *Cái tính đùa-bỡn, chế-nhạo, gắt-gỏng không đâu, không phải là những tính tốt nên đem đi thuộc-địa làm gì. Phải biết rằng dân thuộc-địa họ cũng có cái tính đa-cảm âm-thầm, nói một câu không nghĩ, xử một cách vụng-về, nhiều khi gây ra trong lòng họ những cái mầm thù oán vậy.* »

Câu nói đó nên suy-nghĩ cho kỹ, và lời khuyên của quan Thượng-thư, nếu được phần nhiều người Pháp ở xứ này biết hiểu mà theo, thời sẽ

tránh được lắm sự xung-đột, lắm nỗi mất lòng, mà cho đến cái vấn-đề chính-trị cũng nhờ đó mà bớt khó-khăn phiền-phức đi vậy. Người ta hay trách người An-Nam là có tính tự-kỷ quá, có tính tự-cao lắm khi không phải đường, và hơi một tí thì hay mất lòng. Có lẽ cái bản-tính như thế, và dễ cũng vì yếu-hèn cho nên thế, khiến cho mỗi khi thấy người ngoài thất-lễ với mình, dường như khinh-rẻ mình, thì trong lòng lấy làm đau-đớn lắm, và càng thấy những người Pháp địa-vị ti-tiện mà cũng xử thất-lễ với mình như thế, thì lại càng đau-đớn lắm nữa. Ai cũng biết rằng những cái vết thương phạm đến danh-giá người ta, là những vết thương khó chữa hơn cả. Nhiều khi việc chính-trị thành ra khó-khăn cũng là căn-nguyên tự đó.

Xem những lời trích-lục bài diễn-thuyết quan Thuộc-địa Thượng-thư đó thì biết ngài am-hiểu việc thuộc-địa là đường nào. Quan thuộc-địa phải biết việc thuộc-địa, điều đó tưởng như một lẽ cố-nhiên rồi; nhưng thực ra thì ít khi được như thế, cho nên giữa lúc này là lúc xứ Đông-dương ta đương ở vào cái cảnh khó-khăn, mà đứng đầu bộ thuộc-địa lại được một người tư-tưởng vừa rộng-rãi vừa chánh-đáng, có thể chuyển-di cuộc chính-trị bản-xứ cho thích-hợp với sự yếu-cần hiện-thời, được như thế, ta cũng phải lấy làm mừng vậy.

Nhân nói về việc Đông-dương, quan Thượng-thư có câu rằng:

« Ngày nay đương bàn xét đến việc Đông-dương, nếu cho vấn-đề Đông-dương là có thể lấy súng ống, lấy tòa án mà giải-quyết được, thì thật là coi rẻ cái lịch-sử mấy nghìn năm của một nước, cái tâm-lý của cả một dân-tộc, cùng sự tiến-hóa trong phong-tục, trong tâm-trí của dân-tộc đó »

Chính-phủ Pháp chắc không bao giờ hiểu lầm như thế, và vì cuộc trị-an bị nhiễu-loạn nên phải trừng-trị cho dẹp yên, nhưng yên rồi thời tất chính-phủ sẽ đó xét cho biết rõ lòng dân xứ này nguyện-vọng những điều gì, để tìm phương đối-phó cho được thỏa-thuận.

Vì quan Thượng-thư kết bài diễn-thuyết đã nói rằng:

« Rút lại chỉ có hai cách cai-trị thuộc-địa: một là lấy tình bạn-bè, hai là lấy sức võ-lực.

« Sức võ-lực, ta nên để cho thời-đại khác, dân-tộc khác dùng, mà ta cứ nên bằng ở cái tình bè bạn mà thôi. Đó tức là thành-quách rất vững-vàng để đối với cái nạn cộng-sản vậy.

« Những dân như dân Đông-dương, về đường đạo-đức chỉ sống bằng cái lòng thờ phụng tổ-tiên cùng gia-đình thôi, không khi nào nhiễm được những chủ-nghĩa của đảng Đệ-tam Quốc-tế; nhưng đảng đó có những tay sành nghề phiến-loạn, học ở những trường chuyên môn ta đã biết đó, có thể thừa sự bất-bình nhất-thời trong dân-gian làm một cái cơ-hội tốt được. Ta phải nghiêm-trị những kẻ hại người cùng phường đồng-đảng, không để cho nó phá-hoại được những công-phu sự-nghiệp của ta, nhưng ta lại phải cúi xuống mà xem nghe kẻ có bệnh kia, tỏ ra cho họ biết cái chân-diện-mục của nước Pháp, là nước hồi 140 về trước đã ra tay tảo-trừ những kẻ cường-quyền áp-chế trong cựu-thế-giới thế nào. »

Những lời như thế thật là làm danh-giá cho quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư, và khiến cho các dân ở dưới quyền bảo-hộ nước Pháp được vững lòng tin cậy. Giữa lúc cái không-khí trong nước không được tốt lành, mà nghe được những lời như thế chẳng là khoan-khoái lắm dư!

PHẠM QUỲNH

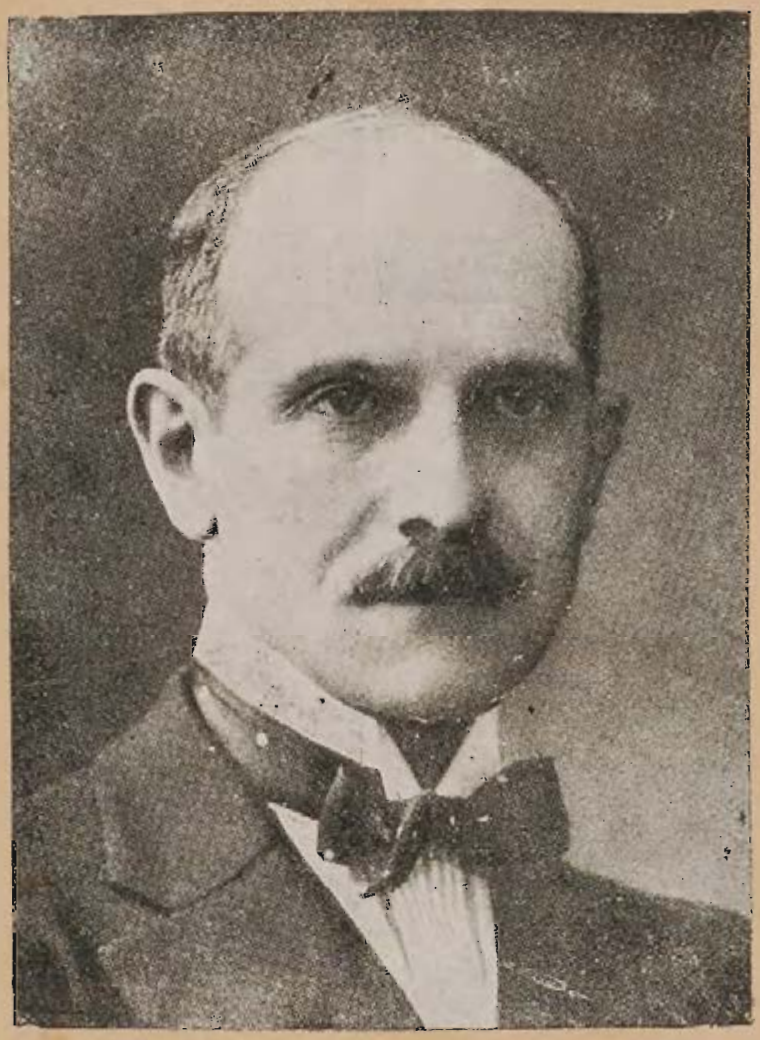

Chân-dung quan Thuộc-địa Thượng-thư PIETRI

ĐIỀU-ƯỚC BẢO-HỘ NĂM 1884

Nhân bàn về vấn-đề lập-hiến, thường nói đến điều-ước bảo-hộ năm 1884, là căn-bản chính-thể nước ta hiện nay. Nhưng điều-ước này ít người được biết tường ; vậy bản-chí lục-đăng nguyên-văn bằng chữ Pháp ra đây, lại đối dịch quốc-văn để công đồng-lãm.

Điều-ước này, sách Tây thường gọi là « Điều-ước PATENÔTRE », ký ở Huế ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 (13 tháng 5 Kiến-phúc nguyên-niên), ngày 23 tháng 2 năm 1886 (20 tháng giêng Đồng-khánh nhị-niên) hai Chính-phủ mới trao giấy duyệt-y (*ratification*). Điều-ước này chính là định cách bảo-hộ Trung-Bắc-kỳ, có nhiều điều đã quá cũ, nhưng đại-cương vẫn phải coi là nền gốc chính-trị cho Trung-Bắc lưỡng-kỳ.

Le gouvernement de la République française et celui de S. M. le Roi d'Annam, voulant empêcher à jamais le renouvellement des difficultés qui se sont produites récemment, désireux de resserrer les relations d'amitié et de bon voisinage, ont résolu de conclure une convention à cet effet et ont nommé pour leurs plénipotentiaires, savoir:

Le Président de la République française :

M. Jules Patenôtre, officier de l'ordre national de la Légion d'Honneur, ministre plénipotentiaire et envoyé extraordinaire de la République près de S. M. l'Empereur de Chine ;

Et. S. M. le Roi d'Annam :

Leurs Excellences Nguyen Van Tuong, premier régent, ministre de l'Intérieur ;

Pham Than Duat, ministre des Finances,

Et Ton That Phan, chargé des relations extérieures, ministre des Travaux publics par intérim ;

Lesquels, après s'être communiqué leurs pleins pouvoirs respectifs, trouvés en bonne et due forme, sont convenus des articles suivants ;

Chính-phủ Đại-Pháp Dân-quốc với Chính-phủ Đại-Nam Hoàng-đế, muốn cho từ nay về sau vĩnh-viễn khỏi những sự lôi-thôi như vừa xảy ra mới rồi, lại muốn cho khăng-khít cái tình giao-hiếu lân-cận của đôi bên, bàn định cùng nhau ký một tờ hiệp-ước, hai bên cử người toàn-quyền thay mặt như sau này :

Quan Tổng-thống Đại-Pháp Dân-quốc thì cử :

Ông JULES PATENÔTRE, *thưởng-thụ đệ-tứ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh, toàn-quyền công-sứ, kiêm chức đặc-phái của Chính-phủ Dân-quốc tại nơi đức Hoàng-đế nước Trung-hoa ;*

Đại-Nam Hoàng-đế thì cử :

Các quan Đại-thần : Nguyễn Văn-Tường, Phụ-chính đại-thần, Lại-bộ Thượng-thư ;

Phạm Thận-Duật, Hộ-bộ Thượng-thư, và

Tôn-thất Phán, coi việc ngoại-giao, quyền lĩnh Công-bộ Thượng-thư ;

Các quan-chức đó, sau khi đã trình bày các giấy hoàn-toàn ủy-quyền, xét ra hợp đúng thể-cách, bèn cùng nhau đinh-định các điều như sau này :

Art. 1er — L'Annam reconnaît et accepte le protectorat de la France. La France représentera l'Annam dans toutes ses relations extérieures. Les Annamites à l'étranger seront placés sous la protection de la France.

Art. 2. — Une force militaire française occupera Thuân-an d'une façon permanente. Tous les forts et ouvrages militaires de la rivière de Hué seront rasés.

Art. 3. — Les fonctionnaires annamites, depuis la frontière de la Cochinchine jusqu'à la frontière de la province de Ninh-binh, continueront à administrer les provinces comprises dans ces limites, sauf en ce qui concerne les Douanes, les Travaux publics, et en général les services qui exigent une direction unique ou l'emploi d'ingénieurs ou d'agents européens.

Art. 4. — Dans les limites ci-dessus indiquées, le gouvernement annamite déclarera ouverts au commerce de toutes les nations, outre le port de Quinhon, ceux de Tourane et de Xuanday. D'autres ports pourront être ultérieurement ouverts après une entente préalable. Le gouvernement français y entretiendra des agents placés sous les ordres de son résident à Hué.

Art. 5. — Un résident général, représentant du gouvernement français, présidera aux relations extérieures de l'Annam et assurera l'exercice régulier du protectorat sans s'immiscer dans l'dministration locale des provinces comprises dans les limites fixées par l'article 3. Il résidera dans la citadelle de Hué avec une escorte militaire.

Le résident général aura droit d'audience privée et personnelle auprès de S. M. le Roi d'Annam.

Art. 6. — Au Tonkin, des résidents ou résidents adjoints seront placés, par

Điều thứ nhất.— *Nước Nam bằng lòng công nhận quyền bảo-hộ của nước Pháp. Nước Pháp sẽ thay mặt nước Nam trong các việc ngoại-giao. Người An-Nam ở ngoại-quốc sẽ thuộc quyền nước Pháp bênh-vực.*

Điều thứ 2.— *Lại cửa Thuận-an sẽ có quân-đội Pháp đóng thường-trực. Các pháo-đài cùng những công-trình kiến-trúc về quân bị ở trên sông Hương sẽ phá-triệt hết.*

Điều thứ 3.—*Các quan-lại An-Nam, trong khoảng từ địa-giới Nam-kỳ cho đến địa-giới tỉnh Ninh-binh, vẫn cứ giữ quyền cai-trị các tỉnh, trừ những việc thương-chính, công-chính, cùng đại-đề các công-cuộc cần phải có quyền chủ-trương nhất-trí hay là phải dùng đến các kỹ-sư hoặc người làm là người Tây không kể.*

Điều thứ 4. — *Trong hạn địa-giới nói ở trên, Chính-phủ An-Nam sẽ tuyên-bố mở cho Vạn-quốc thông-thương hai cửa bể Tourane và Xuân-đài, ngoài cửa Qui-nhơn không kể. Sau này hai bên sẽ thương-lượng với nhau mà mở ra các cửa bể khác nữa. Chính-phủ Pháp sẽ đặt các viên-chức ở mấy nơi đó, thuộc quyền quan Sứ ở Huế.*

Điều thứ 5.— *Quan Khâm-sứ, thay mặt Chính-phủ Đại-Pháp, sẽ chủ-trương cho việc ngoại-giao của nước Nam, và đốc-suất cho việc bảo-hộ được bình thường, duy không can-thiệp đến việc cai-trị riêng ở các tỉnh thuộc trong giới-hạn đã định ở điều thứ 3 trên.*

Quan Khâm-sứ sẽ trụ-trát ở trong Hoàng-thành Huế và có vệ-binh theo hầu

Quan Khâm-sứ có quyền được chính mình vào tiếp-kiến riêng với Đại-Nam Hoàng-đế.

Điều thứ 6.— *Ở Bắc-kỳ, Chính-phủ Dân-quốc có thể đặt các chức Công-sứ*

le gouvernement de la République, dans les chefs-lieux où leur présence sera jugée utile. Ils seront sous les ordres du résident général.

Ils habiteront dans la citadelle et, en tout cas, dans l'enceinte même réservée aux mandarins; il leur sera donné, s'il y a lieu, une escorte française ou indigène.

Art. 7. — Les résidents éviteront de s'occuper des détails de l'administration intérieure des provinces. Les fonctionnaires indigènes de tout ordre continueront à gouverner et à administrer sous leur contrôle, mais ils devront être révoqués sur la demande des autorités françaises.

Art. 8. — Les fonctionnaires et employés français de toute catégorie ne communiqueront avec les autorités annamites que par l'intermédiaire des résidents.

Art. 9 — Une ligne télégraphique sera établie de Saigon à Hanoi et exploitée par des employés français. Une partie des taxes sera attribuée au gouvernement annamite qui concédera, en retour, le terrain nécessaire aux stations.

Art. 10. — En Annam et au Tonkin, les étrangers de toute nationalité seront placés sous la juridiction française.

L'autorité française statuera sur les contestations de quelque nature qu'elles soient, qui s'élèveront entre Annamites et étrangers, de même qu'entre étrangers.

Art. 11. — Dans l'Annam proprement dit, les Quan Bo percevront l'impôt ancien sans le contrôle des fonctionnaires français, et pour le compte de la cour de Hué.

Au Tonkin, les résidents centraliseront, avec le concours des Quan Bo le

và phó Công-sứ ở các nơi tỉnh-lỵ, tùy ý xét chỗ nào nên đặt thì đặt. Các chức ấy sẽ thuộc quyền quan Khâm-sứ.

Quan Công-sứ và phó-Công-sứ được ở trong thành, ngay chỗ nào để riêng cho quan An-Nam ở; nếu cần thì phải cho vệ-binh người Pháp hay người Nam theo hầu.

Điều thứ 7. — *Quan Công-sứ không được can-thiệp đến những điều tế-toái trong việc nội-trị ở các tỉnh. Quan-lại bản-xứ về các ngạch văn cứ chủ-trương các việc cai-trị, quan Công-sứ đứng kiểm-sát; nhưng các quan bảo-hộ Pháp xin cách người nào thì phải cách.*

Điều thứ 8. — *Những viên-chức cùng người làm công là người Pháp, bất-cứ thuộc ngạch nào, không thể trực-tiếp thông-tư với các quan-lại An-Nam, phải do qua quan Công-sứ mới được.*

Điều thứ 9. — *Sẽ đặt một đường giây-thép từ Sài-gòn ra Hà-nội, dùng người Pháp kinh-lý. Tiền thu được chia một phần cho Chính-phủ An-Nam; Chính-phủ An-Nam đổi lại sẽ nhượng đất cho để lập các sở giây-thép.*

Điều thứ 10. — *Ở Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ, người ngoại-quốc bất-cứ thuộc nước nào, cũng là ở dưới quyền thẩm-phán của nước Pháp.*

Phàm sự phân-tranh, bất-cứ thuộc về việc gì, của người An-Nam với người ngoại-quốc, cùng là người ngoại-quốc lẫn với nhau, đều do quan-quyền Pháp xử cả.

Điều thứ 11. — *Trong địa-phận Trung-kỳ, các quan bố vẫn thu thuế như cũ, không phải viên-chức Pháp kiểm-soát, và thuế nộp cho Triều-đình Huế.*

Ở Bắc-kỳ thì các quan Công-sứ cùng với quan bố coi việc thuế-má, và phải

service du même impôt, dont ils surveilleront la perception et l'emploi. Une commission, composée de commissaires français et annamites, déterminera les sommes qui devront être affectées aux diverses branches de l'administration et aux services publics. Le reliquat sera versé dans les caisses de la cour de Hué.

kiểm-tra cách thu-nạp cùng cách chi-dụng. Sẽ đặt một hội-đồng, có các ủy-viên người Pháp và người Nam, để định khoản chi-tiêu cần dùng về các công việc hành-chính cùng các công-sở nhà-nước. Còn thừa bao nhiêu thì nộp vào công-khố của Triều-đình Huế.

Art. 12. — Dans tout le royaume, les douanes réorganisées seront entièrement confiées à des administrateurs français. Il n'y aura que des douanes maritimes et de frontières placées partout où le besoin se fera sentir. Aucune réclamation ne sera admise en matière de douanes au sujet des mesures prises jusqu'à ce jour par les autorités militaires.

Điều thứ 12.— *Trong toàn-quốc, việc thương-chính chỉnh-đốn lại, sẽ giao cả cho quan-viên Pháp quản-lý. Sở thương-chính chỉ đặt ở các cửa bể cùng các nơi địa-giới, xét chỗ nào cần dùng thì đặt. Về việc thương-chính, phàm các kế-hoạch của quan binh đã thi-hành từ trước đến nay, không được dị-nghị gì cả.*

Les lois et règlements concernant les contributions indirectes, le régime et le tarif des douanes et le régime sanitaire de la Cochinchine seront applicables aux territoires de l'Annam et du Tonkin.

Những luật-lệ thuộc về các thuế gián-tiếp, thể-lệ cùng thuế-ngạch về thương-chính, cùng thể-lệ về việc vệ-sinh ở Nam-kỳ, từ nay sẽ thi-hành cho khắp địa-hạt Trung Bắc-kỳ.

Art. 13. — Les citoyens ou protégés français pourront, dans toute l'étendue du Tonkin, et dans les ports ouverts de l'Annam, circuler librement, faire le commerce, acquérir des biens meubles et immeubles et en disposer. S. M. le roi d'Annam confirme expressément les garanties stipulées par le traité du 15 mars 1874, en faveur des missionnaires et des chrétions.

Điều thứ 13.— *Phàm người dân Pháp hay người thuộc quyền nước Pháp bênh-vực, trong toàn-hạt Bắc kỳ, cùng trong các cửa bể thông-thương ở Trung-kỳ, được quyền đi lại tự-do, buôn-bán, mua các động-sản cùng bất-động-sản và hưởng-dụng các của ấy. Đại-Nam Hoàng-đế phân minh thừa-nhận những điều-khoản trong điều-ước ngày 15 tháng 3 năm 1874 bênh-vực cho các cô-đạo cùng các giáo-dân.*

Art. 14. — Les personnes qui voudront voyager dans l'intérieur de l'Annam ne pourront en obtenir l'autorisation que par l'intermédiaire du résident général, à Hué, ou du gouverneur de la Cochinchine. Ces autorités leur délivreront des passeports qui seront présentés au visa du gouvernement annamite.

Điều thứ 14.— *Những người muốn đi lữ-hành trong địa-hạt Trung-kỳ, thì phải do qua quan Khâm-sứ ở Huế hay quan Thống-đốc Nam-kỳ, mới xin được phép. Các quan ấy phát cho giấy thông-hành, phải trình cho Chính-phủ An-Nam duyệt-y.*

Art. 15. — La France s'engage à garantir désormais l'intégralité des Etats de S. M. le Roi d'Annam, à défendre ce souverain contre les agressions du dehors et contre les rebellions du dedans. A cet effet, l'autorité française pourra faire occuper militairement, sur le territoire de l'Annam et du Tonkin, les points qu'elle jugera nécessaires pour assurer l'exercice du protectorat.

Điều thứ 15 — *Nước Pháp cam đoan từ nay giữ cho quốc-thổ của Đại-Nam Hoàng-đế được hoàn-toàn, phòng-bị bênh-vực cho khỏi ngoại-xâm nội-loạn. Vậy trong địa-hạt Trung Bắc-kỳ, các quan-chức Pháp xét chỗ nào cần phải đóng binh để thi-hành quyền bảo-hộ, cũng có thể đóng binh được cả.*

Art. 16. — S. M. le Roi d'Annam continuera, comme par le passé, à diriger l'administration intérieure de ses Etats, sauf les restrictions qui résultent de la présente Convention.

Điều thứ 16. — *Đại-Nam Hoàng-đế, tự-hậu vẫn cứ giữ quyền nội-trị trong quốc-thổ như xưa, trừ những điều hạn-chế đã định trong bản hiệp-ước này.*

Art. 17. — Les dettes actuelles de l'Annam vis-à vis de la France seront acquittées au moyen de payements dont le mode sera ultérieurement déterminé. S. M. le Roi d'Annam s'interdit de contracter aucun emprunt à l'étranger sans l'autorisation du gouvernement français.

Điều thứ 17. — *Các khoản nợ của nước Nam đối với nước Pháp hiện nay thì cách trang trải thế nào sẽ định sau này. Đại-Nam Hoàng-đế cam-đoan không được vay nợ của ngoại-quốc mà không có Chính-phủ Pháp cho phép.*

Art. 18. — Des conférences règleront les limites des ports ouverts et des concessions françaises dans chacun de ces ports, l'établissement des phares sur les côtes de l'Annam et du Tonkin, le régime et l'exploitation des mines, le régime monétaire, la quotité à attribuer au gouvernement annamite sur les produits des douanes, des régies, des taxes télégraphiques et autres revenus non visés dans l'article 11 du présent traité.

Điều thứ 18. — *Sau này sẽ họp hội-nghị để định giới-hạn các cửa bể thông-thương, cùng những khu đất nhượng cho nước Pháp ở trong các cửa bể đó, định những nơi nào đặt hải-đăng ở đường duyên-hải Trung-Bắc-kỳ, định thể-lệ cùng cách-thức khai mỏ, định chế-độ về tiền-tệ, định phân-số những khoản phải nộp cho Chính-phủ An-Nam về các thuế thương-chính, thuế quan-sản, thuế điện-báo, cùng các khoản thu-nhập khác không kể trong điều thứ 11 ở trên.*

La présente convention sera soumise à l'approbation du gouvernement de la République française et de S. M. le Roi d'Annam, et les ratifications en seront échangées aussitôt que possible.

Bản hiệp-ước này sẽ đệ-trình cho Chính-phủ Dân-quốc Đại-Pháp, cùng Đại-Nam Hoàng-đế duyệt-y, khi duyệt xong hai bên sẽ trao giấy cho nhau ngay để làm bằng.

Art. 19. — Le présent traité remplacera les conventions des 15 mars, 31 août et 23 novembre 1874. En cas de contestations, le texte français fera seul foi.

Điều thứ 19. — *Điều-ước này sẽ thay cho các bản hiệp-ước ngày 15 tháng 3, 31 tháng 8 và 23 tháng 11 năm 1874. Hoặc có dị-nghị thì duy lấy bản Pháp-văn làm bằng.*

En foi de quoi les plénipotentiaires respectifs ont signé le présent traité et y ont apposé leurs cachets.

Fait à Hué, en double expédition, le 6 Juin 1884

Nguyễn-văn-Tường, PATENÔTRE.
Phạm-than-Duật,
Ton-that-Phan.

Các chức toàn-quyền thay mặt hai bên đã ký tên và đóng dấu vào bản điều-ước này để làm bằng.

Làm tại Huế hai bản ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884.

NGUYỄN VĂN-TƯỜNG PATENÔTRE
PHẠM THẬN-DUẬT
TÔN-THẤT PHÁN

TRẢ LỜI BÀI «CẢNH-CÁO CÁC NHÀ HỌC-PHIỆT» TRONG «PHỤ-NỮ TÂN-VĂN» (1

Phan Khôi tiên-sinh với tôi là chỗ quen biết cũ.

Từ khi tiên-sinh dời Hà-nội vô Nam-kỳ, không có nhịp gặp nhau. Nhưng về phần tiên-sinh coi chừng vẫn nhớ đến tôi luôn. Khi viết báo *Thần-chung*, khi viết báo *Phụ-nữ*, tiên-sinh thường nhắc đến tên tôi. Thậm-chí có khi không sẵn đầu bài, tiên-sinh lấy tôi làm đầu bài. Như mới đây, nhân tiên-sinh soạn chưa xong bài trả lời « bài trả lời » của ông Trần Trọng-Kim về nho-giáo, tiên-sinh lại sực nhớ đến tôi mà liền tặng cho cái huy-hiệu làm lãnh-tụ một đảng, tiên-sinh đặt tên là đảng « học-phiệt », rồi nhân đó viết một bài đại-luận, để cảnh-cáo cho những người trong đảng ấy.

Nếu vì cảm-tình người cũ mà Phan tiên-sinh ân-cần đến tôi như thế, tôi xin cám ơn.

Từ trước đến nay, sở-dĩ tôi không trả lời tiên-sinh là vì tiên-sinh mới thỉnh-thoảng tặng cho giãm ba câu mát-mẻ xa-xôi mà thôi, xét ra cũng không có quan-hệ gì.

Nhưng nay tiên-sinh công-nhiên làm án một phái cho là có tội với học-thuật nước nhà, mà lại phân-minh chỉ tên chỉ tuổi tôi là thủ-lĩnh, tức là thủ-phạm trong phái đó, thì tôi dầu có muốn làm mặt kiêu-căng cũng không thể sao làm thinh cho được.

Vả việc là việc quan-hệ lớn, không phải chỉ thiết đến một cá-nhân tôi thôi mà thiết đến cả học-giới nước nhà, tất tôi phải cùng tiên-sinh phân-trần mấy lời, không thể để cho độc-giả ngộ-nhận được.

Vậy Phan tiên-sinh kết án phái « học-phiệt » về những tội gì ?

---

(1) Nhân báo *Phụ-nữ tân-văn* gần đây có đăng một bài của ông Phan Khôi bình-phẩm về cái thái-độ của kẻ học-giả nước ta ngày nay mà có đả-đông đến bản-chí chủ-bút. Vậy bản-chí chủ-bút có gửi bài trả lời cho báo ấy. Nay lục-đăng ra đây để công đồng lãm. — N.-P.

Trước hết chữ « học-phiệt » đó của tiên-sinh tự đặt ra nghĩa là gì?

Tiên-sinh cho nước ta có một bọn « học-phiệt » tức cũng như nước Tàu có bọn « quân - phiệt », là một bọn người cũng sảo có học - vấn, có tư-tưởng, nhưng phải cái tính tự-cao tự-phụ quá, dường như muốn chuyên-chế dư-luận, chỉ lên mặt làm thầy người ta, chứ không chịu người ta chỉ-trích đến mình.

Tiên - sinh buộc cho bọn đó hai cái tội : một là phạm ai nghị-luận, chỉ-trích, công-kích, phẩm-bình gì đến mình là cứ làm thinh hết thảy, người ta gọi đến tên mà « chửi » cũng không trả lời, đó là một cái thái-độ rất khả-ố, vì tỏ ra khinh người mà lại hèn-nhát nữa ; hai là chính vì cái thái-độ khả-ố đó mà cõi học nước nhà thành ra vắng-vẻ lạnh - lẽo, không ai còn muốn bàn-bạc cãi - cọ gì nữa, rõ ra cái cảnh tro tàn khói tỏa, quạnh quẽ đìu-hiu, là cái cảnh chết.

Tiên-sinh vì tiền - đồ học - thuật, hăm-hở mạnh-bạo đứng lên kết án phái « học-phiệt » đó, lời-lẽ nghiêm-nghị . . . . . .

Vậy những bị-cáo-nhân đó là ai ?

Tiên-sinh chỉ nói phái « học-phiệt » không có bao lăm người mà không kể rõ có những ai, song kêu đích-danh tôi là thủ-phạm. Vậy có lẽ tiên-sinh chỉ có ý muốn « gây sự » — xin miễn cho tiếng nôm-na — riêng với tôi chăng?

Tiên-sinh buộc tội cho tôi có cái dã-tâm muốn chuyên - chế dư-luận, dường như muốn làm một tên Mussolini trong cõi học nước Nam này. Vậy ra tôi có oai-quyền, có thế-lực đến thế dư ? Thế thì danh-giá cho tôi quá ! Dù tiên-sinh có đem cả đại-đội đến mà công-kích tôi, tôi cũng cam-tâm mà lấy làm tự-khoái.

Song phàm xử án công-bằng, phải có chứng-cớ hẳn-hoi, chứ nếu vì tình-nghi, vì ác-cảm với người nào mà kiếm cớ buộc tội cho người ta, thì cái án ấy không có giá-trị gì nữa.

. . . . . .

Nay Phan Tiên-sinh đối với tôi mà khởi ra cái án « học-phiệt » đó, có phải là có chứng-cớ rõ ràng không, hay là chỉ vì « tình-nghi » mà bỗng-dưng kết-cấu ra ? Có phải có sự thực hẳn - hoi không, hay là chỉ là một cái « án về thái - độ », một cái « án về khuynh-hướng » (*procès de tendance*), nghĩa là đoán phỏng chừng cái ý-hướng của người ta mà đem lòng yêu ghét buộc cho những tội không đâu ?

Không biết chủ-ý tiên-sinh thế nào, nhưng trong bài đại-luận của tiên-sinh chỉ thấy dẫn có một việc làm chứng, là việc mấy năm trước ông nghè Ngô Đức-Kế công - kích tôi về truyện *Kiều*, mà tôi thủy-chung cứ làm thinh, không trả lời, thế là phạm hai cái tội đã kể trên kia.

Ông nghè Ngô nay là người thiên-cổ rồi. Kẻ khuất người còn, chuyện bao năm cũ kể ra làm gì ? Nhưng Phan Tiên-sinh đã dở-dói ra, thì tôi cũng phải nối lời mà phân-trần cho rõ lẽ : xin vong-linh ông Ngô chứng-giám !

Họ Ngô với tôi vốn không có hiềm-khích gì. . . . . .

. . . . . .

Tôi thủy - chung vẫn coi ông như bậc đàn anh. Bấy giờ ông vào làm chủ-bút báo *Hữu - thanh* mới lập. Báo *Hữu - thanh* là một cái tạp-chí ; báo *Nam-Phong* của tôi cũng là một cái tạp-chí. Báo *Hữu-thanh* ra sau, báo *Nam - Phong* của tôi có từ trước. « Hàng thịt nguýt hàng cá », là cái thói thường của bọn con buôn. Trong làng văn làng báo có khi cũng mắc phải cái thói đó. Xem chừng ra ngay từ đầu báo *Hữu-thanh* đã không có ý thân-thiện với chúng tôi rồi. Tôi đoán thế nào cũng có một cuộc phản-đối. Nhân khi ấy Hội Khai-trí tiến-đức

mới đặt ra lễ kỷ - niệm cụ Tiên - điền là tác - giả truyện *Kiều*. Việc này tự tôi khởi - xướng, mà ông Trần Trọng-Kim cũng là một tay chủ-động. Bữa ông Trần và tôi diễn-thuyết ở sân nhà hội Khai - trí, có tới hai nghìn người đến nghe, coi ra hoan-nghênh cô-võ lắm. Ông chủ-bút *Hữu-thanh* có ý căm-tức liền viết bài phản-đối truyện *Kiều* và nhân thể mạt-sát tôi. Tôi giận lắm, hăng-hái muốn ra quyết-chiến với họ Ngô một phen. Vì tôi ôn-hòa thì ôn-hòa thật, nhưng không đến nỗi nhu-nhược mà bị người công-kích không biết đối - phó lại. Nhưng tôi nghĩ kỹ, rồi quyết hẳn làm thinh không trả lời. Ai cũng biết rằng họ Ngô không phải vì truyện *Kiều* mà bình-phẩm truyện *Kiều*, chỉ vì kiếm cớ để gây cuộc « cãi lộn » với tôi, trước là làm một cách quảng-cáo cho báo *Hữu - thanh*, sau cũng có lẽ để thỏa một cái lòng ác - cảm riêng chăng. Truyện *Kiều* là một nền văn-chương kiệt-tác, xét truyện *Kiều* phải đứng về phương diện văn-chương mà xét, nay họ Ngô lại đứng về phương-diện đạo-đức, — mà là cái đạo - đức rất hẹp-hòi của phái hương - nguyện, — thì ra là chủ-ý lập-luận thiên đi để có chỗ mà công - kích người ta. Như vậy, thì không phải là một vấn - đề học-vấn văn - chương gì nữa, chỉ là một vấn-đề cá-nhân mà thôi. Tôi bèn định cứ làm thinh, không bắt lời, tựu-trung có hai lẽ như sau :

1) Đã là một vấn - đề cá-nhân thì việc chỉ can-thiệp đến hai người đối-thủ với nhau mà thôi. Bất-luận tài học ông nghè Ngô thế nào, ông có một điều hơn đứt hẳn tôi : . . . . . Như vậy thì cuộc tranh-luận không được ngang sức nhau nữa. Vả lại tự ý tôi cũng không muốn tranh-luận với ông, vì rằng dù thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính-trọng cái thân-thế của ông ; nếu đã thành ra cuộc cãi lộn, thì tất phải dùng những lời nặng tiếng nhẹ, ông mục cho tôi là « văn-sĩ lóp-lép » thì tôi nể gì ông mà không tặng cho ông tên nọ tên kia, thách ra một cuộc đấu-khẩu hàng rau hàng cá, còn có sự-thể gì nữa !

2) Lẽ nữa, — mà lẽ này Phan Khôi tiên-sinh đoán trúng lắm, — là ông chủ-bút *Hữu-thanh* đã lập tâm « gây sự » với tôi để làm cách quảng - cáo cho báo ấy, thì tôi là chủ báo *Nam-Phong*, khi nào tôi chịu mắc mưu đó. Tôi làm thinh không trả lời chính là một cách phá cái dã-tâm của họ vậy.

Ấy đầu đuôi câu chuyện như vậy. Rút lại là một câu chuyện cá - nhân, câu chuyện quyền - lợi cả, không có quan-hệ gì đến học-vấn tư - tưởng hết.

Bởi thế nên tôi cứ làm thinh, không hề đả-động đến nửa lời. Làm thinh là không muốn cãi lộn vô-ích, chứ không phải là khinh hay là sợ gì dư - luận.

Ôi dư-luận ! Dư-luận vẫn đáng kính-trọng lắm. Nhưng Phan tiên-sinh còn lạ gì dư-luận ở nước ta từ trước đến giờ hãy còn ấu-trĩ lắm. Nhiều người không biết phân-biệt chuyện nghĩa-lý với chuyện cá-nhân, không biết rằng người thức-giả thảo-luận với nhau là để tỏ-bày chân-lý, chứ không phải là cốt để thắng lẫn nhau, như trong cuộc đấu-võ vậy.

Tôi chắc rằng có người đọc bài « Cảnh-cáo » của Phan tiên-sinh nghĩ bụng rằng : « Ông này tất có bụng ghen-ghét gì Phạm Quỳnh mới kiếm chuyện cãi lộn như vậy. » Lại chắc có người không ưa tôi mà nghĩ rằng : « Đáng kiếp ! đã bị ông nghè Kế trị cho một lần, lại bị ông tú Khôi trị cho một lần nữa ! » Như vậy chẳng là oan cả cho hai bên dư ? Câu chuyện nghĩa-lý mà biến thành câu chuyện cá-nhân đó.

Đối với một cái dư - luận còn bỡ-ngỡ như vậy, tưởng cũng không nên

câu-nệ cho lắm. Không nên coi thường dư-luận, nhưng cũng không nên làm nô-lệ cho dư-luận. Có nhiều điều dư-luận nhao-nhao lên đó, mà người thức-giả nên làm thinh.

Sau cuộc phản-đối của ông nghè Ngô. . . . . Có người nối gót ông Ngô cũng đem lời nọ tiếng kia mà phẩm - bình tôi. Tôi đều nhất-thiết làm thinh cả. Là vì những lời bình-phẩm đó là toàn về cái thái-độ chính-trị của tôi, mà tôi vốn không phải là nhà chính - trị. Chẳng biết từ nay về sau vì thời-thế bắt buộc có phải thực-lực ra làm chính-trị hay không, — đó là một cái nghĩa-vụ, nếu phải làm thì cũng không dám từ, — chứ từ trước đến nay thì sở-chí sở-sự không phải chuyên-chủ về mặt chính-trị ; dầu có tham-dự vào chút đỉnh, cũng chỉ là tham-dự một cách gián-tiếp, đứng về địa-vị khách-quan, để làm một món khảo-cứu mà thôi.

Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học-vấn. Cái chủ-nghĩa tôi phụng - sự bấy lâu nay, — kể có trên dưới mười-lăm năm trời, thật là đốc một lòng, chuyên một dạ, — chính là chủ - nghĩa quốc-gia, nhưng chỉ mới phụng - sự về phương-diện văn-hóa, chưa hề chuyển-di sang phương-diện chính-trị.

Tôi thiết-nghĩ rằng muốn cho nước nhà được tiến - bộ thì phải gây lấy khí - cụ để tuyên - truyền giáo - dục. Cái khí-cụ để tuyên-truyền giáo-dục là ngữ-ngôn văn-tự trong nước. Bởi thế nên trong mười-lăm năm nay, tôi không làm một việc gì khác cả : chỉ cúc-cung tận-tụy về một việc, là cổ-động cho quốc-văn, tài-bồi cho quốc-văn, gây dựng cho quốc-văn thành một nền văn-chương đích - đáng, có thể dùng làm cái lợi - khí để truyền-bá văn-minh trong nước. Các bạn đồng-chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã từng công-nhận cho cái công - phu ấy không phải là vô-ích.

Vì tôi chỉ chuyên-chủ về một việc tài-bồi quốc-văn như vậy, cho nên thiệt không để chí về việc chính - trị. Ai bình-phẩm tôi về việc chính-trị là bình phẩm sai cả. Tôi cho là bất-túc khinh-trọng cho tôi, nên không hề đối-đáp, không hề cải-chính bao giờ.

Nhưng đến việc văn-chương học-vấn thì tôi rất vui lòng thảo-luận. Bởi vậy nên Phan Tiên-sinh khởi ra cái án li-kỳ là cái án « học-phiệt » này, tôi liền cầm bút để cùng tiên - sinh phân-trần các lẽ. Tôi thật không dám khinh dư-luận, nếu dư-luận ấy là ở những người thức-giả như tiên-sinh.

Tiên-sinh thấy cái cảnh tiêu - điều trong học-giới nước nhà, lấy làm buồn, buồn sinh bực, bực bèn muốn qui-cữu cho người nào, liền qui - cữu cho tôi. Thế là tiên-sinh phán - đoán khí vội-vàng : Nếu trong cõi học nước nhà, có kẻ nào là tội - nhân, thì tôi đây không dám tự - cao, cũng có thể cho là một kẻ nhẹ tội hơn cả.

Nhưng học-giới nước nhà không phải ngày nay mới tiêu-điều. Đương lúc khoa-cử còn thịnh, đã có cái cảnh tiêu-điều đó rồi, vì cái học khoa-cử chỉ là cái học để thi đỗ làm quan mà thôi, không phải là học - thuật chân-chính. Nói đến học-thuật chân-chính thì cổ-lai nước ta đã có gì? Không dám bội - bạc tiền-nhân, nhưng thật không có người nào vậy. Tương - truyền lý-học thâm-thúy có cụ Chu An, cụ Trạng Trình. Nhưng các cụ đã phát-minh được những điều gì, trước-thuật được những sách gì thật có giá-trị ? Nào đâu là những phái Vương-học, phái Thiền-học như ở Nhật-bản, cũng học của Tàu mà khám-phá được nhiều điều người Tàu không nghĩ tới ? Nước mình tịnh không có gì cả. Chẳng qua là bởi cái tinh-thần học-vấn của mình nó bạc-nhược quá. Lại bởi cái

tính ỷ-lại, cái tính mô-phỏng của người mình nữa. Xưa kia phỏng chép người Tàu, ngày nay bắt-chước người Tây. Xưa kia động nói là dương-danh ông Khổng, ông Mạnh, ông Chu, ông Trình; ngày nay động nói là giở ra khoa-học với lý-luận, dân-chủ với dân-quyền! Nghe người ta nói mình cũng nói, chứ vị tất đã thấu hiểu đến chỗ tinh-vi.

Ấy cái hiểm-tượng của học-giới ta ở đó, ở cái tính nô-lệ của người mình đó, chứ không phải là lỗi tại người này hay người nọ.

Nay muốn cho cõi học được vui-vẻ sầm-uất, không cần phải dùng đến những cách dương động kích tây, nay công-kích người này, mai phản-đối người nọ, để làm một trò chơi cho khách bàng-quan.

Phải nên cùng nhau hiệp-lực cố gây dựng cho nước nhà một nền «quốc-học» đích-đáng, không Tây mà không Nho, có cái tính-cách đặc-biệt, tiêu-biểu được cho cái tinh thần cố-hữu của nòi-giống. Cái ý-tưởng đó ngày nay Phan tiên-sinh mới đề-xướng, mà về phần tôi chủ-trương đã lâu năm rồi.

Vậy ngày nay chúng ta có nên cổ-động lập một hội «Chấn-hưng quốc-học» họp-tập những người có chí học-vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội-nghị một lần để bàn các kế-hoạch nên thi-hành cho nước nhà mau có một nền quốc-học xứng-đáng không?

Thiết-tưởng thế còn hơn là cãi vã nhau vô-ích.

Phan tiên-sinh nghĩ sao?

PHẠM QUỲNH

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

II

2.— Biện thuật

« Kinh văn bảo rằng phải thực ý mình, là bảo mình chớ tự dối mình vậy. »
所謂誠其意者。毋自欺也。(大學)

« Học chỉ cốt xét ở bề trong mình mà thôi. » 學只要鞭辟近裏著己而已。(程明道)

« Phải bỏ hết cả sự phân-hoa danh-tiếng, chỉ cốt dụng-lực thiết-thực xét về phần mình. »
刊落聲華。務於切己處著實用力。(王陽明)

« Học cốt xét lại bề trong mình, cái đạo người quân-tử ẩm-nhiên mà rồi sau mới tỏ rạng ra dần, cái tâm vị danh với vị lợi tuy thanh trọc khác nhau, nhưng cũng đều là lợi tâm cả. »
學要鞭辟近裏著己。君子之道。闇然而日章。爲名與爲利。雖清濁不同。然其利心則一。(王陽明)

« Ta mới rồi cùng với bè-bạn bàn về sự học, nói chỉ cốt về chữ « thành ». » Ví như giết người thì phải đâm vào cổ họng, người ta mà theo học thì phải dụng-lực đến chỗ tâm-tủy tinh-vi, mà học cho đến nơi, rồi tự-nhiên nó đốc-thực quang-huy, tuy lòng tư-dục cũng có lúc manh ra, nhưng cũng chỉ là một giọt tuyết trên lò hồng rồi cũng tan đi, vì là đại-bản đã lập được rồi. Nếu chỉ theo về đường ngọn mà trang sức so sánh, thì phàm những sự học-vấn suy-nghĩ biện-bác, chỉ là giúp cho thêm bụng ngạo thêm sự xằng, tự-đắc là đã tiến lên được bậc cao-minh quảng-đại, mà không biết rằng đã mắc vào đường hiểm-ác ghen ghét, thực đáng thương vậy. »
僕近時與朋友論學。惟說立誠二字。殺人須就咽喉上著刀。吾人爲學。當從心髓入微處用力。自然篤實光輝。雖私欲之萌。眞是紅爐點雪。天下之大本立矣。若就標末粧綴比擬。凡平日所謂學問思辨者。適足以爲長傲遂非之資。自以爲進於高明光大。而不知陷於狠惡險嫉。亦誠可哀也已。(王陽明)

« Nếu ta thật là không có cái tâm công-lợi, thì dẫu làm những việc tiền thóc giáp binh, khuân củi vần nước, việc gì mà chẳng phải là thực-học, việc gì chẳng phải là thiên-lý, huống là những việc sách vở văn thơ. Nếu ta còn có cái tâm công-lợi, thì dẫu ngày bàn đạo-đức nhân-nghĩa, cũng chỉ là việc công-lợi, huống-chi là những việc sách vở văn-thơ. Cái thuyết muốn bỏ tuyệt mọi việc đi hết cả, còn là nệ về thói cũ, vì lúc bình-nhật dụng công học chửa được đến nơi. »
使在我果無功利之心。雖錢穀兵甲搬柴運水。何往而非實學。何事而非天理。況子史詞文之類乎。使在我尚有功利之心。則雖日談道德仁義。亦只是功利之事。況子史詞文之類乎。一切屏絕之說。猶是泥於舊聞。平日用功。未有得力處。(王陽明)

« Cái lo lớn của kẻ học-giả tại về hiếu-danh. Đời nay gọi là hiếu-danh thường cho là những sự phú-quí khoe-khoang, nhưng đó là sự ngọn mà thôi. Phàm sự gì có ý là vị việc ấy mà làm, tuy cái tích nó là những sự hiếu đễ trung tín lễ nghĩa, nhưng cũng còn là hiếu-danh, còn là tư vậy. Đời xưa kẻ học giả lúc mới lập tâm, chỉ cốt bỏ những cái ý riêng ấy đi. »
學者大患。在於好名。今之稱好名者。類舉富貴誇耀以爲言。抑末矣。凡其意有爲而爲。雖其迹在孝弟忠信禮義。猶其好名也。猶其私也。古之學者。其立心之始。卽務去此。(徐曰仁愛)

(1) Xem Nam-Phong số 151.

« Năm chữ: « Vô-sở-vị nhi vi 無所爲而爲 » Nghĩa là không vì nhột chút gì mà làm thì cứ làm, đó mới thực là chốn nguồn gốc thánh hiền, kẻ học-giả lúc mới nhập-môn khởi-niệm là phải xét từ đó trước. Nay nhiều người mới học được mọt ít đã mắc là có vị ý riêng rồi, chỉ vì còn vướng cái bụng khen chê lợi hại chưa thoát hẳn được, nên mới thành ra như thế ». 無所爲而爲五字。是聖賢根源。學者入門念頭。就要在這上做。今人說話第二三句。便落在有所爲上。只爲毀譽利害心脫不去。開口便是如此。(呂心吾坤)

Xét: *Nay kẻ học giả mới nghe cái thuyết biện-thuật trên này, thì chẳng ai chẳng lấy làm vu-khoát. Nhưng thử hỏi cái người mà có vị điều gì mới nói đến ái-quốc, thì có thực phải là ái-quốc không? Vậy nên bảo rằng lúc mới lập-tâm, phải nên bỏ hẳn cái lòng tư-vị ấy đi. Nếu không bỏ hẳn được lòng tư-vị ấy đi, thì suốt cả thiên-hạ đều là ngụy cả.*

« Thiên-cổ học-thuật, chỉ cốt xét từng ly từng tí ở lúc bắt đầu khởi-niệm. Sống chết không sai, là không sai cái bụng nghĩ ấy; hoặc từng ngày từng tháng giữ vững được điều nhân là giữ được bụng ấy vậy. » 千古學術。只在一念之微上求。生死不遠。不遠此也。日月至。至此也。(王龍谿)

« Tuy trong lúc trăm nghìn người, công-phu chỉ cốt giữ ở chỗ bụng nghĩ kín ấy; tuy lúc lặng ngồi một mình, công-phu cũng chỉ cốt giữ ở chỗ bụng nghĩ kín ấy. » 雖在千百人中。工夫只在一念微處。雖獨居冥坐。工夫亦只在一念微處。(錢緒山德洪)

« Tâm với tích chửa khi nào phân-tách ra bao giờ, nếu cái tích còn khá ngờ, thì cái tâm cũng không thể tin hết được. Nếu mình tự tin mình bình-sinh quyết không có cái lòng ăn trộm ăn cướp, thì dẫu có kẻ biền-tâm cũng không thể lấy điều ấy mà nghi mình được. Nếu mình tự-tín quyết không có cái tâm ham công-danh phú-quí, cũng như là quyết không có cái lòng ăn trộm ăn cướp, thì người ta ai cũng tin mình, không phải nói ai cũng biết cả. » 心迹未嘗判。迹有可疑。畢竟其心尚有不能盡信處。自信此生。決無盜賊之心。雖有褊心之人。亦不以此疑我。若自信功名貴富之心。與決無盜賊之心一般。則人之相信。自將不言而喻矣。(王龍谿)

« Xử sự nguyên thuộc cái tâm, cái tâm có lúc không giữ được, thì việc làm có lúc bất-cẩn; chỉ những lúc người ta có trông thấy thì mới giữ cẩn mà thôi; vì sợ người ta trông nghe mà mới hết sức giữ-gìn, đó tức là vị người, chứ không phải là cái đạo học của người quân-tử trở lại xét ở mình. » 處事原屬此心。心有時而不存。卽事有時而不謹。所謹者在人之可見聞耳。因見聞而後有著力。此之謂爲人。非君子反求諸己之學也。(羅念菴)

« Kẻ học-giả không biết rằng một niềm nghĩ đã sai, thì tức là bọn anh kẻ trộm rồi. Vậy nên trông thấy người nào khi đắc-ý mà phụ cả quốc-gia, thì mình lấy làm than-thở. Nào biết đâu mình mà đau-đau cầu lợi, đó là cái gốc nó đã gây ra từ đấy, đến lúc đắc-chí chẳng qua là lúc nó đã kết quả vậy. » 學者不知一念之差。已爲跖之徒也。故視得志之人。負國家。往往竊歎之。豈知己之汲汲營利。是其植根而得志之時。不過成就結果之耳。(潘雲松)

« Mệnh trời lưu-hành đều phú cho vật một cái không giả-dối 无妄, giả-dối 妄 nó vẫn tương-tự với chân thật 眞, nên cổ-nhân ghét những kẻ tương-tự mà không phải. Tương-tự mà không phải nó rất tế-vi, đạo tâm cũng rất tế-vi, cái giả-dối nó vẫn tựa theo đó, tựa theo chân-thật mà đứng rồi nó lại tựa theo chân thật mà làm, hễ đã có tâm giả-dối thì tức là có hình giả dối, nhân đó

mới bịa ra những giải - thích giả - dối, danh - lý giả - dối, luận - thuyết giả - dối, sự - công giả - dối, rồi tạo thành ra một cái thế-giới giả - dối, giả - dối rồi cũng đến diệt - vong hết, vậy nên có câu rằng : Kẻ giả dối không ngay thẳng mà sống được là may. Tâm người ta từ khi bị phải cái bệnh-căn giả-dối từ nhỏ rồi tỏ rõ thêm tiết-lậu mãi ra, rồi thành ra khi-trá. *Khi* đối với *khiêm* nghĩa là khuy-khiếm, sách *Đại-học* trước nhất răn tự-khi, là mình tự dối tâm mình, tức là khuy-tâm, tâm-thể vốn nó viên-mãn, chợt có vật gì nó vướng vào thì tức là khuy-khiếm ngay. Cái bệnh tự-khi nó không khác gì cái lỗ thủng bờ đê, rồi nó đến lở cả sông. 天命流行。物與无妄。妄者眞之似者也。古人惡似而非。似者非之微者也。道心惟微。妄卽依焉。依眞而立。卽託眞而行。有文心斯有文形。因有文解釋文名理曰言說妄事功。以造成妄世界。妄者亡也。故曰罔之生也幸而免。人心自妄根受病以來。自微而著。益增洩漏。遂受之以欺。欺與慊對。言虧欠也。大學首嚴自欺。自欺猶云虧心。心體本是圓滿。忽有物以攖之。便覺有虧欠處。自欺之病。如寸隙當堤。江河可決。(劉蕺山宗周)

« Người nào mới mắc về bệnh tự-khi, tức là đã bước đến cái cửa ra vòng người vào vòng thú. Nếu lại không gia cái công cẩn-thận xét lúc một mình, thì thành ra con người trá-ngụy, từ đó dẫu trông thấy người quân-tử, cũng không có cái thái-trạng gì biết thẹn-thò cả, chỉ thuần là cậy khôn dụng mẹo, giả-cách ngoài mặt là nhân-tử mà nết làm thì trái khác, tâm - thể đến đó đã nát ra từng mảnh, tiến lên rồi thành ra con người hương - nguyện giả - dối, giống như trung tín, giống như liêm-khiết, dối trời lừa người, vô-sở bất-chí, mà vẫn tự-đắc lấy làm phải, không biết gì nhân-gain có sự liêm-sỉ nữa ; thậm-tệ nữa rồi thành đến như Vương Mãng giả cách khiêm-cung, Phùng Đạo giả cách liêm-cần, giết cha giết vua đều bởi đó mà ra. Phải biết rằng cái chứng « khi » với cái chứng « ngụy » tuy khác nhau không mấy, nhưng mà tội - trạng có thiên thâm, không thể kể nhất-luật được. Cái bệnh kẻ sĩ-phu đời nay phần nhiều mắc về chữ « ngụy 僞 », mong lấy cái người chỉ mắc chữ « khi 欺 » cũng đã là tốt, nhưng cũng hiếm có. » 自欺受病。己是出入人獸關頭。更不加慎獨之功。博入人僞。自此卽見君子。亦不復有厭然情狀。一味挾智任術。色取仁而行逆。心體至此自碎。進之則爲鄉愿。似忠信。似廉潔。欺天罔人。無所不至。猶宴然自以爲是。全不識人間有廉恥事。充其類爲王莽之謙恭。馮道之廉謹。弑父與君。皆由此出。故欺與僞雖相去不遠。而罪狀有淺深。不可一律論。近世士大夫受病。皆坐一僞字。求其止犯欺者。己是好根器。不可多得。(劉蕺山)

Cần xét : *Lời bàn của Chấp-sơn tiên-sinh trên đó phân-biện về nghĩa ba chữ: vọng 妄, khi 欺, ngụy 僞 rất rõ ràng, rất nên thể-nhận. Nghĩa chữ* vọng *ở cũng như Phật-thuyết bảo là vô minh* 無明, *nghĩa là mờ tối không rõ, vốn cùng giống với cái bản-thể chân thật, không mấy người tránh khỏi. Mắc đến bệnh* khi 欺 *thì đã dối đến tâm rồi, nhưng cái tội khi-trá thì cái tâm biết hổ-thẹn vẫn hãy còn. Đến như* ngụy 僞 *thì đã quen tính đi rồi, con người mà đã đến là ngụy thì không thể chữa lại được nữa, khá răn lắm thay !*

« Kẻ học-giả xưa nay hay mắc cái bệnh hướng ngoại trì-cầu 向外馳求, nghĩa là chỉ ruổi theo bề ngoài, thành ra một cái bệnh suốt đời. Lũ ta thử trở lại xét mình thì ai cũng phải chột dạ mà mướt mồ-hôi ra ! Người ta từ khi mới sinh ra, tai mắt thấm-thía, động một tí gì cũng di-duyên với ngoại-vật, bởi thế mới chăm chăm chúi chúi đem hết toàn-phó tinh - thần đều dùng ra bề ngoài cả, cái thói ấy đã lâu. Kẻ học-giả đã có chí về đạo thì phải đem hết cái tinh-thần hướng-ngoại, trở lại mà xét mình, thì sau này mới có cái công - phu sửa mình được. Phải biết

rằng đạo không phải là ngoại-vật, trở lại xét mình là đạo ở đấy. Vậy có câu rằng: Ta muốn cầu lấy lẽ phải thì lẽ phải đến ngay. Nhưng vì mắc cái thói quen đã lâu, chẳng khác gì như con người phóng-đãng quên mất cả nhà, lạc mất cả đường về, muốn ngoảnh đầu trở lại mà vẫn vướng mắc cái duyên nợ cũ, không biết ta là vật gì. Có khi tự nghĩ đến ta mà xét đến thân ta, không biết thân ta là cái khu-xác đấy thôi; lại tự nghĩ đến ta mà xét đến tâm ta, không biết tâm ta là cái khẩu nhĩ đấy thôi; lại nghĩ đến ta mà xét về tính với mệnh ta, không biết đó đều là danh-vật tượng-số cả. Xét về khu-xác là phần ngoài, xét về khẩu-nhĩ cũng là phần ngoài, xét về danh-vật tượng-số lại là phần ngoài ở bề ngoài, thế là đều theo đuổi về bề ngoài cả, đã hướng về bề ngoài thì không đâu là chẳng phải ngoài, lúc khởi cư là ngoài, lúc ẩm-thực là ngoài, lúc động-tĩnh ngữ-mặc cũng là ngoài, lúc mà tồn-dưỡng là vì ngoài, lúc mà tỉnh-sát cũng là vì ngoài, lúc mà đời theo điều thiện đổi điều lỗi cũng là vì bề ngoài cả, như thế có tệ hơn kẻ bất-học không? Vậy nên đọc sách thì chỉ chuộng về đường khoa-cử, làm quan thì chỉ cầu cho béo thân gia, huân-nghiệp thì mong cho đến ngôi Công-Khanh, khí-tiết thì chỉ mong cầu lấy danh-dự, văn-chương thì chỉ đua-nịnh cho thích người nghe, không điều gì là không mắc cái bệnh che-chở bề ngoài. Kẻ học-giả phải nên lấy chân-thật làm tâm minh, ngày hằng chăm-chỉ nơm-nớp chỉ lo cần-đáng lấy việc của mình, thân là thân ta chớ không phải là khu-xác, tâm là tâm ta chớ không phải là khẩu-nhĩ, tính-mệnh là tính-mệnh ta chớ không phải là danh-vật tượng-số, phải nên thân-thiết thể-nhận luôn, từ lúc khởi-cư ăn nghỉ trở đi, không lúc nào là chẳng xét ở mình, đến lúc xét mà được ra thì trời đất vạn-vật không cái gì là chẳng phải của ta có. Tóm lại thì đạo-thể vốn không có nội-ngoại, mà kẻ học-giả sở-hướng lại tự phân ra nội-ngoại; sở-hướng mà ở về trong thì càng tìm xét càng biết đến nơi đến chốn, mà lại càng rõ-ràng; vậy có câu rằng: Cái đạo của người quân-tử ẩm-nhiên mà càng ngày càng rõ. Nếu sở-hướng mà ở ngoài, thì càng tìm xét càng xé vụn ra, lại càng tiêu-vong đi mất; vậy có câu rằng: Cái đạo của kẻ tiểu-nhân, đích-nhiên mà càng ngày càng mất. Kẻ học-giả phải sớm phân-biện mới được.»

今爲學者下一頂門針。卽向外馳求四字。便做成一生病痛。吾儕試以之自反。無不凜然汗浹者。凡人自有生以後。耳濡目染。動與一切外物作緣。以是營營逐逐。將全副精神。都用在外。其來舊矣。學者旣有志於道。且將從來一切向外精神。盡與之反復身來。此後方有下手工夫可說。須知道不是外物。反求卽是。故曰我欲仁斯仁至矣。無奈積習旣久。如浪子亡家。失其歸路。卽一面回頭。一面仍住舊時緣。終不知在我爲何物。自以爲我矣。曰吾求之身矣。不知其爲軀殼也。又自以爲我矣。曰吾求之心矣。而不知其爲口耳也。又自以爲我矣。曰吾求之性與命矣。不知其爲名物象數也。求之於軀殼。外矣。求之於口耳。愈外矣。求之於名物象數。外之外矣。所爲一路向外馳求也。所向是外。無往非外。一起居焉外。一飲食焉外。一動靜語默焉外。時而存養焉外。時而省察焉外。時而遷善改過焉外。此又與於不學之甚者也。是故讀書則以學科舉。仕宦則以肥身家。勳業則以望公卿。氣節則以邀聲譽。文章則以諛聽聞。何莫而非向外之病乎。學者須發眞實爲我心。每日孜孜汲汲。只幹辦在我家當。身是我身。非關軀殼。心是我心。非關口耳。性命是我性命。非關名物象數。於此體認親切。自起居食息以往。無非求在我者。及其求而得之。天地萬物。無非我自矣。總之道體本無內外。而學者自以所向分內外。所向在內。愈尋求。愈躲宿。亦愈發皇。

故曰。君子之道。闇然而日章。所向在外。愈尋求。愈決裂。亦愈消亡。故曰。小人之道。的然而日亡。學者幸早辨之。(劉蕺山)

Cần xét : *Những lời sao-lục trên này đều là bảo kẻ học-giả cho biết đường phân-biện tâm-thuận, các bậc tiên-triết nói về việc này còn nhiều, giảng bàn về đường chân học-thuật, thiên-ngôn vạn-ngữ đều cốt-tử về điều ấy cả, đây là sao lục lấy những lời rất thống-thiết mà thôi. Thế mà học-giả còn có kẻ ngờ bảo rằng cứ chuyên về đường học vị-kỷ, thì há chẳng gần giống như người chỉ độc-thiện lấy thân mình, học mà quá thiên-trọng về vị-kỷ như thế thì có khi vô-ích cho đời. Nhưng không phải thế, Khổng phu-tử bảo là vi-kỷ khác hẳn với nghĩa vị-ngã của Dương Chu, vị-kỷ nghĩa là muốn độ cho người thì trước phải độ cho mình; nếu không có cái tâm độ cho người, thì những điều mà mình tự độ cho mình không khỏi là vị ý riêng, như thế thì cái chốn tâm-niệm kín-đáo kia đã hỏng mất rồi. Vậy nên* Truyền-tập-lục *có nói rằng : Đạo Phật chỉ là việc nhất-thống, để cầu cho thành-tựu cái tâm tư-kỷ (1). Nhưng nếu không hay tự độ cho mình mà chỉ nói độ cho người, ta sợ rằng người chưa kịp độ, mà mình đã hẽm-đắm trước rồi, lại mượn lấy cái câu độ cho người, để tự che chở phấn-sức cái tâm-địa ô-uế đốt-đặc. Vương Dương-minh cho những hạng người ấy chỉ là dối mình dối người, suốt đời mà không biết tỉnh-ngộ, cả nước mà phần nhiều những hạng người ấy, có phải là phúc cho nước không ? Khổng phu-tử có nói rằng : Vẫn ghét những kẻ hay liến miệng. Họ dẫn cái thuyết ấy để bác cái thuyết biện-thuật của tiền-hiền, đều là những kẻ liến-miệng mà mình cả.*

« Đi học chẳng gì trước hơn là phải phân-biện chữ thành chữ ngụy. Nếu không đứng vững về đường thành-thực, thì dẫu học-hành thế nào, cũng chỉ là người đi ở trên đường cầm-thú. »

爲學莫先於辨誠僞。苟不於誠上立脚。千修萬修。只做得箇蹊路上人。(劉蕺山)

« Người đời không ngày nào là chẳng sinh-hoạt ở trong bọn muông chim, nhưng chỉ vì lấy là người thị-tỉnh, lại xem người thị-tỉnh, nên đây đấy cũng không biết đó mà thôi. »

世人無日不在禽獸中生活。但以市井人識市井人。彼此不覺耳。(劉蕺山)

Xét : *Hai lời nói trên này rất là thống-thiết, không phải là lời ghen-ghét thế-tục mà nói đâu.*

« Có người bạn hỏi rằng kẻ sĩ sinh ở dưới đời Tam-đại chỉ sợ là không hiếu-danh, thế thì chữ «*danh*» cũng chửa có thể gạt đi được. Vương Kim-Như nói rằng : Đó chẳng qua là lời tiên-nho nói khích, nếu nói đến chữ « *danh* » thì đi-họa không phải là nhỏ. Người bọn lại bảo rằng tức như ngày nay họp hội, những người lại nghe giảng cũng là vì có cái tâm hiếu-danh, cứ như cái tâm-niệm ấy thì cũng đáng khen. Tiên-sinh bảo rằng : Cứ như lời nói ấy lại càng có bệnh, nếu cái hội học này vì danh mà khởi lên, thì ra đưa thiên-hạ đều làm kẻ loạn-thần tặc tử, tự lũ mình xướng lên cả, các bạn nên dừng chân lại chớ vào cửa ấy làm gì. Người bạn lại bảo rằng đại-đế thánh-hiền học-vấn đều tự vị mình mà khởi-kiến ; kẻ hào-kiệt mà lập nên sự-nghiệp thì cũng là vì huân-danh mà khởi-kiến, không có hiếu-danh thì sợ rằng sự-nghiệp cũng không thành. Tiên-sinh bảo rằng : Không nên coi

(1) Dương-minh nói câu này là chưa hiểu hết cái chân-tướng đạo Phật, nay dẫn ra đây cốt để cho rõ rằng đấng tiên-triết mà nói cái học-thuyết vị-kỷ là kiêm cả thành-vật.

lầm người hào-kiệt, cổ-nhân nhất-ngôn nhất-động, có thể tin ở dương-thời mà truyền về đời sau được, đều là có một đoạn tinh-thần chân-chí ở trong, cái đoạn-tinh thần ấy tức là bụng thành, vì có thành mới hay dựng được công-nghiệp mà truyền đến bất-hủ; nếu hơi có chút tâm hiếu-danh, thì đều là hư-giả tức là bất-thành, đã bất-thành thì không có sự vật gì, công-nghiệp còn từ đâu mà sinh ra.» 有友問三代下惟恐不好名。名字恐未可抹壞。王金如云。這是先儒有激之言。若論一名字。貽禍不是小小。友謂卽如今日之會。來聽者亦爲有好名之心耳。卽此一念。便亦足取。先生曰。此語尤有病。這會若爲名而起。是率天下而爲亂臣賊子者。皆吾輩倡之也。若友褰足而不可入此門矣。友又謂大抵聖賢學問。從自己起見。豪傑建立事業。則從勳名起見。無名心恐事業亦不成。先生曰。不要錯看了豪傑。古人一言一動。凡可信之當時。傳之後世者。莫不有一段眞至精神在內。此一段精神。所謂誠也。惟誠故能建立。故足不朽。稍涉名心。便是虛假。便是不誠。不誠則無物。何從生出事業來。(劉蕺山)

Xét: *Lời nói trên này thực là tách-lạch đến tinh-vi, chúng ta phải nên để ý mà xem đến lắm mới phải. Cái tâm danh-dự vốn là cái cửa pháp-môn dưa dẫn người ta làm cho phấn-phát tự-lập. Nhưng cái danh-dự với cái ý hiếu-danh hai đàng khác nhau xa, xem như là phái vũ-sĩ đời Chiến-quốc, nếu gặp kẻ nào làm tổn mất cái danh hùng-dũng, thì cũng liều mà chết theo, thà rằng hi-sinh cái sinh-mệnh, chớ không chịu hi-sinh mất danh-dự, đó tức là cái tâm danh-dự. Cái phong ấy ngày nay bên nước Nhật thịnh lắm, mà người Tây cũng có, chính hợp với lời Khổng-tử bảo rằng kẻ biết thẹn-tức thì mới có cái đức hăng-hái; còn như kẻ hiếu-danh thì khác hẳn thế, cái mục-đích cuối cùng của họ chỉ ở về lợi-ích, mà danh-dự chẳng qua là cái mục-đích gián-tiếp mà thôi, nếu đến khi mà danh-dự và lợi-ích không giữ được cả đôi thì ý họ muốn hi-sinh bỏ đi ấy ở về điều nọ hay là ở về điều kia? Tất là họ bỏ cả danh-dự mà vơ lấy lợi-ích, còn kể gì sinh-mệnh nữa, như thế sao gọi là tâm danh-dự được. Chấp-sơn bảo rằng xưa nay những bậc hào-kiệt mà hay thành được một sự nghiệp, đều là có một đoạn tinh-thần chân-chí ở trong, thực là lời danh-ngôn thiên cổ, tức như người tây-phương gọi là « yên-sĩ-phi-lý-thuần », chỉ chuyên chú ý về một việc, mắt chẳng phải là không trông thấy, tai chẳng phải là không nghe tiếng, tâm chẳng phải là không lo-lắng, cho đến cái việc người đời rất là hàm-tiện, cũng chẳng hay đổi cái chí mình; cái việc người đời rất lấy làm nguy khốn, cũng chẳng hay cướp cái chí mình, như thế mới là chân-thành mới hay cảm-động được. Nếu không thế mà hay làm nên được sự-nghiệp thì chưa nghe thấy bao giờ. Chấp-sơn lại nói rằng: Cái hội này nếu vì danh mà mới phát-khởi, thì ra đưa thiên-hạ đều làm kẻ loạn-tặc, đều tự lũ ta xướng lên cả. Ngày nay mà xướng lập nên hội cũng nhiều lắm, kẻ xướng lên với kẻ đưa theo, chẳng biết có xét về điều ấy không? Nói tóm lại chỉ cốt xét hỏi rằng mình thực là không có sở vì gì mà làm, hay là có sở - vì mới làm mà thôi.*

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

SỰ LỄ-NHƯỢNG ĐỜI NAY (1)

Phàm người ta hội-họp nhau lại để lập thành một cái đoàn-thể nào(như hội thể-thao, hội tiêu-khiển, hội doanh-nghiệp, hội «sa-lông», hội «câu-lạc» hay hội nghiệp-đoàn, v. v.), tất phải đặt ra phép-tắc, thường gọi là điều-lệ, để cho ai nấy đều theo, khiến cho sự hành-động cùng mối lợi-quyền riêng của mỗi người, phải tùy-thuộc ở sự hành-động cùng sự phát-đạt chung của đoàn-thể. Thế nghĩa là cá-nhân phải nhường bỏ một phần quyền mình cho xã-hội. Xã-hội nhỏ như thế, xã-hội lớn là các quốc-gia cũng vậy, cũng phải có phép-tắc về chính-trị, về luân-lý để chi-phối cho cả toàn-thể xã-hội. Luật-pháp thì chi-phối những sự giao-tế thường của người dân với nhau, như không được giết lẫn nhau, không được trộm cướp nhau, nếu không thế thì xã-hội cũng không sinh-tồn được. Luân-lý là gồm những phép-luật không biên chép thành điều, để chi-phối cho những thói ăn cách ở của người ta, những luật-phép không thành văn đó là để bổ-trợ cho những luật phép đã biên-định và cũng có nhiều điều rồi dần dần sáp-nhập vào bộ luật biên-tập của xã-hội; đó là chứng-cớ rằng xã-hội có tiến-hóa vậy.

Nay những luật-phép về chính-trị, về luân-lý đó đã bao gồm được khắp cả những sự giao-tế của người ta, vừa đàn ông, vừa đàn bà, ở trong một xã-hội văn-minh chưa? Như trong một sa-lông kia, bà chủ nhà giới thiệu ông với một người khách lạ, thì ông đối với người khách ấy, về đường pháp-luật, về đường luân-lý, thật là không có cái trách nhiệm gì cả. Hai người chuyện-trò với nhau mà thành ra có cái vẻ vui-thú, thì sự đó không thuộc về pháp-luật mà cũng không thuộc về đạo-đức. Ông thấy người ấy đối-đãi với ông một cách quí trọng thì ông lấy làm vui lòng, và về phần ông, ông cũng gắng sức để tỏ cho người ta biết rằng ông trọng cái tài-trí hay là cái nhan-sắc của người ta. Như vậy thì trong loài người, ngoài hai cách giao-tế về pháp-luật và luân-lý ra, lại còn một cách giao-tế nữa, là cách giao-tế để cầu vui trong xã-hội. Hai cách giao-tế về pháp-luật và luân-lý là có cái tính-cách duy-lợi rõ-ràng. Sự sinh-hoạt trong xã-hội lấy đấy làm gốc, thì đấy là cái phần yếu-cần của xã-hội. Còn những sự giao-tế để cầu vui là cái phần thêm ra ở ngoài, *là một* món xa-xỉ-phẩm vậy. Cuộc giao-tế thiết yếu đến đâu là hết, thì cuộc giao-tế tiêu-khiển bắt đầu từ đó. Vì như cái gác chuông nhà thờ kia, vừa cao vừa nhọn, là nơi tuyệt-đỉnh của tòa nhà thờ, vậy thì cuộc xã-giao tiêu-khiển cũng là nơi tuyệt-đỉnh của sự giao-tế người ta trong xã-hội với nhau.

Nay cách giao-tế cao-thượng ấy, thật là không có phép-tắc gì nhất-định, không có phép-tắc gì là bắt-buộc người ta phải theo, không theo không được. Trong cuộc xã-giao đó, có lắm cách mầu-nhiệm tinh-tế, không thể định thành điều luật mà bắt-buộc phải theo được. Chỉ do sự tập-quán mà thành ra quen-thuộc, do cách giáo-dục mà thành ra nền-nếp mà thôi, mà sự tập-quán cùng sự giáo-dục đó là

(1) Nguyên Pháp-văn của văn-sĩ GASTON RAGNOT.

bắt đầu từ thuở nhỏ mà đi, cho nên người nào không thông - thạo những cách đó, ta thường gọi là người không có giáo dục hay người không có tập-quán vậy. Muốn cho tường những cách đó thì phải là người « thiệp », nghĩa là phải có tập-quán về đường xã-giao. Như sự giao-tế ở nơi triều-miếu, không có giống như ở chốn thị-thành : cho nên tiếng Pháp có chữ *courtoisie*, là cách lễ - nhượng ở nơi triều-miếu. Lại sự giao-tế ở nơi thành-thị không có giống như ở chốn thôn-dã : cho nên tiếng Pháp có chữ *urbanité*, là cách lễ - nhượng ở nơi thành-thị. Ở nơi triều - miếu thì chào cúi rạp đầu xuống ; ở chốn thành-thị, thì chào cất cao mũ lên ; ở chỗ thôn-dã, không cất mũ mà cũng không cúi đầu.

Xem như thế thì người ta càng xum-họp nhau, càng thân gần nhau, thì cách lễ nhượng lại càng phải cần có và càng phải phát-đạt. Đoàn thể càng nhỏ hẹp, thì cách lễ - nhượng đó lại càng nghiêm - nhặt. Như các hội sa-lông ngày nay tức là những nơi người ta họp-tập nhau lại, người tài-sắc, kẻ anh-hào, cùng nhau dan-díu vì công-danh, vì ái-tình hay vì tính hào-hoa phong nhã, tự đặt ra những lề-lối lịch-sự mà ước -định với nhau cùng theo, không bắt-buộc mà tự-nhiên có cái tính cách cưỡng-bách. Các hội sa-lông như thế, các hội nghị-sự cũng vậy, như hội văn-học, hội quốc-chính, hội ủy-viên, thời-thường-họp tập lại một nơi những người ý kiến phản - trái nhau, có khi là cừu-thù với nhau, cùng nhau trao đổi những lời kia tiếng nọ, ở trong cũng phải đặt ra những lề-lối phép-tắc, không bắt-buộc mà cũng có cái tính-cách cưỡng-bách.

Như vậy thì cái phạm-vi của sự lễ-nhượng đã có giới-hạn phân-minh đó : là phàm cuộc giao-tế lấy sự vui thú làm cốt, thì cách đối-đãi với người phải tỏ ra lòng qui-trọng người như mình muốn cho người qui-trọng mình. Mình chuộng người là muốn để cho người chuộng mình đó mà thôi. Cách lễ - nhượng là cách đắp-đổi, kẻ nọ người kia cùng nhau trao đổi những phép lịch-sự cho đẹp lòng nhau vậy. Những điều-luật của xã-hội, những phép-tắc về luân-lý là có cái tính-cách đại-đồng bao-quát, chứ đến cách lễ-nhượng trong cuộc xã-giao, thì là tùy ở người. Sự lễ-nhượng là một cái sản-vật cao-qui trong xã-hội, cũng như tình hữu-ái, chỉ có quan-hệ đến cá-nhân mà thôi. Có khi cách lễ-nhượng lại là trái lại với cái thứ tự thiên-nhiên. Người có lễ-nhượng thì vì nền-nếp, vì thói quen, đối với ai cũng tỏ lòng qui trọng, có khi tự trong bụng mình không thế, mà ngoài mặt làm ra thế, rồi tự-nhiên trong bụng cũng đổi đi mà thành ra qui-trọng thật, vì cái lệ *thường như thế*, người ta nhất-ngôn nhất-ngữ, nhất-cử nhất-động, đều có thể biến-đổi được tâm-tính mình cả. Cho nên cách lễ-nhượng không phải thuần là giả - trá cả. Trong cách lễ-nhượng là có lòng tôn-kính ở đó, và những hình-thức lễ-phép không phải là hão-huyền vô-lý : Đối với kẻ triều-thần thì các lễ-nghi thiên-tử tức là cái oai-quyền của thiên-tử đó. Cúi đầu xuống trước người nào, là tôn-trọng người ấy đó.

∴

Sự lễ-nhượng đó ngày nay thế nào?

Mới xét ra thì tưởng rằng một xã-hội tổ-chức theo chủ-nghĩa dân-chủ, lấy sự bình-đẳng làm gốc, tất cách giao-tế của người ta phải dễ-dàng và vui-thú hơn. Thực ra thì ở một xã-hội dân-chủ, sự giao-tế có dễ-dàng hơn thật ; nhưng có được vui-thú hơn không ?

Cứ như trên kia đã nói, cái phong-thú trong cuộc giao-tế là ở tại người ta. Nay xét ra cách sinh-hoạt đời nay,

trọng công-chúng hơn cá-nhân, trọng sự thương-công kế-lợi hơn sự nhân-hạ giao-du, trọng sự lợi-lộc về vật-chất hơn sự lợi-ích về tinh-thần. Ta quen thuộc nhiều người quá, không kịp nghĩ cách đối-phó với mỗi người phải thế nào cho hợp lễ-phép; sự giao-tế càng nhiều thêm lên, thì lại càng lạt-lẽo đi. Người ta giao-tiếp với nhau chỉ để bàn công-việc, tập thể-thao, hay là vì chút ái-tình nam-nữ mà thôi. Một cái thư đánh máy không cần phải có phép-tắc bằng cái thư viết tay; lại gửi cho nhau cái giây-thép hay cái điện-tín, thì không cần phải lơi-lẽ rườm-rà gì nữa. Tôi còn nhớ hồi chiến-tranh, có mấy anh em cùng làm việc ở một buồng giấy quan binh; một người lúc bình-thời làm quan ngoại-giao, có tính lễ-độ lắm: mỗi lần ông ta nói chuyện bằng điện-thoại với ai cũng hình như muốn cúi chào người nói chuyện với mình, làm cho anh em trong buồng giấy đều cười ồ cả lên.... Ngày nay trong cách giao-tế của người ta, không ai trọng cái tài-năng riêng của từng người nữa, mà chỉ biết xét theo cái hình-thức bề ngoài thôi. Như ký một cái khế-ước với nhau, dù là tờ hôn ước nữa mặc lòng, thì đã có câu lề lối sẵn-sàng, còn cần gì phải tỏ ra lễ-phép với nhau nữa. Mua bán vật gì, lập ra hội gì, hay đính-định lấy nhau, các điều-kiện đã biên chép rõ-ràng, chỉ có một là bằng lòng, hai là không bằng lòng mà thôi, cần gì phải tỏ lễ-nhượng nữa. Đời này là cái đời vội-vàng, kẻ vội kiếm tiền, người vội ăn chơi, nên xét quanh mình, trừ bạn cầu lợi hay bạn mua vui ra, ngoại-giả coi là người dưng nước lã hết, cũng có khi coi là kẻ ngăn-trở, người cừu-thù nữa. Thành ra nhất-thiết là duy-lợi cả, cái gì vô-ích, cái gì phiền, là không chơi.

Xét ra kẻ thanh-niên ngày nay khuynh-hướng về đường vụ-thực đó, có lẽ cũng bởi ham tập thể-thao mà ra. Thử xét cái cách con trai con gái đối-đãi với nhau trong một cuộc khiêu-vũ thì đủ biết. Nhận kỹ thì thấy có khác xưa nhiều, vì chính trong cách nam-nữ đối với nhau là cái vẻ phong-nhã lịch-sự không còn gì nữa. Biết bao nhiêu kẻ thanh-niên có bạn gái đưa vào dự cuộc khiêu-vũ ở một nhà nào, cứ tự-nhiên mà đến, không ra mắt chào bà chủ nhà nữa! Lại một người thanh-niên, có người giới-thiệu cho người con gái, nếu không vừa ý, thì mấy khi là chịu giữ lễ-phép vẫn cứ làm ra mặt ân-cần để khỏi lộ cái ý của mình ra, thường thường là quay lưng lại, ngoảnh mặt đi ngay! Trái lại, thì đã thân nhau, lại làm ra cách sỗ sàng quá. Cách sỗ-sàng đó, cũng bởi sự tập thể-thao mà ra: họ cho là coi bạn gái cũng như bạn trai, tiếng tây gọi là *camaraderie*. Thuở nhỏ chơi đùa với nhau đã thế, lớn lên dan-díu với nhau cũng vậy. Cách đàn ông đàn bà đối-đãi với nhau như vậy là phổ-thông khắp trong xã-hội, đâu đâu cũng thế, lúc nào cũng thế. Các lối-lăng mới, các cách-thức mới là căn-nguyên tự đó cả. Không những phong-tục thay đổi về đường đó, mà tính-tình cũng khuynh-hướng ra mặt đó. Cuộc ái-tình nam-nữ mà có vẻ điềm-nhiên sỗ-sàng cũng là bởi tại đó. Hình như đời nay cái nhân-cách đã không có giá trị, thì người đàn-bà cũng không được biệt-đãi như xưa vậy.

∴

Tình-trạng như thế, khiến cho nhiều người không khỏi bi-quan. Vì ta biết rằng người có lễ-nhượng thì cách lễ-nhượng đó là có lợi-ích ngay cho bản-thân nữa, cái cách mình đối-đãi với người thế nào là có ảnh-hưởng ngay đến mình như thế. Như con đối với

cha mẹ ngày nay có ý tự-do, không phải là không có tổn-hại đến cái lòng hiếu-thảo. Lại có lắm gia-đình, vợ chồng mới lấy nhau, lời ăn tiếng nói không giữ-gìn, rồi sau phương-hại đến cả sự hạnh-phúc trong gia-đình. Cách nói-năng với cách cư-xử không có khác nhau như người đời thường tưởng lầm đâu.

Tuy-nhiên, xã hội đã xoay ra như thế, thì chúng ta cũng không thể làm sao được. Thói lễ-nhượng đã mất đi rồi, không còn làm sao phục-hồi lại được nữa. Mà xét cho kỹ, có người cho rằng sự bộc-trực, sự chất-phác, sự sỗ-sàng nữa vị tất đã là không có giá-trị, mà có thể khiến cho cuộc giao-tế trong xã-hội được thành-thực hơn, cho thế há phải là vô-lý dư? Có lẽ việc này cũng như trăm nghìn việc khác, chỉ tỏ ra thời-đại ta là một thời-đại quá độ mà thôi. Cái cách lễ-nhượng đời xưa chẳng qua là khiến cho người ta trong lòng đáng phải thế nào thì ngoài mặt lộ ra như thế. Kể cho cùng thì cũng là một cách trang-tác giả-dối vậy. Ngày nay thì thiên-hạ không muốn giả-dối như thế nữa, muốn cái gì cũng thực cả. Vậy thì ta có thể mong được rằng cái dối ngày xưa sẽ thành ra sự thực bây giờ, vì người ta đã cải-hóa tâm-tính thì trong lòng đáng thế nào, ngoài mặt rõ hẳn ra như thế không? Sự lễ-nhượng khi đó không phải là một cái kỷ-luật của xã-hội nữa mà sẽ là một cái đức-tính của cá-nhân. Người ta ai ai cũng sẽ biết kính-trọng nhau cả, không cần phải làm ra mặt lễ-nhượng nữa. Con trẻ cũng không cần phải dạy cho biết lễ-phép nữa, chỉ dạy cho biết sự thành-thực là đủ, và người ta hễ tính-tình cao-thượng thì sẽ tự-nhiên là có lễ-độ. Nhà luân-lý-học La Bruyère có câu nói rằng: « Chốn miếu-đường ví như một cái lâu-đài xây bằng cẩm-thạch cả, nghĩa là những người châu-tuần ở đó là những người rất cứng-rắn, nhưng mà rất lễ-phép.... » Trong xã-hội đời nay, đã bỏ mất sự lễ-phép đi rồi, thì cũng nên bỏ nốt cả cái thói « cứng-rắn » đó, tức là cái thói khắc-bạc đi nữa, mà lấy cảm-tình lấy hữu-ái thay vào, chẳng là hay lắm dư?

HỒNG-NHÂN *dịch*

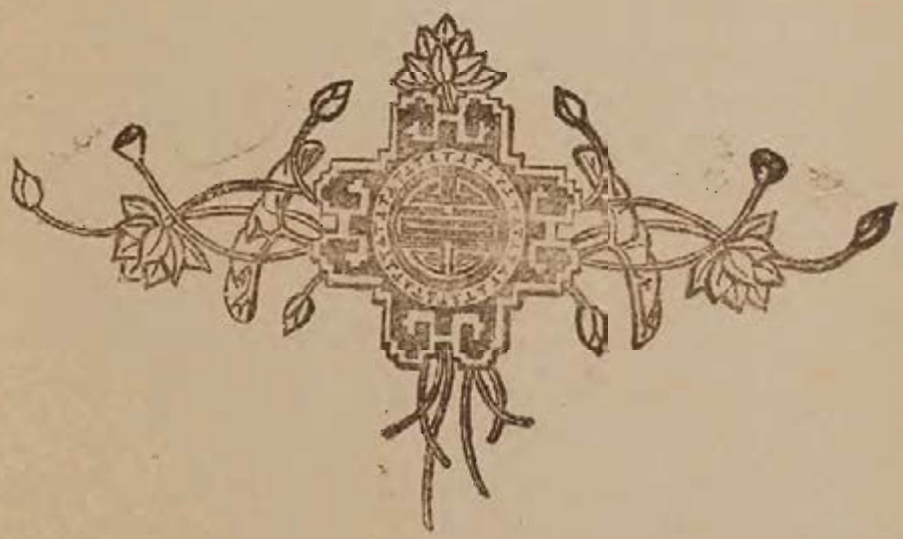

NGUYỄN TỰU TIÊN-SINH TRUYỆN

阮就先生傳

Xưa nay bình - phẩm những bậc danh-thần nước ta, người thì trọng về nhân - chính, người thì trọng về thanh - liêm, người thì trọng về có tài kinh - tế, những bậc ấy xét tự thế-kỷ thứ 19 trở về trước, nước ta tưởng không thiếu người. Duy từ khoảng thế-kỷ thứ 19 đến nay, đương hội Âu Á đồng-văn, sự giao-thiệp rất là quan - trọng, đương cái chức phương - diện, trong đối với triều - đình ngoài đối với Đại-Pháp chính-phủ, dưới đối với thân-sĩ quốc-dân, xử-trí thế nào cho được tròn cả mọi mặt, thực cũng rất khó: tất có cái tài tứ - phương bát - diện, giở ngón nào cũng giỏi, xoay mặt nào cũng hay, trên không đắc - tội với triều - đình, sau không trái ý với Chính-phủ, sau nữa không thù-oán với thân-sĩ quốc-dân, như thế mới được là bậc thức - thời quân-tử, ta vẫn thường hâm-mộ bậc ấy mà chưa được mấy người.

Như cụ Phạm Văn-Thụ, mới đây tạ-thế, cụ có chính-tích, mắt ta được thấy, tai ta được nghe, mà trong triều ngoài quận cho đến dân-thôn phụ - lão, ai ai cũng biết tiếng cụ, ai ai cũng thán-tích cụ, nên ta không cần phải nhắc đến nữa. Duy trước cụ có ông Nguyễn Tựu đương triều Đồng-khánh triều Thành-thái, trải chức án-sát, bố-chính, tuần-phủ, cách đây độ năm - mươi năm cái ảnh-hưởng chưa xa mấy, khoa-hoạn của ông tuy không được hiển-hách như cụ Phạm, nhưng đương cái hoàn - cảnh bấy giờ, so-sánh với cái hoàn-cảnh vừa đây còn nhiều sự khó - khăn, nhiều điều ngăn-trở, thế mà ông xử-trí cũng được ổn-đáng, sĩ-phu không ai chỉ-nghị điều gì, thực cũng đáng kính đáng trọng.

Năm trước tôi có qua chơi hạt Hà-tĩnh, ngồi bên quán nghỉ chân uống nước, gặp ông lão, tu-mi quắc-thước, nghiễm-nhiên một vị túc-nho. Tiện khi ngồi rồi bình-phẩm đến nhân - vật ở tỉnh đó, ông lão ấy có thuật lại truyện ông Nguyễn Tựu, tự khi tại quan, có lòng nhân-chính, có bụng thanh-liêm, có tài kinh-tế và đối với văn-thân ở tỉnh-hạt có ý chu-toàn, xử với dân-sự lại càng thể-tất lắm, nên tỉnh-hạt đến nay vẫn còn ca-tụng phúc-tinh. Nghe những lời ông lão thuật lại, khiến tôi gây một mối cảm-tình lai-láng, ghi nhớ bên lòng không quên, nhưng không dám bằng cái miệng người kia mà định-luận được, nên phải cố ý tìm-tòi đến nơi đến chốn cho có xác-bằng.

Mới rồi tôi có qua xem chùa Thần-quang ở làng Dũng-nghĩa thuộc tỉnh Thái-bình, chùa ấy là cổ-tích ở xứ Bắc-kỳ ta, mà làng ấy chính là quê cha đất

tồ của ông. Tiện dịp vào xem chỗ ông ở, và để quan-sát một thể. Nhà ông có một tòa nhà bảy gian bằng gỗ lim lợp ngói, làm theo lối cổ rất là vững-vàng, gian chính-tầm đặt ban thờ ông, đồ tự-khí cũng được chỉnh-đốn, còn hai bên thời để con thừa-tự ở. Lúc ấy con thừa-tự là cậu hàn Hiền ra khoản-đãi, ý muốn lưu lại để tiếp chuyện, nói cái nhà đó chính là trước cụ Lục giảng đạo ở xứ Phát-diệm làm cho ông tự khi tri-huyện Kim-sơn, đến nay đã hơn 50 năm mà chưa hỏng một cái rui vỡ một hòn ngói nào cả. Hồi tháng sáu năm ngoái bị bão, chung quanh các nhà gỗ đều bị đổ nát, duy có cái nhà đó là giữ được an toàn, nên những xóm làng đàn bà trẻ con đến trú-ngụ, may được yên-ổn cả. Khi ấy sực nhớ đến lời ông lão kia nói, đem hỏi người thừa-tự, nói đương lúc ấy cũng còn ít tuổi và lâu ngày cũng không nhớ hết, liền đem một cuốn hành-trạng của ông cho xem, chép tự khi ông còn nhỏ cho đến lúc đỗ ra làm quan, và lược kể cái chính-tích của ông, không được kỹ-càng cho lắm, nhưng so-sánh với những lời ông lão kia, thời cũng đúng không sai; tiếc vì quốc-sử không chép đến, dư-luận không ai nhớ đến, thành ra lâu ngày mai-một quên đi mất, may mà tai ta lại được nghe, mắt ta lại được thấy, mà ta không tuyên-bố cho công-chúng biết, thế thời ta đối với tiền-nhân chẳng là vô-tình lắm dư! Vậy xin chép một đoạn lịch-sử sau này để cống-hiến các bậc hoạn-sĩ và cũng bổ-ích cho các nhà sử-học sau này.

Ông sinh năm đinh-dậu triều vua Minh-mệnh thứ 18, đương tây-lịch 1838, người làng Dũng-nghĩa, tên tự là Thành-chi. Cha là Nguyễn Doãn-Trung, mẹ là Nguyễn Thị-Thìn, giữ nền phúc-hậu, vốn dòng nho-gia, kiêm nghề làm thuốc chữa bệnh, ai nghèo đói thời cấp cho thuốc-thang không lấy tiền, nên sinh được ba con đều được hiển-đạt, đó cũng là hoàng-thiên bất-phụ người hảo-tâm vậy. Anh cả ông là Nguyễn Doãn-Vọng, đỗ cử-nhân, quan đến đốc-học, anh thứ là Nguyễn Doãn-Cử đỗ cử-nhân, quan đến thị-lang. Cha mẹ mất sớm, ông nhờ có anh quản-cố nuôi ăn đi học, khoa canh-ngọ triều vua Tự-đức năm thứ 23 đỗ cử-nhân, cách năm năm ông ra huấn-đạo huyện Gia-viễn, năm Tự-đức thứ 30, ngày tháng tư ông ra tri-huyện Kim-sơn; chỗ ấy nhiều dân đi giáo, thường cùng với lương-dân gây việc kiện-cáo, tự khi ông đề-lý, phàm có tụng-sự, ông đem nghĩa-lý hiểu bảo, khiến cho lương giáo hai bên hòa-giải về nhà yên nghiệp làm ăn. Ông Trần Lục 陳陸 là cụ đạo ở xứ Phát-diệm nghe tiếng lấy làm cảm-phục, biết nhà ông thanh-đạm, tuy có quan-lộc nhưng trong túi không có thừa tiền bao giờ, nhà ở mái tranh vách nứa đủ che được mưa nắng mà thôi, nên có làm một nếp nhà gỗ lim đem về tận làng để cho ông làm nơi biệt-thự; đó là đem một tấm lòng tốt đối với ông vậy.

Ông Trần Lục (tục gọi cụ Sáu) trước cùng với ông Nguyễn Tràng-Tộ ở tỉnh Nghệ-an đi du-lịch nước Pháp. Ông

Tộ thời quan-sát về chính-trị, khi về nước có dâng thư lên vua Tự-đức nói xin sửa đổi chính-trị theo như cách văn-minh ở bên Thái-tây, ông Trần Lục thời quan-sát về học-thuật, khi về nước chuyên việc giảng đạo; sau Triều-đình có trao cho chức Nguyên-phủ-sứ và sắc cho là cờ « *tiền thanh-tra hậu giảng đạo* 前清查後講道 ». Tâm-sự ông Trần Lục ta chưa hiểu như thế nào, nhưng cũng là người có kiến-thức vậy.

Tháng tám năm Tự-đức thứ 33, thăng chức tri-phủ phủ Anh-sơn, khi đăng-trình thân-hào ở hạt Kim-sơn vịn sau xe biểu tình ái-mộ. Năm Kiến-phúc ngày tháng bảy năm đầu phụng mạng đi thanh-tra tỉnh Quảng-nghĩa, xem xét các việc rất là công-bằng, chiếu thăng chức Giám-sát ngự-sử đạo Hà-Ninh kiêm đạo Sơn-Hưng-Tuyên. Không bao lâu vua Kiến-phúc băng-hà, vua Hàm-nghi lên ngôi, năm ất-dậu, dương tây-lịch 1885 ông Tôn-thất Thuyết giúp chính, chuyên giữ binh-quyền, mưu chống với nước Đại-Pháp; ngày tháng năm, binh nước Pháp tới Kinh-thành, vua Hàm-nghi chạy ra Hà-tĩnh lấy huyện Hương-khê làm chỗ hành-tại, binh Pháp tiến đánh Nghệ-an và Hà-tĩnh, vua Hàm-nghi chạy ra Cam-lộ, bấy giờ Kinh-thành đã thất-thủ, dân-tình huyên-náo, chính-lệnh phân-vân, việc giám-sát tưởng cũng không dễ, Đình-nghị ông là người thâm-trầm cẩn-trọng, cử ông sung chức Giám-sát-ngự-sử đạo kinh-kỳ; tháng 11 năm ấy thăng chức Lại-khoa chưởng-ấn, kiêm coi việc bộ Hộ bộ Lễ. Đương lúc ấy Nghệ-Tĩnh văn-thân nổi loạn, mượn tiếng cần-vương để chống với nước Pháp, ông Phan Đình-Phùng người Hà-tĩnh, cùng với gia-tướng là Cao Thắng, Nguyễn Đăng, đắp đồn ở trong núi, chiêu-tập nghĩa-binh, để định kế khôi-phục. Ông Lê Linh và ông Hà Văn-Mĩ cùng với ông Phùng là người cùng tỉnh; Nghệ-an thì có Nguyễn Sĩ, Nguyễn Hữu-Chỉnh, Nguyễn Xuân-Ôn, Đinh Văn-Chất, đều là tay chiến-tướng ở trong đảng Nghĩa-sĩ. Ngoài ra cũng nhiều phái đảng mượn tiếng khởi-nghĩa để rối cuộc trị-an.

Vua Đồng-khánh lên ngôi chiếu-dụ cho các thân-hào ở các tỉnh phải nên thu đồ binh, cởi áo giáp, tuân lệnh triều-đình, không được kháng-cự như trước nữa, nhưng lũ ông Phùng ông Chỉnh vẫn cứ khẳng-khái không chịu giải binh. Bấy giờ có chiếu cho ông thăng chức án-sát tỉnh Hà-tĩnh và phải thân-hành trong hạt phủ-dụ dân-sự không được náo-động, đâu đấy cứ việc yên phận làm ăn. Ông tuân mệnh hết lòng hết sức đem sự lợi-hại, lẽ họa-phúc hiểu-bảo cho dân hạt nghe, nên không xảy ra sự gì thiệt-hại lắm.

Ngày tháng chín năm ấy thăng hàm Hồng-lô tự-khanh lĩnh chức Bố-chính-sứ; tháng sáu năm thứ hai, ông can việc chiết-nạp tiền thuế ở huyện Can-lộc bị phạt ba tháng lương.

Ngày tháng tư năm thứ ba, gặp kỳ tân-hưng thịnh-điển, chiếu ông sung chức Chánh-chủ-khảo trường Thừa-thiên, trường thi ấy tôn-thất và con các quan cùng là ấm-sinh tọa-giám, đều đến ứng-thi; chủ việc hành-văn, giữ sao cho được công-bằng, tưởng cũng rất khó, ông có chính-sự và kiêm cả văn-chương, ông ra chủ-khảo khoa ấy lấy những người trúng-tuyển, đều thiếp sĩ-vọng. Việc trường thi thanh-thỏa, lại ra Hà-tĩnh cung chức.

Vua Đồng-khánh mất, vua Thành-thái lên ngôi, ngày tháng giêng năm đầu gặp tiết đăng-quang, ơn chiếu thưởng cho ông quân-công một cấp; đến tháng năm bà Từ-dụ thái-hoàng thái-hậu là mẹ vua Tự-đức gặp tiết bát-tuần đại-khánh, ơn thưởng cho gia một cấp và ban cho một đồng tiền phi-long, cùng là vóc nhiều tơ lụa các hạng rất là long-trọng. Ngày tháng 11 năm thứ hai chiếu ông theo quan Công-sứ và quan Kinh-lược Hoàng Cao-Khải đi tiễu-phủ trong hạt.

Ông Hoàng Cao-Khải cùng với ông Phùng là người cùng làng, bèn đưa thư cho ông Phùng và đưa lễ-vật đến tặng rất hậu, để dụ ông Phùng ra thú. Lời dụ đại-ý nói rằng:

« Sĩ-phu ở trên đời ai cũng có chí khác, nhưng cốt phải thầm-thời đạt-thế, việc có nên làm thời sẽ làm, nếu chưa nên làm mà làm miễn-cưỡng thời không những việc không thành mà hại lây đến cả dân-tộc. Ông cùng với tôi là chỗ cố-giao, vả người đồng-hương, nên tôi phải đem lòng thành-thực nói để ông biết, việc ông làm chính là nghĩa-cử, nhưng nay Triều-đình cùng với Đại-Pháp giảng-hòa mà lại không tuân-mệnh, thế thời vì ông mà gia-hương thân-thích phần-mộ đến nỗi thiệt-hại; tự hỏi cái lương-tâm có nhẫn được hay không? Việc đó tưởng ông đã hiểu rồi không đợi tôi phải nói, nhưng vì đem một cái tình cố-cựu mà đối với ông, nên bất-đắc-dĩ phải nói, nhưng chưa chắc đã lọt đến tai ông, xin ông thử nghĩ kỹ lại, thôi việc binh-chiến, thời tôi xin đưa ông ra để giải-hòa với nước Pháp mà tôi cũng xin hết sức bảo-toàn gia-sơn của ông đều được vô-dạng. » Ông Phùng tiếp được thư rồi trả lời, đại-ý nói rằng: « Ông hết bổn-phận của ông, tôi hết bổn-phận của tôi, vả tiền-nhân tôi đời chịu ơn nước, không may nước gặp phải biến-cố, nên tôi cũng phải cùng nước cùng lo, dù có tan xương nát thịt, tôi cũng xin cam lòng, cốt nghĩ làm sao trước khỏi phụ cái ân-trách của Triều-đình, sau khỏi phụ cái chí-nguyện của tiền-nhân, chính là cái đại-hi-vọng của tôi vậy ». Bèn nhất-quyết giữ chỗ hiểm-yếu, chứa binh lương sửa đồ khí-giới, để mưu tiến-thủ sau này. Sau ông Nguyễn Thân người Quảng-nghĩa đem tập-binh hai nghìn giúp quân nước Pháp chia đường tiến đánh quân ông Phùng. Chưa kịp giao-chiến ông Phùng không may bị bệnh chết, chôn ở trong núi, sau binh nước Pháp tìm được mộ ông Phùng đào lên khám-nghiệm, thời ngón tay cái có một ngón mọc chạnh một bên, trên mặt quan có

chữ « Hàm-nghi đế sắc tứ lưỡng kỳ kinh-lược đại-sứ bình-nhung đai-súy chi ấn 咸宜帝勅賜兩圻經略大使平戎大帥之印 » Ông Phùng mất không bao lâu giặc văn-thân Nghệ Tĩnh cũng dẹp yên cả.

Ngày tháng giêng năm Thành-thái thứ ba, chiếu cho ông Nguyễn Tựu thăng chức Tuần-phủ ở tỉnh ấy. Đương bấy giờ đảng văn-thân khởi-nghĩa, cũng nhiều người can về tình-nghi, hiện bắt được tiến-sĩ, cử-nhân, tú-tài 18 người, còn những người thường không kể, ông xét những người ấy không bắt được tang-chứng gì, liền tâu Bộ và thương-thuyết với quan Công-sứ, tha cho về, không có tra hỏi chi cả ; cũng có khi bắt được sổ sách can về việc quốc-phạm, ông tự nghĩ việc đó tra xét cũng không có bổ-ích gì, hoặc nhân vì sự hiềm-khích mà vu-chức ra giấy-má để buộc tội cho nhau, hoặc là những kẻ siểm-nịnh muốn cầu lấy công-trạng, mà tạo ra sổ sách như thế chăng, ngạn có câu : « Bới bèo ra bọ », bọ có phải ở bèo đâu, bới mãi thời thành ra có bọ, thế thì bọ không phải tự bèo, tự tay người bới ra vậy, chẳng thà đem đốt cái sổ sách ấy đi, khiến cho yên việc và khỏi đà-lụy đến lương-dân. Việc ấy ông thực là người có chân-kiến, có đạt-quan, cho nên xử chỗ nguy-nghi mà công việc cũng được bình-tĩnh cả, nên thân-hào trong hạt cảm-phục cái đức-chính của ông. Khi ông đi hiểu-dụ đến đâu thời dân-sự lấy làm hoan-nghênh coi như cha mẹ vậy.

Ngày tháng tư năm thứ ba, dân Hà-tĩnh kém đói, nhiều dân khiếm thuế, ông can việc ấy, phải giáng bốn cấp. Ông tiếp được chiếu-chỉ thần-sắc vui-vẻ như thường, nói rằng : « Thiếu thuế là lỗi ở dân, mà tội chính ở ta, không biết điều-tễ cho dân, nếu ta biết cách điều-tễ thời dân được giàu thịnh, can gì đến nỗi phải khiếm thuế, dù phải giáng hay cách, ta không có dám hối-hận chi. » Ngày tháng sáu năm ấy lại can về việc thẩm-án không hợp, bị phạt hai tháng lương, kế đến tháng ba năm sau can về việc tơ-thuộc biện việc chậm trễ, bị phạt bổng một năm. Năm ấy viên huyện Thạch-hà, tính hay uống rượu, nhân việc quan quá chén say, đánh mắng dân, và lại có ý xu-mị để cầu lấy tiếng khen, dân-đảng họ lấy làm căm tức, bèn nổi binh, kéo vào phá huyện. Việc ấy ông bị giáng một cấp. Tháng chín năm ấy tỉnh-hạt lệ phải cung-tiến hai đôi chim giải-phướn, khi đem vào Bộ chết mất một con, châu-phê phạt bổng ba tháng. Năm ấy ông thường thiếu tiêu, người nhà phàn-nàn với ông rằng: «Người ta làm chức bố án phủ huyện lương bổng không bằng ông, thế mà vẫn thấy thừa tiền dư bạc, vợ con lại được ăn mặc sang-trọng, đồ-đạc sám sửa rất là xa-hoa, mà người ta vẫn thấy nay được thăng, mai được thưởng, không phải phạt giáng bao giờ; như ông thời chỉ được có tiếng quan Tuần và cái tiếng thanh-liêm hão, nhưng vẫn phải phạt bổng giáng cấp luôn luôn, hai ba năm nay chả được mấy quan tiền lương, mấy hộc gạo,

thậm-chí phải vậu của nhà để tiêu mà cũng không đủ, nói ra thời thẹn với chị em, không nói ra thời bực với ông lắm.» Ông cười mà rằng: « Đó là lỗi tự tôi, vụng cách làm quan, tôi lại không biết thạo ngón kiếm tiền, tôi lại không quen thói ô-mị như họ, nên bị phải giáng phạt, đó là sự thường; vả nhà ta vốn nhà thanh-bạch, khi còn học trò, nhiều khi phải ăn rau ăn cháo, nay được như thế này ơn trời lộc nước, tưởng thế cũng đã quá hậu, thôi còn phàn-nàn chi nữa. » Người nhà nói: « Đã hay rằng vậy, tôi có dám trách ông không khéo kiếm tiền đâu, không biết cách xu-mị đâu, chỉ nghĩ rằng ti-thuộc họ làm việc chậm cũng phạt đến ông, con chim phướn nó chết là tự mạng nó, hay là tự người đem con chim không biết giữ-gìn cho cẩn-thận can gì đến ông, mà cũng bị phạt bổng, thế thời ngậm nước lã mà làm việc quan hay sao ? » Ông bảo: « Im tôi nói cho mà nghe: mình làm chức thủ-hiến trong một tỉnh, bất kỳ việc lớn nhỏ mình cũng phải xem xét đến, nếu xảy ra một cái tơ cái tóc nào cũng phải chịu lỗi. Vả chính-thể quân-quyền ở nước mình xưa nay vẫn thế, biết chống cãi thế nào cho khỏi được ! »

Năm ấy gặp ân-điển xét ông đi quân-thứ cũng có công-trạng, sắc cho khai-phục nguyên-hàm và ban cho tơ lụa vóc nhiễu và áo gấm một chiếc, bạc ba lạng, đó cũng là một cái ân bổng để dưỡng-liêm vậy.

Năm sau gặp ân-điển, ông được phong-tặng. Sở xin về quán làm lễ phần-hoàng xong lại ra tỉnh Hà-tĩnh lĩnh nguyên-chức. Ngày tháng giêng năm giáp-ngọ triều vua Thành-thái thứ sáu, ông mất tại tỉnh-lỵ, hàng tỉnh đưa linh-cữu ông về quê, thân-hào ai cũng thương tiếc, đưa cữu đi qua đâu thời đảng văn-thân đặt lễ ở trên núi bái-vọng, để biểu chút cảm-tình đối với ông. Thương cho ông, tiếc cho ông, đương lúc quốc-gia hữu-sự mà ông đã vội lòng yếm-thế, mải bước đăng-tiên, tuy vậy ta lấy làm bất-hạnh cho ông mà ta lại lấy làm đại-hạnh cho ông, tai ông không phải nghe đến việc đời, mắt ông không phải trông đến việc đời, bụng ông không phải lo đến việc đời, thế cũng là hoàn-danh hoàn-phúc vậy.

THIỆN-ĐÌNH

TIỂU-SỬ ĐỨC TUY-LÝ-VƯƠNG

(Phụ chép một đoạn lịch-sử nước nhà)

Đức-ông Tuy-Lý tên tục là Miên-Trinh 綿寘. Ngài còn những tên tự là Khôn-chương 坤章 và Quý-trọng 季仲, và những biệt-hiệu Tĩnh-phố 靜圃 và Vĩ-dã 葦野 nữa. Ngài là con thứ mười-một vua Minh-mệnh, và là con đầu lòng bà phi Lê-thị Tiếp-Dư, sinh giờ canh-tí, ngày 19 tháng chạp năm Gia-long thứ 18 (3 Février 1820) (1); sinh trong điện Thanh-hòa 清和殿, Thái-tử-cung 太子宮, trong « Cấm-tử-thành ». Diện-mạo đã thừa thanh-tú, thông-minh lại sớm tinh trời, tính-tình cao-thượng, học-tập siêng-năng, ngài lại là người con chí-hiếu, nên vua Minh-mệnh có lòng yêu-giấu vô-cùng.

Thấy ngài được vua cha sủng-ái, đức ông Thương-Sơn 倉山 (2) có nói một cách ghen-tỵ rất thân-yêu rằng:

Bất thị Miên-trinh kim tật bệnh,
Thử gian hà xứ đắc thiên-hương?

不是綿寘今疾病
此間何處得天香(3)

Nghĩa là: *Vì nếu Miên-Trinh nay chẳng ốm,*
Chốn này bao được hưởng hương trời?

Trong Cung-tử có nói rằng mỗi khi ngài se mình, vua liền vội-vã đến thăm, mà đi bộ từ điện Văn-minh 文明殿 đến cung ngài nằm. Hồi ngài còn thơ-ấu, chịu ơn mẫu-giáo rất nhiều, đức Bà sinh ra ngài là một bậc tài-hoa đức-hạnh song-toàn, thường vẫn dạy ngài những điều đạo-lý trong bộ « Chu-tử chỉ hiếu kinh » 朱子至孝經. Năm lên bảy tuổi, ngài bắt đầu thụ-giáo quan Thái-phó Lê Dương-Hòa, ngài tư-chất thông-minh, học ít nhớ nhiều, lại thêm có tính hiếu-học và rất quý-trọng thầy. Bởi vì ngài cũng có thể như phần nhiều các ông Hoàng khác, vui chơi nơi lầu vàng điện ngọc, cũng là đam-mê việc kỵ-sạ kiếm-cung, mà chán-nản việc học-hành sách-vở. Lê Dương-Hòa vì thế rất yêu mến ngài và vui lòng lắm. Khi học hết khoa-học phổ-thông, liền dạy sang khoa thi-ca từ-phú. Mà chính khoa học sau này, ngài xuất-sắc vô-cùng. Cái thi hướng của ngài phát-siển ra một cách rất chóng. Năm mới 13 tuổi, thiên-hạ đã gọi ngài là ông « Hoàng Thơ ». Sau này về đời vua Tự-đức, vua trọng kẻ sĩ, nên hồi đó văn thơ rất thịnh. Vua Tự-đức đã có câu nói rằng:

Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Hán,
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường

文如超适無前漢。
詩到從綏失盛唐。

Hai mươi năm về sau, ngài đã trở nên một người trong hai tay đại-thi-sĩ trong nước. Quyển văn của ngài nhan đề là « Vĩ-dã hợp tập » 葦野合集 đã được nức tiếng khen ngợi trong làng văn ta tàu thuở ấy. Sau đây là lời phê của quan Trạng Vương Tiên-Khiêm, Giám-đốc trường Quốc-tử-giám Bắc-kinh:

(1) Ngài sinh chính vào ngày vua Gia-long băng-hà, nên ngày sinh-nhật của ngài năm nào cũng đề lui lại về sau một ngày.

(2) Tên hiệu Đức-ông Tùng-Thiện, con trai thứ mười vua Minh-mệnh.

(3) Trích trong Cung-tử 宮祠.

« Thật là một áng văn kiệt-tác, lời văn thật thanh-thoát mà ý-tứ thâm-trầm. Xem trong toàn-tập, có một cái triết-lý rất sâu-xa. Tác-giả quyển « Vĩ-dã hợp-tập » là một nhà thi-sĩ đại-tài. Ta nghe nói : người tuy tuổi cao tác lớn, mà vẫn không lúc nào ngơi việc sửa đức tu thân và vẫn chăm việc giáo-hóa bọn đầu xanh tuổi trẻ. Người dạy chỉ thuần luân-lý, chớ không hề nói đến văn-chương. Đức ông Tuy-Lý thật là một bậc thi-sĩ và là một bậc đại-hiền. »

Bộ « Vĩ-dã hợp-tập », chia làm 11 quyển, đã xuất-bản năm 1875.

Ta nói lại truyện trước.

Năm 1836, đức-ông Miên-Trinh vừa 16 tuổi. Vua Minh-mệnh muốn kén cho ngài một người vợ trong bọn con gái các quan đại-thần, liền truyền cho năm quan Đại thống-chế trong nước được phép tùy ý chọn làm khách đông-sàng ba vị Hoàng-tử : Miên-Thẩm, Miên-Trinh và Miên-Bửu.

Quan Thống-chế Tả-quân Tín-võ hầu là Phạm Văn-Điền 范文典 (1), tỏ lời khen đức-ông Miên-Trinh ở trước mặt rồng rằng : « Đệ thập-nhất Điện-hạ mới thực là bậc thông-minh đức-hạnh. Ngài lại quảng-bác uyên-văn và thi-tài phóng-đật. Kẻ ngu-thần xin dem tiện-nữ dâng ngài để hầu-hạ ngài trong cung-khuyết. »

Ngay trong năm ấy, đức ông Miên-Trinh làm lễ thành-hôn.

Hai năm sau, ngài lĩnh chức Tuy-quốc-công.

Nhưng mãi tới năm 1851, ngài mới bước chân vào chính-giới. Đầu tiên ngài làm Giám-đốc trường Tân-học, là trường học con trai, dạy các con cháu trong Hoàng-thất. Năm 1854, ngài được phong Tuy-lý-công. Mười một năm sau, ngài được bổ làm Hữu-tôn-nhân (tức là một chức bồi-thẩm trong cung).

Vua Tự-đức gọi ngài bằng chú ruột qui-trọng ngài lắm, vì vua cũng là một tay văn-sĩ. Nhân ngày tứ-tuần khánh-tiết của ngài (1859), vua Tự-đức mừng ngài đôi câu đối thêu, chính vua làm ra :

Văn chất kiêm ưu, công kham đương thử ;
Hiếu từ đại lạc, ngã diệc tự chi.

文質兼優。公堪當此。
孝慈大樂。我亦似之。

Nghĩa là : Văn-chương đặc-sắc, ý đẹp lời cao, đó là riêng của khanh; trên hiếu dưới từ, ấy là sự vui sướng chung cả của ta.

Đức-ông Miên-Trinh đưa đôi câu đối cho bà mẹ xem, bà nhủ rằng : « Mẹ không biết con có tài văn-chương như thế. Song, điều mẹ lấy làm quý-hóa, là thấy con có lòng hiếu-hạnh, là mẹ vui-mừng sung-sướng mà thôi. Nay Hoàng-thượng đã tri-ngộ đến lòng hiếu-thuận của con, tức là ân thánh dồi-dào lắm đó. Ngày xưa đức Thánh có nói : « Ở đời gặp được người tri-kỷ, thì không còn gì đáng ân-hận nữa. » Đối với con, người tri-kỷ ấy là Hoàng-thượng, từ khi ngài đã biết đến con, ấy là ân sâu một gánh, con phải cố mà báo-đáp cho phu. Con phải tận-trung báo-quốc, sao cho đáng với tấm lòng ân-sủng của Thánh-hoàng »

Ngày hôm sau ngài vào chầu vua, vua phán rằng : « Đức Thái-hậu thường vẫn nói với trẫm rằng : Lệnh-tôn-cung là bậc hiền phi từ-mẫu. Riêng trẫm vẫn không được biết người, và cũng không được diện-kiến người lần nào, song trẫm cũng chắc rằng lời đức

(1) Là một viên võ-tướng rất thao-lược anh-hùng ở triều Gia-long, Minh-mệnh và Thiệu-trị. Ông ấy đã làm phó-lãnh-binh nha Kinh-lược Bắc-kỳ, và đánh dẹp được nhiều đảng loạn, nhất là đảng Nông Văn-Vân.

Thái-hậu chẳng sai. Khanh, tài cao học rộng, đức-hạnh gồm hai, há chả cũng nhờ ở mẫu-giáo đó ư? Cho hay con người ta ở đời, không đức nào bằng đức hiếu. Trẫm rất đỗi vui lòng mà nói với khanh như thế »

Đoạn vua Tự-đức cho đem vàng lụa biếu bà Lê - thị, cũng là thưởng-phong rất hậu, cho thật xứng-đáng với cái công dã dạy-dỗ con.

Năm 1868, bà mẹ từ - trần, ngài thương cảm đau - đớn không thể tả được. Trong sách *Đại-Nam liệt-truyện* 大南列傳 có chép một đoạn rằng: « Suốt khi bà phi ngọa-bệnh, ngài lo-lắng, không thiết đến thay quần thay áo. Có khi ngài quên cả ăn. Đêm nào ngài cũng túc trực bên giường, không biết mỏi-mệt là gì. Lúc nào ngài cũng ở bên cạnh mẹ, cố làm hết các cách để mẹ được vui lòng. Suốt trong cung, ai cũng gọi ngài là ông « Hoàng Hiếu. »

Ngay trước, khi bà mẹ chưa mắc bệnh, ngài cũng ân-cần phụng-dưỡng không lúc nào ngơi. Buổi sáng buổi chiều, một ngày hai bận vào cung thỉnh-an, hỏi - han sức khỏe mẹ ra sao. Khi nào truyền cho ra, ngài mới lui ra. Ngài đã ngoại bốn-mươi tuổi, mà mỗi khi bà mẹ ngự ra ngoài thành, ngài vẫn đi chân theo sau võng. Ngài biết tính nết mẹ, nên hễ mẹ hơi tỏ ý muốn làm sự gì, là ngài làm cho mẹ hài lòng ngay. Khi nào có ai tặng biếu ngài hoặc đồ bảo-vật hoặc đồ thực-phẩm cao-lương, ngài lại đem vào biếu mẹ. Trong biệt - thự của ngài bao nhiêu những qui-vật của vua ban và của bà mẹ đưa cho, đều bày đặt xếp treo riêng cả vào một tầng trên. Còn những đồ-đạc và những ngoạn-vật của riêng ngài, dù đẹp dù qui đến đâu, cũng để cả vào tầng dưới.

Trong khi tang mẹ, ngài chịu suốt tháng ngày đăm-chiêu khổ-hạnh, không biết sự vui-thú là gì. Ngài từ chức Hữu-tôn - nhơn, đóng cửa ở nhà, không tiếp-kiến bạn-bè gì nữa.

. .

Đến năm 1870, ngài lại lĩnh chức cũ, và đến năm 1878, ngài được phong làm Tuy-lý Quận - vương 綏理郡王. Qua năm 1882, nghĩa là trước khi vua Tự-đức băng - hà một năm, ngài được thăng chức Hữu-tôn-khánh 右尊正.

Mấy tháng cuối cùng đời vua Tự-đức, trong nước xảy ra nhiều việc quan-trọng. Nhân đương khi vua mắc bệnh, hai quan đại-thần là Nguyễn Văn-Tường (1) và Tôn-thất Thuyết (2) được thế chuyên-quyền, rất là lừng-lẫy. Hai người không còn kiêng-nể giấu-giếm gì, chia tay nhau ra mà quyền-hành trong nước. Cái thái-độ khinh vua lấn nước như thế, nên lòng công-phẫn ngấm-ngầm suốt trong dân-gian, song trừ đức-ông Hường-Sâm 洪參 ra, không ai là người dám ho-he phản-đối.

Đức - ông Hường-Sâm là con trai thứ sáu đức Tuy - lý - vương, khi đó đương làm chức Sung-biện Nội-các 充辦內閣. Hai người quyền-thần lúc bấy giờ quyền - thế bách - dịch, hễ các quan ai không theo phục, là lập-tức hoặc dùng mưu-kế hoặc lấy võ-lực mà trừ-khử cho hết. Vậy mà chẳng phiên hội-nghị nào là đức-ông Hường-Sâm không đứng lên tuyên-bố tội-trạng của hai người ấy ra, cũng là tỏ ý bất-phục. Vì đó mà hai kẻ quyền-thần âm-mưu định tru-di cả nhà hai đức-ông Miên-Trinh và Miên-Tăng (3). Nhưng gian-kế không thành, vì trước khi vua Tự-đức giá-băng, có để di-chúc lại rằng: « Hai vị Hoàng-thúc Thọ-xuân-vương (Miên-Định) và Tuy - lý Quận - vương

(1) Chết ở Tahiti năm 1886.

(2) Chết ở bên Tàu năm 1913.

(3) Em đức-ông Tuy-Lý.

(Miên-Trinh) là những người tuổi cao đức lớn, trầm vẫn kính-trọng xưa nay. Hai khanh khá nên đồng-lao cộng-ác, dẹp nước yên dân, để khuông-phù xã-tắc, thì vong hồn trầm cũng được yên thỏa suối vàng. »

Song-le, lời Thánh di-truyền, chỉ có thể ngăn không cho Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết thi-hành được gian-kế, chứ cũng không thể để cho hai đức ông Miên-Định, Miên-Trinh vâng được lời thánh-dụ, vì sức yếu tay không, bao nhiêu quyền hành, binh-mã đều ở cả trong tay bọn phản-thần.

Vua Tự-đức băng-hà ngày 19 Juillet 1883, Thái-tử Thoại-quốc-công lên nối ngôi, đặt niên-hiệu là Dục-đức, nhưng vừa lên ngôi được ba hôm thì bị Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết hạ ngục và giết chết. Sau vụ kinh-biến ấy, hai tên quyền-thần đã có ý tranh-cạnh ngấm-ngầm với nhau. Cũng may về sự rình-lừa dòm-dỏ lẫn nhau như thế, mà trong nước không phải kinh-qua việc nguy-biến gì; chúng tôn Hoàng-tử Lãng-quốc-công lên làm vua, tức là vua Hiệp-hòa.

Chính cùng với tân-quân, mà Đức-ông Hường Sâm, đã nói trên kia, bàn định việc đánh trừ Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết. Ngài tỏ cho vua biết những cách lộng-quyền tàn-bạo của bọn phản-thần, cùng là khuyên vua tư đối chúng ra khỏi hẳn Kinh-thành. Nhưng vua Hiệp-hòa nhu-nhược, không dám quả-quyết hành-động; liền chỉ phong cho Đức-ông Miên-Trinh tước Tuy-lý-vương (1883) là tước cao to nhất, có ý để cho quyền-thế được ngang hàng với hai tên quyền-thần. Song, sự ngang hàng đó chỉ hữu-danh vô-thực. Mà thật ra, có Đức-ông Miên-Trinh ở trong triều, thì những cách hành-động của chúng chỉ hơi bị trở-ngại đôi chút thôi. Ngoài ra, binh-mã ở trong tay chúng, chúng chiêu-tập được một đảng rất mạnh thế, bao nhiêu đảng-viên đều là những tay sai khiến đắc-lực cả.

Tình-hình trong nước vào khoảng hai năm 1882-1883 là như thế. Mà vào dạo ấy, tình-hình bên ngoài cũng chẳng yên gì: việc người Pháp lập Tòa Sứ-quán trên hữu-ngạn sông Hương-giang, và việc những chiến-hạm Pháp vào trong cửa Thuận, phải cần những cuộc thương-thuyết ngoại-giao rất khó-khăn chăm-chút.

Chết chẹt vào giữa bao nhiêu cơn khủng-khoảng, vua Hiệp-hòa tự biết sắp đến cơ nguy. Một mặt, vua hợp sức với Đức-ông Hường-Sâm và vài người trung-thần để trông coi những tình-thế trong triều; một mặt vua truyền Đức-ông Tuy-Lý đại-diện vua ra giao-thiệp với quan Đại-sứ Pháp. Viên quan giữ chức Ngoại-giao (Bạc Thần) nguyên là bè-đảng bọn Tường, Thuyết, liền phản-đối việc cất người đại-diện ấy. Nhưng vua bỗng lại quả-quyết được, mà phán rằng: « Hoàng-thân Tuy-lý-vương là người đã tuổi cao trí rộng, lại thêm từng trải và có bụng ái-quốc trung-quân, từ nay mà đi, hoàng-thân sẽ thay mặt trẫm trong tất cả các cuộc thương-thuyết ngoại-giao với người Pháp và sẽ được các quan Thượng-thư phụ-tá. »

Song tình-thế mỗi ngày một rối tung. Tường và Thuyết chỉ chờ có dịp tốt là sẽ cướp lấy nước.

Bỗng-nhiên tên Thái-giám Đạt nắm lấy bức mật-thư của đức-ông Hường-Sâm viết gửi cho vua, rồi cầm đi báo bọn phản-thần, thế là bao nhiêu những mưu biến-động đều vỡ tung cả ra. Sau khi bắt Hường-Sâm tống-ngục, hai tên phản-nghịch liền truất ngôi vua Hiệp-hòa (29 novembre 1883), đến hôm sau thì giết chết ở trong Thái-y-viện 太醫院.

Bấy nhiêu việc biến-động làm đức-ông Tuy-Lý lâm vào một cảnh-ngộ rất nguy-nan. Vua bị giết, con thì bị giam

cầm giết lỏng, còn trơ-trọi một mình ngài không tài nào chống-chọi được với gian-đảng. Ngài liền dời bỏ Kinh-thành, vì điều ngài sợ nhất là bị bọn phản-thần bắt ngài phải qui-thuận với chúng, làm thương-tổn đến tấm lòng trung-nghĩa đả vàng của ngài trải bấy nhiêu lâu thờ chúa. Có người xin lại ra để lo việc triều-đình, ngài đáp : « Ngày xưa, Triệu Đôn thờ vua Tấn. Đôn có một người bạn đồng-liêu là Triệu Xuyên. Xuyên giết vua rồi cướp ngôi. Triệu Đôn vốn có tiếng là trung-nghĩa, mà cũng trơ mắt ra nhìn, chứ không đi ra khỏi nước. Cho nên sử trách Triệu Đôn là giết vua. Lão-phu tuy là người trong Hoàng-tộc, chức cả tước cao trong nước, mà để bọn nghịch-thần cướp nước giết vua như thế, lão - phu cũng lấy làm hổ thẹn lắm rồi. Việc đã sinh ra vậy, lão-phu tự nghĩ cũng không nên để cho cái tên già này lại nhớp-nhơ chung với chúng nữa »

Đức-ông Tuy-Lý liền đi ra Thuận-an, được người Pháp tiếp đón. Nhưng vài hôm sau thì Tường và Thuyết yêu-cầu được với quân Pháp phải đem ngài giao trả chúng. Ngài bị hạ-ngục. Những con trai ngài cũng phải cùng chung một số-phận với ngài. Bọn nghịch-thần sắp đem xử-tử mấy bố con ngài thì vua Kiến-phúc cảm thương ra chỉ ân - xá. Ngoại Đức-ông Hường-Sâm bị xử trảm hôm 30 Décembre 1883, còn cả nhà Đức-ông Tuy - Lý đều nhờ ân vua mà chỉ phải phát-vãng đi các tỉnh Thừa-thiên, Quảng - ngãi, Bình - định và Phú-yên.

Sau khi vua Kiến - phúc mất một cách khả-nghi (Juin 1886), Tường và Thuyết lại tìm bắt để tiêu-diệt hết họ hàng nhà ấy. Chúng giết người con cả ngài là Đức-ông Hường-Tu. Nhưng sự tàn-ác của chúng cũng đến đó thì phải thôi.

Trong nước lúc bấy giờ đương bối-rối về việc ngoại-giao thông-hiếu Pháp-Nam, nên nhuệ - khí của bọn quyền-thần cũng vì thế mà giảm đi nhiều. Chúng muốn nổi lên đánh đổ quân Pháp rồi đem vua Hàm-nghi đi. Vua Kiến-phúc lên nối ngôi, rồi chết, cái cớ sở - dĩ biết đâu chả ở bọn Phụ-chánh. Ngờ đâu việc chúng làm lại không thành. Vua Hàm - nghi miễn-cưỡng chúng ép phải đi theo, bị bắt ở trong dẫy núi tỉnh Quảng-bình, nhưng Kinh - thành Huế đã bị quân Pháp đánh và hạ-thủ từ hôm 5 Juillet 1885 rồi.

Quân Pháp vào thành Huế, treo bảng ân-xá để an-dân. Nhân khi bề-bộn, những người bị giam tự bẻ xích rồi vượt ngục, ra theo với bọn dân nổi loạn trong thành.

Vua Đồng-khánh, em ruột vua Hàm-nghi, được người Pháp và triều - đình cất lên làm vua. Bỗng bọn văn-thân nổi lên, cái phong-trào ấy lan ra khắp các tỉnh Trung-kỳ, lấy cớ mưu sự cứu-quốc và theo chủ-nghĩa quân-thượng, song kỳ-thực là để đánh đuổi quân Pháp và tái-lập vua Hàm-nghi.

Ở Quảng-ngãi, có cử-nhân Lê Trung-Định và tú-tài Nguyễn Tu-Tân chiêu-tập được ở ven sông Trà-khúc mấy nghìn người có khí - giới ; ngày 13 Juillet 1885, hai người tôn Đức-ông Tuy-Lý làm Phụ-quốc-vương 輔國王. Nhưng ngài thấy chí-hướng của họ có vẻ quá-lạm, ngài nhất-định từ - chối không chịu ra đứng đầu đảng họ. Không những thế, ngài lại còn ngăn không cho họ giết viên quan Công-sứ tỉnh Quảng-ngãi mà họ đã bắt được. Ba hôm sau, cả hai người đầu đảng và bọn đồng-chí đều bị toán quân của triều-đình do Nguyễn Thân chỉ - huy đánh giết không còn một mống nào.

Vua Đồng-khánh lên ngôi, (23 Septembre 1885), việc nước mới yên.

Ngày 27 Octobre, Đức-ông Tuy-Lý ở Quảng-ngãi về kinh. Mấy bố con ngài đều được phục-hồi nguyên-tước và được ban khen. Hai Đức-ông Hường-Tu và Hường-Sâm vì nước mà chết, triều-đình truy-phong và lập đền thờ, xuân-thu quốc-tế.

Vua Đồng-khánh phải bệnh trong mười sáu hôm, rồi băng-hà ngày 28 Janvier 1889. Vua Thành-thái, là về ngành hoàng-tộc khác, lên nối ngôi.

Vua Thành-thái hãy còn ít tuổi, triều-chính đều do một hội-đồng phụ-chánh, mà Đức-ông Tuy-Lý thì đứng đầu. Tháng Novembre 1890, ngài được ân-thưởng Đệ-tam-đẳng Bắc-đẩu-bội-tinh. Năm sau, vua miễn cho ngài vào chầu không phải quỳ lậy, và cho phép ngài thiết-lập tòa Phụ-chánh tại biệt-thự ngài ở làng Vĩ-dã, mỗi tuần-lễ chỉ phải vào triều một lần, hay có việc gì cần lắm hãy vào. Trong đạo chỉ, vua còn có nói rằng: « Vì khanh tuổi già sức yếu, và trẫm muốn tỏ lòng kính-trọng khanh, nên dù trong những phiên chầu có chỉ triệu khanh, mà khanh thân-thể khiếm-an hay trời nóng rét bất-thường, trẫm cũng cho phép khanh được miễn. »

Đến tháng Novembre 1897, vua Thành-thái đến tuổi thành-nhân, tòa Phụ-chánh bỏ. Đức-ông Tuy-Lý được phong chức Phụ-nghi cận-thần 輔儀近臣.

Song ngài nhận cái chức ấy cũng chẳng được bao. Lần cuối cùng ngài vào chầu vua là hôm 9 Novembre 1897. Vài hôm sau thì ngài ngọa bệnh. Một viên y-sĩ Pháp, là quan thiếu-tá, tục gọi là « Ti-ti-la » (1) cùng với các quan thái-y ngày đêm săn-sóc chữa chạy cho ngài.

(1) Chắc là quan bác-sĩ Pethellaz (L.Sogny)

Nhưng mệnh trời đã định, ngài lâm-chung giờ hợi ngày 24 tháng mười (18 Novembre 1897), hưởng-thọ 79 tuổi. Lễ quốc-táng của ngài khởi-sự giờ dần, ngày 20 tháng chạp (12 Janvier 1898), an-táng vào địa-phận làng Dương-xuân-thượng, ngay cạnh mộ bà thân-mẫu ngài, cách xa kinh-thành Huế độ hai cây-số. Đền thờ ngài lập ngay vào chỗ nhà ngài ở trước, ở làng Vĩ-dã, trên con đường đi Thuận-an. — Ngài sinh-hạ được 39 con gái và 41 con trai.

.·.

Sách *Đại-Nam chánh-biên liệt-truyện* có chép rằng: « Hoàng-tử Miên-Trinh bẩm tính thông-minh dĩnh-ngộ, và đức-tính đáng để làm gương. Người khiêm-tốn nhũn-nhặn, ngài lại là một bậc trung-thần hiếu tử nghĩa-sĩ lương-bằng.

« *Gần 80 tuổi mà tinh-thần còn tráng-kiện, tai vẫn tỏ, mắt vẫn tinh-tường.* Tính ngài ưa tĩnh và thích sự nhàn. Tuổi tuy cao mà vẫn còn hiếu-học, nên rừng văn bể sách, không có quyển nào ngài lại chưa xem. Vốn sinh-trưởng nơi lầu vàng gác ngọc, tính ngài lại không trọng hư-văn mà chỉ ưa sự tầm-thường dản-dị. Ngài chỉ mặc quần áo vải to, và ăn uống sềnh-soàng dễ-dãi. Đối với ai ngài cũng sẵn lòng độ-lượng bao-dong.

« Không lúc nào ngài ngơi việc dạy học-trò. Những văn-nhân thi-sĩ cùng những sinh-viên đã thụ-giáo ngài đều vì ngài với Thái-sơn 泰山, Bắc-đẩu 北斗. Tập thi-văn Vĩ-dã hợp-tập của ngài thật là thiên-niên bất-hủ. »

SONG-MAI *thuật*

(Thuật theo L. SOGNY. *Les Familles Illustres. S. A. Le Prince Tuy-ly.* Trong tập *Bulletin des amis du Vieux Huế*)

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG (1)

4. — Đại-tướng-quân Trần Khánh-Dư 陳慶餘

Trần Khánh-Dư là Tôn-thất nhà Trần, sinh ở làng Chí-linh 至靈, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, Hải-dương. Trước phong là Nhân-huệ-vương 仁惠王. Khi giặc Nguyên vào ăn cướp nước ta, Khánh-Dư cất lên đánh đuổi được giặc Nguyên ra. Vua Trần Thánh-tôn khen là người dũng-lược, lập cho làm Thiên-tử nghĩa-nam 天子義男, là con nuôi vua. Sau ông lại đánh giặc Mường được đại-thắng, vua bèn phong cho làm Phiêu-kỵ đại-tướng-quân 驃騎大將軍. Chức ấy phi Hoàng-tử không được phong, vì ông là con nuôi vua nên mới được.

Tướng-quân Trần Khánh-Dư lại còn được thăng nhiều chức nữa, rồi bị tội tư-thông với bà Thiên-thụy Công-chúa, phải cách tuột hết quan-tước. Tướng-quân lại về ở làng Chí-linh.

Chí-linh là đất sơn-cước, thổ-sản có nhiều than củi. Tướng-quân ở nhà quê, sinh-kế cùng-quẫn, làng Chí-linh ở kề cửa sông Lục-đầu, có cái bến gọi bến Gốm. Tướng-quân bèn đi buôn than và tậu một cái thuyền nan để tự chở lấy. Ôi, đang là một vị thân-vương, một chức Đại-tướng-quan, một ngôi nghĩa-nam của Thiên-tử, mà quay ngay ra làm một nghề rất hèn-hạ vất-vả. Chẳng nề than-tro nhem-nhọ, mưa nắng dãi-dầu. Quí-hồ tay làm hàm nhai, không phải phiền lụy đến kẻ khác là được. Chú lái đò than bến Gốm kia chỉ biết bạn cùng trăng trong gió mát sông Lục-đầu mà vui thú đến già. Chú có còn nghĩ gì có một ngày mà thuyền nan lại ghé mạn thuyền rồng nữa. Thật cũng thú thay mà cũng đại-anh-hùng thay.

Năm Thiệu-bảo thứ tư, đời vua Trần Nhân-tôn, giặc Nguyên lại sang xâm lấn. Vua phải ngự thuyền về Đông-hải. Thuyền vua đậu lại cửa sông Lục-đầu, vua trông thấy Tướng-quân Khánh-Dư đang trèo cái thuyền than, Ngài cho vời. Khánh-Dư cứ để áo cộc, nón lá gồi, bước sang yết-kiến vua. Vua nói nam-nhi sao cùng-cực đến thế. Ngài bèn hạ chiếu miễn tội và lấy áo ngự-y cho mặc để ngồi bàn việc quân. Tướng-quân nói nhiều điều hợp-ý vua Nhân-tôn, ngài bèn cho Tướng-quân làm Phó-tướng ra ngự cửa Vân-đồn ngoài Đông-hải.

Năm Trùng-hưng thứ ba, Tướng-quân bắt đầu đánh với giặc Nguyên một trận thì bất-lợi. Lại bị lệnh truyền phải siêng giải về kinh. Tướng-quân xin khoan cho vài ngày để đánh một trận nữa.

Tướng-quân lại thu-tập bọn tàn-quân ra đón thuyền tải của giặc ở Tàu sang đánh lấy được không biết bao nhiêu là lương-thực khí-giới của giặc. Tiệp-thư dâng về Kinh, vua tha tội cho.

Cũng vì trận Tướng-quân Trần Khánh-Dư đánh lấy được tất cả thuyền tải của giặc Nguyên ấy, quân giặc thiếu lương, ngày càng khốn-đốn. Nên chi Hưng-đạo-vương bèn đón đánh ở cửa Bạch-đằng mà phá tan giặc Nguyên. Tướng-quân Trần Khánh-Dư thực có công lớn ở cuộc bình-định giặc Nguyên vậy.

Tướng-quân lại kiêm có tài văn-học. Có viết bài tựa đề vào quyển sách

(1) Xem tiếp kỳ trước, N. P. số 151.

Vạn-kiếp tôn-bi của Hưng-đạo-vương, lời văn hùng - kính lắm. Có câu rằng : «夫善師者不陣。善陣者不戰。善戰者不敗。善敗者不死。故陣者陳也。巧也... Người tài dùng quân không phải bày trận ; người tài bày trận không phải giao-chiến; người tài chiến-tranh không chịu thua. Người khéo thua không chịu thua mà đến chết .. Cho nên nghĩa chữ trận 陣 là trần-liệt 陳列 ra ; là khôn khéo đó .»

Nay có đền thờ Tướng-quân ở bến Linh-giang 靈江, tức là bến Gốm làng Chí-linh, gọi là đền Gốm. Khách trẩy lễ đền Kiếp-bạc đều vào lễ yết đền Gốm. Còn chỗ Tướng-quân gặp vua cũng ở bờ đông - ngạn sông Lục-đầu giáp làng Chí-linh thì gọi là bến Than, để kỷ-niệm một cái giai-sự tao-phùng của đấng anh-hùng trên lịch-sử. Chỗ này trong địa - dư gọi là Nhạn-loan cổ-độ 雁灣古渡. Tức là một cảnh trong tám cảnh cổ-tích của huyện Chí - linh vậy.

5.— Tướng-quân Phạm Ngũ-Lão 范五老

Phạm Ngũ-Lão sinh ở làng Phủ-ủng 扶擁, huyện Đường-hào (nay đổi là Mĩ-hào về Hưng-yên) Hải-dương, đời nhà Trần.

Ngũ-Lão nhà nghèo mà có chí lớn. Hay xem sách mà giao - du rộng. Thường làm môn-khách nhà Hưng-đạo đại - vương. Đại-vương tiến ra triều-đình. Vua Nhân-tôn sai Phạm Ngũ-Lão làm chức Quản-hữu-vệ Dực-thánh-quân 管右衛翊聖軍.

Năm Trùng-long thứ hai đời vua Anh-tôn, Thượng-hoàng Nhân - tôn đi đánh Ai-lao. Trung-thành-vương làm tiên-phong bị quân Ai-lao vây. Phạm Ngũ-Lão đem quân tiếp đến bèn đánh vỡ vây và đuổi tan quân Ai-lao. Vua thưởng cho một cái kim-phù 金符 là cái thẻ bằng vàng.

Năm Trùng-long thứ năm, quân Ai-lao vào xâm lấn sông Tràng - long. Phạm Ngũ-Lão đánh đuổi quân Ai-lao mà thu-phục được đất cũ lại. Lại được thưởng một cái vân - phù 雲符 là cái thẻ chạm vân, và tiến lên chức Hữu-Kim-ngô-vệ Đại - tướng - quân 右金吾衛大將軍.

Năm thứ 9, Ai-lao vào ăn cướp bạt Đà - giang. Đại - tướng - quân Phạm Ngũ-Lão đánh quân Lào một trận ở Mường-mai 芒枚 bạt Đà - giang, bắt được tù-binh Lào nhiều lắm. Lại được thăng chức Thần-vệ Đại-tướng-quân và thưởng cho một cái qui-phù 龜符 là cái thẻ chạm con rùa.

Năm thứ 10, Tướng-quân đi đánh được kẻ nghịch-thần là Biểm 貶 được thăng chức Điện súy và được thưởng một cái hổ-phù 虎符 là cái thẻ chạm con hổ.

Đến năm Đại-khánh đời vua Minh-tôn, tướng-quân theo Huệ-vũ-vương là Quốc - Chân 國珍 đi đánh Chiêm-thành. Đạo quân của Quốc-Chân không được lợi. Tướng - quân bèn cho binh bản-bộ ồ ra đánh chẹn đạo quân Chiêm. Quân Chiêm đại-bại. Được phong chức Quan-nội hầu 關內侯 và một cái phi-ngư-phù 飛魚符 là cái thẻ chạm con cá bay.

Năm Đại-khánh thứ bảy thì Phạm Ngũ-Lão tướng-quân mất, tuổi 66, phó-cáo dệ về kinh, vua Anh-tôn nghỉ họp buổi chầu 5 ngày.

Tướng - quân cầm quân rất có kỷ-luật, đãi chư-tướng như người trong nhà ; xử với sĩ-tốt thì cam-khổ cùng chung. Cho nên Tướng-quân đã lĩnh toán binh nào là thành phụ-tử chi binh cả. Vì thế mà đi đánh đâu là được đấy. Phàm khi đánh được đâu, thu-hoạch được vật gì là để sung vào kho quân-phí cả, chứ không lấy riêng một tí gì. Thật là người coi khinh tiền của vậy.

Tính Tướng - quân hay ngâm-vịnh, thường ngâm bốn câu thơ rằng :

橫槊江山恰幾秋。三軍貔虎志吞牛。
男兒未了功名債。羞向人間說武侯。

Non nước bao thu ngọn giáo vàng,
Ba quân hùng-hổ chí hiên-ngang ;
Công-danh chửa trả cho xong nợ,
Truyện Vũ-hầu xưa thẹn nói bàn.

Nay xét đến công-danh sự-nghiệp của Phạm Tướng - quân còn hiển-hách trên lịch - sử. Tướng-quân thực không phải là chỉ ngâm xuống vậy.

Nay ở làng Phù-ủng có đền thờ Phạm Tướng-quân, người đến lễ - bái đông lắm.

6.— Yết-Kiêu 歇驕

Yết-Kiêu sinh ở làng Hạ-bì 下邳, huyện Gia-lộc, Hải - dương, cùng với Giã-Tượng là hai người đầy-tớ thân của Hưng-đạo Đại-vương.

Làng Hạ-bì tục gọi là làng Quát, chuyên làm nghề chài lưới. Yết-Kiêu có sức khoẻ lạ thường và tài lặn, thường xuống nước làm việc suốt ngày như ở trên cạn. Đời vua Trần Nhân-tôn, giặc Nguyên sang xâm lấn, hạm-đội của Ô-mã-nhi mấy trăm chiếc vào đỗ đầy cả cửa Vạn-ninh. Triều-đình yết bảng cầu ai có thể đánh phá được hạm-đội ấy của giặc. Yết-Kiêu ra xin nhận việc ấy. Triều-đình cấp binh-giáp cho ông đều không nhận, chỉ xin phát cho một cái khoan sắt rất lớn. Rồi cầm khoan lặn xuống bể khoan thủng tầu của giặc ra. Sau Ô-mã-nhi thấy tàu cứ tự-nhiên mà đắm mất nhiều lắm, biết là có người đến đục tàu, bèn lừa mẹo bắt được Yết-Kiêu.

Ô-mã-nhi hỏi Yết-Kiêu rằng : « Trong nước ngươi được mấy người tài - giỏi như ngươi ? » Yết-Kiêu trả lời rằng : « Như tôi thì nhiều lắm, nếu khoan-dong cho tôi thì xin đưa đến cho mà bắt. »

Ô-mã-nhi sai lấy thuyền chở Yết-Kiêu đi. Ông lừa lúc chúng bất ngờ, nhảy tọt xuống bể mất.

Từ đó Ô-mã-nhi biết nước ta có nhiều người tài-giỏi, sợ lắm. Ông Yết-Kiêu thực dự có công to trong cuộc dẹp giặc Nguyên. Khi dẹp giặc xong, chưa kịp ban thưởng thì ông mất. Vua nhà Trần sức cho làng Hạ - bì lập đền thờ ông. Và cho phép cứ thủy-triều lên đến sông ngòi nào thì người làng Hạ-bì được tới đánh cá đến đấy, mà tiền thuế thì người họ ông được thu để làm tiền hương-hỏa cúng ông.

Nay làng Hạ-bì vẫn còn đền thờ. Tục gọi là « Đức Thánh Quát ». Còn thuế lệ và quyền-lợi về nghề chài thì sau đời Trần, lịch-triều vẫn tuân theo đến mãi gần đây hãi còn.

Cũng vì ông Yết-Kiêu tài lặn, và nhờ tài lặn mà lập nên công-lao lớn với nước ta. Cho nên đời sau những kẻ tôn-sùng mà mê-tín, bèn bịa ra rằng : « Yết-Kiêu một lần ra bờ bể, thấy hai con trâu đang húc nhau trên bãi. Yết-Kiêu cầm đòn càn vào đánh thì đôi trâu chạy cả xuống bể mất. Yết - Kiêu biết là trâu thần. Thấy mấy cái lông còn sót lại ở đầu càn, ông bèn nhặt lấy nuốt vào bụng. Từ đó xuống nước cũng như đi ở trên cạn. Đó cũng là câu chuyện thường thấy về thần-quyền thời-đại, không có lạ gì.

7.— Trần Kiến 陳見

Trần Kiến sinh ở làng Cự-sạ 巨乍 nay đổi là Đông-khê 東溪, huyện Đông-triều, đời nhà Trần.

Trước Trần-Kiến làm môn - khách nhà Hưng-đạo Đại-vương. Đại - vương tiến lên vua Nhân - tôn. Gặp có giặc Nguyên sang, vua sai Trần Kiến bói xem thế nào. Trần Kiến xem rồi đoán-quyết thế nào ta cũng đánh được giặc Nguyên. Vì thế vua cũng thêm vững lòng. Sau quả nghiệm. Giặc tan, vua

khen hay mà cho Trần Kiến làm quan An-phủ 安撫 An-khang-lộ, rồi đổi sang phủ Thiên-tràng, nay về Nam-định.

Ông làm quan rất công-liêm. Có một người đem biếu một mâm cỗ, ông hỏi vì cớ gì mà cho, và không thụ. Người ấy nói là ở làng sở-tại, nhân ngày giỗ mà kính ngài thì đem biếu, chứ không xin việc gì. Rồi cố nói mãi, ông mới nhận.

Được ít lâu, người biếu cỗ ấy vào xin một việc, ông bèn thò tay móc họng mửa ra trả.

Đời vua Anh-tôn được làm quan Kiểm-pháp 檢法. Phàm có cái kiện-cáo nào là lấy lý lấy tình xử phăng-phăng xong ngay, ai cũng khen là « đáng là quan Án »

Sau thăng đến chức Hãnh-khiển. Vua cho một cái hốt có bài Ngự-chế khắc vào hốt rằng:

泰山巍高象笏貞烈。
靈獸鹿角爲笏難折。

Hốt này vòi-vòi, như núi Thái-sơn;
Sừng con linh-trãi, cứng rắn không sờn.

Ông Kiến còn làm quan đến đời vua Minh-tôn, tới chức Bộc-sạ 僕射. Trước sau một mực thanh-khiết cương-trực. Thật là một vị hiền-thần đời Trần.

8.— Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之 và gia-thế họ Mạc

Tiên-thế. — Cứ sách *Thuyết-Mạc* của ông Đinh Gia-Thuyết mới khảo-cứu thì họ Mạc nhà Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh, vốn là dòng-dõi ông Cơ Chất-Khiết tức là con cháu họ Cơ nhà Châu làm vua bên Tàu. Nhà Châu mất nước, Cơ Chất-Khiết đến ở quận Trác-lộc. Rồi làm quan Chấp-kiến-lang nhà Hán. Có quân-công được tứ-tính là họ Mạc 莫 và được thực-ấp ở Trịnh-ấp. Bây giờ ở huyện Nhâm khâu, phủ Hà-gian còn có nơi gọi là Mạc-châu, tức là chỗ phát-tích họ Mạc. Từ Mạc Chất-Khiết trở về sau, đời nào cũng hiển-đạt và cũng thiên-cư dần về mé nam Trung-quốc. Đến đời nhà Nam-Tống thì họ Mạc sinh-tụ ở Quảng-đông thinh lắm. Khi ấy có một chi họ Mạc ở Phiên-ngung là nơi tỉnh-thành Quảng-đông bây giờ, sang ở làng Lũng-động 瀧峒 huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương nước ta. Vài đời đến Mạc Hiền-Tích thì hiển-đạt.

Sách *Thuyết-Mạc* nói họ Mạc từ sau đời Chất-Khiết đến khi phồn-thịnh ở Quảng-đông, đời nào cũng có tên người quan-chức và chỗ ở. Nhưng đó là việc bên Tàu nên đây chỉ lược dẫn cho biết qua thế-hệ nhà họ Mạc, còn thì theo sách *Hải-dương-chí* chỉ nói tường từ Mạc Hiền-Tích mà thôi.

Mạc Hiền-Tích 莫顯績 là ông tổ phát-tích họ Mạc nước ta ở làng Lũng-động, nay cải Long-động 龍峒 Hải-dương. Ông đỗ văn-học thủ-tuyển 文學首選, năm bính-dần (1086), niên-hiệu Quảng-hựu 廣祐 nhà Lý. Làm quan đến Thượng-thư. Em là Mạc Kiến-Quan 莫建官 cũng đỗ văn-học thủ-tuyển, năm kỷ-tị, niên-hiệu Quảng-hựu. Hai anh em làm quan đồng-triều. Lại 5 đời đến Mạc Đĩnh-Chi.

Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh — về văn-chương cùng các câu đối, đối đáp với người Tàu của Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh đi sứ, nhiều sách và báo *Nam-Phong* này đã tường-thuật nhiều lần, đây chỉ nói qua lịch-sử của Tiên-sinh mà thôi, hiệu là Tiết-phu 節夫, sinh ở làng Lũng-động. tướng người bé nhỏ mà cực xấu-xí, có lẽ xấu như con khỉ, nên bọn hiếu-kỳ mới bịa ra có câu chuyện « hầu-tinh giáng-thế 猴星降世 » và câu chuyện bởi giống khỉ thực. Tiên-sinh còn bé đã thông-minh tuyệt-phẩm Mồ-côi bố, nhà cực nghèo mà hiếu-học, nhờ được Chiêu Quốc-công 昭國公 là tôn-thất nhà Trần mở trường học ở làng bên,

nhân tác-thành cho. Đỗ Trạng-nguyên năm giáp-thìn niên-hiệu Hưng-long nhà Trần. Đi sứ Tàu, về làm quan đến Đại-liêu ban Tả-bộc-sạ 大僚班左僕射, tức là chức Tể tướng. Rất thanh-liêm, vua Trần Minh-tôn phải thán-phục. Về già cáo lão về quê mở trường dạy học.

Nay về địa-phận làng An-ninh là hàng tổng còn di-chỉ nền nhà học, tức là Trạng-nguyên cổ-đường 狀元古堂, là một cảnh trong lám cảnh cổ-tích huyện Chí-linh. Niên-hiệu Gia-long các thân-hào Chí-linh mới lập văn-từ hàng huyện lên cái nền cổ, nhà học ấy nay còn. Còn ở làng Long-động thì nay thờ tiên-sinh làm Thành-hoàng-thần.

Con cháu. — Con của Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh là Mạc Khản, Mạc Trực đều đỗ Hương-cống, làm quan đến Viên-ngoại-lang đời Trần Dụ-tôn.

Đến đời thứ tư thì phân một chi sang ở làng Ma-khê huyện Thanh-hà. Đến đời thứ năm, chi ở Thanh-hà lại phân sang ở làng Cổ-trai gần bể. Ở Cổ-trai hai đời thì sinh ra Mạc Đăng-Dong. Mạc Đăng-Dong tức là cháu bảy đời Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh và là tổ triều nhà Mạc.

Mạc Đăng-Dong sinh ở làng Cổ-trai, huyện Nghi-dương đời Lê. Nhà nghèo làm nghề chài lưới, có sức khoẻ. Hay chơi nghề đi vật. Vua Lê Uy-mục-đế cầu những kẻ dũng-sĩ, Đăng-Dong vào thi đỗ lực-sĩ, được tuyển làm lính túc-vệ. Rồi làm đến chức Thiên-vũ-vệ chỉ-huy-sứ, tước Vũ-xuyên-bá. Đời vua Chiêu-tôn được ra làm Trấn-thủ xứ Sơn-nam.

Khi ấy có loạn Nguyễn Kính, vua Chiêu-tôn phải chạy ra xứ Bắc và triệu Đăng-Dong về dẹp loạn. Đăng-Dong đánh được bọn Nguyễn Kính ở Tứ-liêm, rước vua Chiêu-tôn về kinh. Từ đó Đăng-Dong uy-quyền cực thịnh, bèn cướp ngôi nhà Lê, bức-bách để Chiêu-tôn phải trốn, rồi lập Hoàng-đệ Lê Xuân làm Cung-hoàng. Lại bách cung-hoàng phải truyền ngôi cho mà dời đế-vị nhà Lê về nhà Mạc.

Đăng-Dong làm vua ba năm, niên-hiệu là Minh-đức, rồi truyền cho con là Đăng-Doanh, niên-hiệu là Đại-chính. Đăng-Doanh mất, con là Phúc-Hải nối ngôi, niên-hiệu là Quảng-hòa. Phúc-Hải mất, con là Phúc-Nguyên nối ngôi, niên-hiệu là Vĩnh-định. Phúc-Nguyên mất, con là Mậu-Hợp nối ngôi, niên-hiệu là Thuần-phúc, sau cải năm lần niên-hiệu nữa là Sùng-khang, Duyên-thành, Thụy-thái, Hưng-trị và Hồng-ninh. Đến đấy thì nhà Hậu-Lê về khôi-phục thành Thăng-long, Mậu-Hợp bị bắt. Từ Đăng-Dong đến Mậu-Hợp vừa năm đời, 66 năm. Mạc Kính-Cung lại chạy lên giữ xứ Cao-bằng, truyền ba đời, 62 năm nữa mới diệt-vong.

Xem thế thì họ Mạc con cháu Đĩnh-Chi tiên-sinh sau phân ra ba ngành lớn. Một ngành ở Long-động, một ngành ở Thanh-hà và một ngành ở Cổ-trai. Vậy nhà Mạc tức là ngành ở Cổ-trai, còn hai ngành kia vẫn thủ-thường an-nghiệp. Nhà Mạc mất, họ tôn-thất tản-cư ẩn náu ra nhiều nơi xứ Bắc-kỳ. Có người sang cả đất Lưỡng-Quảng bên Tàu nữa. Khi nhà Mạc mất, chúa Trịnh tìm bắt dòng-dõi họ Mạc thì các ngành đều phải cải ra họ khác, như ở Nam-sách thì cải ra họ Nguyễn, Thanh-hà thì cải ra họ Lê. Nay vẫn còn đông-đúc. Còn các nơi khác có người đã phục tính lại họ Mạc.

Lại báo *Sông-Pháp* Hà-nội, năm 1928 có đăng một việc như sau này: Có một người Cao-ly sang du-lịch nước ta, đến Bắc-kỳ, bút-đàm với một người Việt-Nam. Người du-khách Cao-ly ấy tự-xưng là một quan huyện, vốn dòng giống Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh. Ông bất-đắc-chí với Chính-phủ Nhật-bản mà bỏ quan đi du-lịch. Ông nói nguyên-ủy rằng khi Mạc tiên-sinh giữ sứ-sự ở Yên-kinh, chơi thân với Trạng-nguyên

sứ-thần Cao-ly. Sứ Cao-ly nhân mời Mạc tiên-sinh về Cao-ly chơi và gả cho Mạc tiên-sinh một người cháu gái họ làm thiếp. Mạc tiên-sinh đưa bà thứ về ở Yên-kinh ít lâu. Bà thứ ấy có thai thì có quốc-thư triệu Mạc tiên-sinh về nước.

Mạc tiên-sinh cho bà thứ về Cao-ly. Bà sinh được một người con trai và ở vậy nuôi con. Từ đấy đến nay, thành một họ cự-tộc ở nước Cao-ly.

Việc ấy mà quả thực thì con cháu Mạc Đĩnh-Chi tiên sinh đến nay truyền-bá giải-rắc hầu khắp cõi Á-Đông. Thực cũng thịnh thay.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

CẢNH-VẬT HÀ-TIÊN

III

16. — Cầm thú

Thú vật chia ra làm hai giống, giống có cánh gọi là thượng-cầm, giống đi chạy trên mặt đất gọi là hạ-thú. Giống nào cũng có một thứ ở rừng với một thứ ở nhà.

Đầu tiên, trời đất sơ-khai, thì chỉ có giống thú rừng. Con thú rừng nào người đi săn, đánh bẫy bắt được đem về nhà nuôi dưỡng tử-tế, thì con thú ấy là thú nhà. Gần người lâu chừng nào, thì nó càng quen đi, bớt tánh dã-man rừng rú và dễ sai dễ dạy. Quen hơi người rồi thả ra, ta không phải ngại gì, nó cứ ăn ở trong nhà ta, chớ không còn mến cảnh rừng cao núi thẳm nữa. Nhiều con khôn-ngoan, hiền-hậu, trung-tín lắm. Có con lại giúp ta nhiều việc, mà đến thác lông sừng cũng còn chỗ dùng.

Như thế thì dẫu thác nhưng vẫn còn người nhắc-nhở, cũng không đến nỗi như chó chết hết chuyện vậy.

Gà, vịt nhà nào cũng đều có nuôi. Gà giò chừng hai cắc một con, còn gà mái nhảy ổ lối bốn năm cắc, tùy theo khi mắc rẻ. Vịt có mắc hơn gà, ăn ngon hơn mà có khi cũng chậm tiêu hơn, vì vịt nhiều mỡ. Mỗi con chừng tám, chín cắc (hào) hoặc một đồng không chừng. Có người nói rằng thịt gà thiến ăn độc, và kẻ có bệnh siễn ít khi dám ăn.

Mỗi khi cúng-kiến tế-tự, thường dùng gà vịt nhiều. Gà và ngỗng biết ấp trứng, vịt xiêm cũng ấp trứng, vịt ta lại không. Vịt xiêm đá lộn không thua gà độ.

Le-le, bồ-câu, gà tây, gà sao đều ăn thịt ngon.

Có thứ le-le người bắt được lúc còn nhỏ nên nuôi nó cũng quen như vịt nhà.

Ngỗng lớn con, lông trắng, mỏ đỏ rất lịch-sự. Ngỗng ăn cỏ ăn lúa, không ăn trùng dế, ai cũng nói rằng ngỗng ăn chay, để nhớ ơn ông Dã-Trường tái-sinh cho. Trứng ngỗng lớn bằng hai trứng vịt ta.

Gà chọi nuôi đá độ; tối ngày nuôi dưỡng săn-sóc từ cái lông miếng vảy. Lúa phải vút cho sạch bụi. Nước trong-trẻo và giữ cho thường. Không dám thả đi bậy sợ đá với gà khác mà hư gà; để đợi có độ mới dám đá. Gà độ này hay kiếm giống gà Rạch-giá hay là Cà-mau là gà hay. Mấy người hay chơi gà, hễ thấy gà thì đã biết gà hay hay là gà dở, biết mặt gà chân gà lanh-

lẹ hay chậm-lục. Một độ gà có khi ăn thua nhau đến bảy tám trăm hay vài nghìn đồng ; có lệ đánh cá như thec cuộc đánh võ, đua ngựa như các liệt-cường Âu-Mĩ vậy.

Giống gà này ở Hà-tiên ít có, người nào hay chơi mới nuôi thôi.

Gà tây gà sao cũng không nhiều. Một vài nhà nuôi cho có sẵn, lâu lâu có dịp gì mới làm thịt.

Gà tây mình lớn chân cao, lông kiến có vằn đen, nên trông có vẻ lịch-sự hơn các giống gà khác.

Gà tây nhiều lông, nên gà nòi cũng khó thắng được.

Gà sao nhỏ con, mình tròn tròn, lông đen có đốm xanh, có đốm trắng nho nhỏ như sao, nên tục gọi là gà sao. Nói về gà cồ, có câu ca-dao rằng :

Gà cồ ăn quần cối xay,
Đập cho một gậy chạy quay mòng mòng.

Bồ-câu mình nuôi từ nhỏ đến lớn, nhưng không chắc nó ở đời với mình. Thời mình hưng-thịnh thì bồ-câu tới ở không biết bao nhiêu ; lúc suy-sụp thì kéo nhau đi chỗ khác. Lúa đến đâu bồ-câu đến đó ; lúa hết thì bồ-câu bay đi. Thịt bồ-câu đã hiền lại ngon ; bắt con nào làm thịt thì không nên cho mấy con khác ngó thấy.

Mỗi nhà đều có nuôi heo, có người nuôi heo nái để con, hay nuôi heo thiến để bán làm thịt. Mỗi ta heo lối hai-mươi lăm đồng, còn heo ốm chừng hai-mươi hai đồng là mắc.

Thịt heo một lớp da, ba lớp mỡ. Mỡ heo nấu món gì cũng không kỵ : thịt gà, thịt chuột, thịt rắn, các thịt rừng đều nấu được cả.

Chó giữ nhà thường là chó xi. Chó săn, nhiều người biết lựa giống chó hay lắm. Con chó nào hay, giá vài chục đồng không bán. Con chó săn trong miệng có đốm đen, đuôi cong và chân dài. Chó đực thì phải bỏ đuôi về tay trái mới tốt.

Chó săn hay hơn chó xi, bụng thóp lên, chân cao, đòn dài, ngực lớn, tai dựng lên. Nó đánh hơi lẹ - làng, và rượt con thịt không thể thoát thân được với nó. Chó săn ít hay sủa.

Chó giữ nhà, thường lựa chó không có lang lông nơi mũi. Chó lang mũi là chó hay ăn vụng.

Trong miệng có mấy khía gọi là hay, cách đi làm sao mới gọi là hay, thì chỉ có người sành nghề mới biết. Có câu : lang đầu thì bán, lang trán thì nuôi, lang đuôi thì ăn thịt.

Người ta dùng chó đi đuổi thỏ, săn hưu mang, heo rừng.

Chó lông đen kêu là chó mực ; chó lông trắng gọi là chó cò. Lông vàng là chó vàng ; lông có vằn là chó vện ; vừa vàng vừa đen là chó luốc. Có con vá đen, vá vàng. Răng chó nhọn bén, có nọc độc.

Giống chó lớn hơn hết, thì kêu là chó nòi, vì hình-dạng cao lớn, ở nước Nam ít có giống chó ấy. Sau này người Tây-phương đem qua nuôi, rồi lần lần mới sinh-sản ra nhiều. Có thứ chó mực, mình cao bảy, tám tấc, sắc lông đen ngời, trên lưng thường có một đường xoáy dài từ vai chí đuôi. Giống này là chó Phú-quốc. Tiếng sủa hùng-hào và giữ nhà hay đi săn đều giỏi lắm.

Có nhiều con chó rất tài lội. Khi chủ phóng một khúc cây xuống sông, thì tức-khắc nó đem lên liền.

Chó giơi là giống chó nhỏ con, ở miệt Cây - dừa, Phú - quốc có nhiều. Chó giơi đầu nhỏ, mỏ nhọn, đít to, nuôi nó vì tưởng nó đẹp mà thôi.

Chó xù lông dài, dịu - dàng, mình mập, cẳng lùn, hình-dạng không giống chó kia. Có con khôn, biết lạy, biết đi mua đồ. Chủ phải đui mù, thì biết dắt đi xin.

Chó săn Cà-mau cũng là giống chó hay.

Trong các giống thú nhà chỉ có trâu bò là thứ có công nhất với người, làm công việc quanh năm vất-vả ngoài đồng.

Trâu ơi! ta bảo trâu này :
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông-gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công ?
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Trâu thì ở đầm, ở ao, hoặc nơi đồng thấp, chỉ có nước thì ưa, có bùn thì chịu, tính-nết ôn-hòa, tưởng đi chậm-chạp. Da trâu thường mầu đen. Trâu không được nhiều bằng bò. Ruộng lầy thì cầy trâu ; ruông vồng thì cầy bò. Cũng có vài con trâu lông trắng, da hơi hồng-hồng, gọi là trâu cò.

Da bò, thường mầu vàng sẫm, đỏ đỏ, đen, có vá, có khi lem, có khi lông trắng. Bò vàng sẫm và đỏ thì kêu bò pháo, đen là bò hóng, bò mực, có vá là bò vá, trắng là bò so.

Mèo ưa ở chỗ nào tối để rình chuột. Mắt nó vào chỗ lối chiếu sáng như ngọc, nó lanh-lẹ và tỏ tai.

Mèo leo cây thật tài, và khi rủi-ro trên cây tế xuống cũng không sao, vì mèo biết uốn mình nên thế nào cũng giụm bốn chân ; bởi thế nên thường nói mèo có nghề võ, mèo làm hiểm, hại cho cọp leo cây tế xếp mũi.

Con mèo, con mèo, con mèo,
Ai dạy mày trèo, mày chẳng dạy tao.

Thịt mèo ăn mát như thịt chồn. Người khách Huế-kiều hay ăn.

Mèo sắc lông đen là mèo mung. Cặp mắt sáng, thấy chuột thì giết chết. Có câu : Sát nhất-miêu cứu vạn-thử.

Giống mèo hễ thấy chó thì chau mày, nhăn nanh gầm hét dữ-tợn, có tiếng khua động thì nó trốn mất.

Con mèo đập bể nồi rang.
Con chó chạy lại nó mang lấy đòn.

Giống mèo lang mỏ cũng là giống ăn vụng.

Ở Hòn-chông cọp nhiều lắm ; cũng có khi loạn rừng đến phá xóm làng. Mình lông vàng, có vằn vện, khoang đốm, hình-dạng không khác con mèo. Cọp đốm gọi là cọp gấm. Cọp vắt khăn là cọp có khoang dài theo cổ, đuôi dài chấm đất. Thứ lông trắng gọi là cọp bạch. Cọp bạch có con lớn đi tu. Thứ lớn là cọp chúa.

Nhiều người nói rằng cọp chỉ ăn người tới số, mà muốn ăn phải có lệnh Thổ-thần mới dám. Cọp chúa không ăn người, vì giống ấy tu, và ai bắn cũng không được. Khi cọp chúa đi thì có con chim Lệnh kêu : Bon-bon tránh khỏi, thế là làm cho người biết rằng cọp chúa sẽ đi tới.

Con cọp hình vóc bằng con chó hay lớn hơn ; về ban đêm con mắt sáng như mắt mèo. Đèn dọi vào, thì thấy ửng đỏ ; cọp ngó đèn một lát thì nheo mắt và sẽ ngó nữa.

Tại Hà-tiên ở Cây-da Cửa-lũy, ngày trước cũng có. Tên cọp ít khi kêu ; kêu tránh là : ông kẹ, ông thầy, cáo vàng.

Có thứ cọp gọi là hạm, miệng mồm hôi-hám, ruồi lằng thường đi theo. Hạm hay ăn thịt người.

Răng cọp làm thuốc rất qui.

Beo thường nhỏ hơn cọp. Thịt cọp ăn rất bổ-dưỡng mà nấu với măng tre ăn phải chết. Râu mép cọp để vào măng tre, thành ra con sâu, ỉa cứt rất độc, người ăn nhầm không phương cứu khỏi. Có khi người đi rừng cũng lượm được móng cọp, hay là sữa cọp đọng theo kẹt đá. Cách săn cọp dẫy khại, đánh roi, thì tại đây ít nghe nói.

Con thỏ vừa bằng con mèo. Lông trắng hay có vá. Ưa ăn cỏ hôi, lá khoai lang. Không nên cho uống nước, nếu uống nhầm nước thì sẽ chết ngay. Cỏ có nước, thỏ ăn cũng chết. Đều cần nhất là chẳng nên nắm mình nó ; thường phải xách lỗ tai.

Con heo rừng là một con thú rất mạnh dạng, da vàng, lông dài hơn lông heo nhà, miệng có nanh. Thịt không có mỡ nhiều như heo nhà, thịt ngon hơn. Da cứng, có người nhai không nát, muốn ăn nó rất khó.

Có hai thứ heo : heo có vàng và heo thường. Heo có vàng không phải nó có vàng bạc chi, hay là màu da nó vàng. Da nó vàng cũng như con heo thường, nhưng nó có ông tà giữ, ít ai săn được nó.

Heo được hai ba tháng, có sọc xuôi theo mình, vàng giợt, gọi heo sọc dưa. Heo ở trên gò hay trên núi ; ở Hà-tiên núi nào cũng có. Ở Giang-thành, mùa nước đồ, đồng ruộng ngập hết, heo, mang lên núp trên gò. Khi ấy không cần bắn súng hay đánh bẫy. Cứ bơi xuống ra gò, lấy cây lấy đá liện nó cũng chết. Nhưng các thú ấy đến lúc cùng đường, có nên tàn-sát như thế chăng. Nghe đâu người Hải-nam đi tàu gặp chim sa cá lụy, cá nhảy vô tàu, chim sa trên cột buồm để nghỉ cánh thì không hề đá-động tới.

Ở Ruộng-muối gần Thạch động và Trà-phô, nhiều heo rừng. Ban đem, có trăng, dễ đi săn hơn ban ngày. Săn heo rừng, phải núp lén, phải bò lét từ chút, và phải đi phía dưới gió, vì nó bắt-hơi giỏi. Có người làm tum, làm giàn trên lùm cây ngồi chờ cả một vài canh ; trời mưa dông gió cũng không nệ, muỗi cắn thì vuốt, không dám đập. Săn cách này tiện hơn và khỏi hại.

Heo rừng, hình giống heo nhà, nhưng chỉ có heo sắc đen mà thôi, không có heo lang mỏ dài, lông cứng, cẳng cao, không được lớn như heo nhà, vì ở rừng ít có món bổ-dưỡng, và lại phải chạy ngược chạy xuôi. Heo rừng hay phá-hại lúa thóc của người canh-nông. Heo đực lớn một, hai tạ, có nanh ở mồm mọc ra, và quắt lên, trắng như ngà, nhỏ bằng ngọn tay, và có thể đánh người chết được. Nanh heo cọp cũng phải kiêng. Heo cái không bao giờ có nanh.

Có con lớn quá, da thật dày, hay lăn dầu chai và cát, súng bắn không thấu ; người gọi heo ấy là heo lăn chai hay là lăn sỏi, lăn sạn.

Heo là giống mến tự-do, khăng-khăng giữ lấy tự-do, rủi mắc bẫy thì dám cắn cụt chân đặng đi cho được. Heo ba chân thường là heo lớn, ai thấy cũng phải tránh.

Con nhím đuôi vắn, mình có lông nhọn, bắn người cũng khó chịu. Lông nào già bắn mới được. Khi nó bắn trái cây không rớt liền tại đó, nó di chỗ khác và lâu lâu trở lại, có rớt thì lượm ăn.

Con nhím ăn nhiều thứ cây thuốc nên chi cái bao-tử nó dùng làm thuốc rất hay, người ta thường đem ngâm rượu trị bệnh ho lao.

Lông dài làm cán viết, thứ cụt để làm trâm giắt đầu. Ngoài trót đầu thật nhọn. Con nhím lớn hơn con mèo, sau đuôi có chùm vỏ khô nên chạy nghe khua như lục-lạc. Mỗi cái lông đều có khúc trắng khúc đen.

Loài con sóc, con nhen, con lồi thường ưa ăn củ-hũ dừa, củ-hũ chà-là.

Chồn mướp mình sọc như trái mướp, có xạ hương mùi thơm để làm thuốc uống.

Chồn cáo lớn hơn hết, gần bằng con chó ; thứ ấy ít có. Người ta thường tìm kiếm nó đặng lấy mật và huyết, nói rằng người nào ho lao mà uống được thì sẽ hết bệnh.

Chồn sao da trắng mốc, có đốm đen ; chồn đèn nhỏ con, lông đen, hay ở theo xóm làng, bắt gà bắt vịt ; nhưng không lẽ lại bắt được thường, ăn quen chồn đèn mắc bẫy.

Nai, mang, hươu, ở xa trông thấy cũng tựa nhau, toàn sắc đỏ giợt, lông

dài, đuôi cụt, dưới bụng lông trắng. Mang nhỏ hơn cả, thịt ngon, mềm, da mỏng, dễ săn bắn. Mang giống như bò con vậy. Nai và hươu săn bắn khác cách hơn các thú kia. Muốn bắn nai cùng hươu phải thắp đèn vọi khí đá, trên đầu đội nón, gắn ngọn đèn, ngoài có đồ bao-phủ, trước có kiến dày để vọi cho xa, có ống giây chun chạy đến bình-khí đá.

Nai hươu ở đồng cỏ và ở các nơi cao ráo. Nai giống như bò, cẳng cao mình ốm. Nai đực hươu đực thì có gạc, tai dài, mắt to. Đến lúc gặp đèn thì ngó chăm-chỉ. Đèn đem lại gần chừng nào thì càng ngó chăm-chỉ hơn nữa. Có con đã từng bị bắn thấy đèn bỏ chạy. Nhưng cũng có thể làm trở lại được. Lúc nó đang chạy, phải bịt đèn lại hoặc vòng một cái, nai không hiểu chuyện gì, cũng đứng lại trông.

Gạc nai chia làm hai nhánh, mỗi nhánh phân ra bốn nạng nhỏ. Nai đực có gạc, gọi nai chà. Nai con mới có sừng còn mềm, gọi là nhung.

Cà-tong lớn hơn nai, thịt to thơ, chạy ba cẳng, còn một cẳng nữa ngay ra cầm lái. Hươu nai ở Phú-quốc, Trà-phô nhiều hơn các chỗ.

Con mang không có gạc.

Gạc nai, hươu, cà-tong đều gọi là lộc. Đến tháng 5, tháng 6, là tới mùa lộc giải rắc. Lúc bấy giờ, vỏ ngoài mềm một phần như vỏ cua lột; rụng một phần mà mọc lên lớp khác. Gạc mới nhú lên được vài tấc gọi là lộc nhung. Lộc nhung bán rất mắc, mỗi lượng bán đến hai ba chục đồng. Lộc nhung là thuốc bổ, uống vào nóng lắm.

Nai chạy, gạc đều xếp theo hai bên mình, đầu đưa tới trước.

Nai, hươu mắc bẫy thì hay kiếm thế đập cho hư cái lộc nhung. Cắt ra thật mỏng, một màu đỏ tươi, láng mướt và cầm rất dịu như lãnh nhiễu.

Khỉ có hai thứ : khỉ đột và khỉ mai, khỉ mai nhỏ con. Khỉ lông trắng, kêu là khỉ. Khỉ lông đen đen, xám tro, kêu là cà-khu hay lọ nồi. Cà-khu thịt ăn bổ-dưỡng, mật làm thuốc kinh-phong, xương ngâm rượu để trị bệnh nhức mỏi. Làm thịt cà-khu, phải giữ cho khéo phạm cái ruột. Ruột phạm, thì hôi lắm, khử thế nào cũng không hết.

Thú lớn như tượng, gấu ở Hà-tiên không có. Mật con gấu trị bệnh tức thật mầu-nhiệm.

Con trúc hình giống con rắn mối, nhưng lớn hơn và có vảy nhiều. Khi nó gặp người ta thì giấu cái đầu vô mình và cuốn tròn lại, như thế nên dễ bắt lắm.

Chim phướng màu đen như quạ, đuôi dài, thịt ngon.

Chìa vôi, chắc-chòe, én là loài chim nhỏ. Ổ én (yến) là món ăn ngon.

Cù-đèn mình trắng, có đốm đen, đầu đen, cổ trắng, cánh đen, mỏ dài, cổ cao, chân đỏ hay chân đen. Giống chân đỏ ít có, quí báu lắm, mà khó bắn.

Con cù-đèn bắt được rồi không bỏ món nào hết. Huyết lông đốt ra, và mật thì uống trừ bệnh ho lao. Huyết thì hòa với rượu mà uống. Cẳng thì làm ống điếu hút thuốc. Thịt nó ăn vào bổ-dưỡng và mát-mẻ.

Con cù-đèn bắt sống bán một trăm đồng bạc cũng không thiếu gì người mua.

Mật cù đèn làm thuốc, giá bán mỗi cái mật bốn năm chục đồng ; còn bộ lông bán riêng. Lông lớn dùng kết quạt ; lông con để làm thuốc ho hay lắm. Xương cũng qui, để mài uống.

Gà sôi là giống cò trên đầu sôi, không lông. Lông cánh dùng kết quạt. Phía sau đuôi có lông rất mịn, nhỏ hơn sợi chỉ, mà lại trắng-trẻo ; lông ấy cầm máu rất hay.

Gà dãy trước cổ có một cái dãy lông-thông, chân thấp hơn gà sôi, mình tròn, mỏ dài. Con cò có lông măng mềm-mại, cầm máu cũng hay.

Con diệc tựa như củ đèn, lông xám, đẻ trứng nhiều. Đến kỳ lên rừng đẻ, mỗi con đẻ chừng 100 trứng. Có khi người gặp đem về bán cả 9, 10 thúng lớn. Trứng diệc nhỏ hơn trứng vịt, hơi dài, màu xanh, ở trong tròng trắng trong như bột trái ấu.

Con séo mình đen mốc. Con lớn nặng hơn một yến. Con trống đầu đỏ. Thường đi cả bầy chừng 3, 4 chục con. Séo ăn trong đồng xa, trông như người ta đi gặt lúa hay cấy lúa vậy. Séo hay đề-phòng, không hay đi gần lùm bụi.

Phượng-hoàng, trĩ, hạc đều là loài linh-điểu. Chỉ nghe lời truyền chớ không ai trông thấy được.

Chim hoàng-anh, chim khách đều là các thứ chim tiếng hót véo-von êm-ái.

Dều, ó, én, quạ, vẹt, chèo-bẻo, quyên, mạnh-vũ, két, anh-võ, mỏ nhát đều là những chim ăn sâu bọ trùng dế.

Cồng-cộc, mỏ nhát biển, chim sa-sả, thằng chài, cò ngà, cò quắm, cò ma đều là loài chim ở dưới sát (bùn), ăn cá tôm. Có câu ca-dao nói về chim sa-sả :

Nực cười chim sả cá hanh,
Đố ai xếp được chim lành cá ỵ.

Chim ó hay xớt gà con.

Nhồng, sáo, cưởng lông đen, mỏ vàng. Lúc nhỏ nuôi cho đến lớn, lột lưỡi và tập cho nói tiếng người, nghe cũng thanh-thú.

Bồ-câu-đất lông trắng. Cu ngói, ức ửng đỏ như gạch ngói. Bồ-câu lông xanh như két là bồ-câu xanh. Giống bồ-câu có tiếng là phản-chủ ; ở đâu có lồng sơn thếp tốt hơn thì nó bỏ chủ cũ mà đi đến đó ; nhưng biết đi thơ ngoài mặt trận, trong vòng giáo dựng gươm trần thì không phải là dở vậy. Thịt rất ngon, nhưng nhiều người cho là độc hơn thịt ngỗng. Mỗi ngày, ăn một con, trong ba tháng không khỏi mang bệnh tê-bại.

Chim trao-trảo, chim sáo, chim cưởng là chim ăn hồ-tiêu.

Chim sâu là chim ăn sâu-bọ.

Chim bò cắt đớp muỗi, giơi ăn trái cây chín, chim sẻ-sẻ hay ăn lúa gạo.

Giơi có hai thứ : giơi chuột và giơi quạ, lớn con, huyết nhiều, nấu cháo ăn ngon. Giơi quạ hay ăn trái đa.

Cú-đèn, cồng-cộc, chàng-bè, kèn-kèn, cò séo là loại ăn cá. Mỏ cồng-cộc mài uống, làm thuốc mắc xương.

Kèn-kèn là giống hay ăn thịt thúi, như chó chết, bò chết cũng là thây ma.

Mùa lúa chín, thường có nhiều thứ chim tựu đến. Người ta lập thế bắt cả xâu.

Chim áo già, ốc cao, chàng nghịch, thằng chài, trao-trảo, chìa vôi thường hay mắc lưới.

Le-le, mỏ nhát, bồ câu xanh, con trích, con quốc, gà rừng đem quay ăn rất ngon.

Mùa xuân là mùa tu-hú kêu rỉ-rả.

Thường khi, nghe tiếng chim te-te hoành-hoạch kêu trên rừng.

Chim hít cô nhỏ con, sắc lông tốt. Mỗi lần lúa chín, thì chim đó kêu ran. Có tích như vầy : thuở trước, chỉ có một hột lúa chín ; nếu cô nó ăn thì nó chết, còn nó ăn thì cô chết. Rốt lại, chim hít cô ăn đi, cô của chim phải chết, và mỗi lần lúa chín thì nó nhắc-nhở.

Chim bìm-bịp lông mình màu đen, lông cánh màu gà. Xương ngâm rượu làm thuốc. Nước lớn thì bìm bịp kêu.

Bìm-bịp kêu nước lớn anh ơi,
Buồn bán không lời chèo chống mỏi-mê.

Chim bìm-bịp bữa kia mượn cái tràng của chim trả-trẹt đã lâu ngày rồi, mà không trả. Chim trả-trẹt đi đòi ; trả trẹt, trả trẹt. Bìm-bịp trả lời : không kịp không kịp.

Lúc trưa, nghe bò cu gáy thật là buồn-bã.

Muốn bắt chim bò-cu, phải làm cái lục (cái rỏ cái lồng), để trên đầu sào dài, để nhựa giẻo hay miếng lưới trên lục ấy. Đoạn, thả con bò-cu mồi vô lục và bo cho nó gáy. Bò-cu khác lại đá lộn thì mắc bẫy. Người đời hay chê chó săn, chim mồi. Nhưng chỉ có chim mồi là có tội, vì là giống phản đồng-loại.

Chim lưỡi nhọn thường hay nói giỏ nghe êm tai lắm, như con két, cưởng là loài bắt-chước tiếng người thật hay. Nói được mà không hiểu là gì. Nghe nói con quạ làm cách này cũng tập nói được. Quạ con vừa bắt xuống ổ, thì đào một cái hầm tối thật sâu để nuôi ở dưới, đặng cho nó khỏi nghe tiếng quạ lớn kêu. Trong ít lâu nó lớn, nó không biết kêu như quạ kia. Chừng đó đem để vô lồng, đạy nó, thì nó nói giỏi lắm.

Con quốc-quốc và mỏ-nhát hay ở dưới mấy lùm cây tùm-gộng. Thấy người thì lủi mau như nhịp.

Ở Hà-tiên, chim hồng-hoàng, cao-cát không có nhiều. Khi nào trời muốn mưa, thì có chim cắt-ca, chim én bay chào-đào, la ó trên không.

Người Tây-phương hay thích nuôi chim ục, chim cú, cho rằng đẹp. Còn người Trung-huê hay nuôi chim sâu, lồng đan thật cao, và sơn màu lục tốt-tươi, nuôi kỹ-lưỡng.

Các chim ăn đêm đã mang tiếng là ăn trộm các chim ban ngày. Mà thương thay! tiếng oan ấy, tiếng xấu ấy thì buộc cho một mình con vạc; chim trạng-sư có kêu oan thế nào được.

Vạc xưa bán đất cho cò,
Đến nay vạc phải lần mò ăn đêm.

17. — Vòm hào, tôm cá.

Có hai thứ cá quí-báu hơn hết là cá cơm và cá bạc-má. Cá cơm để làm nước mắm, cá bạc-má làm cá mặn, mỗi năm bán được mấy trăm vạn đồng.

Sông rạch không nhiều mà bờ biển rất dài, nên các thứ tôm cá vòm hào không thiếu chi.

Xóm Cầu-câu và xóm Tô-châu thường chuyên về nghề hà-bạc, cả bốn mùa đều theo thủ giang-hồ. Chiều đến thì bạn lưới xuống xuồng, lớp vô Đông-hồ, lớp ra Kim-dữ, tảng sáng lại tựu về chợ.

Đánh lưới có chừng lắm. Mùa bắc thì đáng từ chạng-đạng đến nữa đêm trở về, lúc ấy đã lạnh và đã đi đến nước sâu, cá rộng đường đi, nên không bắt được.

Mùa nam thường đánh trong sông, đánh đến rạng đông mới về, có khi tới mặt trời lên cao mới về.

Mũi Kim-dữ lặng được vòm nhiều; có bãi cát lớn, tảng sáng, nước ròng, trời mát-mẻ, đàn-bà, con nít xách dầm, bừa cào, khêu rổ, và xúm nhau cào nghêu hay là bắt móng tay, cà-xiều.

Bắt cà-xiều thì dùng cây dầm 6, 7 tấc. Nhìn trên cát có lỗ méo, họ lấy dầm xoi xuống kề miệng hang thật sâu rồi ra sức nạy đất lên thì có con cà-xiều dính theo về đất. Mỗi lỗ thì bắt được một con. Có khi một hang lại có hơn chục con.

Con vòm vỏ xanh và dài. Vòm dính theo đá và gốc cây, vòm đông từ về lớn chắc-chắn, gọi là một quày.

Vòm, nghêu, cà-xiều móng tay ít có thường, giá rất mắc.

Con nghêu vỏ láng, trắng, có huần đỏ. Vòm bán thúng, bán khêu. Mỗi khêu 7, 8 cắc.

Con cua, con ghẹ hơi giống nhau. Cua có hai càng, tám ngoe, có kẻ kêu « là con hoành-hoành », vì nó đi hàng ngang, có kẻ kêu là vô-trường công-tử vì nó không có ruột ».

Con ghẹ nhỏ hơn cua. Trên mai, có bông trắng trắng đen đen hay là màu xanh màu đỏ. Mai cua hơi xám xanh, hai càng đỏ. Ghẹ sáng trắng thì ốm.

gọi là ghẹ bán thịt. Ghẹ chết phải luộc liền, không thì cũng bán thịt.

Con ghẹ cũng đi ngang hàng, nên tục nói : ngang quá ghẹ.

Đặt rập nước sâu mới có ghẹ lớn. Vỏ mềm và thịt no đủ, ngọt ngon hơn cua. Một con lớn chừng hai, ba xu.

Sam cũng hơi giống cua. Mai lớn, hơi tròn, sau có đuôi cứng. Trên mai, có hai con mắt. Cũng đủ ngoe càng như cua. Nước ròng, sam hay tấp từng cặp vô bờ, một con cái một con đực. Sam cái lớn hơn, và có trứng hơi nồng, dùng nướng chộn gỏi.

Con mực có hai thứ : mực tuột và mực ống. Ở Phú-quốc, thẻ mực được nhiều. Một thứ phơi khô, một thứ làm mắm. Mực có râu như rồng, nên gọi mực là long-tu.

Tôm có nhiều thứ : tôm càng, tôm bạc, tôm gộng, tôm tích, tôm vồ-ngực, tôm sú.

Tôm vồ-ngực màu vàng giợt, đầu lớn mình nhỏ mà giẹp. Tôm sú có vằn có vện, có khi vỏ lại đen.

Tôm bạc và tôm sú bằng nhau, nhưng tôm sú cứng hơn.

Tôm càng có hai thứ : thứ lớn gọi tôm càng, thứ nhỏ bằng lóng tay cái thì gọi tôm lóng.

Tôm bạc cũng hai thứ : bạc trắng, và bạc đất, vỏ đen hơn.

Sông Hà-tiên, có bữa có tôm bầy. Vài mươi chiếc xuồng ra đó, chài tôm cả một hai canh, một người chèo, một người vãi chài. Có người vừa chèo vừa vãi chài một mình. Như thế gọi là chài tôm nước sâu. Đi dài bờ sông mà chài, không dùng xuồng, thì gọi là chài bộ.

Tôm rẻ là một cắc, mắc thì hai, ba cắc tới năm sáu cắc một cân. Tôm làm mắm và phơi khô, nhưng không nhiều.

Ở Cà-mau Bang-long, Vàm-tấn, có khi tôm càng nhiều quá cũng phơi khô.

Tép rong, tép gạo thì xào và xúc bánh tráng. Con ruốc vừa bằng con tép giong, hay đi từ bầy. Xúc ruốc thật nhiều đem về làm mắm ruốc.

Con nha hay là ba-khia (công) cũng làm mắm.

Hào miếng lớn con mà không ngon bằng hào chôn.

Sò huyết ăn rất bổ-dưỡng ; sò lông có khi ăn đau bụng.

Ốc hương, ốc ngọt, ốc len, ốc gạo, ốc tai tượng là các thứ ăn đặng. Ốc tai tượng vỏ lớn như cây quạt, như lỗ tai loài voi tượng.

Ốc đụng vỏ dùng cần liền như ốc xa-cừ. Mỗi tạ chừng hai hay bốn chục đồng.

Ốc dừa, ốc gai, ốc mượn hồn, ốc cờ không ăn đặng.

Con nhau - trâu hình tròn, hay hút nhớt cá. Xào rồi, ăn giòn như bao-tử heo.

Mấy chỗ nước ngọt có nhiều cá rô, cá lóc, lương, cá trê trắng, cá trê vàng, cá sặt, cá sặt bướm nhỏ con, cá lạt giống con lươn, mình vàng.

Cá bống cát (để vảy kho, nhám như cát mịn), bống nghệ một hai khi chài lưới được.

Khoảng tháng 9, tháng 10, cá linh theo nước Châu-đốc đổ vào đây. Gặp nước mặn, phải khờ dại và thả ngừa theo dòng.

Hồ, ao có cá thia-thia màu xanh màu đỏ, hớt nuôi trong tỉnh, để đá ăn tiền.

Nước ngọt lại có cá chốt, cá nhái, cá lim-kim cá sơn, cá dồi, cá lẹp trắng, cá lẹp huyết, cá chìa vôi, cá mạo, cá rồi, và các thứ cá út ; út trơ, út rún, út sàng, út râu, út trắng.

Cá nâu, cá hanh, cá mú là cá giở chà (ở trong đống chà dưới mé nước). Một hai khi cũng vô lưới.

Cá cơm, cá trích, cá sòng, cá nục là cá chạy rở chạy dáy. Người ta ít ăn cá chình, cá sơn, cá thòi - lòi, cá nóc. Các thứ ấy ăn vào rất độc, lắm khi làm hại mạng người.

Cá chình mắc câu thì nó trì kéo rất mạnh, tuồng như lưỡi câu mắc gốc. Khi đem được lên, thì đem đập liền chớ không dám để lâu vì nó quấn hư câu dứt nhợ.

Cá chình sống dai, mình cắt một khía đuôi, rồi thả rộng vô việm; bữa mai cắt một khía nữa, cá cũng lành mạnh. Khi nào cắt khỏi rún, cá mới chết. Cá chình tương-tự con lươn, nhưng thường ở biển.

Cá thòi-lòi là một giống cá hay nhảy trên mặt nước như bay vậy. Cá thòi-lòi ở cù-lao Vung (tỉnh Sóc-trang) lớn hơn bắp tay, và cá ấy ăn được.

Cá nóc rất hại vì hay khoét thịt người. Mình có mụt rất nhiều. Cá đeo theo dựa ghe, và kêu tựa-tựa như ảnh-ưởng. Có thứ ăn vào chết ngay. Tuy vậy cũng có chỗ dùng. Cá lớn móc thịt ra hết, lấy tấm da dồn trấu, căng ra đem phơi, lớn như dừa khô, để làm bong-bóng đèn rất xinh đẹp.

Cá kè, lý ngư, tai tượng, ba gà, đuối ó, bẩn sẩo, ít khi đánh được.

Cá cờ đụng nhằm mình, như dây điện-khí giật mạnh.

Cá thu mùa mình tròn. Cá thu mình giẹp, gọi là cá chán. Có khi cá thu gọi là cá ảo.

Cá chét-chèo nhỏ con. Thứ lớn hơn là chét bùn, chét xanh kỷ, chét đất.

Cá chét bùn lớn được 4, 5 yến lại gọi là cá chét gộc, hay là cá gộc. Ở Rạch-giá, phơi khô gộc rất nhiều.

Cá én thịt bùi, mình tròn, vảy hơi xanh.

Cá chan lớn lên gọi là cá bè. Cá bè vàng ngon thịt hơn cá bè tre, thường để xe khô, vì ăn tươi thịt nó hơi chát.

Cá chim ô chưa được ngon bằng cá chim sành.

Cá hường vện lại không được ngon như hường bông.

Giống cá kẻm ít khi được trông thấy.

Cá dồi - trường, cá sủ, cá huỳnh không sánh kịp cá cháy hay cá nhồng. Cá cháy nhiều xương, bề ngang, bề dài cân phân với nhau. Ăn trứng cá cháy thật nhiều, hay phải chứng lào tả. Rạch-giá, Vàm-tấn có nhiều.

Cá nhồng mình tròn, dài quá một thước.

Cá bẹ vàng được trọng - dụng hơn cá bẹ trắng.

Cá rựa xương nhiều, hay dùng nấu nước kèn; nấu xong phải lược xương.

Cá sốc, cá ốp, cá bằng-chặng, cá cốc, cá rỏi, cá lạc đều là cá ở biển.

Cá chạch ở theo đất bùn, nên chỗ đất sỏi sao có chạch vàng. Đầu đuôi thiệt nhọn. Sau đuôi, mỗi bên có ba điểm tròn, xanh xanh.

Cá sạo lên khỏi nước thì ươn. Người Triều-châu gọi ươn là sạo, và người nước ta do theo đó mà đặt tên.

Cá lù-đù thịt không ngon, thường để làm phân. Cá phân mỗi thúng hay mỗi khên chừng 2 cắc, hay 4 cắc.

Cá cơm lựa xong, một khên 4, 5 cắc. Cá ngác tựa cá trê trắng, mình đen gai độc, đâm rất nhức.

Cá cốc mình cũng có gai.

Cá đuối có nhiều thứ; đuối ó, đuối lầm, đuối cờ, đuối giơi, đuối ghim.

Cá đuối lầm gan béo lắm. Cá nhỏ như cái đĩa, cá lớn cả 2, 3 yến.

Cá đuối ghim nhỏ con; nhà nghề hay cử tên, ít khi dám nói đến. Trên đuôi có cái nẻ, cái gai độc lắm. Cá nẻ đụng mình một chút, thì thấy nhức nhối, sinh ra bách bệnh.

Cá đuối xẻ ra phơi trên dây như cây quạt sè ra, khoảng trắng khoảng đen.

Cá hố không vảy, mình dài và giẹp đóng phấn trắng phau như bạc.

Cá đối lá, cá đối nhọn hay đi từng bầy lối vài trăm con, khi nào gặp cồn thì nhảy sào-sạt cả trăm thước mới thôi. Cá này không ăn câu, vãi chài bắt nó mới được.

Cá mai, cá ve, cá liệt, cá sòng là mấy thứ cá nhỏ thường bán chợ.

Mấy thứ bán rẻ tiền là các thứ cá sát, cá dứa, cá hớp, cá cao, cá đỏ, cá chẻm nhỏ, cá chẻm chị.

Cá sát lớn con kêu là cá dứa.

Cá chẻm lớn 7,8 yến thì gọi là cá vược.

Cá ngân dài như bàn tay. Cá ngân có ba thứ: ngân bột, ngân lừng, ngân chỉ. Ngân lừng và ngân bột cũng một màu. Ngân chỉ có một lằn xanh trên lưng như sợi chỉ; thứ này nhỏ hơn hết. Người Phú-quốc kho trong thùng thiếc rồi chở đi bán, gọi là cá kho hòn.

Cá nạng có cây nạng trước đầu. Truyền rằng thuở nọ đức Cao-hoàng (Gia-long) đi thuyền ngoài vịnh Xiêm-la bị giáp nước. Vua dạy bỏ neo. Neo vừa xuống, có con cá nạng tới nạng mỏ neo kéo ghe qua khỏi giáp nước.

Cá sóc, cá ốp thịt cứng, kho chẳng ngon; chỉ muối, chiên sả nghệ.

Cá mòi, cá sòng, cá bạc má, cá trang, cá thiều, cá thu, cá chim đều kho ăn được hết.

Cá đối mình tròn, cá mòi mình giẹp.

Cá liệt có hai thứ: liệt xuôi và liệt ngang.

Cá đỏ cũng hai thứ: cá sông và cá biển. Cá đỏ trong sông nhỏ hơn cổ tay. Cá đỏ ngoài biển lớn như cây quạt; ngon hơn béo hơn.

Cá vồ, cá chan, cá vược, cá mú, cá ngừ, cá chết gộc là mấy thứ cá ngon. Cá ngừ bán mắc tiền; lâu lâu, mới bắt được một lần. Cá ngừ bán khô được giá hơn bán tươi. Người nào không hợp ăn vào hay phải chứng ngứa mình. Mùa nam ở Hàm-ninh đánh cá ngừ rất nhiều. Lúc ấy, trong Hà-tiên cá ít. Cá ngừ kho xong đem bán tại đây. Một thùng thiếc (20 lít) 4, 5 đồng.

Cá lưỡi trâu thịt ít mà rất ngọt bùi; mình thì một bề giẹp, bề trên thì khum; miệng méo và cong như lưỡi trâu le ra. Cá sơn-bầu cái môi trên dài và quớt lên.

Cá nhám da trơn, không có vảy.

Cá cào cũng loài cá nhám, trước đầu có một cây ngang như cây bừa cào.

Cá nhám, cá cào, cá mập lấy về bán mắc tiền. Các thứ cá ấy gọi là hàng: hôm nay không có hàng, khoảng này hàng chạy nhiều.

Cá nhám có nhiều thứ: nhám giàn, nhám thâm, nhám đá, nhám giấy, nhám vàng, nhám nghệ.

Cá nhám cào lớn bằng hai cá nhám giàn. Vi-kỳ giống nhau, nhưng đầu thì hơi khác. Cá nhám giàn đầu nhọn; đầu nhám cào có ngạnh hai bên. Dựa ngạnh, có hai con mắt lớn. Da cá mốc-mốc, có mục nhỏ, thịt không ngon. Vi-kỳ cá nhám, cá mập phơi khô 15, 17 đồng một tạ. Cá lớn mới lấy da.

Cá giống lớn con, bán khô cũng được giá.

Bong-bóng cá bè đường phơi khô ăn rất bổ và làm thuốc rất hay.

Cá cuối hình-tích tựa như con heo. Lỗ mũi và tiếng kêu cũng giống heo. Dùng lưới quăng hay là câu kiều thì bắt được. Cá này bán tươi nhiều người mua, còn dư thì xẻ khô. Mỡ thì thắng để thoa chỗ phỏng lửa. Cá lớn có hai nanh tròn và dẽ-dặt. Nanh ấy nghe bên Triều-châu dùng trị bệnh hạch. Da cá phơi khô.

Ở trên đã nói hai thứ cá quí báu là cá cơm và cá bạc-má.

Cá cơm nhỏ như ngón tay, bề dài chừng 6, 7 phân, vảy trắng, xương nhiều. Cá hay đi từng bầy. Người Phú-quốc dùng làm nước nắm mấy trăm năm nay, danh tiếng lẫy-lừng, đến người Tây-phương cũng không chê được.

Cá trích không ngọt nước bằng, nhưng cũng dùng làm nước mắm được. Một năm bán lối 40 000 tỉnh, một tỉnh ba lít.

Cá bạc-má lớn như bàn tay, mình cá no đủ không giẹp. Dưới bụng trắng, trên lưng xanh màu giong. Phía bụng gần sau đuôi da giũn chừng 5, 6 chỗ như răng cưa. Đuôi chẻ hai.

Bãi Lộc-trĩ chạy nó mỗi năm lối 15.000 tạ, kể vừa cá mặn khô, cá mặn ướt.

Có hai loại linh-ngư là nược, cá ông.

Cá nược đầu tròn, nặng gần 1 tạ. Người An-Nam không ai ăn. Cá thường quây quần theo bầy ruốc. Có khi êm trời thì trường lên bầy ruốc, và nhào lộn để lùa con ruốc vô miệng.

Ghe chạy gặp nược trừng lên, họ cất tiếng kêu nược đua, thì cá lội theo mau lắm. Có khi nó lặn mất và một chặp lâu lâu thì nổi lên cho mình biết ăn thua. Cá ông to lớn hơn hết về loài cá.

Có khi cá ông lụy vô bãi, một người đứng bên này dòm qua bên kia không thấy. Thợ lưới chôn cất, để tang rất thanh-kính. Người trưởng-nam mang nghèo vài năm rồi sau mới khá được. Cá ép theo ép hai bên thì thịt. Ghe bầu gặp thì gỡ ra.

Cá ông đi tìm ở trước cặp cá đao và mấy con mực.

Có việc nguy-cấp, cá đao ra sức, còn mực thì phun mực ra cho tối-tăm. Cá đao một loài với cá cào, có một cái đao trước đầu, ước được một thước năm, bề bằng có hai tấc rưỡi.

Cá ông có công đỡ thuyền vua nên được phong tước Nam-hải đại-tướng-quân.

Các cửa biển sông Cửu-long, mỗi năm có lệ rước ông: ken ghe lại, trống phách, cờ xí, múa lân, đờn kêu rầm-rộ. Rồi chèo ghe ra biển, mừng ông. Ông lên vọi thì biết năm ấy làm nghề được khá hay không khá.

Tục-ngữ đã khen đầu cá chan, mang cá vồ là hai món thiệt ngon. Ca-dao nói về con cá cũng nhiều:

— Cá lưỡi trâu sầu ai méo miệng,
Cá sơn-bầu nhiều chuyện quớt môi,
— Chi ngon bằng gỏi cá nhồng,
Chi vui bằng được tin chồng vinh-qui.
— Ba đồng một khía lá buôi,
Cũng mua cho được mà nuôi mẹ già.

(Còn nữa)

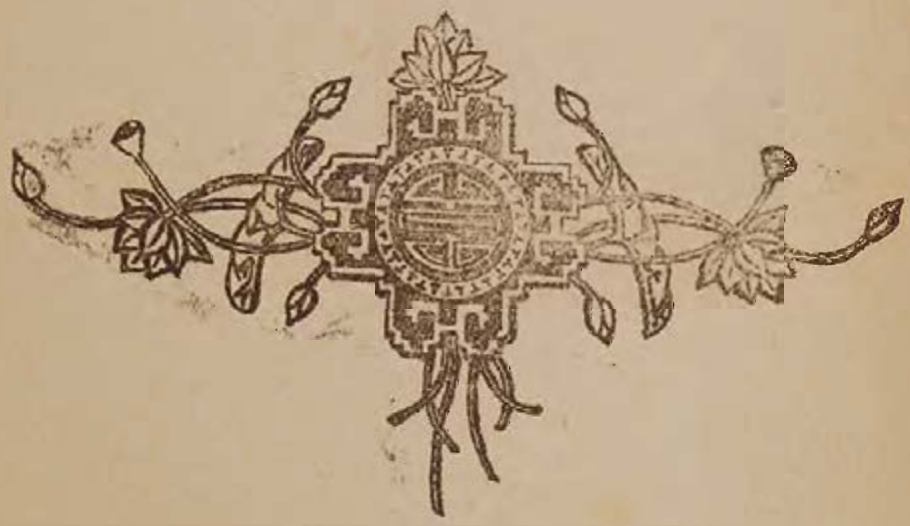

VĂN CHIẾN-QUỐC SÁCH

1.—Tô Tần đem chước «hợp-tung» bảo vua Triệu

Tô Tần đi từ Yên sang Triệu, mới đem chước «hợp-tung» nói với vua Triệu rằng:—«Thiên-hạ bây giờ, từ bậc khanh-tướng cho đến kẻ sĩ bố-y, ai cũng mến phục Đại-vương là người vì nghĩa, ai cũng muốn đến để phụng mệnh và giãi bày cái bụng trung-thành ra trước mặt Đại-vương, đã lâu nay rồi. Nhưng chỉ vì Phụng-dương-quân (em vua Triệu) ghen-ghét Đại-vương, sợ không được chuyên-nhiệm. Vì vậy những kẻ tân-khách du-đàm, không ai dám tỏ hết lòng ra với Đại-vương. Nay Phụng-dương-quân đã qua đời rồi, Đại-vương từ nay mới được thân-cận với những kẻ sĩ-dân, vậy tôi mới dám đem cái lòng ngu-muội mà dâng lên.

«Nghĩ cái kế của Đại-vương bây giờ, không gì bằng an-dân vô-sự, mà đừng có giở-dói gì là hơn. Cái gốc an-dân là phải chọn lấy nước giao-hảo, chọn được nước giao-hảo thì dân an, chọn mà không được thì dân chung-thân cũng bất-an. Vậy xin nói về việc ngoại-hoạn. Nếu Tề với Tần cùng làm địch-quốc của ta thì dân không an được. Thế mà dựa Tần đánh Tề, dân cũng không được an, mà dựa Tề đánh Tần, dân cũng không an được.

«Thế cho nên định mưu hại người chủ-sự bên kia, đánh lấy nước kẻ khác, thì cái sự hở môi ra mà nói để đoạn-tuyệt giao-tình của họ là rất khó-khăn. Vậy xin Đại-vương giữ cẩn-thận mà chớ có hở-han ra, thì xin ngài đuổi cả tả-hữu ra ngoài.»

Tô Tần bèn nói: «Mỗi chước mỗi khác, như âm với dương vậy. Vì Đại-vương mà nghe chước của tôi thì Yên tất phải đem cái đất sản chiên cừu chó ngựa đến nộp, Tề tất phải đem cái đất sản cá muối đến nộp, Sở tất phải đem cái đất sản cam quít đến dâng. Cho đến Hàn với Ngụy đều phải đem cả đất thái-ấp cùng làng thang-mộc đến dâng. Bấy giờ những bậc qui-thích phụ-huynh của Đại-vương cũng cùng được có đất phong cả.

«Ngày xưa Ngũ-Bá sở-dĩ hao binh tổn tướng là chỉ cầu lấy cắt được thêm đất. Vua Thang vua Vũ sở-dĩ giết vua tranh nước cũng là chỉ để phong hầu cho thân-thích. Thế mà bây giờ Đại-vương chỉ ngồi yên mà được hòa hai điều đó, thực tôi cầu-nguyện cho ngài quá.

«Nay Đại-vương thân với Tần thì Tần tất đánh Hàn với Ngụy. Thân với Tề thì Tề tất đánh Sở với Ngụy. Ngụy thua thì phải cắt xứ Hà-ngoại cho Tề. Hàn thua thì phải cắt xứ Nghi-dương cho Tần. Nghi-dương mất thì đất Thượng-quận tuyệt với Triệu. Hà-ngoại mất thì đường sang Triệu nghẽn. Còn Sở mà thua thì Triệu vô-viện. Ba chước đó ngài không xét kỹ không được.

Tần mà nó đem binh xuống đường Chỉ-đạo thì đất Nam-dương phải núng. Nó đánh sấn vào Hàn, vây lấy nhà Châu thì Triệu tự mỏn-mỏi đi. Nó lấn Vệ chiếm lấy sông Kỳ thì Tề phải vào chầu nó.

«Tần mà nó đã đắc-chí ở vùng Sơn-đông như thế rồi tất nó quay binh vào Triệu. Binh Tần đã qua sang sông Hà sông Chương rồi thì tất nó đóng ở đất Phiên-ngô mà trận phải bày ở dưới thành Hàn-đan nước Triệu đó. Tôi sở-dĩ lo thay cho Đại-vương là ở chỗ đó.

Hiện nay các nước ở Sơn-đông không nước nào mạnh bằng Triệu. Hết rộng ba nghìn dặm, quân đới-giáp vài mươi

vạn, binh-xa nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc ăn đủ mười năm. Tây có núi Thường-sơn, nam có sông Hà sông Chương, đông có sông Thanh-hà, bắc có nước Yên mà Yên vốn là nước yếu có cần gì.

« Vả Tần nó không ghét nước nào bằng Triệu, thế mà nó không dám cử-binh đánh Triệu là vì cớ gì? Là nó chỉ sợ Hàn với Ngụy họ nhòm đường về của nó đó. Thế thì Hàn với Ngụy thực là cái liếp che mặt nam cho Triệu vậy. Chớ như Tần đánh Hàn với Ngụy thì không thế. Hai nước ấy không có núi to sông lớn gì để ngăn-trở, nó cứ tằm ăn lá bắc lại lần cành nam, cho tới quốc-đô thì mới thôi.

« Hàn với Ngụy đã không địch nổi được Tần, tất phải vào làm tôi Tần. Tần không vướng gì Hàn với Ngụy nữa, tất nó dồn cả tai-vạ vào cho Triệu. Tôi sở dĩ lo thay cho Đại-vương lại ở chỗ đó.

« Tôi nhớ xưa, vua Nghiêu không có đến ba tên quân, vua Thuấn không có một thước đất nào, thế mà đều có được cả thiên-hạ. Vua Vũ thì không có bọn dân trăm người mà làm được vua cả Chư-hầu. Vua Thang vua Võ thì quân không quá ba nghìn, xe không quá ba trăm cỗ mà làm được Thiên-tử, là các nhà ấy biết cách làm đó.

« Thế cho nên đấng minh-chủ là ngoài phải liệu xem cái thế của địch-quốc mạnh hay yếu. Trong phải tính xem cái số sĩ-tốt mình ít hay nhiều, giỏi hay hèn. Thì cái cơ thắng-bại tồn-vong nó đã bày tỏ ra ở trong bụng mình rồi, chớ có thể sợ miệng tiếng mà bàn tính mập-mờ được đâu.

« Tôi trộm đem địa-đồ thiên hạ ra mà xét thì thấy đất Chư-hầu to gấp năm của Tần. Như thế thì đã chắc đâu bên nào đánh được bên nào và bên nào phải làm tôi bên nào.

« Cứ những kẻ chủ-trương chước « liên-hoành » thì họ đều muốn cho Chư-hầu cắt đất cho Tần mà xin hòa. Hòa với Tần rồi thì lầu cho cao cung cho đẹp, ngồi mà nghe đàn ngọt hát hay, ăn của ngon vật lạ. Bước ra có xe rộng êm, quay vào có sân dài rộng và gái đẹp nhởn-nhơ. Nhưng chợt cái bị Tần nó lừa thì không biết cùng ai lo tính. Ấy bọn « liên hoành » họ chăm-chăm đem quyền-thế Tần để dọa nạt Chư-hầu mà yêu-cầu cắt đất là thế. Vậy xin Đại-vương nghĩ kỹ mà xem.

« Tôi xem đấng minh-chủ là phải tuyệt sự ngờ, khử kẻ xàm, ruồng bỏ những vết phao truyền, lấp hết những lối bè-đảng. Cho nên những kẻ làm cho chúa tôn, đất rộng, binh cường, kẻ bầy-tôi mới phô bày ra trước mặt. Vậy tôi xin nghĩ kế cho Đại-vương là không gì bằng hợp cả Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu lại làm một. Sáu nước kết-thân với nhau để chống cự Tần. Các nước đều cho Thừa-tướng hoặc Tướng-quân cùng đến hội ở trên sông Cẩng-thủy, trao đổi trí-lễ cho nhau. Giết con ngựa trắng lấy máu ăn thề mà thề với nhau rằng: Tần đánh Sở, thì Tề với Ngụy đều đem quân tinh-nhuệ ra giúp. Hàn thì tuyệt đường đem lương của nó, Triệu thì đem quân qua sông Hà sông Chương, Yên thì giữ mé bắc núi Thường-sơn.

« Tần đánh Hàn với Ngụy thì Sở tuyệt đường đem lương của nó, Tề đem quân tinh-nhuệ ra giúp, Triệu đem quân qua sông Hà sông Chương, Yên giữ đất Vân-trung.

« Tần đánh Tề thì Sở tuyệt đường đem lương của nó, Hàn giữ đất Thành-cao, Ngụy chặn đường Ngọ đạo, Triệu đem quân sang sông Hà sông Chương và cửa Bắc-quan, Yên đem quân tinh-nhuệ ra giúp.

« Tần đánh Yên thì Triệu giữ ở núi Thường-sơn, Sở đóng ở cửa Vũ quan, Tề đem quân qua bể Bột-hải, Hàn với Ngụy đem quân tinh-nhuệ ra giúp.

« Tần đánh Triệu thì Hàn đóng ở đất Nghi-dương, Sở đóng ở cửa Vũ-quan, Ngụy đóng ở đất Hà-ngoại, Tề đem

quân qua bể Bột-hải, Yên đem quân tinh-nhuệ ra giúp.

«Chư-hầu nước nào mà bội-ước trước thì năm nước kia cùng đến đánh.

«Sáu nước kết-thân với nhau để chống-cự Tần, Tần tất không dám đem binh ra Hàm-cốc-quan mà tàn-hại các nước vùng Sơn-đông nữa. Như thế là bá-nghiệp của ngài phải thành.»

Vua Triệu nói: «Quả-nhân còn trẻ-trung, cai-trị việc nước chưa được mấy ngày, cũng chưa được nghe cái kế tràng-cửu xã-tắc lần nào. Nay thượng-khách có lòng nghĩ đến thiên-hạ, muốn cho Chư-hầu được yên, vậy quả-nhân xin đem cả nước theo ý-kiến thượng-khách.»

Bấy giờ vua Triệu bèn phong cho Tô Tần làm Vũ-an-quân, cấp cho một trăm cỗ xe trạm vẽ, một nghìn dật vàng tốt, một trăm đôi ngọc bạch-bích và một nghìn cuốn gấm vóc để đi giao-ước với Chư-hầu.

2. — Trịnh Đồng lấy việc binh nói với vua Triệu

Trịnh Đồng sang phương bắc đến nước Triệu vào yết vua Triệu. Vua Triệu hỏi: «Ông là một nhà bác-sĩ ở nam-phương, ông có chước gì để dạy quả-nhân này?» Trịnh Đồng thưa rằng: «Tôi là kẻ quê-mùa ở nam-phương, có biết gì mà ngài hỏi. Tuy-nhiên, ngài đã cho tôi vào yết ở trước mặt, tôi đâu dám nín yên. Lúc tôi còn bé, cha tôi có dạy cho nghề binh.» Vua Triệu nói: «Quả-nhân không thích việc binh.»

Trịnh Đồng ngửa mặt lên trời, vỗ tay mà cười, nói rằng: «Binh vẫn là việc mà thiên-hạ không thực lòng ham chuộng đấy. Cho nên tôi cũng đã biết Đại-vương không thích. Tôi đã đem việc binh nói với vua Chiêu-vương nước Ngụy. Ông ấy cũng nói quả-nhân không thích. Tôi có nói với ông ấy rằng: Ngài có làm được như ông Hứa Do không? Ông Hứa Do không có hệ-lụy gì với đời, nên ông không thích việc binh. Còn như ngài thì ngài nối ngôi của tiên-vương truyền lại, ngài có muốn cho tôn-miếu vững yên, cõi đất không bị cắt mất, xã-tắc được lửa-hương không? Ông ấy nói rằng: Có muốn thế. — Tôi lại thưa: Nay có người mang hạt châu quí, vàng ngọc đẹp và của báu hàng muôn lạng mà thường ra trọ ở ngoài cánh đồng, người ấy trong mình không có cái oai như Mạnh-Bôn, cái khỏe như Kinh-Khanh, ngoài thì không có cung nỏ gì để chống cự, tôi chắc rằng người ấy không thoát nạn qua được một tối. Vậy bây giờ có một nước tham-lam cường bạo nào đem binh tới biên-thùy nước ngài mà đòi lấy cõi đất của ngài, ngài lấy lẽ phải bảo nó không nghe, lấy nhân-nghĩa hiểu nó không nghe, thế mà ngài không dùng đến các khí-cụ của đời Chiến-quốc thì làm sao mà đương nổi. Ngài mà không dùng việc binh nữa thì các nước lân-bang người ta đắc-chí với nước ngài ngay.»

Vua Triệu nói: — Quả-nhân xin vâng lời ông.

3. — Công-tôn Long can Bình-nguyên-quân đừng thụ phong

Tần đánh Triệu, Bình-nguyên quân sai người sang Ngụy cầu-cứu. Ngụy Tín-lăng-quân đem binh đến dưới thành Hàn-đan thì Tần phải bãi binh.

Ngu-Khanh bèn nói với vua Triệu mà xin thêm phong ấp cho Bình-nguyên-quân rằng: «Không phải một tên lính nào vào chiến-đấu, không bị gẫy một ngọn mác nào, mà gỡ được hoạn-nạn cho cả hai bên, là nhờ ở sức Bình-nguyên-quân đó. Dùng sức của người ta mà quên công của người ta thì sao phải.»

Triệu-vương nói: — Phải, ta cũng sắp phong thêm đất cho ông ấy đây.

Công-tôn Long nghe biết chuyện ấy, đến yết Bình-nguyên quân mà rằng: «Ngài trước đã không có công hao binh tổn tướng gì mà được phong ở Đông-vũ-thành, hào-kiệt nước Triệu còn nhiều người ở trên ngài mà ngài được

làm Tướng-quốc. Như thế là vì ngài là họ nhà vua. Ấy thế là ngài được phong ở Đông-vũ-thành mà không chối từ là mình vô công, được đeo tướng-ấn nước Triệu mà không chối từ là mình vô-tài. Nay mới một lần gỡ được quốc-nạn thì đòi thêm phong ấp. Thế tất là kẻ tôn-thất được phong thì người trong nước người ta xét lại công-lao đó. Nghĩ kế cho ngài, chi bằng không thụ phong nữa là ổn »

Bình-nguyên-quân nói : « Xin vâng, » Rồi không thụ-phong

(Còn nữa)

ĐỖ-NAM-TỬ

TIẾNG NAM BẮC KHÁC NHAU

(Tự-vựng Hà-nội-Sài-gòn)

Theo văn quốc-ngữ, tiếng nói trong Nam nói khác ngoài Bắc nhiều lắm Tất cả một vần V trong Nam nói ra vần D hết thảy, như : vào thì nói dào, vô thì nói dô, vừa thì nói dừa, vân-vân. Bởi tiếng nói như vậy cho nên khi viết cũng theo tiếng nói, trong các sách in thường có chỗ vay viết ra day, vâng viết ra dâng Lại còn mấy vần goa, qua và hoa nói hơi đưa đưa như nhau. Về vần trắc quốc-ngữ thì những vần cuối cùng có chữ C, T lẫn nhau, có G không G lẫn nhau, ách ắt lẫn nhau, bởi vậy cho nên mặt viết ra mặc, ban viết ra bang, bền viết ra bềng, bách viết ra bắt, lại cũng có khi ích viết ra ít nữa. Còn các dấu thì dấu ˎ và dấu ˊ không phân-biệt, hai dấu ấy số dùng nhiều hơn là dấu ˋ, trong các hộp chữ các nhà in, hễ dùng hết dấu ˊ rồi dùng sang dấu ˎ, hoặc khi bỏ chữ thì hai dấu ấy bỏ lẫn nhau, mà khi viết thì cơ-hồ không dùng dấu ngã, chỉ dùng chung một dấu như dấu hỏi kiểu in mà thôi ; dấu nặng cũng thường khi lạc sang dấu hỏi nữa.

Tiếng nói trong một nước mà nói tiếng này sang tiếng khác được, viết lẫn chữ này sang chữ khác được, thế thì tiếng nói không có thể một ngày một giàu thêm lên mà lại phải nghèo bớt đi, như vậy có thể gọi là sai lầm hay là không đúng.

Tuy vậy, chữ quốc-ngữ phổ-thông ở trong Nam trước ngoài Bắc, những sách và tự-điển trong Nam ngày trước in đúng hơn các sách trong Nam ngày nay, thế thì cái sai đó có lẽ tự tại ngày nay không để trí đến. Nay quốc-ngữ đã thành một lối chữ riêng của cả nước Việt-Nam ta, muốn cho Nam Bắc một nhà, tâm đầu ý hợp, tưởng về phương-diện quốc-âm ta cần phải lưu-tâm lắm. Cái đặc-sắc viết quốc-ngữ ở trong Nam là phân-biệt được đúng những vần tr, ch, d, gi, r, s và x, còn về những tiếng danh-từ dùng khác ngoài Bắc, cũng không có bao nhiêu, tiện đây xin biên mấy tiếng Bắc Nam nói khác nhau, gọi là « Tự-vựng tiếng Hà-nội Sài-gòn, » trong bản này có tiếng thông-dụng ở Sài-gòn mà không thông-dụng ở Lục-châu, cũng như ở ngoài Bắc có tiếng thông-dụng ở thôn-quê mà không thông-dụng ở Hà-nội, vậy lấy hai nơi đó làm trung-điểm. Tự-vựng cộng có 330 tiếng, có tiếng hơi giống, có tiếng khác hẳn, có tiếng trái lại, có tiếng dịch hơi khác nguyên-ý, không đủ nghĩa, tưởng điều đó cũng là một lẽ cố-nhiên. Còn như muốn cho lối văn trong Nam ngoài Bắc viết được đúng nhau, thì phạm - vi bài này chưa kịp bàn đến, mong các độc-giả trong nước sẽ lưu-tâm về quốc-âm mà nghĩ đến tiếng nói và chữ viết phổ-thông của cả Bắc Nam thì cái nạn gặp nhau coi nhau như người nước ngoài, tưởng cũng tránh được không khó.

A

Ăn sang trọng, ăn ngon.	*Ăn sướng.*
Ăn kham-khổ	*Ăn cực.*
Ăn vụng	*Ăn lén.*
Ăn công	*Ăn bạc.*
Ăn tiêu	*Tiêu xài.*
Anh, em (nhân-tình)	*Qua, bậu.*
Anh cả, anh trưởng	*Anh hai.*
Áo quần giặt là	*Đồ ủi.*

Ở

Ở nhờ	*Ở đậu.*
Ở nhà quê	*Ở trong đồng.*

B

Ba xu	*Ba chim, tiền rưỡi.*
Bận lắm	*Mắc quá.*
Bàn thấm	*Bàn chậm.*
Bản-phận	*Bổn-phận.*
Bảo-tàng	*Bửu-tạng.*
Bánh da	*Bánh tráng.*
Bánh chưng,bánh nếp	*Bánh tét.*
Bánh tây	*Bánh mỳ.*
Bệnh, đau yếu	*Bịnh, đau.*
Bỏ chữ (việc nhà in)	*Trả chữ.*
Bố vợ	*Ông sui.*
Bốc thuốc, cắt thuốc	*Hốt thuốc.*
Bốn xu	*Bốn chim, hai tiền.*
Bằng gỗ	*Bằng cây.*
Bít tất	*Giớ.*
Bốn hào	*Hai quan.*
Bí đỏ (quả)	*Bí rợ.*

C

Cá khô	*Khô.*
Cá mặn	*Mắm.*
Cái duộc	*Cái cóng.*
Cãi nhau	*Rầy lộn.*
Cát hung	*Kiết hung.*
Cái dĩa	*Cái đĩa.*
Cái chum	*Cái lu.*
Cái cốc	*— li.*
Cái mũ	*— nón.*
Cái thìa	*— muỗng.*
Cái tem (timbre	*Con cò, cò.*
Cái bát ăn cơm	*Cái chén.*
Cái bát chiết yêu, bát chậu	*— tô.*
Cái bếp kiềng	*Cái cà ràng.*
Cái quản bút, bút	*Cây viết.*
Cái thuyền	*Cái ghe.*
Cái hòm	*— rương.*
Cá quả, cá chuối	*Cá lóc.*
Cái bao diêm	*Cái ống quẹt.*
Cành cây	*Nhánh cây.*
Chập lại	*Vọm lại.*
Còn nhiều, có nhiều	*Còn hiếm, hiếm.*
Chút dỉnh	*Chút xín.*
Chim chuột, giai gái	*Mèo chó.*
Chiều hôm qua	*Hồi hôm.*
Chụp ảnh phóng-đại	*Rọi hình.*
Cha tôi	*Ông già tôi.*
Chè	*Trà.*
Chộp được	*Lộp được.*
Chất bóp	*Chất lót.*
Chiều hôm nay	*Bữa hôm nầy.*
Cái âu đồng	*Cái ô.*
Cái cúc áo	*Cái núc áo.*
Cái ghế vải	*Cái ghế bố.*
Có nhiều lắm	*Có hung.*
Con chấy	*Con chi.*
Con thạch-sùng	*Con thằn-lằn.*
Con thằn-lằn	*Con thạch-sùng.*
Công việc	*Công chuyện.*
Cửa hàng	*Tiệm, cửa tiệm.*
Con lợn	*Con heo.*
Công-sứ	*Tham-biện.*
Cương-thường	*Cang-thường.*
Cổ tay	*Cườm tay.*
Cổ chân	*Cườm chưn.*
Con giai	*Con trai.*
Con cầy hương	*Con chồn.*
Cây thông	*Cây ngo.*
Cái tăm	*Cây xỉa răng.*
Cầu vồng	*Mống trời.*
Con ngan	*Con sim, con vịt xiêm*
Con cừu	*Con trừu.*
Con hoẵng	*Con mang.*
Con hùm	*Ông cọp.*

D

Dầu hột, dầu máy	*Dầu nhớt.*
Dầu vừng	*— mè.*
Dầu thầu dầu	*— sổ.*
Dầu hỏa	*— hôi.*
Dần dần	*Lần lần.*
Dan hàng	*Căn phố.*
Dây thép (fil de fer)	*Kẽm.*
Deo mạ, rắc mạ	*Xạ, xạ lúa.*
Dịp tốt	*Nhịp tốt.*
Dịch vào	*Xịt vô.*
Dọc khoai	*Cộng môn.*
Dọc mùng	*Cộng bà-khà.*
Duyệt tòa, trình tòa	*Ốp bộ.*
Dựa cây	*Mủ cây.*
Dựa cao-xu	*Dựa thung.*

Đ

Đánh nhau	*Đánh lộn.*
Đắp chăn	*Đắp mền.*
Đắt	*Mắc.*
Đánh rơi	*Đánh rớt.*
Đem	*Đam.*
Đèn đất	*Đèn khí đá.*
Đèn dầu hỏa	*Đèn dầu hôi.*
Đi rẽ tay phải	*Đi quẹo tay mặt.*
Đi thẳng	*Đi thẳng tuốt.*
Đi trình cầm	*Đi cớ có bóp.*
Đền, miếu, phủ	*Chùa.*
Đội xếp	*Ma tà.*
Đổ tiền, đổi bạc	*Thối bạc.*
Đốc-lý, sở đốc-lý	*Xã-tây.*
Đuổi theo	*Rượt theo.*
Đùa bỡn	*Đùa dỡn.*
Đừng có nên...	*Mựa chớ nên...*
Đũa cả	*Đũa bếp.*

G

Gà sống	*Gà trống.*
Gác, nhà gác	*Lầu, nhà lầu.*
Gắng sức	*Ráng sức.*
Giả làm	*Dối làm.*
Giấy cáo-bạch	*Giấy rải.*
Giấy thấm	*Giấy chấm.*
Giặt là	*Giặt ủi.*
Giầu gia, thông-gia	*Sui gia.*
Giả nhời	*Trả lời.*
Giả tiền	*Trả tiền.*
Ghế ngựa, bục	*Dán (ván).*
Gio	*Tro.*
Giầu không	*Trầu.*
Gia lúa, một gia	*Mỗi gia 40 litres.*
Ghét dữ, ghét lắm	*Ghét hung.*
Giục-giã	*Hối-hả.*

H

Han-hoi	*Han-hỏi.*
Hoàn lại	*Hườn lại.*
Hãng đầu ngựa (messageries maritimes)	*Sở nhà rồng.*
Hiền-hách	*Hiển-hích.*
Hay	*Ngộ*
Hay nhỉ	*Hay nè.*
Hảo hán	*Hảo hớn.*
Họ Hoàng	*Họ Huỳnh.*
Hãm máy	*Thắng máy.*
Hết sạch	*Hết trơi, hết trơn trơi.*
Hiệu tây đen	*Tiệm chà-già.*
Hiệu khách	*Tiệm chệt.*
Hạt tiêu sọ	*Tiêu cả.*
Hai xu	*Tiền xu, hai chim.*
Hai hào	*Đồng, góc tư, quan tiền.*
Hào chỉ, một hào	*Cắc bạc.*
Hoa ngọc-lan	*Hoa sứ.*
Hoa quả	*Bông trái.*
Hôi rình-rích	*Hôi bùng-sinh.*
Hồi mấy giờ	*Lối mấy giờ.*
Hãy thong-thả	*Thủng-thẳng.*
Huyện, phủ	*Quận.*
Họ Vũ	*Họ Võ.*

K

Khuyết áo	*Khuy áo.*
Ki-lô-mét	*Cây số.*
Điện-khí, điện	*Hơi điện, hơi.*
Khuỷu tay	*Cùi chỏ.*
Kiền khôn	*Càn khôn*
Khách bộ-hành	*Bộ hiềng.*
Kính-trọng	*Kính trượng.*
Kê đơn thuốc	*Cho ta thuốc.*
Kính trắng	*Kiếng trắng.*
Khách, chiệc	*Chệt.*

L

Lênh-đênh	*Linh-đinh.*
Làm giồng, giồng giọt	*Làm rẫy.*
Làm công việc gì	*Mần công truyện.*
Làm xong chưa	*Làm rồi chưa*
Lá khoai	*Lá môn*
Lúa giỗ	*Lúa trồ.*
Lúa nếp, gạo nếp	*Nếp.*
Lúa tẻ, gạo tẻ	*Lúa, gạo.*
Lọc	*Lược.*
Luôn luôn	*Hoài hoài*
Làm việc làng	*Làm làng.*
Là quần áo	*Ủi đồ.*
Lắp máy	*Ráp máy.*
Lò bát	*Lò gốm.*
Lấy dựa	*Chích mu.*

M

Một xu	*Một chim, xu nhỏ*
Một hào (0p.10)	*Một cắc (tiếng Hoa) một giác.*
Mật-thám	*Lính kín.*
Mắng trách, quở	*Rầy la.*
Mắt lông	*Mếch lòng.*
Mẹ vợ	*Bà sui.*
Mặt giời	*Mặt trời.*
Mặt giăng	*Mặt trăng.*
Mật mía	*Đường non.*
Mẹ tôi	*Bà già tôi.*
Miếu thổ-thần	*Chùa ông tc.*
Mất hết	*Tiêu.*
Mặc áo	*Bận đồ.*
Một ngụm (hớp) nước	*Một miếng nước.*
Màn (muỗi)	*Mùng.*

Mai kia	*Mai mốt.*
Một chút	*Chút xíu.*
Một nghìn	*Một ngàn.*
Một vạn	*Một muôn.*
Mắm tôm	*Mắm nem.*

N

Nhiều tuổi, có tuổi	*Trộng tuổi.*
Người làm vườn	*Phường vãy.*
Ngày chủ-nhật	*Ngày chúa nhựt.*
Nhanh-nhẹ	*Lanh-lẹ.*
Nhân-duyên	*Nhơn dươn.*
Ngã lăn	*Té nhào.*
Nến	*Đèn cầy.*
Nến cơm	*Đèn giội.*
Người làm mối (bà mối)	*Mai dông.*
Nghiện	*Ghiền.*
Người gù lưng	*Người ốm ốm.*
Người cai	*Cập rằng (Caporal)*
Nhắm rượu (đánh chén)	*Nhậu rượu.*
Ngồi cạnh	*Ngồi xề.*
Nắm tay	*Cùi tay.*
Nước xuýt nước dùng	*Nước lèo*
Ngoài ruộng (đồng)	*Trong điền.*
Nhạt	*Lạt, lợt.*
Này	*Nầy.*
Nhà thương làm phúc	*Nhà thương thí.*
Ngày thượng-nguyên	*Ngày nguơn.*
Ngày giỗ	*Ngày kỵ cơm, bía.*
Ngày kia	*Bữa mốt.*
Nhiều tuổi hơn	*Lớn tác hơn.*
Nhặt lay	*Lượm lấy.*
Nhà gác	*Nhà lầu.*
Ném đi, quăng đi, đập đi, vứt đi	*Liệng đi.*
Ngã	*Té.*
Ngụp (lặn)	*Ngộp.*
Nói lắp, nói nhịu	*Cà lâm.*
Nói láo, hỗn láo	*Nói phách chó.*
Nhớn bé, to nhỏ	*Lớn nhỏ.*
Nói thật	*Nói thiệt.*
Nho-lâm	*Nhu-lâm.*
Nửa hào	*Nửa đồng.*
Nghìn bạc	*Ngàn bạc.*

P

Phúc	*Phước.*
Phải cẩn - thận, phải trông nom đấy	*Coi chừng chừng.*
Phấn gio	*Phấn trơ.*
Phủ Thống - sứ (Thống-soái)	*Dinh Thượng-thơ.*
Phù-thủy	*Thầy pháp.*

Q

Quả	*Trái.*
Quả dứa	*— thơm.*
Quả na	*— mạng cầu.*
Quả mướp đắng	*Trái ổ hoa (khổ qua).*
Quay đất	*Bong vụ.*
Quyển sách	*Cuốn sách.*
Quản bút	*Cây viết.*
Quả doi	*Trái mận.*
Quân du-côn	*Anh chị.*

R

Rượu vang	*Rượu chát.*
Rượu lậu	*Rượu rừng.*
Rầm rầm	*Rần rần.*
Rau cải cúc	*Cải tần ô.*
Rơi xuống	*Rớt xuống.*
Rau mùi	*Ngò, cây ngò.*
Rét	*Lạnh.*
Rắc-rối	*Cắc-kẻ.*
Rành-mạch	*Rành-rẻ.*
Rượu bia	*Rượu la-ve.*

S

Sáng hôm nay	*Sơm mơi nầy.*
Sáng mai	*Sớm mơi mai.*
Sinh-bình	*Sanh-bình.*
Sinh	*Trồ.*
Sở Lục-lộ	*Trường-tiền.*
Sông bể	*Sông biển.*
Sáng nhoáng	*Sáng bén.*
Soi đèn	*Rọi đèn.*
Sốt rét (bệnh)	*Nóng lạnh.*
Sắp sửa	*Sắp sửa.*

T

Trứng gà	*Hột gà.*
Trứng vịt	*Hột vịt.*
Trông xem	*Ngó coi.*
Tây	*Lang-sa.*
Tây đen	*Chà, chà-già.*
Tòa sứ (Công-sứ)	*Tòa bố.*
Tri-phủ, tri-huyện	*Chủ quận.*
Toàn-quyền	*Chánh-soái.*
Thống-sứ	*Thống-đốc.*
Tổng-đốc (hàm)	*Đốc-phủ-sứ.*
Tuần-phủ (hàm)	*Đốc-phủ.*
Trẻ con	*Con nít.*
Thịnh suy	*Thạnh suy.*
Thẳng-hoặc	*Thoản-hoặc*
Tính-danh	*Tánh-danh.*
Thế thì	*Vậy thì*
Tiến-bộ	*Tấn-bộ.*

Thoái-bộ	*Thối-bộ.*
Thực, thật	*Thiệt.*
Thơ-ký (chức)	*Từ hàn.*
To sù, to tướng	*Bự.*
Tầu-tiện	*Tiện, tặng*
Tùng-thư	*Tòng-thơ.*
Thư-quán	*Thơ-quán.*
Tra đồ ăn	*Nếm.*
Thích, thú-vị	*Sướng, khoái.*
Thế-giới	*Thế-giới.*
Thối-tha	*Thúi-tha.*
Tìm	*Kiếm.*
Tờ-mờ	*Lu-mờ.*
Tráp giầu	*Quả trầu.*
Thanh-tân	*Thinh-tân.*
Triều-đình	*Trào-đình.*
Thuốc tẩy	*Thuốc sổ.*
Thịt lợn	*Thịt heo.*
Thịt cừu	*Thịt trừu.*
Tờ trình	*Tờ cớ.*
Trình trước-bạ	*Đóng bách-phân.*
Tức thì, nên phải	*Tua, tua khá.*
Thuế môn-bài	*Thuế sanh-ý.*
Tầu thủy	*Tầu.*
Tiền-sinh	*Tiền sanh*
Thịt bò khô	*Khô bò.*
Toét mắt (bệnh)	*Bèt mắt.*

U

Ưng theo	*Khứng theo.*
Ưng thuận	*Chịu.*
Ước chừng	*Lối chừng.*

V

Vào	*Vô, dô.*
Vé (vé tầu)	*Giấy, giấy tầu.*
Ví-dụ	*Tỉ thí.*
Vỡ	*Bể.*
Vái lạy	*Xá.*
Vạn	*Muôn.*
Viên hồ lơ	*Dương cục.*
Vội-vàng	*Lật-đật.*
Vừng	*Mè.*

X

Xoay vần	*Xây vần.*
Xơi cơm	*Dùng cơm.*
Xới cơm	*Xúc cơm.*
Xe mô-tô (xe bình-bịch)	*Ô-tô xít.*
Xong	*Rồi.*
Xum họp	*Xum hiệp.*
Xúc-xắc	*Lúc-lắc.*
Xuống giốc (xe)	*Xuống trống.*
Xấu-hổ	*Mắc cỡ.*
Xe tay, cao-xu	*Xe kéo, kéo.*
Xe ô-tô	*Xe hơi.*
Xe ngựa cửu kinh	*Xe kiểng.*
Xe điện	*Xe điện.*
Xe đạp	*Xe máy.*
Xin quẻ thẻ	*Xin sâm.*
Xà-phòng	*Xà bông.*
Xát	*Chà.*

NGUYỄN TỬ-LĂNG

THƠ VĂN CỦ NAM-KỲ

Phải lòng con gái

I

Khen ai khéo dưỡng một cây chanh,
Thích ý tình ưa muốn bẻ nhành;
Đoái thấy trái kia phòng liếc tới,
Chực nhìn gai gốc phải đi quanh;
Lân-la lắm kẻ tình tranh-tú,
Dìu-dập bao người ý rắp-danh;
Trái ấy muốn mua tình chẳng bán,
Nỡ nào cao-cách dạ bao đành.

II

Bao nhiêu con gái bảo lời cho,
Lịch-sự chi bằng lấy học-trò;
Nghe đạo thánh-hiền đà phỉ dạ,
Nếm mùi kinh-sử đói như no.

Nhớ bạn

(Thơ viết theo hình chữ thập)

Thương người nhớ bạn tưởng vấn-[vương,
Vương-vấn tưởng bạn tình tha-thiết;
Thiết-tha tình bạn ngãi nhơn-lương,
Lương-nhơn ngãi bạn nhớ người [thương (1).

Đi câu

Gẫm trong bá nghệ thiếu chi đâu,
Thích ý đi câu cũng chước mầu;
Sắm-sửa mồi thơm nơi vực thẳm,
Chịu-nương cần trúc dựa sông sâu;
Dõi xưa quân-tử bia còn sáng,
Nhớ thuở Thái-công tiếng hỏi lâu;
Thong-thả chịu-nương theo bổn-phận,
May dầu gặp chỗ khỏi lo âu

Đi buôn

Buôn tàu lớn vốn dễ đâu a,
Nhỏ to thoàn chích mặc ý ta;
Hóa-vật chở chuyên nơi chợ sớm,
Bửu-tài khắp được chốn phối-pha;
Nhớ câu mai giá như tâm-ý,
Tưởng chữ thuận tình mặc thích-tha;
Dĩ nghĩa dĩ nhân chiều cũng gặp,
Ắt là sanh lợi đặng sau xa.

Đi cày

I

Nghề nông khuya sớm nhọc-nhằn thay,
Mưa xuống âu lo những việc cày;
Nối gót Tử-Lăng ra sức cả,
Nương roi Y-Doản rạng công dày;
Phải thời mạ-mộng gieo nên tốt,
Gặp vận mùa-màng đặng khắp nơi;
Mới biết siêng-năng nhiều có lúa,
Người no nhà đủ nghĩ thêm hay.

II

Nhà nông lúc bạn thảm lo thay,
Mưa xuống dầm-dề thuận việc cày;
Khuya sớm chịu nương theo bạn tác,
Viền vinh ruộng ngoại bởi công dày;
Hòa-miêu thạnh-mộ trong đồng rộng,
Nhân-vật hoan-nhàn khắp mọi nơi;
Bổn-nghiệp khẩn-nguyền đâu nỡ phụ,
Xoay vần no đủ gẫm càng hay.

Bịnh điên

Khen thay tạo-hóa rất nên hiền,
Thậm trách ai làm có bệnh điên;
Tụ-tợp mặt-mày coi bẳng-lẳng,
Giận-hờn cười thốt hóa phân-phiền;
Âu lo công chuyện đà không tiện,
Nong nả việc làng cũng chẳng siêng;
Triêu khứ mộ hồi đâu có biết,
Quặn lo ăn mặc với lo tiền.

Đi học

Thăm-thẳm rừng nho biết bấy thiên,
Phép ra đi học phải cho siêng;
Thi thơ chí tưởng dừng xao lảng,
Kinh sử ôm lòng phải gắng chuyên;
May đặng công-danh nhờ đạo thánh,
Nỗi lòng cha mẹ cám ơn hiền;
Cho hay siêng học trời đâu phụ,
Ngàn thuở lưu-danh tiếng hỡi truyền(2).

(1) Nguyễn Xuân-Huy, tú-tài (1823-1916).
(2) Nguyễn Văn-Đoi. (1854-1916)

*
* *

Hồi-văn tánh dược thi.

Trước kinh lạy trông ân bối-mẫu,
Sau tỏ cùng thục-nữ hồng-hoa.
Đôi ta từ bản-hạ giao hòa,
Lòng những ước liên-kiều hai họ.
Duyên xích-thược anh đà gắn bó,
Nghĩa quế-chi em khá ghi lòng.
Mặc ai dầu trổi tiếng phòng-phong,
Đôi ta nguyện phụng-loan kiết-cánh.
Ngồi nhớ tới đạo-nhơn cám cảnh,
Nỡ để cho quân-tử ưu-phiền.
Muốn sao cho nhân-nghĩa huỳnh-liên,
Thì mới đặng vui-vầy viễn-chí.
Buồn ngồi chốn mạch-môn thăng-thỉ,
Nhớ thuyền-quyên tục-đoạn gan vàng.
Nghĩa mẹ cha nghĩa tổ hoài-san,
Tình song nhạc tình đà đỗ-trọng.
Ngày vái với thiên-môn lộng-lộng,
Đêm nguyện cùng thục-địa chiếu tri.
Dạ muốn cho trọn chữ dương qui,
Vậy nên phải cạn lời bạch-truật.
Bấy lâu tưởng linh-tiêu phụ-dực,
Nay mới trường độc-hoạt loan-phòng.
Trách dạ em nhiều nỗi xuyên-khung,
Chạnh tủi phận lòng nầy cam-toại.
Vì nhẫn-nhục không trông trái phải,
Nỡ phụ người bạch-chỉ tri nhân.
Tưởng cùng nhau tụ hội Châu-Trần,
Hay đâu bậu ký sanh viễn-địa.
Nầy kinh-giới chẳng toàn nhân-nghĩa,
Chốn tiền-hồ nguyện kết kiều châm.
Tai vẳng nghe trổi tiếng huỳnh-cầm,
Chạnh tủi phận đầm-đầm trạch-tả.
Nhớ trinh-nữ dường dao cắt dạ,
Quặn nhân-bào tựa muối xát lòng.
Ngủi châu-sa lụy ngọc ròng-ròng,
Đoạn thần-khúc đề thơ trách bậu.

Chiêu dương cố-sự phú

Vườn mai rạng tỏ, cụm liễu giao nhành ; thoại lâm trào trận gió hải-đường, mây chất-ngất giữa trời thổ-lộ.

Thú vui bốn thú, đời dễ muôn đời. Có một người chi hứng lộng khơi, dòng lệnh - tộc danh Trương Thủ - Chí.

Lòng thiết-thạch không tham phú-qui, dạ sắt đinh chí dốc thanh - nhàn. Noi Thái-công ẩn chốn Thạch - bàn, học Nghiêm-tử ngụ miền sơn-trạch. Ôn nhuần gội cơm đào nước mạnh, dạ hằng chuyên chiếc hạnh áo tơi, Xem bông huê nghị hứng mặc chơi, dựa toán phụng ngâm-nga ngồi ngóng.

Thấy hang nhỏ đôi cua ẩn bóng, kiếm mồi ăn ngày tháng nuôi nhau. Cua cái bên mình lột chịu đau, cua đực lại toan bề dưỡng-dục. Chồng nằm ngoài giữ loài hung-độc, vợ nằm trong kẻo chúng nghi ngờ. Những đợi chờ ngày lụn tháng qua, phút đến cữ mình an khoẻ mạnh. Chồng mừng vợ mạnh, vợ mừng chồng như cụm liễu giao nhành. Cua cái bên ngũ-tạng khỏe lành, cua đực lại tứ-chi chuyển lột. Tay chân yếu mười phần còn một, xương thịt mòn muôn mạch đều không. Lòng những tin có vợ nuôi chồng, hay đâu nỗi say trai đắm gái. Nhớ thù quên ngãi, nhớ oán quên ân. Vào trong hay cắt thịt xé thân, ra ngoài cửa ăn tươi nuốt sống.

Trương Thủ-Chí trong lòng cảm-động, dạ gẫm rằng nhân-vật dữ đồng. Bèn trở về tấu dộng cửu-trùng, cùng Đường-chúa tỏ bày sau trước.

Tống bảng rao chư-hầu bá - tước, cùng thứ-dân võ-sĩ văn giai. Có gã nào lực-sĩ anh-tài, giết đặng vợ đầu dâng bệ ngọc. Ngôi nhứt phẩm quyền phong nhất thế, chức Tam - công lộc hưởng thiên-niên. Có một chàng lực-sĩ dưới hiên, ra vâng lệnh sát thê cầu tướng. Lãnh bảo-kiếm tạ từ ngọc-trường, trở về nhà ngồi dựa thảo-đường. Chờ đêm khuya sẽ liệu kỳ - phương, đợi ngày vắng sẽ toan lực-đại. Nghe tiếng vợ than cùng con dại, thương cha con ở chốn chiến - trường. Thân cơ-hàn ăn tuyết nằm sương, phận lao - khổ màn trời chiếu đất. Lo việc nước quên bề gia-thất, mắng phò vua phế rẫy thê-nhi. Đêm năm canh sầu tựa tử-qui, ngày sáu khắc thảm dường bố-cố. Con có cha dường như cô-độc, gái có

chồng khác thề vọng-phu. Con thơ đức bốn ai tu, vợ yếu giềng ba ai gánh. Nghe tiếng vợ trong lòng cám-cảnh, thấy mặt con dạ lại xót-xa. Đượm hai hàng nước mắt nhỏ sa, gươm một cái đang cầm tay rã. Ruột cắt ruột lẽ đâu đành dạ, tay chém tay sự khó nan đương. Mình trói mình đem nạp trào-đường, tội chịu tội tâu qua thiên-tử. Lệnh trên phú giám-quan cầm giữ, mời bỏ chàng lực-sĩ ngục-đường. Lệnh truyền rao khắp hết bốn phương, đem bảng dán chư-châu thiên-hạ.

Gái nào đành dạ mà giết đặng chồng, chém lấy đầu đem nạp bệ rồng, vua phong chức Hoàng-tôn quận-chúa. Có một nàng Nữ-Tố, thật là gái vô-song. Nghe lệnh truyền như hỏa ngộ phong, thấy bảng dán dường ngư đắc thủy. Lòng bạc-ác như con Đát-kỷ, dạ gian-hùng chẳng khác họ Hàn, Cáo chín đuôi sao dám sánh gan, hùm ba miệng vừa đương xứng sức. Lãnh gươm bâu về nhà ngồi chực, tài cầm gươm tại cửa đứng sòng. Nghe tiếng chồng than-thở trong phòng, thấy con trẻ u-ơ trên chiếu. Một con nhỏ tuổi còn thơ yếu, không mẹ già khát sữa trìu cha. Đã bồng vào thôi lại ẵm ra, trông chẳng thấy một khuya một vắng. Con buồn ngủ khóc thôi ả quặn, cha dỗ con đương nhắp giấc nồng.

Nữ-Tố bèn bước đến phòng trung, thấy chồng ngủ cầm gươm giết thác. Lòng dã nên bạc-ác, dạ gian-hùng tham của hại người. Trên chẳng kiêng trời chín đất mười, dưới không kể hằng năm đạo sáu. Mạch còn tuôn máu, lá nỡ rơi nhành. Đạo tao-khang nỡ dứt cho đành, duyên kinh-bố nỡ hoài cho đáng. Con đề vậy không hề động dạng, xách đầu chồng đem nạp bệ rồng. Trên dưới đều xem thấy hãi-hùng, trong ngoài cũng chau mày rơi lụy. Lệnh truyền rao quân-sĩ, bắt Nữ-Tố gia-hình. Phân thây nàng tứ hải văn danh, xẻ thịt gã muôn đời tiếng nghị. Còn như chàng lực-sĩ, phong cho chàng quân-ngoại chăn dân.

Nghĩ sự đời nhân-vật đồng cân, đặt một bồn lưu-truyền thiên-hạ.

Xuân-Kiều văn-sách

Câu hỏi

Vấn gia-trung hữu nhất Xuân-Kiều ;
Sĩ-nhân dữ phú-gia đồng-nhật lai vấn.
Phụ-mẫu dục khước sĩ-nhân nhi giá phú-gia.

Xuân-Kiều chi ý nãi viết :

Chẳng tham ruộng mẫu đôi liền,
Tham người hay chữ bút nghiên theo đời.

Thế-gian có câu ví rằng :

Thiên vàn chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

Xuân-Kiều chi ý hà hậu ư thử nhi hạc ư bỉ dư ?

Bài làm

Quyết hữu xuân-xanh thục-nữ, tuổi vừa hai tám trăng tròn, bướm gởi thơ sang, nhạn đưa tin đến.

Cũng có anh vốn làng hay chữ, muốn đề hồng-diệp chi duyên. Cũng có anh vốn trang nhà giàu, muốn đính kim-hoàn chi nghĩa.

Cha mẹ định liệu, duyên số chưa hài, nãi vấn chi Kiều-nương giả viết :

Một đóa đào liễu, đôi bên yến anh, bên có tài, bên có chữ, lòng con muốn định bên nào ?

Xuân kiều nãi khởi nhi đối viết :

Chẳng tham ruộng mẫu đôi liền,
Tham người hay chữ bút nghiên theo đời.

Quả bất như thị ngô giả, khởi bất tri sở vị hiếu-học giả hồ ?

Tầy cây nửa quả cây tre, lưng dài bảy thước, dĩ khổ rộng chi vải, hết một chầu, hết chầu rưỡi, tưởng chưa đầy đôn xóc chi lưng :

Cơm cho trắng, cá cho ngon, ăn ngày ba bữa, vắt ngón tay chi tréo, nằm giường dưới lên giường trên, tự bất giác trưa ngày chi ngủ.

Thế-gian thiên-vân chi nói, lương-hữu dĩ dã.

Phú phú giả, tranh chi phủ dã, hữu đầu cá đầu tôm chi chắp vá, nhiên-hậu hữu quan đài quan văn chi tiền, tức dĩ chi nhi tậu ruộng mẫu tậu ruộng liền, hà mạc phi vất cỏ chay chi sở do chi;

Lợi giả oán chi nguyên dã, hữu cỏ mèo cỏ chó chi buộc treo, nhiên-hậu hữu kho lớn kho con chi lúa, tức dĩ chi nhi tậu ruộng bàu tậu ruộng trọt, hà mạc phi rán sành mỡ chi sở do lai.

Cố vô kỳ đức giả, yên hữu kỳ bản tai. tức trăm năm sau chi con cháu, ninh tri kỳ bất vi thiên-vạn-chủ chi điền; thử phú-giả bất khả tham chi minh-nghiệm dã.

Phú học-trò kỳ nhon-trung chi bảo; kỳ tịch-thượng chi trân.

Bảng vàng bia gấm cội thánh-vực chi ưu-du, sôi nấu truyện kinh chi nghĩa lý;

Tuyết án rèm thơ, vườn nho-lâm chi thong-thả, vui chơi trời đất chi văn-chương.

Trong mười năm rèn tập văn-chương, nguồn học-hải đào sâu, bài kinh chuốt bài truyện chuốt, mà bài văn-sách cũng thông, chữ nghĩa chắc trong tay chi khôi-thám;

Vừa ba năm gặp hội khoa-trường, bút văn-phong càng nhọn, đệ nhất ưu đệ nhi ưu, mà kỳ đệ-tam cũng tốt, quyền kinh bình trên chiếu chi quan-trường.

Bảng thiên-môn chi dán một treo, tức tên hẳn đỗ đầu, tam tầng khóa võ-môn chi cấp-lãng;

Yến hoàng-cung chi ban dĩ lãnh, tức tờ về đã chóng, một tiếng vang bình-địa chi lôi-thanh.

Cờ mở bên đường chi rước, tức áo vải mà đai cân, chiếu lều mà lọng võng, anh học-trò mới đó, nghiễm-nhiên vi đài-các chi lệnh-ông;

Gấm về trong xã chi vinh, tức chị nho mà bà thám, thằng đỏ mà cậu chiêu, ông bà già nhà ta, huyên-nhiên tác cao-đường chi hầu cụ.

Lên chức quan ngoài quận trong trào chi quí, tức hèo huê gươm bạc sáo vệ phụng rõ-ràng, chồng dù vợ võng chi nghênh-ngang, quyết bất chi như dãi gió dầu mưa chi bọn nọ;

Vừa gặp hội trăng thanh gió mát chi chiều, tức rượu cúc trà lan, chén quỳnh-tương ngào-ngạt, chồng phượng vợ loan chi chăm-chệ, quyết bất-chi như dầm mưa dãi nắng chi đoàn kia.

Ông ra công-đường ngồi hỏi kiện, tức kẻ thưa người bẩm, cúi đầu dạ chi mấy chú nhà giàu, lệnh một troàn mà nọc nọc vồ vồ, mạc bất bái lệnh-ông chi làm phúc;

Bà vào tư-thất nằm nghỉ-ngơi, tức kẻ quạt người hầu, chắp tay kêu chi mấy anh cày ruộng, nạt một tiếng mà thưa thưa bẩm bẩm, mạc bất kính bà lớn chi lên oai.

Chưng khi ấy, sàn lan cửa quế, con cháu đầy đàn; chiếu gấm màn hoa, ông bà giai lão.

Tiền thừa tiền, lúa thừa lúa, phát chi vi thiên khu vạn khoảnh chi điền, hà-hoạn-hồ cánh cò bay chi bất thẳng;

Vàng dư vàng, bạc dư bạc, tán chi vi lũy các trùng lâu chi cảnh, hà-hoạn-hồ xe ngựa tứ chi bất dung.

Xuân-Kiều hữu sở-kiến nhi vân nhiên dã.

Tánh-dược văn-tế

Hỡi ôi!

Miền địa-cốt xa dời;
Cửa thiên-môn vội hé.
Giấc trần-mộng hè lai xuân vãng, hoè vừa kiết-cánh, cội dã héo-hon.
Kiếp phù-sinh vật-hoán tinh di, cảnh mới hợp-hoan, người đà phân rẽ.

Nhớ linh xưa:

Khi ở Quảng-bì trang nho-nhã, gặp hội lành đoạt giáp tranh khôi;
Lúc vào Nam-tinh trị y-phương, nhân thế-biến nhân cư ẩn-sĩ.

Lòng đạo-vị nước non vui thú, tháng ngày đặng chữ thung-dung ;

Cuộc phong-trần xe ngựa mặc ai, khuya sớm giữ câu phòng-kỉ.

Vốn cũng biết trâm-anh phiệt-duyệt, ngùi-ngùi vì lỡ dịp đương - qui ;

Đâu chẳng là thủy-thổ quốc-vương, nhẹ nhẹ mới băng chừng viễn-chí.

Lương hạnh - nhơn rộng mở, hay giúp kẻ nghèo người khó, phòng sau yến - ấm thê - nhi ;

Lòng ích-chí khôn cùng, xa lo vợ yếu con thơ, nên trước lập thành cơ-chỉ.

Phước mình gặp đương chừng hậu-phác, cháu con xum-hiệp, cả nhà vui hưởng cuộc xuân-đài ;

Số ai xui nên nỗi bất - lưu, huê cỏ ngậm ngùi, chếch bóng lại sang miền nhược-thủy.

Ôi !

Núi thường-sơn thảm lấp, trăm năm khôn kiếm cỗi linh-xuân ;

Nền cố-chỉ sầu găng, ngàn dặm xa trông làng tử-lý.

Mấy nhành quế-tử, hình én ủ-ê ;

Một cụm mẫu-đơn, tiếng quyên năn-nỉ.

Thôi từ nay, cha già con, thầy già tớ, đau niềm phụ-tử, thẩm thăm ải bắc nhạn bay ;

Thôi từ nay, chồng xa vợ, anh xa em, cám nghĩa cốt-bì, cuộn cuộn dòng đông nước chảy.

Ngày nay hỡi một nhà tinh tự, hương đốt tầm-đường, đèn chong linh-tọa, chỉ thiệt cô-nhi quả-phụ, phục-linh xin chứng tấc thành ;

Rạng mai rồi hai ngả âm-dương, chỉ treo đơn-triệu, xe gác linh-nhi, nhân-trần trở đậu hi-sinh, cam-thảo hết tình theo lễ.

Hỡi ôi thương thay !

Hỡi ôi thương thay !

Bần vô-sự phú đa-ưu

Muốn suy kim cổ ; nghĩ việc xưa sau. Có của hề nhà giường nhà gác ;

Không của hề bữa cháo bữa rau.

Máu đỏ đầu đen đội trời hề với chúng,

Tay lành chân mạnh đạp đất hề cùng nhau.

Dạo xế chơi chiều, thong thả sướng thay kẻ khó ;

Thức khuya dậy sớm, ưu-phiền nhọc bấy nhà giàu, giả - dã.

Nguyên phú nghèo :

Áo Tử-Lộ lang-thang ;

Bầu Nhan-Uyên lục-thục.

Nhà Nguyên-Hiến bóng trăng lỗ đỗ, chí lăm điền ngũ phần tam ;

Bếp Tăng - Sâm lửa đỏ leo - teo, lòng dốc thi tam phú lục.

Học hành chí quyết ; nghĩa thông, lý thông, mà văn-chương cũng thông ;

Sách vở lo-le, kinh thuộc, sử thuộc, mà sử-ký cũng-thuộc.

Lần lần ngày hai cơm tẻ, không vay Khải, nọ mượn Sùng ;

Khẳn - khẳn giữ một lòng son, tìm nơi trong, lánh nơi đục.

Vậy cho nên :

Cày ruộng sách thuế tha sưu miễn, lý - trưởng nghề cùng ;

Phất ngọn cờ, quân tới tướng lui, Tây-dương thủ-thúc.

Vui đờn nhẹ, chà nhẹ như phật như tiên ;

Vui rượu chơi, chà chơi không cần không tục.

Giấy hoa lóng-lánh, ngâm câu tuyết bạch phong-quang ;

Bút thỏ lâm-li, họa dạng lan mai trúc, cúc.

Tựa tây-hiên ngâm thi năm bảy vận, dạng khác chi bút vỡ mặc ca,

Dạo đông-ly hái cúc một đôi hoa, thói vi tựa Vu-phong Nghi - dục.

Bước lên ghế di-thơ sổ quyển, uốn lưỡi ngâm vận cũ lần lần ;

Mở mán ra nhật xuất tam can, tréo môi hút điếu bình sụt-sụt.

Cái nghèo mà đắc đạo, sung-sướng đã ghê dời, không lo khó nhọc, giả dã.

Nguyễn phú giàu :

Cướp người không gậy ;
Thất chúng khi eo.
Cho vay một vốn bốn lời, hai ô hai ống ;
Trả thiếu lưng ô nửa bát, đòi kẹp đòi treo.
Dắt trâu cày, lấy ruộng sâu, thói vì tựa như cưỡng kia dành ổ ;
Lắm tiền rỏng, nhiều bạc, chẳng nài chi như ong nọ thất eo.
Bữa trưa tính tới, bữa sớm tính lui, thất mèo hề treo chó ;
Canh một chưa nằm, canh năm đã dậy, ấp vịt hề nuôi heo.
Cuốc chỗ kia, xắn chỗ nọ, tay lấm chân bùn, thói vì tựa lắm than chi khỉ ;
Cày chỗ nọ bừa góc kia bụng đói cật rét dáng hình như bị vớt chi mèo.
Nói đến việc học-hành, cứ giữ buồng the mà núp ;
Tranh những điều dục-lợi, chẳng từ non núi cũng trèo.

Vậy cho nên :

Chữ nghĩa lem-nhem, thất bảy thằng đói ;
Gạo tiền rúc - rích, cướp mấy đứa nghèo.
Hương-trung chỉ trẻ khá khá xong, chưởi cũng sợ mắng cũng sợ ;
Dịch-lệ chi đoàn song song dõi, quở dạ theo nộ dạ theo.
Cái giàu mà bất-đắc-đạo, chi ăn tro nằm trấu, cố nan kỳ cực, giả dã.
Nay hiệp giàu nghèo cho dinh-chính, hiệp cực-sướng ư thử-trung.
Không học không hành, người đục tuy giàu cũng đục ;
Hay chữ hay nghĩa, kẻ trong tuy khó cũng trong.
Nói đến việc giàu, chúa-Bảnh nhất chiêu tai họa ;
Dõi theo phận khó, Bá-Di thiên-cổ thanh-phong.

Văn tế.

Tiếng súng đất rền ; lòng dân trời tỏ.
Mười năm công vỡ ruộng, chưa ấy còn tiếng nổi như phao ;
Một trận nghĩa đánh cứu, tuy là thác tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa :

Cui-cúc làm ăn ; toan lo nghèo khó.
Chẳng quen cung - ngựa, đâu tới trường nhung ;
Chỉ biết ruộng trâu ở theo làng hộ.
Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm,
Tập súng, tập mác, tập giáo tập ngù, mắt chưa từng ngó.
Tiếng phong-hạc phập-phồng trong mấy tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ;
Mùi tinh-chiên vấy-vá đã ba năm, ghét thói nọ như nhà nông ghét cỏ.
Bữa thấy bóng-bong dăng trắng lốp, muốn tới ăn gan ;
Ngày xem vết khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.
Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn-kinh ;
Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này quyết ra tay bộ-hổ.

Khá khen thay ;

Chẳng phải thiệt quân cờ quân vệ, mà theo dòng ở linh giảng binh ;
Chẳng qua là dân xóm dân làng, bởi mến nghĩa làm dân chiêu-mộ.
Mười tám ban võ-nghệ, chưa kịp tập rèn ;
Mấy mươi trận binh-thư, không chờ bài bố.
Trên cật một manh áo vải, nào chờ mang mã tấu bầu ngòi ;
Trong tay một ngọn tầm-vông, nào chờ sắm dao tu nón gõ.
Hỏa-mai dỡ bằng rơm con cúi, mà đốt xong nhà điện vậy kia ;

Gươm đao dũng bằng lưỡi dao phay, cũng chém đặng quân-quan chúng nó.

Chi chờ quan quân dòng trống ghì trống thúc, đạp xông lướt tới xem giặc cũng như không;

Chi sợ kẻ cùu bần đạn nhỏ đạn to, xô cửa thẳng vào liều mình như chẳng có.

Kẻ dâm nang người chém ngược, làm cho má-tờ má-ni hồn kinh;

Đoàn ó trước lũ hè sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ.

Những vì làng nghĩa lâu dùng;

Đâu biết xác phàm vội bỏ.

Đoái sông Cần-giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu dăng;

Nhìn chợ Trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Cũng chẳng phải ăn cướp ăn gian đâu tới, mà làm quân đánh giặc cũng cam tâm;

Vốn cũng chẳng giữ đồn giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực theo quân cho đáng số.

Bởi nghĩ rằng: tấc đất ngọn rau, ân chúa vun trồng cho nước nhà ta;

Bát cơm manh áo nợ đời mắc-mớ chi ông cha nó.

Vì ai nỗi quân quan khó-nhọc, ăn tuyết nằm sương;

Vì ai nên dồn-bảo tan-tành, xiêu mưa ngã gió.

Sống làm chi theo quan khác diệu, quăng binh hương xô bàn độc, thấy vậy cũng thêm buồn;

Sống làm chi ở lính má-tờ, chia rượu lạt ăn bánh mì, ăn sao không biết hổ.

Chẳng thà thác mà đặng câu địch-khái, về theo tổ-phụ cũng vinh;

Chẳng thà còn mà mang chữ hàng người, ở với man-di rất khó.

Ôi thôi!

Chùa Lão-sơn gỏi lại bóng trăng rằm,
Đồng Sơn-lan một khắc đặng trả hờn,
chúc phận bạc trôi theo dòng nước đỏ.

Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ,
ngọn đèn khuya leo-lét trong lều;

Não-nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật-dờ trước ngõ.

Một trận khói tan; ngàn năm tuyết rỡ.

Binh tướng nó còn chờ sông Bến Nghé, làm cho bốn phía mây đen;

Cửa nhà ta còn ở đất Đồng-Nai, ai cứu một phen con đỏ.

Thác đặng trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh đều khen;

Thác đã ưng đền miễu dề thờ, tiếng quản Lịch muôn đời cũng mộ.

Trước đánh giặc sau cũng đánh giặc, linh-hồn theo giúp cô binh đặng trả thù kia;

Sống thờ vua thác cũng thờ vua, lời dụ rành phong ấm-tử, dủ đền công nọ.

Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên-dân;

Nén hương nghĩa-sĩ thắp càng thơm, cám bởi một câu vương-thổ.

Đánh bạc phú.

Thả phù, phú dữ quí thị nhân chi sở dục, bất dĩ kỳ đạo đắc chi bất xử dã. Còn như bần dữ tiện thị nhân chi sở ố, bất dĩ kỳ đạo đắc chi cũng bất khử dã. Nhất sanh hiệp mệnh chung tu hữu, Vạn sự tùng tâm mạc cưỡng cầu.

Có phải là:

Giàu mà bất-ngãi bất-nhân, tám mươi kiếp quân tham tính lận;

Giàu mà không ăn không mặc, ba mươi đời thằng mọi giữ tiền.

Ngày sửa-sang rấp chốn li-phiên, sợ lũ Đạo-Chính xoi tường khoét vách;

Đêm trằn-trọc không an trầm-tịch, sợ dòng Tào Mãng dòm-dỏ ngó coi.

Có phải:

Phú quí ủy nhân thiên-hạ hữu,
Bần cùng tứ chi thế-gian vô.

Nói đi nói lại, nói sự chi cho hết sự thị phi;

Luận tới luận lui, luận nghề chi cho bằng nghề đánh bạc.

Chén da bò khui ra mới hậu, đại chiến-đường dạng mặt Càng - long.
Con cò quay bạc lấy xuất hành, Cô chú tống trỗ tay Khấu-Chuẩn.
Xí mừng chộ, ngầu mừng áp,
. . . . . .
Xám xưng cọt lượng xưng thầu,
Có thắng bại mấy đồng tiền mốc.

Táng-cứ dọc ngan dưới chiếu, manh hành tàng, ai dễ thua ai ;

Đăng - cao lăng liếu trong trường, đường lợi-hại, thế nào hay thế.

Túng nó táo, kẻ kêu thày, người kêu cậu, bất diệc lạc hồ ;

Thua vai xử, vay bạc tháng đợ tiền ngày, ta hà cập hỉ !

Mới biết : đắc chi dị hề thất chi dị,
Á hà ! sanh giả không hề tử giả không.
Thôi thôi : giàu giờ ngọ, khó giờ mùi,
trang hào-kiệt dễ luận câu thành-bại ;
Kẻ nói tí người nói sửu, chí nam-nhi lo trả nợ phong-lưu.
Cố đất thế nhà, sợ mang chữ tiểu-nhân hoài-thổ.
Bán con đợ vợ, mừng đặng câu hiếu-tử sự - thân.

Mựa rằng :

Thua mà sanh thói ngược thói xuôi,
vậy chớ Gia-Cát mới trả Kinh - châu cho Công - Cần.

Mựa rằng :

Thua mà sanh lòng trộm cướp, vậy chớ Võ-Ky sao trộm hồ-phù sang cứu Nguyên - quân.

Cho hay :

Đại-hiền kinh thế phương năng biến,
Quân-tử tri cơ thiện xử quyền.

Nào ai chứa mà ăn xâu thầy Tử-Lộ, cho nên thầy mặc áo tệ-bào ;

Nào ai hốt mà ăn cơm ông Khổng-khâu, cho nên ông ăn cơm sơ-phạn.

Tuy là bữa no bữa đói, Bình phùng thời cũng mặt Đế-sư ;

Tuy là áo cấp quần cùng, Điệt ngộ-vận cũng nên tay Vương-bá.

Khuê-phụ đồ yên giới

Thiếp có nghe rằng :
Lạc bất khả cực,
Cực lạc sanh ai.
Dục bất khả túng
Dục túng thành tai.

Xét trong cổ vãng kim lai,
Nhiều người có biết, ít ai khỏi lầm.
Nước đầy trong bát khá cầm,
Lạ thay một mảy, dục-tâm khó giằng.
Đã chen vào đám phong-trần,
Sắc tài tửu khí bao giăng bốn bề.
Lánh bên nọ, mắc bên kia,
Nhảy ra ngoài khỏi thật thì thần-tiên.
Từ xưa các đấng thánh-hiền,
Noi sau nương giả lời truyền trong kinh.
Răn mình mà có bàn-mình,
Ấy là phương thuốc dưỡng sinh ở đời.
Muốn vui theo cuộc chơi bời,
Ngắm mình rồi phải soi người làm gương.
Việc đời biết mấy muôn ngàn,
Nhắc cân lợi-hại lựa đàng an-nguy.
Phận hèn đâu sánh tề-mi,
Phải toan đỗ-tiệm phòng-vi xin trình.
Nha-phiến là thuốc hoa-lang,
Bạch ô hai sắc khí hương một mùi.
Thú chơi thanh-nhã cũng vui,
Mền nằm gối dựa mấy hồi nghinh-ngang.
Trà thơm rượu tốt bỉ-bàng,
Trầu têm thuốc vấn, rõ-ràng đèn chong.
Tiêm đuôi chuột, móc đầu rồng,
Xà cừ khay cẩn, quản đồng ống hoa.
Phòng riêng màn gấm trướng sa,
Một hai ông khách năm ba chuyện-trò.
Sẩm sanh hộp nhỏ nồi to,
Mở rương lục-tặc, bày đồ bát-trân.
Cùng nhau giao mặt tréo chân,
Luận bàn tích cổ, phân-trần sự kim.
Nhập-thần đôi mắt lim-dim,
Hồn bay lỗ ống, phách chìm đáy ly.
Liền nhau kể tháng luôn ngày,
Khói quen hơi mũi nhựa dày lá gan.
Ngày đêm thức nhắp khác thường,

Bệnh nghiền rầy đã vương mang bên minh.
Tướng bày môi nhợt da xanh,
Hết xưng tay quỉ, đã trình mặt ma.
Ai ngờ chút lửa đèn hoa,
Đốt lên dầu đất dầu nhà cũng tan.
Ai ngờ chút ống tre tàn,
Thổi ra trâu ruộng một đoàn cũng bay.
Tiền hao thêm lại mình gầy,
No chi tới vợ béo gì tới con.
E khi của hết tật còn,
Trăm năm biết có vuông tròn cùng chăng.
Đạo trời bĩ thái không chừng,
Đem mình đai-các ra thân phong-trần.
Việc người mắt thấy đã từng,
Những phong-lưu ấy xin đừng là hay.
Nhỡn-tiền kể đến sự này.
Những người cờ bạc là tay hoang-toàng.
Rủ nhau hiệp lũ vầy đoàn,
Khai sòng đồ hột, lập bàn cô di.
Ngủ chư thiên cảo giống kì, (?)
Chỗ thì xaoy võ, chỗ thì hốt me.
Sẵn nơi tiền mướn bạc thuê,
Ham bề lợi trước, quên bề hại sau.
Anh em đua cuộc doanh-thâu,
Túi tham ai cũng muốn thu cho đầy.
Dỗ-dành khéo kiếm lời hay,
Trong lòng thầm đặt gian này lận kia.
Quen tay lâu thấm nước mê,
Sinh-nhai cũng bỏ, gia-thê cũng liều.
Lần lần tháng ít năm nhiều,
Buổi mai vài chục, buổi chiều vài trăm.
Tới điều nhà bán đất cầm,
Như dao mài đá, như tằm ăn dâu.
Phong-ba nổi trận cầu-âu,
Nhà ngang cũng ngã, phố lầu cũng chôn.
Giật mình nghĩ mới biết khôn,
Thì đà nước nọ đến chân đã rồi.
Còn chi chi nữa là vui,
Đa-mang phận bạc ra hồi vận đen.
Trong tay sạch bạc ráo tiền,
Chú thua lúng túng, chú nghiền thần-thơ.
Tài-thần trở gót bước lơ,
Cái nên lánh mặt, cái hư theo mình.
Cùng đường khó lẽ chấp-kinh,
Dời lòng tráng-sĩ ra tình thất-phu.
Mưu thần toan chước dạ-du,
Trộm vàng Vương Khải, cắp thu Thạch-Sùng.
Dọc sông liếc mắt nghiêng trông,
Rút thuyền Phạm Lãi mở phòng Tây-Thi.
Nóng lòng dương lúc thiên-mi,
Màng chi liêm-sỉ quản gì tử-sinh.
Đón người thương-khách bộ-hành,
Dẫu rằng vật trọng vật khinh dễ từ.
Như cồn đã nổi tiếng hư,
Dưới sông chạy mặt trên bờ vang tai.
Lời xưa tục-ngữ nào sai,
Chơi dao thì cũng có ngày đứt tay.
Đáo đầu thiện ác từ đây,
Quan binh bắt đặng ấn đày phương xa.
Ghe phen phép chẳng khứng tha,
Nằm buồng đại-hải ngồi nhà Côn-lôn.
Đứng trong sóng biển gió cồn,
Nát gan khứ-quốc, lạnh hồn ly-hương.
Xe đá núi, nhổ cỏ đường,
Cổ đeo gông ngắn, chân mang xiềng dài.
Xung quanh lạ cảnh lạ người,
Bơ-vơ ngàn dặm, lạc loài một thân.
Bùn vá áo, bụi may quần,
Thú non là vợ, chim rừng là con.
Xưa sao rượu tốt trà ngon,
Chừ sao cơm cục muối hòn thế ni.
Khi sao thuốc hộp đèn ly,
Chừ sao nhựa nhất nhựa nhì sạch trơn.
Xưa sao ngồi tiệm nhỡn-tiền,
Bận cùng tứ-thánh bát-tiên một phòng.
Chừ sao khiêng đất đào sông,
Tạm yên chẳng thấy giúp công chút nào.
Khi sao nhảy thấp trèo cao,
Tung-hoành đường vắng, hùng-hào đêm thanh.
Chừ sao áo lục quần thanh,
Bụng teo gan thót mặt xanh sắc chàm.
Vui một thuở, thảm trăm năm,
Đói con rách vợ, bắc nam lạc bầy.
Người thân-thích, kẻ cố-tri,
Tài nào gỡ đặng, trí gì gỡ xong.
Trời xanh con mắt có trông,
Thấy người âu phải trước phòng thân ta.
Chủ trong là phận đàn bà,

Thờ chồng là một, việc nhà là hai.
Phận hèn nào dám cười ai,
Nghĩ câu dương cực âm hồi mà kinh.
Sợ câu thiên-đạo ác-dinh,
Liền theo chữ nhục, chữ vinh cùng gần.
Hai điều quan-hệ tấm thân,
Lo xa nên phải ân-cần khuyên-lơn.
Chi bằng luyện nết thiện-lương,
Ở nhân noi ngãi lẽ thường xưa nay.
Sao cho đẹp mặt nở mày,
Mùi lan thấm-thấp, hướng bay trong ngoài.
Giúp nhân sẵn có người tài,
Là tam ích hữu, ai là dễ mình.
Xa gần nào-nức tham-danh,
Đẹp duyên hương lửa, phỉ tình trước sau.
Khỏi trong đẳng-tử côn-đồ,
Khỏi sa vào chốn lao-tù như ai.
Thoát vòng tửu sắc khí tài,
Thua trang hiền-thánh hơn loài phàm-ngu.
Những từ duyên kết hảo-cừu,
Ân-tình cũng lắm, công-phu cũng nhiều.
Cát, la nay dựa nhành tòng,
Ngửa trông quân-tử một đều là đây.
Dám đâu trái đạo xướng-tùy,
Sửa đăng dễ dám nhảy đi khỏi đầu.
Cùng nhau chăn chiếu bấy lâu,
Sao cho vinh ấm tiếng sau để truyền.
Xin nghe tiện-thiếp lời khuyên,
Giá bằng vàng bạc muôn tiền không hơn.
Trai tai bằng có quở quang,
Dầu rằng chín giận mười hờn cũng cam.
Mai-xai ít chữ lam-nham,
Soi đời gọi chút dễ làm gương chung.

NGUYỄN VĂN-KIỆM *sao-lục*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH
孟子國文解釋

XXXVI

XIII

不喜聞曰。孟爲正卿魯寐。而之吾子敢。子樂欲

Dịch-âm.— *Lỗ dục sử Nhạc Chính-tử vi chính. Mạnh-tử viết: « Ngô văn chi hỉ nhi bất mị. »*

DỊCH-NGHĨA.— Nước Lỗ sắp muốn cho Nhạc Chính-tử cầm quyền chính-trị. Thầy Mạnh nói rằng: « Ta nghe tin ấy, mừng rằng đạo ta có cái cơ thi-hành được, mà quên đi chẳng ngủ.

Chú-giải. *Nhạc Chính-tử* = Học trò thầy Mạnh.

∴

曰否。聞識乎。曰多乎。知慮否。曰有乎。子雖樂。曰正。公孫丑

Dịch-âm.— *Công-Tôn Sửu viết: « Nhạc Chính-tử cường hồ ? » Viết: « Phủ ». « Hữu tri lự hồ ? » Viết: « Phủ ». « Đa văn thức hồ ? » Viết: « Phủ ».*

DỊCH-NGHĨA.— Công-Tôn Sửu hỏi rằng: « Nhà thầy mừng như vậy tất là cái tài Chính-tử đủ trị nước Lỗ, thế thì Chính-tử là người cường-nghị đấy ư ? » Thầy Mạnh rằng: « Không ». Sửu hỏi: « Là người có trí-lự đấy ư ? » Thầy Mạnh rằng: « Không » — « Là người rộng nghe nhiều biết đấy ư ? » Thầy Mạnh rằng: « Không ».

∴

然則喜而不寐。曰。也善人。好善足乎。曰。好善優於天下。而況魯國乎。

Dịch-âm — « *Nhiên tắc hề vi hỉ nhi bất mị ?* » *Viết* : « *Kỳ vi nhân dã hiếu-thiện.* » « *Hiếu-thiện túc hồ ?* » *Viết* : « *Hiếu-thiện ưu ư thiên-hạ, nhi huống Lỗ-quốc hồ ?* »

Dịch-nghĩa. — Sửu hỏi rằng : « Thế thì nhà thầy làm sao lại mừng mà chẳng ngủ ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Chính-tử là người hay yêu-mến cái tài giỏi của người. » Sửu hỏi rằng : « Một nết hay yêu-mến cái tài giỏi của người mà đủ trị nước Lỗ ư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Cái nết hay yêu-mến tài giỏi của người đem ra trị thiên-hạ còn có sức thừa, phương-chi là một nước Lỗ.

Chú-giải. — *Hiếu-thiện* = Yêu-mến những điều tài-đức của người mà rộng lượng bao-dung. *Ưu* = Có thừa, ý là nói cai-trị thừa sức.

∴

以 來 千 皆 海 善. 夫
善。 告 里 將 之 則 苟
之 而 輕 內。四 好

Dịch-âm.— « *Phù cầu hiếu thiện, tắc tứ-hải chi nội, giai tương khinh thiên-lý nhi lai cáo chi dĩ thiện.*

Dịch-nghĩa. — Kia như mình nếu thực yêu-mến những điều hay của người, thì người trong bốn bể, đều chẳng quản-ngại gì nghìn dặm, mà đem đến bảo mình lấy điều hay.

Chú-giải. — *Khinh* = Khinh-dị, là nói chẳng quản-ngại gì khó.

∴

欲 詔 諛 里 里 音 知 將 夫
治 面 之 之 之 顏 之 曰。苟
可 諛 人 外。外。色。矣。訑 不
得 之 至 則 士 距 訑 訑。好
乎。人 矣。讒 止 人 訑 予 善。
居。 與 諂 於 於 之 既 則
國 讒 面 千 千 聲 己 人

Dịch-âm.— « *Phù cầu bất hiếu-thiện, tắc nhân tương viết : Dĩ dĩ, dư ký dĩ tri chi hĩ ; dĩ-dĩ chi thanh-âm nhan sắc, cự nhân ư thiên-lý chi ngoại ; sĩ chỉ ư thiên-lý chi ngoại, tắc sàm-siểm diện du chi nhân chi hĩ ; dữ sàm-siểm diện chi nhân cư, quốc dục trị khả đắc hồ ?* »

Dịch-nghĩa.— « Này như mình nếu chẳng yêu mến điều hay của người, thì người thiên-hạ chắc bàn riêng với nhau rằng kẻ kia coi cái dáng-bộ dĩ-dĩ, tự-đắc là ta đã biết cả rồi. Cái bộ thanh-âm nhan-sắc dĩ-dĩ ấy, làm cho cự-tuyệt cả người hiền-tài ở ngoài nghìn dặm, kẻ hiền-sĩ đã dừng dừng lại ở ngoài nghìn dặm mà chẳng thèm đến, thì lũ người gièm-pha dua-nịnh tất đến ngay. Cùng với lũ người gièm-pha dua-nịnh ở, thì lời nói phải chẳng được nghe, chính-sự hay chẳng biết làm, như vậy mà muốn cho nước bình-trị có thể được chăng ? »

Chú-giải. — *Dĩ-dĩ* = Dáng bộ cậy mình là giỏi, chẳng thích nghe điều hay lời phải.

Toàn chương này là nói việc hành-chính qui-hồ hay dung-nạp được người hiền-tài trong thiên-hạ, chớ không phải chỉ cậy ở điều sở-trường của mình.

XIV

去 就 子 則 子。古 陳
三。三。曰。仕。何 之 子
所 所 孟 如 君 曰。

Dịch-âm. — *Trần-tử viết* : « *Cổ chi quân-tử, hà như tắc sĩ ?* » *Mạnh-tử viết* : « *Sở tựu tam, sở khứ tam.*

Dịch-nghĩa.— Trần-tử hỏi rằng : « Đấng quân-tử đời xưa, thế nào thì ra làm quan ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Đấng quân-tử chỉ tùy từng lúc gặp-gỡ tiếp-đãi, nên tới mà ra làm quan có ba hạng ; nên bỏ mà đi cũng có ba hạng.

∴

則 弗 未 之。也。行 禮。敬 迎
去 也 衰。禮 則 其 言 以 之
之。也。言 貌 就 言 將 有 致

Dịch-âm.— « *Nghênh chi trí kính dĩ hữu lễ, ngôn tương hành kỳ ngôn dã, tắc tựu chi. Lễ mạo vị suy, ngôn phất hành dã, tắc khứ chi.*

Dịch-nghĩa.— « Gặp được ông vua nghênh-tiếp mình trong rất kính mà ngoài hết lễ, bàn nói điều gì ông vua cũng đem thi-hành lời mình nói, thì nên tới mà làm quan. Còn như tiếp-đãi lễ mạo tuy chửa kém bớt, nhưng lời nói mình chẳng thấy thi-hành, thì nên bỏ mà đi.

∴

則禮則以之言未其
去貌就有致也行次
之。衰。之。禮。敬迎其雖

Dịch-âm.— « *Kỳ thứ tuy vị hành kỳ ngôn dã, nghênh chi trí kính dĩ hữu lễ, tắc tựu chi ; lễ mạo suy, tắc khứ chi.*

Dịch-nghĩa. — « Bậc thứ hai thì dẫu chửa thi-hành lời nói mình, nhưng tiếp-đãi mình rất kính mà hết lễ, thì nên tới mà làm quan. Khi nào thấy lễ-mạo ông vua tiếp-đãi mình suy-kém thì nên bỏ mà đi.

∴

也。恥饑不者戶。食。其
免之。餘能不君飢下
死周於從能聞餘顏
而之我其行之不不
已亦士言其曰能食
矣可地。也。道吾出夕
受吾使又大門不

Dịch-âm.— « *Kỳ hạ chiêu bất thực, tịch bất thực, cơ ngã bất năng xuất môn hộ. Quân văn chi viết : Ngô đại giả bất năng hành kỳ đạo, hựu bất năng tòng kỳ ngôn dã, sử cơ ngã ư ngã thổ-địa, ngô sỉ chi. Chu chi diệc khả thụ dã, miễn tử nhi dĩ hĩ* ».

Dịch-nghĩa. — « Bậc kém nữa thì ông vua bỏ mình, khiến mình sớm chẳng được ăn, chiều chẳng được ăn, đói khốn chẳng thể ra được khỏi cửa. Ông vua nghe biết hối lại mà rằng: « Ta điều lớn dã chẳng biết thi-hành đạo người ấy, lại chẳng biết nghe theo lời người ấy, khiến người ấy đói khốn ở đất nước ta, ta lấy làm xấu hổ ? » Rồi đem lương-bổng chu-cấp cho, so về nghĩa vua đối với dân, thì vua cho cũng nên vâng nhận, nhưng chỉ nên vâng nhận phần ít để khỏi chết mà thôi, rồi cũng bỏ mà đi. »

Chú-giải. — Toàn chương này là nói người quân-tử vẫn muốn ra làm quan để thi-hành đạo học của mình, nhưng phải tùy xem thời-nghĩa để mà lui tới.

XV

奚舉於中。舉樂傳於孟
舉於士。管於之舜武子
於海。孫夷焦曰。舉畎日。
市。百叔吾獲膠於之舜
里放舉之鬲版中發

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết*: « *Thuấn phát ư quyến-mẫu chi trung, Phó Duyệt cử ư bản trúc chi gian, Giao Cách cử ư ngư diêm chi trung, Quản Di-Ngô cử ư sĩ, Tôn-Thúc Ngao cử ư hải, Bách-Lý Hề cử ư thị.* »

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: « Trải xem những bậc thánh-hiền đời xưa, như vua Thuấn phát-tích ở trong chốn ruộng-nương, ông Phó Duyệt cử lên ở nơi khiêng ván đắp đất, ông Giao-Cách cử lên ở trong nơi bán cá bán muối, Quản Di-Ngô thì cử lên từ khi bị tù với quan sĩ, Tôn Thúc-Ngao cử lên ở bến bể, Bách-Lý Hề cử lên ở nơi chợ.

Chú-giải. — *Thuấn* = Ông Thuấn cày ở núi Lịch-sơn, vua Nghiêu cất lên dùng, rồi truyền ngôi cho. *Phó Duyệt* = Ông Duyệt làm phu đắp đất ở nơi Phó-nham, vua Vũ-Đinh nhà Thương cử lên làm tướng. *Bản-trúc* = Ván ghép lại để đắp làm tường. *Giao-Cách* = Ông Giao-Cách gặp đời loạn, làm nghề-nghiệp bán cá bán muối, vua Văn-vương nhà Châu cử lên làm quan. *Quản Di-Ngô* = Tức là Quản Trọng người Tề trốn sang nước Lỗ, bị làm tù, kẻ sĩ-quan áp-giải về nước Tề, Vua Hoàn-công cử lên làm tướng quốc. *Tôn Thúc - Ngao* = Thúc-Ngao ẩn-cư ở bờ bể, vua Trang-vương nước Sở cử lên làm quan lệnh-doãn. *Bách-Lý Hề* = Bách-Lý Hề bị nhục đói ở chợ, vua Mục-công nước Tần cử lên làm quan đại-phu.

.·.

其 動 亂 空 筋 苦 於 故
所 心 其 乏 骨。其 是 天
不 忍 所 其 餓心 人 將
能。性。爲。身。其 志。也。降
曾 所 行 體 勞 必 大
益 以 拂 膚。其 先 任

Dịch-âm.— « *Cố thiên tương giáng đại-nhiệm ư thi nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân-cốt, ngã kỳ thể phu, không phạp kỳ thân, hành phất loạn kỳ sở vi, sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng.*

Dịch-nghĩa. — « Cho nên trời kia sắp-sửa giáng cái trách-nhiệm lớn cho người ấy, tất trước làm cho khổ cái tâm-chí người ấy, nhọc cái gân cốt người ấy, đói cái thể-xác người ấy, cùng-túng cái thân người ấy, động làm gì thì làm cho trái-loạn cái ý mình muốn làm. Trời khiến như thế, là để cho khích-động cái tâm, kiên-nhẫn cái tính, thêm ích cho những điều chửa hay chửa làm được, mà rồi tài giỏi cả.

Chú-giải. — Hai tiết trên này là nói đấng thánh-hiền thường gặp lúc khốn-ách rồi sau mới hanh-thông, để khuyên người ta nếu gặp vận truân-kiển phải nên cố gắng.

.·.

喻。聲 色 作。慮 心 改。然 人
而 發 徵 而 衡 困 後 恆
後 於 於 後 於 於 能 過

Dịch-âm — « *Nhân hằng quá nhiên hậu năng cải, khốn ư tâm hành ư lự nhi hậu tác, trưng ư sắc phát ư thanh nhi hậu dụ.*

Dịch-nghĩa. — « Người bậc trung-thường thì thường có lỗi rồi sau mới biết đổi, khốn ở âm ngang-trái ở bụng nghĩ rồi sau mới hay phấn-khởi, nghiệm ở sắc người ngoài tức giận, phát ở tiếng người ngoài chê-bai, rồi sau mình mới biết tỉnh-ngộ.

Chú-giải. — *Hành* 衡 = Cũng như chữ *hoành* 橫 là ngang, nghĩa là ngang-trái chẳng thuận. *Dụ* = Hiểu biết, tỉnh-ngộ.

Tiết này là nói bậc người trung-nhân có gặp khốn-khổ bị người quở trách rồi mới hay đổi lỗi mà nên người khá.

.·.

恆 者。外 敵 則 士。家 無 入
亡。國 患 國 無 出 拂 法 則

Dịch-âm. — « *Nhập tắc vô pháp-gia bật-sĩ, xuất tắc vô địch-quốc ngoại-hoạn giả, quốc hằng vong.*

Dịch-nghĩa. — « Một người như vậy, mà một nước cũng thế. Nếu trong một nước, trở vào trong thì không có nhà pháp-độ kẻ phụ-bật, trở ra ngoài thì không có nước khác cừu-địch, sự ngoài lo-lắng, nước như thế thì thường đến mất.

Chú-giải. — *Pháp-gia* = Nhà nối dõi làm quan giữ-gìn pháp-độ, tức là nhà thế-thần. *Bật-sĩ* = Kẻ hiền-sĩ giúp đỡ can-ngăn, tức như kẻ gián-thần.

Đây là suy rộng ra nói đến nước cũng vậy, có gặp lúc ưu-nguy, và có người khuôn-phép phò-tá, thì mới giữ được nước.

.·.

也。安 死 患 於 知 然
樂 於 而 憂 生 後

Dịch-âm.— « *Nhiên hậu tri sinh ư ưu hoạn, nhi tử ư an-lạc dã* ».

Dịch-nghĩa. — « Xem thế mới biết rằng người ta thường sống về lo-lắng, mà thường chết về yên vui vậy».

Chú-giải. — Câu này là tổng-kết cả mấy tiết trên, khuyên người ta ở trong lúc ưu-hoạn phải nên lo sinh-tồn, mà ở lúc yên vui chớ nên quên ưu-hoạn.

XVI

而 教 者。教 不 術 教 孟
已 誨 是 誨 屑 矣。亦 子
矣。之 亦 也 之 予 多 曰。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết :* « *Giáo diệc đa thuật hĩ, dư bất tiết chi giáo hối dã giả, thị diệc giáo-hối chi nhi dĩ hĩ* ».

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng : « Dạy người cũng có nhiều thuật vậy. Những người mà ta bất-tiết dạy

bảo, nếu người ấy biết cảm-khích mà lui về sửa mình, thế cũng là ta dạy bảo cho người ấy đấy vậy ».

Chú-giải. — *Tiết* = Sạch. *Bất-tiết* = Chẳng cho người ấy là sạch-sẽ đáng dạy, mà cự-tuyệt đi, tức là một cách chẳng thèm dạy mà là dạy đấy, gọi là bất-tiết chi giáo-hối.

Chương này bảo người ta nên thể - nhân lấy ý dạy-bảo của người quân-tử để mà tu-tỉnh lấy mình.

Thiên tận-tâm thượng

盡心章句上

(Gồm bốn mươi sáu chương)

凡四十六章

I

天則其也。其者。其曰。孟
矣。知性知性知心盡子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã, tri kỳ tính tắc tri thiên hĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta hay cùng - lý mà làm cho sung-mãn hết toàn-thể tâm mình, thì hay biết được cái lẽ trong bản-tính. Đã biết được cái lẽ trong bản-tính, thì biết được trời vậy.

Chú-giải. — *Tâm* = Một bản-thể thần-minh của người ta đủ cả mọi lẽ để ứng-phó với muôn việc. *Tính* = Cái lẽ vốn sẵn đủ ở trong tâm mà gốc tự trời phú cho. Vậy nên đã học đến cùng-lý tri-tri mà làm cho sung - mãn được hết cái lượng của tâm mình, thì tự khắc là biết suốt được tính-lý, đã biết được tính-lý, thì khá xét biết được nguyên-lý tự trời.

Đây là nói thiên-nhân nhất-lý, tâm - tính nhất nguyên, người ta phải học cho đến cùng-lý.

∴

也。事所其心。存
天以性。養其

Dịch-âm. — « *Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã.*

Dịch-nghĩa. — « Kẻ học-giả hay gìn-giữ cái tâm mình cho thần-minh, thuận nuôi cái tính mình cho hồn-toàn, là để thờ trời vậy.

Chú-giải. — Tâm với tính tức là trời ở đó, tận-tâm dưỡng-tính tức là vâng theo lẽ trời, mà không dám trái vậy.

∴

命以之。以修不殀
也。立所俟身貳。壽

Dịch-âm. — « *Yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở-dĩ lập mệnh dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Đã biết được đến lẽ trời thì đối với sự chết non, sống lâu, chẳng lấy làm nghi-nhị gì cả, chỉ tu cái thân để đợi đến khi chế, là để toàn lấy cái mệnh của trời phó cho vậy ».

Xét : Tâm với tính với trời đều là nhất-lý cả. Nói về lý thì gọi là trời, nói về bẩm-thụ thì gọi là tính, nói về phần tồn dưỡng ở người thì gọi là tâm. Lại bởi phần thái - hư thì có tên gọi là trời, bởi phần khí-hóa thì có tên gọi là đạo, hợp thái-hư với khí thì có tên gọi là tính, hợp phần tính với tri-giác thì có tên gọi là tâm. Học-giả hay tận-tâm tri-tính, suy biết được đến lẽ trời, tức là học để cùng-lý vậy ; lại hay tận-tâm dưỡng-tính, vâng theo lẽ trời, tức là học theo làm sự - thực vậy. Nếu chỉ học cho cùng-lý mà không hay làm theo sự-thực, thì không có bổ-ích gì cho mình cả. Nay đã học biết được đến lẽ trời mà trong lòng không có nghi-nhị gì về sự chết non sống lâu cả, trí đến như thế mới là cùng-tận. Lại hay vâng theo lẽ trời, suốt đời tu lấy thân để đợi kỳ chết, để trọn vẹn lấy mệnh trời, nhân đến như thế mới là hoàn-toàn. Học đến như thế mới thực là tri nhân kiêm tận, thiên nhân hợp nhất vậy. (*Dịch lời tiên-nho*)

II

正。受 也。非 曰。孟
其 順 命 莫 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Mạc phi mệnh dã, thuận thụ kỳ chính.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Phàm sự cát-hung họa-phúc, sự gì chẳng phải là mệnh trời, nhưng người quân-tử chỉ sửa mình mà thuận chịu cái mệnh chính-đáng, chớ không so-sánh cầu may.

Chú-giải. — *Chính* = Cái mệnh số chính-đáng, trỏ những sự họa-phúc tự-nhiên, bỗng đưng nó đến.

Toàn chương này là tiếp theo chương trên nói thêm ra để phát-minh về cái nghĩa lập-mệnh.

∴

之 巖 立 者 知 是
下。牆 乎 不 命 故

Dịch-âm. — « *Thị cố tri mệnh giả bất lập hồ nham-tường chi hạ.*

Dịch-nghĩa. — « Thế cho nên kẻ biết cái mệnh chính-đáng của trời chẳng khi nào đứng ở dưới chỗ tường sắp đổ.

Chú-giải. — *Nham-tường* = *Nham* nghĩa là nguy hiểm *nham-tường* là cái tường nguy-hiểm sắp đổ.

Tiết này là nói người đã biết mệnh-số thì không làm sự hiểm-ác để đến mắc vào tai-vạ.

∴

也。正 死 道 盡
命 者。而 其

Dịch-âm. — « *Tận kỳ đạo nhi tử giả, chính mệnh dã.*

Dịch-nghĩa. — « Kẻ đã hết được cái đạo tu-thân mà chết, là cái mệnh chính-đáng vậy.

∴

命 非 死 桎
也。正 者 梏

Dịch-âm. — « *Chất-cốc tử giả phi chính mệnh dã.*»

Dịch-nghĩa. — « Kẻ tự mình làm ác bị gông cùm mà chết, chẳng phải là cái mệnh chính-đáng vậy ».

Chú giải. — *Chất cốc* = Gông cùm, cái đồ siềng sích chân tay kẻ có tội.

III

者 求 於 求 失 之。求 孟
也。在 得 有 之。舍 則 子
我 也。益 是 則 得 曰。

Dịch-âm — *Mạnh-tử viết : « Cầu tắc đắc chi, sả tắc thất chi, thị cầu hữu ích ư đắc dã, cầu tại ngã giả dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Có một vật, chẳng cầu nó thì chớ, cầu nó thì được. Chẳng bỏ nó thì thôi, bỏ nó thì mất. Ấy là cầu mà có ích về sự được vậy. Vì là cầu những điều sẵn có ở trong tính ta đấy vậy.

Chú-giải. — *Hữu-ích ư đắc* = Là ý cầu nó chẳng khó-nhọc mà được nó rất dễ-dàng. *Tại ngã* = Sẵn có ở mình, trỏ những điều nhân điều nghĩa điều lễ điều trí ở trong tính mình sẵn có.

∴

者 求 於 求 有 道。求
也。在 得 無 命。得 之
外 也。益 是 之 有

Dịch-âm. — « *Cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mệnh, thị cầu vô-ích ư đắc dã, cầu tại ngoại giả dã.*

Dịch-nghĩa. — « Có một vật, cầu nó phải có đạo, không cầu càn được. Được nó cợi có mệnh, không chắc hẳn được, ấy là cầu mà không ích về sự được vậy. Vì là cầu những vật ở ngoài thân ta đó vậy. »

Chú giải. — *Vô-ích ư đắc* = Là ý cầu nó chỉ thiết-tha hoài mà được nó rất khó. *Tại-ngoại* = Trỏ những vật phú-quí lợi-lộc ở ngoài thân ta.

IV

我 備 物 曰。孟
矣。於 皆 爲 子

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái lẽ bản-nhiên của vạn-vật đều đủ cả ở trong tính ta vậy.

Chú-giải. — *Vạn-vật* = Tức là vạn-lý, lớn thì như những điều cương-thường luân-lý, nhỏ thì như những điều tế-vi trong các sự-vật, những lẽ lương-nhiên ấy trong tính-phận ta đều đủ có cả.

∴

大 樂 而 反
焉 莫 誠。身

Dịch-âm. — « *Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên,*

Dịch-nghĩa. — « Xét lại mình ta, mà mọi lẽ ở trong tính-phận mình đều thành-thực tự-nhiên cả, thì vui thú chẳng điều gì lớn hơn vậy.

∴

焉。莫 求 而 彌
近 仁 行。恕

Dịch-âm. — « *Cường thứ nhi hành, cầu nhân mạc cận yên* ».

Dịch-nghĩa — « Nếu chưa được thành-thực tự-nhiên, thì nên cố gắng theo về điều thứ mà làm, muốn cầu đến điều nhân, chẳng gì gần hơn đấy vậy. »

Chú-giải. — *Thứ* = Suy bụng ta ra bụng người, điều gì trong bụng mình chẳng muốn thì đừng đem điều ấy xử với người. *Nhân* = Những lẽ thành-thực tự-nhiên, không tạp tư-ý

Toàn-chương này là nói vạn-lý dương-nhiên đều đủ cả ở trong tính-phận ta, xét lại mình ta mà tuyệt không có ý riêng đều là thành-thực tự-nhiên cả, thì vui thú biết chừng nào ! Nếu còn có tư-ý gián-cách, thì phải nên cố-gắng suy bụng ta ra bụng người mà làm theo công-lý, rồi tự-khắc là tìm đến điều nhân cũng không xa vậy.

V

者 知 之。終 不 習 不 行 孟
衆 其 而 身 察 矣 著 之 子
也。道 不 由 焉。而 焉。而 曰。

Dịch-âm — *Mạnh-tử viết* : « *Hành chi nhi bất trứ yên, tập hi nhi bất sát yên, chung thân do chi, nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng dã* ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Hằng ngày theo làm đạo-lý mà chẳng biết cái lẽ dương-nhiên của đạo được rõ, học tập đạo-lý mà chẳng xét cái lẽ sở-dĩ-nhiên của đạo được tinh, vì thế nên nhiều người suốt đời noi đạo mà vẫn chẳng biết đạo vậy».

Chú giải. — Đây là lời than tiếc cho kẻ học-giả vẫn hành-vi học-tập hằng ngày mà vẫn không hay tinh-tâm thể-nhận đạo-lý cho được rõ ràng, người thường thì chẳng trách chi, kẻ học-giả thì không nên thế.

VI

恥 恥。恥 恥。以 不 曰。孟
矣。無 之 無 無 可 人 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Nhân bất khả dĩ vô sỉ, vô sỉ chi sỉ, vô sỉ hĩ* ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Cái tâm tự biết hổ thẹn ai là chẳng có, người ta chẳng nên không có cái tâm hổ-thẹn, đã biết không hổ-thẹn là xấu, thì tự biết đổi ác làm thiện, không khi nào bị sự hổ nhục nữa ».

VII

矣 人 之 曰。孟
大 於 恥 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Sỉ chi ư nhân đại hĩ* ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Điều xấu-hổ quan-hệ ở người ta rất lớn.

Chú-giải. — *Sỉ* = Cái tâm hổ thẹn người ta vẫn sẵn có. Làm người mà giữ được cái tâm biết hổ thẹn thì tiến được lên cõi thánh-hiền, nếu mất cái tâm hổ thẹn thì gần là loài cầm thú. Vậy nên cái tâm hổ thẹn quan-hệ về nhân-phẩm người ta rất lớn.

Toàn chương này là ý răn người vô-sỉ.

∴

焉。用 無 巧 變 爲
恥 所 者。之 機

Dịch-âm. — « *Vi cơ biến chi xảo giả, vô sở dụng sỉ yên.*

Dịch-nghĩa. — « Kẻ làm những sự cơ-mưu biến-trá khôn-khéo, mà tự lấy

làm đắc-sách, là kẻ ấy bỏ mất cái tâm-hồn thẹn đi mà không dùng vậy.

Chú-giải. — *Cơ* = Cơ-mưu hãm-hại người *Biến* = Biến-trá lừa dối người.

∴

有。若 人。不 不
人 何 若 恥

Dịch-âm. — « *Bất sỉ bất nhược nhân, hà nhược nhân hữu.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Một sự vô-sỉ đã chẳng bằng người, thì đã mất hết bụng lương-tâm đi rồi, còn mong sự gì bằng người được nữa ».

VIII

況 見 禮。故 其 賢 好 孟
得 且 則 王 道 士。善 子
而 猶 不 公 而 何 而 曰。
臣 不 得 不 忘 獨 忘 古
之 得 亟 致 人 不 勢。之
乎。亟。見 敬 之 然 在 賢
而 之。盡 勢。樂 之 王。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Cổ chi hiền vương, hiếu thiện nhi vong thế ; cổ chi hiền sĩ, hà độc bất nhiên, lạc kỳ đạo nhi vong nhân chi thế, cố vương công bất trí kính tận lễ, tắc bất đắc lũy kiến chi, kiến thả do bất đắc lũy, nhi huống đắc nhi thần chi hồ ! »*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Đấng hiền-vương đời xưa yêu mến người hiền-đức mà quên cái thế-lực của mình. Kẻ hiền-sĩ đời xưa hà lại chẳng thế, cũng tự vui cái đạo-đức của mình mà quên cái thế-lực của người, cho nên đấng vương-công chẳng trí-kính hết lễ, thì chẳng được hằng tiếp-kiến người hiền-sĩ. Tiếp-kiến còn chẳng được luôn luôn, nữa là cậy có tước-lộc mà sai khiến được kẻ hiền-sĩ ư ! »

Chú-giải. — *Hiếu-thiện* = Yêu mến cái tài-giỏi đức tốt của người hiền. *Lũy* = Hằng, luôn luôn.

Đây là nói đấng hiền-vương đời xưa hay nhún mình để tiếp kẻ sĩ ; mà kẻ hiền-sĩ thì cũng không chịu uốn cong đạo mình để cầu lợi, ý là than tiếc cho kẻ sĩ đời nay chỉ lựa theo thế-lực của người để cầu lợi-lộc, mà không biết lấy đạo tự trọng vậy.

IX

遊。語 乎。好 曰。句 謂 孟
子 吾 遊 子 踐 宋 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử vị Tống Câu-Tiễn viết : « Tử hiếu du hồ ? Ngô ngữ tử du.*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh bảo Tống Câu-Tiễn rằng : « Nhà ngươi muốn đi du-thuyết ư ? Ta bảo cho nhà ngươi cái đạo đi du-thuyết.

Chú-giải. — *Du* = Du-thuyết, đi chơi các nước chư-hầu, mà bày lời biện-thuyết.

∴

囂 知 人 囂 之 人
囂。亦 不 囂。亦 知

Dịch-âm. — « *Nhân tri chi diệc hiêu-hiêu, nhân bất tri diệc hiêu-hiêu* ».

DỊCH-NGHĨA. — « Người đời biết tin dùng lời mình, mình cũng nhưng-nhưng. Người đời chẳng biết tin dùng lời mình, mình cũng nhưng-nhưng.

Chú-giải. — *Hiêu-hiêu* = Vui thích tự nhiên mà không có lòng dục-vọng.

∴

囂 可 樂 曰 囂 斯 曰。
奚 以 義。尊 囂 可 何
囂 則 德 奚。以 如

Dịch-âm. — *Viết : « Hà như tư khả dĩ hiêu-hiêu hĩ ». Viết : « Tôn đức lạc nghĩa, tắc khả dĩ hiêu-hiêu hĩ.*

DỊCH-NGHĨA. — Câu-Tiễn hỏi rằng : « Thế nào thì có thể hiêu-hiêu được ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Tôn-trọng điều đức của mình, vui thú điều nghĩa của mình mà chẳng mến cái vinh-hoa tước-lộc ở bề ngoài, thì có thể nhưng-nhưng được.

∴

離 達 失 窮 故
道。不 義。不 士

Dịch-âm. — « *Cố sĩ cùng bất thất nghĩa, đạt bất li đạo.*

Dịch nghĩa. — « Cho nên kẻ sĩ, lúc cùng vẫn giữ lấy nghĩa mà chẳng sai, lúc đạt cũng vẫn giữ lấy đạo mà chẳng bỏ.

Chú-giải. — *Cùng* = Lúc bần-tiện. *Đạt* = Lúc phú-qui.

Đây là nói chẳng vì cái cảnh-ngộ nó xui khiến được mình, lúc nào cũng giữ lấy đạo nghĩa mà không sai.

∴

焉。不道達得義。窮
失故不已叔不
望民離焉。士失

Dịch-âm. — « *Cùng bất thất nghĩa, cổ sĩ đắc kỷ yên. Đạt bất lị đạo, cổ dân bất thất vọng yên.*

Dịch-nghĩa. — « Lúc cùng giữ điều nghĩa mà chẳng sai, thế là kẻ sĩ trọn-vẹn được cái phẩm-hạnh của mình vậy. Lúc đạt vẫn giữ lấy đạo mà chẳng lìa, cho nên dân chẳng mất sự ngưỡng-vọng về kẻ sĩ vậy.

Chú-giải. — *Đắc-kỷ* = Giữ-gìn được phẩm-hạnh mình. *Dân bất thất vọng* = Dân vốn ngưỡng-vọng kẻ sĩ ra hành đạo để giúp đời, mà nay quả được như sở-vọng.

∴

下。則善世。修民。志古
兼其窮身不澤之
善身。則見得加人。
天達獨於志於得

Dịch-âm. — « *Cổ chi nhân đắc chi trạch gia ư dân, bất đắc chi tu thân hiện ư thế, cùng tắc độc thiện kỷ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên-hạ.*

Dịch-nghĩa. — « Người đời xưa lúc đắc-chí, thì ơn-huệ ra khắp ở dân, lúc bất-đắc-chí, thì tu-thân để tỏ rõ cái danh-dự ở đời; lúc cùng thì vẫn giữ điều đức nghĩa mà độc thiện lấy cái thân, lúc đạt thì đem đức nghĩa ra dạy người mà kiêm-thiện cho cả thiên-hạ.»

Chú-giải. — *Đắc-chí* = Tức là lúc đạt. *Bất-đắc-chí* = Tức là lúc cùng. *Độc-thiện* = Tự-trị lấy mình cho hay. *Kiêm-thiện* = Đem điều hay mà cảm-hóa cả mọi người.

Toàn-chương này là khuyên kẻ du-sĩ nên giữ lấy đức-nghĩa mà tự-trọng.

X

興文士蒙也者。而待孟
王雖傑若凡後文子
猶無之夫民興王曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: « Đãi Văn-vương nhi hậu hưng giả phàm-dân dã; nhược phù hào-kiệt chi sĩ, tuy vô Văn-vương do hưng ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Những kẻ đợi vua Văn-vương giáo-hóa mà sau mới phấn-khởi làm điều thiện, là kẻ dân thường vậy. Đến như kẻ sĩ hào-kiệt, dẫu không có vua Văn-vương giáo-hóa, cũng tự mình phấn-khởi làm điều thiện ».

Chú-giải. — *Hưng* = Cảm-động phấn-phát. *Phàm-dân* = Kẻ dân thường. *Hào-kiệt* = Người có tài-trí hơn người, không mê-hoặc về tình-dục mà hay tự-lập.

Chương này là khuyên người nên tự-lập như kẻ hào-kiệt, chớ không nên tự-khi như kẻ phàm-dân.

XI

人然。自家。韓附孟
遠則視如魏之子
矣。過敵其之以曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: « Phụ chi dĩ Hàn Ngụy chi gia, như kỷ tự thị khảm-nhiên, tắc quả nhân viễn hỉ.»*

Dịch-nghĩa — Thầy Mạnh nói rằng: « Có người đem cái phú-qui của họ Hàn họ Ngụy phụ thêm cho mình, mà mình coi như không, chẳng lấy gì làm tự-mãn, thế thì kiến-thức hơn người lắm vậy ».

Chú-giải. — *Hàn Ngụy* = Hai nhà giàu làm quan Khanh nước Tấn. *Khảm-nhiên* = Cái ý không tự-mãn-túc coi cái phú-qui cũng như không.

Chương này nói phú-qui là đồ ngoại-vật, không nên say-đắm, mới là người kiến-thức hơn người.

XII

殺死殺以勞使以孟
者。不民。生不民。佚子
怨難道怨。難道曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Dĩ đạt đạo sử dân, tuy lao bất oán ; dĩ sinh đạo sát dân, tuy tử bất oán sát giả ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ làm người trên đem cái đạo muốn cho dân nhân rồi bất-đắc-dĩ mà phải sai khiến thì dân dẫu khó-nhọc mà chẳng oán ; đem cái đạo muốn cho dân sống bất-đắc-dĩ mà phải giết dân, thì dân dẫu chết cũng chẳng oán kẻ giết mình ».

Chú-giải. — *Đạt đạo sử dân* = Cái ý muốn cho dân an-nhàn, bất-đắc-dĩ mà phải sai dân, như khiến dân cần-mẫn về việc canh-nông vân-vân. *Sinh đạo sát dân* = Cái ý muốn cho dân sự sống được yên vui bất-đắc-dĩ mà phải giết, như những việc trừ bỏ kẻ gian-ác làm hại lương-dân.

XIII

也。 皞 者 如 民。 霸 孟
皞 之 也。 雍 者 子
如 民。 王 漢 之 曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Bá-giả chi dân, hoan ngu như dã ; vương-giả chi dân, hạo-hạo như dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy mạnh nói rằng: « Khí-tượng dân đời Bá, vui sướng một cách hí-hởn; khí-tượng dân đời Vương, thỏa thích một cách êm-đềm !

Chú-giải. — *Hoan-ngu* = Vui-vẻ, có ý cảm ơn người trên cổ-vũ cho, mà hí-hởn lấy làm vui. *Hạo-hạo* = Thênh-thang rộng-rãi thỏa-thích một cách tự-nhiên, hình như quên cả ơn trên vậy.

∴

之 不 遷 庸。 之 不 殺
者。 知 善 民 而 繼。 之
爲 而 日 不 利 而

Dịch-âm. — « *Sát chi nhi bất oán, lợi chi nhi bất dung, dân nhật thiên thiện nhi bất tri vi chi giả.*

Dịch-nghĩa. — « Giết bỏ kẻ làm hại dân mà dân chẳng biết oán, lợi-ích cho dân mà dân chẳng kể làm công, dân hằng ngày dời theo điều thiện mà chẳng biết ai giáo-hóa cho mình.

Chú-giải. — Đây là hình-dung cái khí-tượng dân dời vương-giả, không biết oán, không biết ơn, mà cũng chẳng biết ai dạy mình làm thiện, thực là một cái khí-tượng hạo-nhiên.

∴

補 豈 地 下 者 化。 所 夫
之 曰 同 與 神。 所 過 君
哉。 小 流。 天 上 存 者 子。

Dịch-âm. — « *Phù quân-tử, sở quá giả hóa, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên địa đồng lưu, khởi viết tiểu bổ chi tai ».*

Dịch-nghĩa. — « Ôi, Đấng quân-tử cái thân kinh-lịch đến đâu thì ngươi đều cảm-hóa, cái tâm chủ-định sự gì rất là thần-diệu, đức-nghiệp lớn-lao trên dưới cùng trời đất cùng vận-hóa, há như cái cách bổ-cứu nhỏ-nhặt đâu ?»

Chú-giải. — *Quân-tử* = Trỏ bậc thánh-nhân. Đây là kể cái đức-nghiệp rộng lớn của bậc thánh-nhân đời Vương-giả, khác với cái cách làm ơn-huệ nhỏ-nhặt như đời Bá-giả.

XIV

深 人 聲 如 言 曰。 孟
也。 人 之 仁 不 仁 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Nhân-ngôn bất như nhân-thanh chi nhập nhân-thâm dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Lời nói nhân-nậu chẳng bằng tiếng khen nhân-đức cảm đến người sau hơn vậy.

Chú-giải. — *Nhân-ngôn* = Lời nói nhân-hậu vỗ-về khuyên-dỗ nhân-dân. *Nhân-thanh* = Tiếng khen nhân-đức, nghĩa là có cái sự thực làm điều nhân-ái, mà được người ta khen. Đây là nói người trên thi-hành chính giáo cho dân, một đang là không-ngôn, còn là thiện ; một đang là thực-huệ, mới là thâm.

∴

民 之 善 不 善
也。 得 教 如 政

Dịch-âm. — « *Thiện-chính bất như thiện-giáo chi đắc nhân dã.*

Dịch-nghĩa. — « Chính-trị hay chẳng bằng giáo-hóa hay được lòng dân hơn vậy.

Chú-giải. — *Chính* = Những sự phát-lệnh để hạn-chế bề ngoài. *Giáo* = Những điều đức lễ để dạy bảo dân cải-cách trong tâm.

∴

民 善 得 之。教 提 善
心。教 民 善 民 之。政
得 財。政 愛 善 民

Dịch-âm. — « *Thiện chính dân úy chi, thiện giáo dân ái chi, thiện chính đắc dân tài, thiện giáo đắc dân tâm.*

Dịch-nghĩa. — « Chính-trị hay dân sợ mà phải theo, giáo-hóa hay dân yêu mà tự-phục ; chính-trị hay thì được của dân giàu đủ ; giáo-hóa hay thì được lòng dân yêu mến ».

Chú-giải. — *Đắc dân-tài* = Của dân tức là của vua, của dân phong-túc thì nhà vua cũng phong-túc. *Đắc dân tâm* = Được lòng dân yêu mến, biết kính yêu người trên mà chẳng bỏ vua.

XV

也。其 而 所 良 能 不 人 子
良 知 不 能 者。慮 之 子
知 者。慮 也。其 而 所 曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã ; sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta, cái sự gì chẳng đợi học-tập mà tự mình làm được, là cái lương-năng vậy ; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, là cái lương-tri vậy.

Chú-giải. — *Lương-năng lương-tri* = Điều thiện bẩm-nhiên của trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết được.

∴

也。敬 無 其 親 知 童。孩。
其 不 長 也。愛 無 提
兄 知 也。及 其 不 之

Dịch-âm. — « *Hài đề chi đồng, vô bất tri ái kỳ thân dã ; cập kỳ trưởng dã, vô bất tri kính kỳ huynh dã.*

Dịch-nghĩa. — « Đứa trẻ hài-đề không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó, kịp nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó.

Chú-giải. — *Hài-đề* = *Hài* = Cười đùa hi = Ôm ấm. Đứa trẻ lên hai lên ba, biết cười đùa, khá ôm-ấm.

Đây tức là nói rõ ra cái điều lương-tri lương-năng của đứa trẻ.

∴

也。天 達 無 義 敬 仁 親
下 之 他。也 長 也。親

Dịch-âm. — « *Thân-thân nhân dã, kính trưởng nghĩa dã ; vô tha, đạt chi thiên-hạ dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Yêu đấng thân, tức là điều nhân vậy, kính kẻ huynh-trưởng tức là điều nghĩa vậy. Cái điều biết yêu biết kính mà cho là cái bản-tính nhân-nghĩa, không vì cớ gì khác đâu, vì là cái lòng kính yêu ấy suốt cả thiên-hạ ai ai cũng vậy. »

Chú-giải. — Chương này là nói nhân nghĩa vốn là bản-tính tri năng của người ta, ai cũng cùng một tâm tình ấy, không phải đợi tìm ở đâu cả.

XVI

之 決 言。希。山 其 石 深 孟
能 江 見 及 之 所 居 山 子
鄉 河。一 其 野 曰 與 之 曰
也。沛 善 聞 人 異 鹿 中。舜
然 行。一 者 於 豕 與 之
莫 若 善 幾 深 遠 木 居

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Thuấn chi cư thâm-sơn chi trung, dữ mộc thạch cư, dữ lộc thỉ du, kỳ sở-dĩ dị ư thâm-sơn chi dã-nhân giả cơ hi, cập kỳ văn nhất thiện ngôn, kiến nhất thiện hạnh, nhược qi yết giang hà, bái-nhiên mạc chi năng ngự dã.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Thuấn khi còn ở trong núi sâu, cùng loài đá loài cây cùng ở, cùng loài hươu loài lợn cùng chơi, ông Thuấn sở-dĩ khác với kẻ dã-nhân trong núi sâu có là bao. Kịp khi ông nghe một lời

thiện của người, thấy một nết thiện của người, thì ông sẵn lòng cảm-thông hiểu biết ngay, như khơi nước sông Giang sông Hà ào ào chẳng thể ngăn được, ông Thuấn sở-dĩ hơn người là thế.»

Chú giải. — *Cơ-hi* = Không mấy ti, không bao nhiêu. *Quyết* = Khơi, chảy.

Chương này là hình-dung cái tâm đấng thánh-nhân vốn là hồn-thiên hư-minh, nghe lẽ phải thì cảm-thông ngay như nước chảy.

(Còn nữa)

ĐỒNG-CHÂU VÀ TÙNG-VÂN *dịch*

TẤM GƯƠNG TÌNH

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

1. — Tái-sinh chửa rứt hương thề

Kẻ nhà giàu đất Trào-châu tên họ là Giang-Ông, có một người con trai là Giang Trừng, tiểu-tự là Man-tú. Người đất Trào thường gọi tiếng cực là tiếng man, vì Giang Trừng là người rất tuấn tú, cho nên đặt tên tự là Man-tú, nghĩa là cực tuấn-tú. Giang Trừng tuổi hai-mươi, học tập nghề thi cử. Người mẹ là Tiêu-thị. Có người hàng cậu là Tiêu-ông từng làm chức Bộ-lang, nhưng tạ-thế đã lâu ngày, chỉ có người hàng mợ tức là vợ Tiêu-ông là Vương-thị góa chồng ở nhà, có một con trai một con gái, con trai mới lên sáu tuổi. Người con gái tên tự là Miến-nhi, cùng với Giang Trừng đồng-tuế, mà xinh-đẹp chẳng ai sánh tầy. Những nhà trâm anh tranh nhau đến giạm hỏi. Vương-thị vì quá yêu con gái, kén rể rất hà-khắc, chẳng nơi nào là vừa ý. Giang Trừng tự thuở còn trái đạo, đã từng cùng Miến-nhi cùng làm hạng trẻ con chơi đùa. Kịp khi lớn lên, Giang Trừng thì chuyên việc thi-cử, Miến-nhi thì chăm việc thêu-thùa, hình-ảnh dấu-vết hai người mới cùng nhau xa cách. Nhưng mỗi khi nào vì nghĩa thân-thích của hai nhà, nhân có sự gì mà được trông thấy mặt nhau, Giang Trừng thì nhất-tâm khuynh-hướng về Miến-nhi, thường mỉm cười tiếp-đón, Miến-nhi cũng nhất-ý chú-trọng về Giang Trừng, thường để vào trong con mắt sanh mà đoái liếc. Hoặc khi Vương-thị chẳng ở trước mặt, Giang Trừng tất thiên-phương bách-kế, mưu cùng với Miến-nhi nói chuyện; Miến-nhi cũng sợ phật-ý Giang Trừng, nên cũng chẳng dám tiếc lời ứng-đáp.

Một hôm Giang Trừng với Miến-nhi cùng ở một nhà thân-thích khác dự tiệc thang-bính, hàng nữ-quyến đầy cả ở trong phòng. Sau khi đã ăn cơm xong, có người thì vào nhà trong thay áo, có người thì ra nơi khác rửa mặt chải tóc, có người thì ở trong viện thăm hoa hay hoặc bỡn đập con bươm-bướm. Duy Miến-nhi một mình đứng ở dưới hiên. Chợt Giang Trừng tự bên ngoài lại, đối với Miến-nhi hỏi xin hạt cau, Miến-nhi thưa rằng không có, Giang Trừng làm ra điều chẳng tin mà trách lại Miến-nhi. Hai người đương cười nói, thì bà Vương-thị chợt đi đến, Miến-nhi kịp toan lui tránh, Vương-thị gọi mà ngăn lại rằng: « Mày cùng Giang-huynh mày thuở bé đã cùng chơi với nhau một đàn, vả lại là tình chốn thân-thích, chớ bắt-chước thói con nhà tầm-thường, không cớ gì mà cứ tránh nấu.» Miến-nhi mỉm cười vâng lời. Giang Trừng liền thưa rằng: « Em Miến-nhi đòi cháu hạt cau, cháu lấy làm hạt đậu khấu đem phụng tặng, cho nên cười đấy thôi.» Vương-thị cũng

cười nói rằng : « Em Miến - nhi mày tính nó hay ăn hạt cau, mày, cháu Giang-sinh, trong túi thuốc mày há lại thiếu cái vật ấy. Đã là nghĩa anh em với nhau, thì ngày khác đòi một trăm cân hạt cau, cũng chẳng là nhiều.» Miến-nhi với Giang Trừng đều cười. Từ đấy hai người đã được dần - dần thân-cận.

Lại nhân dịp Vương - thị có tiệc mừng thọ, Giang Trừng đi theo mẹ là Tiêu-thị sang chúc thọ, gặp mưa mấy ngày, ngăn - trở chẳng thể về được. Khi ấy Tiêu-thị với Vương-thị chuyện-trò cố - cựu, đêm uống rượu ở nhà trong. Giang Trừng với Miến-nhi ngồi ở chỗ hiên mát khoảng nhà ngoài đánh bài với nhau bằng lối thẻ ngà súc quân, mà mặc-cả với nhau rằng bên nào thua thì phải chìa bàn tay ra để bên được phát. Miến-nhi liền thua luôn. Giang Trừng đòi chìa tay ra để phát, Miến-nhi thu tay áo lại, giấu tay đi không chịu thừa-nhận để phát. Giang Trừng nắm lấy cánh tay Miến - nhi, lật tay áo, dùng sức lấy bàn tay ra để phát, nhưng lại nói rằng : « Bàn tay yểu-điệu như thế này, tôi không nỡ phát.» Liền ghé răng vào bỡn cẩn. Miến-nhi càng rụt tay lại, Giang Trừng càng dùng sức ghé răng vào. Tiêu-thị với Vương - thị nghe tiếng cười bỡn, liền gọi mà hỏi sự gì vậy. Miến - nhi ứng khẩu nói dối rằng : « Con với Giang-huynh đánh bài, anh ấy liền thua, con bắt anh ấy phải khấu-đầu. anh ấy lười quá, chẳng chịu qui gối đấy thôi » Tiêu-thị Vương-thị đều cười mà trách rằng : « Chúng bay đều đã lớn khôn cả. Hỡi mày Miến-nhi ! Thế nào là thói khuê-các ? Hỡi mày Giang-sinh ! thế nào là thói đại-gia ? Lại còn học cái thói trẻ con đùa-bỡn thế dư ? » Giang Trừng với Miến-nhi đều cúi mặt vâng lời dạy mà tan đi, mỗi người về mỗi chốn.

Miến-nhi nguyên có đứa nữ-tì tên là Xuân - Lan, xinh đẹp khéo chiều người và thông-minh tai-quái. Kể về bề phẩm-cách thì Miến-nhi là chủ, Xuân - Lan là nô. Kể về bề tài-sắc, thì Xuân-Lan chỉ kém Miến - nhi một chút mà thôi. Mà Xuân - Lan đối với Giang Trừng cũng thường khi trộm đưa làn thu - thủy, tỏ nét xuân-sơn. Miến-nhi vẫn để ý lo rằng Xuân-Lan làm mê-hoặc Giang Trừng, cho nên khi ăn ở ra vào, giữ-gìn nghiêm - mật lắm. Xuân-Lan vì cớ ấy đem lòng oán Miến - nhi, hàng ngày đơm - đặt ra những điều nguyệt nọ hoa kia của Miến - nhi, để tâu mách với Vương-thị ; lại hàng ngày dòm những khi cười đào cợt mận của Miến - nhi với Giang Trừng, để mong bắt được quả-tang. Gặp một khi Giang Trừng vì sự khác, sáng sớm vào yết - kiến Vương-thị, Vương-thị còn chưa trở dậy. Miến-nhi đương sõa tóc đứng ở bên cái câu-lơn, miệng ngậm điếu thuốc lá đứng xem hoa. Giang Trừng thừa-cơ tiện-lợi, miệng cũng ngậm điếu thuốc lá, đi lại gần Miến-nhi cầu tiếp lửa. Miến-nhi ngoảnh mặt trông đi đàng khác, cho nên chẳng ý-hội gì sự ấy. Giang Trừng đột-ngột tiến lên lấy tay bưng lấy đôi má Miến - nhi, ghé mồm cưỡng tiếp lấy lửa. Trong khi bất-ý, bị con Xuân-Lan trông thấy, lẳng-lặng đi vào mách với Vương-thị. Vương-thị cả giận, gọi Miến-nhi đến trước giường trách mắng. Miến - nhi không chịu thừa-nhận, nói rằng : « Sự ấy ai trông thấy ? » Vương thị nói rằng : « Con Xuân-Lan mắt nó trông thấy, tuồng vô-sỉ kia, còn nỏ miệng thế dư ! » Miến-nhi nét mặt phát đỏ, sầm-sầm muốn khóc và mắng con Xuân-Lan cớ gì đặt chuyện nói càn. Xuân-Lan mỉm cười mà qui xuống nói rằng : « Tôi là phận con hầu, không sự gì can-thiệp cho ai, lẽ đâu tôi dám nói càn.» Miến-nhi khi ấy cái độ nước trào hồ giận

đã lên đến cùng-cực, bưng mặt cả khóc. Vương-thị cũng cho triệu Giang Trừng vào để trách mắng, thì Giang Trừng đã sớm cút đi rồi. Vương-thị vốn yêu con gái, song - le cái sự quan-hệ trong chốn khuê-môn, rất lấy làm đau-đớn hờn-giận, trách mắng chẳng thôi. Bà Tiêu-thị là mẹ Giang Trừng nghe sự ấy cũng lấy làm giận, tức-khắc bảo Giang - ông đánh Giang Trừng vài mươi roi, và không cho lại được đến bên nhà cậu nữa.

Miến-nhi khi ấy, phần thì xấu-hổ, phần thì oán-giận con Xuân-Lan, hàng ngày ngồi một chỗ vắng người, khóc-lóc chẳng ăn cơm. Được vài ngày cơn giận của Vương thị dẹp dần, cái tâm yêu con gái lại thiết-tha. Có mật khiến đứa nữ-tì khác riêng đến chỗ Miến-nhi khuyên-dỗ yên-ủi. Hay đâu con Xuân-Lan lại đem điều lợi mà mớm lời cho đứa nữ-tì khác. Nên chi đứa nữ - tì khác dã chẳng khuyên-dỗ, lại nói ra những lời Vương - thị sẽ đoạn tình mẫu-tử, mà họ Giang sẽ tuyệt-ý hôn-nhân. Là ý con Xuân Lan muốn làm cho Miến - nhi tuyệt đường hi-vọng mà tính sự quyên-sinh, để mình được tự-do cám - dỗ Giang Trừng. Đêm hôm ấy Miến-nhi quả-nhiên tự mình lấy giây thắt cổ. Bà Vương - thị thương khóc ngất đi vài bốn lần, nhưng hồi lại cũng không kịp, chỉ cả mắng con Xuân-Lan là đứa mỏng môi hay hớt mà thôi. Bà Vương-thị thì vẫn quanh-co thương - tiếc mãi, đến chiều ngày hôm sau mới bỏ xác Miến - nhi vào quan - tài, đem chôn ở một chỗ gò cao, phong đắp thành mả rồi về. Ngay tối hôm ấy có một lũ vô-lại cho rằng trong mả kẻ mĩ-nhân nhà quan sang tất có đồ châu báu, mới rủ nhau đào cái mả lên, mà khiêng quan-tài vào một tòa miếu nhỏ là Sơn-vương-miếu ở giữa cánh rừng. Lũ ấy vừa mở nắp quan-tài ra, thì chợt thấy con hồ sừng-sực ở đâu lại, lũ ấy sợ hãi đều ù té chạy. Nhưng sự ấy chửa ai biết cả.

Ngày hôm ấy, đến buổi chiều, nhà họ Giang dã được tin Miến - nhi chết. Giang Trừng nghe tin, thần mê phách tán, chỉ muốn một hơi bay ngay đến mả Miến-nhi mà khóc, nhưng vì trời đã tối không thể bay đi được. Gặp tết ấy là tết Trung - nguyên, giữa rằm tháng bảy, là cảnh sơ-thu, Giang Trừng tối hôm ấy nằm ở chỗ thư - viện riêng, ước chừng trống canh hai, cây gió thương gào, khắp trời trăng tỏ, bốn bên thanh-vắng, tiếng dế kêu sầu, lửa huỳnh thấp - thoáng thương kẻ mĩ-nhân, cách nơi hoàng-thổ, không khi nào lại trông thấy nhau nữa. Một mình tựa gối ôm giường, nước mắt chảy xuống như mưa, chợp mắt thiu thiu đi lúc nào không biết. Bỗng nghe ở ngoài cửa có tiếng ngón tay người gõ cửa, nghỉ rồi lại gõ. Giang Trừng mới khoác áo ra mở cửa, thấy một người đứng ở giữa cửa, nhìn trông ra, thì là Miến-nhi vậy. Giang Trừng kinh-ngạc, mừng rỡ khác thường, dắt tay mời vào trong nhà. Hai người cùng ngồi mà đều khóc, kể nói điều biệt-hận, người tỏ nỗi ly-sầu, nỉ-non hồi lâu. Miến-nhi tỏ ý muốn lưu ở chỗ thư-viện này để cùng đọc sách. Giang Trừng lại gạt đi nói rằng: « Tôi hai cha mẹ dương già yếu, vả nhà còn ông thầy dạy học là bậc tôn-nghiêm, nàng ở đây không có danh - nghĩa gì cả, xin tính về đường khác. » Miến - nhi gật đầu. Một chốc, Miến-nhi lại nói rằng: « Tôi muốn tạm về thăm mẹ già tôi một chút, chàng có thể đưa tôi về được không? » Giang Trừng nói rằng: « Chẳng nên, đây cách nhà bên ấy hơn hai - mươi dặm, đều là đường núi đường khe, nàng sức yếu chân nhỏ sao có thể đi đến được; vả nàng sinh-trưởng trong khuê-các, chân chẳng đi ra khỏi cửa khỏi sân, nay đi bộ mà về, làm kinh-dị cho tai mắt người, tôi

với nàng đều đi, sự hiềm-nghi sao tránh khỏi kẻ phụ-lão họ hỏi tội, thì trả lời làm sao ?» Miến-nhi nói rằng : « Tối nay đi bộ đã giỏi, khác với ngày bình - sinh và tôi nhớ mẹ tôi lắm, chàng cứ dắt tôi đi, đều không phương-ngại gì cả.» Giang Trừng không nỡ phật-ý, mới dắt tay Miến-nhi cùng đi. Vừa mới đi ra khỏi cửa, thì thấy thân-thể nhẹ - nhàng, phiêu - phiêu - nhiên như cái lá cây theo gió mà đi. Một chốc tức-khắc đã đến bên nhà cậu, đi thẳng vào nhà trong thấy Vương-thị khóc-lóc thở than, đương dặn bảo người nhà dự-bị đồ hương-hoa tửu-quả, để sáng mai đem ra tế mả Miến-nhi. Miến-nhi thì đứng chân ở ngoài cửa, không dám vào, chỉ bưng mặt khóc mà lại lui ra. Giang Trừng nói rằng : « Lại đây sao lạo-thảo thế, đi đâu sao vội-vàng thế ?» Miến-nhi nói rằng : « Đi về nghỉ.» Lại cùng nhau đi ra, gặp con Xuân - Lan ở ngoài sảnh, Miến-nhi mang điều giận cũ, bước thẳng lên vả vào mép con Xuân-Lan, con Xuân-Lan kinh ngã lăn đùng xuống đất, cấm-khẩu không nói-năng gì được nữa ; Miến nhi lại bảo Giang Trừng lấy đất bùn nhét vào đầy miệng con Xuân-Lan, mới bỏ con Xuân-Lan đấy mà đi. Đến ngõ, có kẻ lập đàn bố-thí cho hồn chúng - sinh. Miến - nhi với Giang Trừng cũng đến đấy ăn. Phút chốc đến chỗ rừng núi, vừng trăng đã lặn về phía tây, sao mai vừa mọc lên đàng đông, quang - cảnh rất là thê - lương Giang Trừng nói rằng : « Đi về chứ?» Miến-nhi nói rằng : «Sao chẳng qua lại chỗ này một chút nữa?» Giang Trừng nói rằng : « Vừa mới toan về, lại muốn đi đâu ?» Miến-nhi nói rằng : « Không phải là đi đâu, chỗ ấy là chỗ hình-thể tôi ở đấy » Mới xuyên qua rừng thông, độ vài mươi bước, thì thấy bốn bên đều cây tốt, giữa có một tòa miếu cổ nho - nhỏ, trong miếu có một cái quan-tài, bên cạnh quan - tài có một con hổ ngồi trông ra. Giang Trừng có ý sợ hãi. Miến-nhi nói rằng đừng sợ, đấy là vị sơn-thần đấy. Giang Trừng lại muốn Miến-nhi lại về nhà mình, Miến-nhi cũng vâng lời, mới lại đi trở ra, theo bóng trăng tản đi thong-thả. Miến-nhi nhân khóc-lóc dặn-dò rằng : « Tôi số dương chửa hết, đường âm hết thầy không cho về, hình-thể tôi vẫn được hoàn-hảo, chàng nếu đoái thương, thì chàng về bảo với mẹ già tôi đi cầu với người Nam-quan đạo-sĩ đưa đường đến chỗ thể-phách cho, và chữa thuốc cho, thì tôi có thể sống lại được vậy. » Giang Trừng cũng lấy làm mừng - rỡ nhận lời. Vừa nói chuyện vừa đi phút chốc đã đến nhà Giang Trừng. Giang Trừng chợt nghe có tiếng xôn-xao, mới sực tỉnh dậy, thì trời đã sáng bạch, thuộc về phần ban ngày, thân mình thì nằm cứng trên giường, cha mẹ thì vỗ vào mình mà khóc ở bên cạnh. Giang Trừng cả lấy làm kinh hãi. Phút chốc, Giang-Trừng thấy thân thể mình nóng lên như lửa, vùng trở dậy. Cha mẹ kinh sợ lui ra vài bước, mắt trông vào Giang Trừng, mừng quá hóa khóc mà nói rằng : « Con ta sống rồi ! » Giang Trừng ngậm-ngùi ít lâu, tâm-thần mới định, hỏi cha mẹ rằng : « Làm sao mà đến thế vậy?» Cha mẹ nói rằng : « Con còn mê-mông đấy dư ? Con ngủ đi chẳng tỉnh, đã một đêm lại nửa ngày rồi, nay ta vì cớ mừng con đã tỉnh, cái bệnh già của ta cũng tự - nhiên mất đi đàng nào, như người không có bệnh vậy. » Giang Trừng mới hiểu sự thần - mộng là kỳ, nhưng vấn đề bụng chẳng dám nói ra. Sáng sớm ngày hôm sau, khẩn-cầu cho mình được cùng với cha mẹ sang bên nhà cậu, thăm tin Miến-nhi và yên-ủi Vương-thị. Khi đi gần đến nơi, gặp Vương-thị thuật ra sự mả Miến-nhi bị trộm đào lấy mất quan-tài, và con Xuân-Lan vô-cố lăn đùng chết

ngất, đường như bệnh ma trêu, chính hợp với sự trong mộng đêm mới rồi, Giang Trừng đã để bụng lấy làm kỳ-dị. Kịp đi qua đến cửa làng quả-nhiên lại có người lập đàn bố-thí ba ngày hôm nay, Giang Trừng càng lấy làm kỳ-quái.

Vào yên-ủi Vương-thị xong, Giang Trừng nhân kịp đi tìm hỏi tung-tích người Nam-quan đạo-sĩ, thì người ấy tu-dưỡng ở trong cái chùa cổ gần miền ấy. Giang Trừng vào đến tận nơi, khúm-núm khẩn-cầu và hỏi thăm tòa Sơn-vương-miếu ở trong núi. Người đạo-sĩ nói rằng: « Miếu ấy phong-cảnh tuy nhỏ, nhưng rất thanh-u, vì đường khó vào nên ít người đi đến, năm nọ tôi đã toan tu-dưỡng ở trong ấy, nên chi tòa miếu ấy tôi đã biết. Nay nhà ngươi muốn vào thăm miếu, tôi sẽ có thể đưa được đường vào. » Giang Trừng cả mừng, hai người mới cùng nhau xuyên mây vạch cỏ đi vào. Khi vào đến nơi thì thấy cây cao suối mát, chim lạ hoa thơm. Miếu thì nho-nhỏ mà rất cổ, trong miếu thì sáng-sủa, ba bên đều bỏ trống, không u-âm như miếu khác, chỉ bên sau có một phiến bàn-thạch để làm cái bệ thờ, mà đề rằng: Sơn-vương-miếu. Trông vào trong thì cũng không thấy hồ, chỉ thấy một cái quan-tài đã ngỏ nắp ra. Giang Trừng vội vàng tiến lại, nhìn ra thì là thi-thể Miến-nhi, mà nhan-sắc bất-biến, chẳng khác gì ngày bình-sinh. Giang Trừng cả lạ và cả mừng, qui xuống khẩn-cầu với người đạo-sĩ. Người đạo-sĩ xem qua nói rằng: « Người này còn có thể sống được. » Người đạo-sĩ mới dạo quanh quẩng rừng đi hái thuốc. Giang Trừng mới từ-biệt người đạo-sĩ, kịp về báo tin cho Vương-thị. Vương-thị mới nghe, nửa mừng nửa sợ, nửa tin nửa ngờ; nhưng cũng kịp cùng mấy kẻ gia-nhân theo Giang Trừng vào nơi sơn-miếu. Vương-thị vào đến nơi, thì Miến-nhi đã hơi có trạng-thái hồi-sinh. Vương-thị khi ấy khôn xiết kinh mừng, vừa khóc vừa cười, toan đem ngay Miến-nhi về nhà, mà mời người đạo-sĩ về điều-trị. Người đạo-sĩ nói rằng: « Ở đây phong-cảnh thanh-u, chẳng khác gì một nơi tiên-cảnh nho-nhỏ, tính ra đã ba bốn ngày mà còn chửa chết, cũng là nhờ cái khí thanh-hư ấy để mà điều-dưỡng, chẳng qua cũng như người nhịn ăn thóc mà hô-hấp không-khí đấy thôi. Nếu vội về nhà bị cái khí trần-tục nó làm khốn, thì chửa tất đã chửa được. Chi bằng ở đây mà điều-trị ít ngày, bao giờ khá-khá mạnh-mẽ rồi về, cũng chửa muộn gì. » Vương-thị theo lời, chửa đây mười ngày, Miến-nhi đã cùng với Vương-thị, mẹ con khấu đầu tạ ơn người đạo-sĩ và thần-miếu, rồi từ-giã cảnh miếu cảnh núi về nhà. Vương-thị cảm cái nghĩa lớn của Giang Trừng, tức-khắc đem Miến-nhi gả cho Giang Trừng, tình cầm-sắt rứt là hài-hòa. Sau Vương-thị đem vàng lụa định đi trả ơn người đạo-sĩ một số rất hậu, thì khi đi đến nơi người đạo-sĩ đã đi vân-du nơi khác, không biết đâu mà tìm nữa...

2. — Nhờ tay ẩn-sĩ cứu người u-cung

Chàng Vương Tiên-Khách về triều nhà Đường năm Kiến-trung đó, là chàu gọi một viên triều-quan là Lưu Chấn bằng cậu vậy. Trước kia Tiên-Khách vì cha mất sớm, cùng với mẹ là Lưu-thị cùng về ỷ-thác cho ngoại-gia. Lưu Chấn có một người con gái tên là Vô-Song, kém Tiên-Khách độ vài tuổi, đều là hàng ấu-trĩ, chơi đùa thân-yêu nhau. Người vợ Lưu Chấn thường gọi bỡn Tiên-Khách là Vương-tiểu-lang. Như thế chừng độ vài năm, mà Lưu Chấn thì phụng-sự chị góa và vô-về Tiên-Khách càng gia-ý lắm.

Một hôm, Lưu-thị có bệnh coi chừng nặng lắm, triệu Lưu Chấn đến mà đính-ước rằng: « Chị hiềm-nỗi, có một

Tiên-Khách là con, lòng chị thương nó, em hẳn đã biết, chị chỉ hận rằng chẳng được kịp trông thấy nó lấy vợ. Cái cháu Vô-Song đoan-trang thông-tuệ, chị rất yêu nó. Sau này em chớ gả nó về họ khác, chị xin đem thằng Tiên-Khách để chúc-thác cho em. Em nếu hứa cho chị điều ấy, thì chị nhắm mắt cũng không hận gì. » Lưu Chấn nói rằng : « Chị hãng nên an-tĩnh để dưỡng-bệnh, chớ nên nghĩ gì đến điều khác cho thêm bận lòng »

Rút lại Lưu-thị chẳng khỏi bệnh, Tiên-Khách đem tang mẹ về chôn ở Tương-đăng, là nơi cố-hương. Ba năm hết trở. Tiên-Khách nghĩ riêng rằng ta thân-thế cô-đơn như thế này, nên tìm đường hôn-thú, để mong tự-tục về mai sau. Ả Vô-Song ngày nay đã trưởng-thành, cậu ta há lại vì cớ ngôi tôn chức hiền mà bỏ điều ước cũ đó ru ! Rồi Tiên-Khách chỉnh-sức đồ hành-trang lên đất Tràng-an là chốn quốc-đô. Khi ấy Lưu Chấn đã làm chức Thượng-thư kiêm chức Tô-dung-sứ, môn-phiệt hách-dịch, mũ lọng đầy nhà. Tiên-Khách vào yết-kiến, Lưu Chấn cho ở nơi học-xá làm hàng đệ-tử, cái tình cậu cháu vẫn y-nhiên như cũ, chỉ tịch-nhiên chẳng nghe có cái nghị kén rể chi cả.

Tiên-Khách thường thường ở nơi cửa sổ hé, dòm thấy Vô-Song tư-chất minh-diễm, chẳng khác người trong bậc thần-tiên. Tiên-Khách phát cuồng lên, chỉ sợ rằng sự hôn nhân chẳng hài, mới đem bán cả đồ tư-nang, được số tiền ít nhiều. Một hôm gặp ngày sinh-nhật người mợ, Tiên-Khách đi mua đồ tân-kỳ về để hiến, thuần là đồ ngà ngọc chạm khắc tinh-xảo, để dùng làm đồ trang-sức trên mái đầu. Người mợ lấy làm như ý cả mừng. Cách mươi ngày, Tiên-Khách lại hối-lộ cho một người lão-ẩu khiến đem sự cầu-thân nói đến tai người mợ. Người mợ nói rằng : « Ta vốn muốn thế, nên tức-khắc bàn ngay sự ấy. » Lại cách vài hôm nữa, có một đứa thanh-y đến bảo với Tiên-Khách rằng : « Tôi chợt thấy phu-nhân có đem sự-tình kết-thân của qui-công-tử nói với tướng-công. Tướng-công có nói rằng : Ngày trước cũng chưa từng đã quả quyết hứa lời, chẳng qua là một điều mơ-hồ trong khi bà chị đương tật-bệnh đấy mà thôi. Tướng-công nói như vậy, tôi sợ rằng sự ấy sau này chắc có phần chếch-mác. » Tiên-Khách nghe được lời ấy, như sét đánh ngang đầu, tâm với khi đều táng, suốt đêm chẳng ngủ, chỉ sợ cậu bỏ mình mà thôi. Nhưng về bề phụng-sự cậu mợ thì vẫn chẳng dám chút gì trễ biếng.

Một hôm, sáng ngày sớm, mặt trời mới mọc, Lưu Chấn đi vào triều được một chốc, hốt-nhiên thấy cưỡi ngựa chạy về nhà, mồ-hôi đầm-đìa, hơi thở cấp-súc, chỉ nói lên rằng : « Kíp kíp khóa cửa đại-môn ! Khóa cửa đại-môn ! » Cả nhà đều kinh-hãi, chẳng hiểu duyên-cớ gì. Một chốc Lưu Chấn mới nói rằng : « Hình-nguyên binh-sĩ làm phản, tướng giặc là Diêu Lệnh-Ngôn đã lĩnh binh tiến vào Hàm-nguyên-điện, đấng thiên-tử chạy ra cửa Uyển-bắc, bách-quan đều chạy theo vua đến chỗ hành-tại. Ta vì đoái nghĩ vợ con, chút về thu-xếp việc nhà. » Lưu Chấn kịp triệu Tiên-Khách mà bảo rằng : « Ngươi kịp cùng ta đảm-đang việc nhà, ta tất gả cái Vô-Song cho ngươi. » Tiên-Khách nghe lệnh, vừa sợ vừa mừng, khấu-đầu bái-tạ. Lưu Chấn liền thu-thập đồ kim-ngân cẩm-tú, mọi đồ tế-nhuyễn 20 gói, và bảo Tiên-Khách rằng : « Ngươi thay đổi quần áo mặc lối người thường, cưỡi một con ngựa mang lĩnh-vật này ra cửa Khai-viễn, tìm lấy một nơi điếm-xá thâm-u mà ẩn ở đấy, rồi ta sẽ đem phu-nhân với Vô-Song ra

cửa Khải-hạ, lần quanh đường thành kế-tục đến sau.

Tiên-Khách nhất-thiết tuân-y như lời Lưu Chấn bảo, đến khi mặt trời đã lặn, vẫn ở trong một cái điếm bên ngoài thành, chờ đợi mãi chẳng thấy Lưu Chấn đến. Hỏi ra thì cửa thành tự lúc quá trưa đã đóng khóa chặt cấm xuất-nhập rồi. Tiên-Khách trông ngóng về phía nam, kẽ mắt đã đứt, mới cưỡi ngựa đốt đèn dạo quanh đường thành đến cửa Khải-hạ thì cửa ấy cũng khóa, và có nhiều người canh giữ cầm đồ binh-khí nhấp-nhoáng, kẻ thì ngồi kẻ thì đứng Tiên-Khách xuống ngựa, từ từ đi đến hỏi rằng: «Trong thành có việc gì mà như vậy?» Người canh cửa chưa kịp đáp, Tiên-Khách lại liền hỏi: «Ngày hôm nay có người nào đi ra cửa này không?» Người canh cửa đáp rằng: «Quan Thái-úy Chu Tỉ hiện đã lên ngôi làm thiên-tử, sau giờ ngọ hôm nay có một người mang xách nặng-nề và dắt-díu bốn năm người đàn bà, muốn đi ra cửa này. Người trong ngõ này đều biết cả mà bảo nhau rằng chính đó là quan Lưu thượng-thư. Bọn tôi có trách-nhiệm canh giữ cửa nên chẳng dám phóng cho ra. Đến lúc gần tối, có kị-binh đuổi theo đến, nhất-loạt sua bắt rồi hướng về phía bắc mà đem đi.» Tiên-Khách nghe nói vật-vã khóc-lóc mất cả tiếng, rồi trở về điếm. Đến độ hết trống canh ba, cửa thành hốt-nhiên mở ra, đuốc lửa sáng như ban ngày, binh-sĩ người nào người ấy đều cầm binh-khí sáng nhoáng truyền hô rằng: «Chém bắt! chém bắt!» Thì ra trong thành có lệnh sai ra tìm bắt các triều-quan ở ngoài thành.

Tiên Khách sợ hãi bỏ cả ngựa lẫn đồ-vật tế-nhuyễn, một thân chạy về đất Tương-dương. Ở chốn thôn-quê ba năm, sau biết rằng triều-quan là Lý-Thạnh đã thu-phục được kinh-thành, vua Đức-tôn đã trở về, giặc Chu Tỉ đã yên, thiên-hạ vô-sự, Tiên-Khách mới lại vào kinh để hỏi thăm tin-tức nhà cậu.

Tiên-Khách đi đến ngõ Nam-nhai đất Tân-xương, đương khi bàng-hoàng dừng vó ngựa, chợt có một người đi đến trước ngựa bái chào. Tiên-Khách nhìn kĩ, thì là một đứa sai khiến cũ của nhà Lưu thượng-thư, tên là Tái-Hồng. Tiên-Khách vội-vàng nắm lấy tay Tái-Hồng sa nước mắt mà hỏi rằng: «Cậu ta với mợ ta được bình yên không?» Tái-Hồng thoạt-tiên đáp ngay rằng ông bà đều ở chỗ Hưng-hóa-trạch, được bình-yên cả. Tiên-Khách lấy làm mừng quá nói rằng: «Vậy ta tức-khắc qua ngõ ấy đi vào thăm.» Tái-Hồng nắm áo lại nói rằng: «Tôi nay đã được tự-do, có một nếp nhà nhỏ ở nơi Khách-hộ, làm nghề-nghiệp buôn lụa, ngày nay trời đã tối, xin hiền-lang hãng đến nơi Khách-hộ ngủ tạm một đêm, đến sáng sớm mai xin cùng đi, cũng chưa muộn gì.»

Tái-Hồng mới dẫn Tiên-Khách đến chỗ mình ở, cơm rượu rất là phong-hậu chu-tri.

Đến nửa đêm, Tiên-Khách mới nghe Tái-Hồng bảo rằng: «Quan Lưu-thượng-thư nhà ta chịu quan-tước của giặc, khi vua Đức-tôn về thì những người chịu quan-tước của giặc đều bị tội cả. Quan ông quan bà nhà ta đều phải xử về tội cực-hình. Còn có Vô-Song thì hiện đã phải bắt vào trong cung giữ việc quét sửa chốn dịch-đình.» Tiên-Khách nghe nói thảm-khóc kêu oan, dường như ngất đi, khiến cảm-động cả đến người chốn lân-lý. Rồi Tiên-Khách than với Tái-Hồng rằng: «Than ôi! Bốn bề thật là rất rộng, thế mà ta giương mắt trông ra, không có kẻ nào là người thân-thích, nay ta chưa biết gửi thân về chốn nào!» Rồi lại hỏi Tái-Hồng rằng: «Người nhà cũ của quan Lưu-thượng-thư còn ai nữa không?» Tái-Hồng đáp rằng: «Chỉ còn

một kẻ nữ tì của cô Vô-Song sai-khiến ngày trước là Thái-Tần thôi. Hiện nay ở trong nhà quan Kim-ngô tướng - quân là Vương Toại-Trung mà cũng sung về chức nữ-tỳ. » Tiên - Khách nói rằng : « Vô-Song dành không bao giờ trông thấy, được trông thấy Thái - Tần, thì chết cũng là đủ vậy. » Tiên - Khách mới viết thiếp vào yết, lấy lễ hàn-sĩ vào yết-kiến Vương Toại-Trung, nhân nói hết đầu đuôi sự minh, xin đem một số hậu - giá để chuộc Thái - Tần về. Toại-Trung cũng rất kiến - trọng là kẻ danh - sĩ, vả lại cũng cảm- động về sự đó, hứa cho Thái-Tần về, mà không lấy số tiền chuộc Tiên-Khách mới thuê một nếp nhà, cùng với Tái-Hồng và Thái-Tần cùng ở.

Tái-Hồng thường nói với Tiên-Khách rằng : « Vương hiền-lang tuổi đã khá lớn, tài cũng bằng người, nên có lấy một chút quan-chức, chứ nếu chỉ bơ-bơ ôm sầu áp hận, thì lấy gì mà tiêu-khiển tháng ngày ? » Tiên-Khách cảm lời Tái-Hồng nói là phải, mới đem tình thực khẩn-cáo với Vương Toại-Trung. Toại-Trung cũng sẵn lòng kính thương, bèn tiến-cử cho viên Kinh-triệu-doãn là Lý Tề-Vận. Tề-Vận cũng biết Tiên-Khách là kẻ có tài, liền cử làm chức tri-huyện Phú-bình, kiêm chức giám - sát trạm Tràng-lạc.

Tiên-Khách tại chức được vài tháng, chợt kẻ tiểu-lại vào báo có viên Sơn-lăng sứ-giả áp-dẫn một đội cung - nữ đến ba mươi người, đi ra chốn viên-lăng của liệt-thánh để cung-chức sái-tảo đường đi qua trạm Tràng - lạc, còn ngủ lại ở trạm một đêm, xe loan-xa đến hơn mười cỗ, dừng bánh ở đó. Tiên - Khách mật bảo với Tái-Hồng rằng : « Ta nghe những cung - nữ bị tuyển ở chốn dịch-đình, phần nhiều là con gái nhà y-quan quí-tộc, ta e rằng có nàng Vô-Song ở đó, anh vì ta thử đi dò xem, nên chăng? » Tái-Hồng đáp rằng : «Cung-nữ kể có vài nghìn người, đã chắc gì sai đến Vô-Song. » Tiên-Khách nói rằng : « Anh cứ đi, nhân-sự cũng chửa biết đâu. » Tiên-Khách bèn sai Tái-Hồng giả-danh làm một kẻ dịch-lại, giữ việc pha chè quạt nước ở ngoài bức rèm, và bảo rằng hoặc có trông thấy Vô-Song, thì tức-khắc chạy nhanh về báo. Tái - Hồng vâng dạ đi ra trạm Tràng-lạc nhận việc. Bọn cung-nữ thì hết thảy ở trong bức rèm, không thể nào trông thấy được, chỉ ban đêm nghe có tiếng thì-thào cười nói mà thôi.

Đến đêm khuya, các tiếng động đều yên-tĩnh, Tái-Hồng thắp đèn rửa chén chẳng dám đi ngủ. Chợt nghe ở dưới bức rèm có tiếng gọi rằng : « Tái-Hồng! Tái-hồng ! ta là Vô-Song đây, mày có biết ta ở đây không ? Chàng Vương-lang được mạnh - khỏe không ? » Nói xong như thổn-thức nuốt nước mắt khóc. Tái-Hồng biết rõ là Vô-Song, bèn nói rằng : « Vương-quân hiện làm chức giám-sát ở trạm này, hôm nay ngờ rằng có quí-nương ở đây, vậy sai Tái-Hồng này chực sẵn để thăm hỏi. » Vô - Song lại nói rằng : « Ta không thể đứng nói lâu với mày được, sáng ngày mai sau khi ta đã đi rồi, mày cứ ở chỗ gác mé đông-bắc nhà, dưới cái thảm tía, lấy ra một bức thư đưa cho Vương-lang. » Vô-Song nói xong, vội-vàng đi ngay, Tái-Hồng chợt nghe ở trong rèm có tiếng ồn-ào nào-động, bảo nhau rằng có một vị cung-nữ trúng-phong. Liền thấy quan Trung-sứ đi tìm thuốc thang kíp lắm, phút-chốc lại nghe nói vị cung-nữ đã hồi-tỉnh, chừng là Vô-Song trở vào cảm-động quá mà ngất đi vậy.

Tái-Hồng kíp vội đi báo Tiên-Khách. Tiên-Khách kinh-ngạc nói rằng : « Ta làm thế nào mà được nhất-kiến Vô-Song? » Tái - Hồng đáp rằng : « Hiện nay đang sửa-sang cầu Vị-kiều, hiền-lang có thể giả - danh làm một viên quan ra xét việc tu - lý kiều, khi đoàn xe cung-nữ đi qua kiều, thì

hiền-lang cứ gần xe mà đứng, Vô-Song nếu nhận được là hiền-lang, tất-nhiên mở bức rèm ra, chắc được trông thấy Vô-Song vậy. » Tiên-Khách nghe theo lời Tái-Hồng, đến cỗ xe thứ ba, quả-nhiên thấy bức rèm mở ra, Tiên-Khách ròm thấy, thực là Vô-Song vậy. Tiên-Khách khi ấy, vừa bi-cảm vừa oán-mộ, khôn xiết dề tình. Rồi Tái-Hồng đem bức thư lấy được ở dưới thảm trong gác ra đưa cho Tiên-Khách. Tiên-Khách tiếp coi, thì giấy hoa-tiên năm bức, đều là chữ thủ-bút của Vô-Song, lời-lẽ thảm-thiết, kể-lể hết thảy sự-tình. Tiên-Khách xem xong, nuốt hận rỏ nước mắt than rằng: «Tự đây là đường vĩnh-quyết vậy! »

Tiên-Khách liền xin giải-chức coi trạm, về huyện làm việc bản-quan, tuy ngày tháng tiêu-dao, nhưng vẫn dề lòng mong thoát khỏi cho Vô-Song ra ngoài vành cung-cấm, mà chửa tìm được phương-kế gì cả. Một hôm Tiên-Khách ra dạo chơi chỗ Cồ-áp-nhai, thấy một người ẩn-sĩ niên đã lão, nhàn-cư ở trong chốn thôn-thữ, hỏi ra thì danh-hiệu là Cồ-Sinh. Tiên-Khách dần-dà biết là người nghĩa-hiệp trí-mưu, mới hết lòng phụng-sự Cồ-Sinh, vàng ngọc gấm lụa đem lại tặng không xiết kể. Cồ-Sinh cứ nhất-nhất không từ-chối. Như thế hơn một năm, Tiên-Khách chưa dám khai-khẩu nói sự mình. Một hôm Tiên-Khách nhàn-cư ở trong huyện, thấy Cồ-Sinh hốt-nhiên lại, bảo Tiên-Khách rằng: « Vương-quân đối với lão-phu này, thực đã kiệt-phận tận-tâm, xét ý Vương-quân, chắc có sự gì sở-cầu với lão-phu, lão-phu này thực cũng là người nhất-phiến hữu-tâm, Vương-quân cứ nói rõ, lão-phu này cảm ân sâu của Vương-quân, xin lấy thân dề báo đáp. « Tiên-Khách khóc-lóc sụp xuống lạy, đem thực-tình bảo với Cồ-Sinh. Cồ-Sinh ngửa mặt lên trời, lấy tay vỗ vào ức vài bốn lần, rồi mới nói rằng: « Việc ấy khó lắm, không phải là việc dễ, phi có nghìn lạng vàng, chẳng mong mưu-tính được việc ấy. » Tiên-Khách ngẩn-ngơ nói rằng: «Tiểu-sinh khánh-kiệt tư-nang cũng chỉ được bốn năm trăm lạng mà thôi.» Cồ-Sinh gật đầu nói rằng: « Sự ấy ngõ-hầu xong được, cái số của Vương-quân tặng lão-phu hơn một năm nay cũng có đủ năm trăm lạng, lão-phu vì biết Vương-quân tất có sở-cầu, cho nên vẫn dành lại dề mưu việc cho Vương-quân. » Cuối cùng Cồ-Sinh lại bảo Tiên-Khách rằng: « Sự này không thể mong sớm chiều thành-sự được, ít ra cũng kể hàng năm, Vương-quân đừng lấy làm muộn. » Tiên-Khách bái-tạ nói rằng: «Tiên-sinh hết sức hết lòng, tiểu-sinh không dám kể sớm muộn.» Cồ-Sinh gật đầu cười, rồi từ-biệt về nhà.

Cồ-Sinh về nhà, bắt đầu mua một cái quan-tài, thác-ngôn rằng vị minh dự-bị cõi thọ. Cách ba ngày Tiên-Khách đem vàng năm trăm lạng giao cho Cồ-Sinh. Cồ-Sinh thu-thập vàng cũ cũng có năm trăm lạng nữa. Số vàng ấy phó mặc cho tay Cồ-Sinh mưu việc, Tiên-Khách không hỏi gì đến Cồ-Sinh, mới mật mưu với một viên hoạn-quan, lấy số vàng ấy ra đem rắc bỏ ở trong cung dề tùy-cơ mưu việc. Ngày tháng ít lâu, trong cung dần dần có những lời lao-xao rằng: « Con Vô-Song nó là con nhà kẻ nghịch-thần, đối với nhà vua đã là kẻ đại-thù, nếu chẳng giết nó đi mà cho nó ở trong cung, sợ rằng một ngày kia nhà vua tất có cái vạ nguy-hiểm bất-trắc. » Lời ấy trước còn ít người nói, sau nhiều người nói, rồi đến tai vua Đức-tôn. Vua Đức-tôn chợt tỉnh-ngộ, tức-khắc giáng-chiếu sai viên Trung-sứ đem thuốc độc cho Vô-Song, khiến Vô-Song mông ân mà tự-tận. Kẻ hoạn-quan mới mật-mưu với viên Trung-sứ đem thuốc độc giả

ban cho Vô-Song, Vô-Song liền vâng mệnh uống thuốc độc giả-cách chết. Đến khi trời đã hoàng-hôn, viên Trung-sứ đến khám-nghiệm là Vô-Song đã chết, liền sai mang ra ngoài thành đem chôn. Lệ ở trong cung, phàm cung-nữ kẻ nào có tội mà chết, không được có quan-quách, chỉ phủ bọc cái vật khác cho khỏi bộc-lộ mà thôi; kẻ nào có nhà thì giao về cho nhà ấy, để người nhà đem chôn lấy.

Khi ấy mặt trời đã lặn, có hai tên lính vệ đem xác Vô-Song ra cửa bắc-môn. Cồ-Sinh thì cùng với một vài kẻ người nhà chực sẵn ở đấy, thấy xác Vô-Song đem ra, Cồ-Sinh tiến lại gần vật-vã khóc than, xưng mình là kẻ thân-thích, xin mông-ân lĩnh xác về chôn.

Cồ-Sinh đem Vô-Song về nhà liền để Vô-Song ở một nơi khóa chặt cửa lại, rồi khiêng một cái quan-tài không ra phía đồng núi xa xa đem chôn, giả-thác là mồ cung-nữ. Cồ-Sinh kịp đi báo tin cho Tiên-Khách. Tiên-Khách cả mừng, tức-khắc sai Tái-Hồng nửa đêm dẫn Vô-Song đi về Tương-đặng là nơi quê-hương cũ của Tiên-Khách.

Vô-Song về Tương-đặng đổi họ tên, ăn mặc lối người thường, không ai biết là Lưu Vô-Song vậy. Tiên-Khách đã được Vô-Song, liền cầu giải chức Phủ-bình tri-huyện để về cố-hương. Bên thu-thập đồ hành-trang thì chỉ còn có một thanh gươm của mình thường đeo, chuôi cầm bằng ngọc, cũng đáng giá trăm lạng vàng. Nhân nghĩ rằng cái ơn của Cồ-Sinh ẩn-sĩ chửa lấy gì báo-đáp được, mới đem thanh gươm ấy đến tặng Cồ-Sinh. Cồ-Sinh từ chối mà rằng: « Lão-phu bình-sinh chỉ vì nghĩa không vì lợi, mài trán đẽo gót mà lợi cho thiên-hạ, cồ-nhân còn làm, nữa là việc này, lão-phu chửa từng mất một cái lông. Người ta lấy ngọc làm báu, lão-phu này lấy điều nghĩa làm báu, xin trả lại thanh ngọc-kiếm ấy để Vương-quân làm đồ hành-lý. » Tiên-Khách bất-đắc-dĩ khấu đầu bái tạ Cồ-Sinh, rồi ruổi về cố-hương. Non cao nước biếc, tiêu dao ít lâu, rồi đem bán thanh ngọc-kiếm ấy đi, khởi lên một nơi biệt-nghiệp cùng ả Vô-Song bách-niên giai-lão.

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Điếu cổ chiến-trường-phú (1)

(diễn nôm)

浩浩乎平沙無垠。鳧不見人。河水縈帶。羣山糾紛。黯分慘悴。風悲日曛。蓬斷草枯。凜若霜晨。烏飛不下。獸挺亡羣。亭長告予曰。此古戰場也。嘗覆三軍。往往鬼泣。天陰則聞。

Bãi cát rộng bóng người nào thấy,
Núi sắp bầy nước chảy quanh co;
Ngọn gió thảm mặt trời mờ,
Hơi sương bỗng héo cỏ khô một mầu.
Chim bay bỗng dám đâu sa cánh,
Muông chạy dài dám ngảnh tìm bầy;
Ông Đình-trưởng bảo tôi hay,
Rằng: « Đây chiến-địa từ ngày đời xưa.
Một đôi lúc thất cơ lỡ trận,
Mệnh ba quân vơ-vẩn còn đâu,
Thường khi trời tối mịt-mù,
Lắng nghe quỉ khóc ở đâu chốn này.

傷心哉。秦歟漢歟。將近代歟。吾聞夫齊魏徭戍。荊韓召募。萬里奔走。運年暴露。沙草晨牧。河水夜渡。地濶天長。不知歸路。寄身鋒刃。霸臆誰訴。

Nghe phân-thuyết xiết thay kinh hãi,
Lòng thương-tâm trăm mối xa gần;
Ấy đời Hán hay đời Tần,
Là đời thượng-cổ hay gần đời nay,
Tề với Ngụy từng khi giao-thủ,
Kinh với Hàn triệu mộ thuở xưa;
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Liền năm gió dập mưa sa cõi ngoài.
Cỏ bãi cát buổi mai rẻo ngựa,
Nước dòng khe lội giữa canh khuya;
Rộng dài nào biết đường về,
Gửi thân mũi giáo ai thì tỏ hay.

秦漢而還。多事四夷。中州耗斁。無世無之。古稱戎夏。不抗王師。文教失宜。武臣用奇。奇兵有異於仁義。王道迂濶而莫爲。

Đời Tần Hán sau này lắm việc,
Thường đưa quân đánh chác cõi ngoài;
Trung-châu mấy quận tơi-bời,
Của môn người chết chẳng đời nào không.
Xưa nghe nói quân Nhung-địch ấy,
Chẳng khi nào chống lại vương-sĩ;
Văn không dạy võ dùng kỳ,
Kỳ-binh nào biết nhân-nghĩ đạo vương,

呼嗚噫嘻。吾想夫北風振漠。胡兵伺便。主將驕敵。期門受戰。野豎旄旗。川迴組練。法重心駭。威尊命賤。利鏃穿骨。驚沙入面。主客相搏。山川震眩。聲析江河。勢崩雷電。

Khi gió lạnh bắc-phương thổi đến,
Quân giặc Hồ thừa-tiện lấn vào,
Lại vì ông chủ-tướng kiêu,
Cơ-môn giáp trận quyết liều đánh nhau.
Ngoài đồng nội cờ mao cắm lớp,
Quanh dòng khe áo giáp bày hàng;
Phép nghiêm xem mệnh nhẹ-nhàng,
Tên đâm xương nát cát phang mặt đầy.
Chủ với khách ra tay quyết-đấu,
Tiếng hò reo vang thấu núi sông;
Ào-ào nước chảy giữa dòng,
Ầm-ầm sấm sét vang lòng bốn phương.

至若窮陰凝閉。凜冽海隅。積雪沒脛。堅冰在髭。鳥鳥休巢。征馬馳驅。繒纊無溫。墜指裂膚。當此苦寒。天假強胡。憑陵殺氣。以相翦屠。徑截輜重。橋攻士卒。郡尉新降。將軍覆沒。屍塡巨港之岸。血滿長城之窟。無貴無賤。同歸枯骨。可勝言哉。

Tiết đông lạnh khí dương ngưng-kết,
Chốn hải-ngu lạnh rét giường bao;
Tuyết lụt về, đá đọng rân,
Chim buồn tổ nghỉ ngựa sầu đường giong.
Rét cắt thịt lụa bông cũng rét,

(1) Nguyên hán-văn của Lý Hoa 李華 đời Đường.

Tiết rét này là tiết hồ-đi,
Xe lương nó đã cướp đi,
Bao nhiêu quân-sĩ nó thì đón ngang.
Đô-úy đã mình hàng với giặc,
Tướng-quân cũng phách thác suối vàng;
Thây đầy nội máu đầy hang,
Xương khô nào kẻ kẻ sang người hèn.

弦衰兮力盡。矢竭兮弦絕。白刃交兮寶刀折。兩軍憂兮生死決。降矣哉終身夷狄。戰矣哉骨暴沙礫。鳥無聲兮山寂寂。夜正長兮風淅淅。魂魄結兮天沈沈。鬼神聚兮雲霾霾。日光寒兮草短。月色苦兮霜白。傷心慘目。有如是耶。

Trống đánh mãi tiếng hèn sức mệt,
Cung bắn hoài tên hết giây tan;
Ngọn giáo chỉ, mũi gươm chen,
Đôi bên sống thác một phen quyết liều.
Hàng thì phải trọn theo mọi-rợ,
Đánh thì nơi cát đá liều mình;
Chim lặng ngắt núi vắng tanh,
Năm canh gió thổi bên mình véo-von.
Trời thẳm-thẳm phách hồn chốn ấy,
Mây mờ-mờ thần quỉ đâu đây:
Bóng dương lạnh, bóng trăng cay,
Bao lòng xót mắt đường này nữa không.

吾聞之牧用趙卒。大破林胡。開地千里。遁逃匈奴。漢傾天下。財殫力竭。任人而已。其在茲乎。

Ta nghe nói xưa ông Triệu Mục,
Từng nhiều phen khu-trục quân Hồ;
Nước non rộng mở cơ-đồ,
Làm cho quân giặc Hung-nô chạy dài.
Lại nghe nói những đời Hán-đại,
Nghiêng nước nhà chống với Hồ-đi;
Sức hèn của hết tích chi,
Tại người cho giỏi tài gì quân đông.

周伐玁狁。北至太原。既城朔方。全師而還。飲至策勳。和樂且閑。穆穆棣棣。君臣之間。秦起長城。竟海爲關。蒼蒼生靈。萬里朱殷。漢擊匈奴。鏖得陰山。枕藉遍野。功不補患。

Đời nhà Chu đánh cung Hiềm-doãn,
Thành Sóc-phương liền phản quân về;
Khải-hoàn yến ẩm rượu chè,
Vua tôi hòa kính trăm bề vầy vui.
Đời Tần đắp thành dài tận bể,
Hại sinh-linh xiết kể máu chan;
Hán tuy lấy được Âm san,
Xương khô đầy nội khôn đền vạ chung.

苍苍蒸民。誰無父母。提攜捧負。恐其不壽。誰無兄弟。如足如手。誰無夫婦。如賓如友。生也何恩。殺之何咎。

Thương-dân ta ai không cha mẹ,
Lòng thương con bồng bế ấp yêu;
Những là rày ước mai ao,
Trông cho con được hưởng lâu tuổi trời.
Ai là chẳng có người huynh đệ,
Nghĩa đồng-bào như thể tay chân;
Ai không chồng vợ tình thân,
Xem nhau như thể hữu-tân một nhà.
Nghĩ khi sống ơn đã chẳng có,
Làm chết đi tội khổ chi đây;

其存其沒。家莫聞知。人或有言。將信將疑。惕惕心目。寢寐見之。布奠精誠。哭望天涯。天地爲愁。草木悽悲。魂魄不至。精魂何依。必有因年。人其洗鬼。嗚呼噫嘻。時耶命耶。從古如斯。爲之柰何。守在四夷。

Mất còn nhà cũng không hay,
Nghe tin luống những hồ-nghi đôi đường,
Lòng thương xót mơ-màng mộng-mị,
Giấc chiêm-bao bỗng thấy hồn về;
Bắt dân cùng tế rượu chè,
Xa trông những chốn thiên-nhi xụt-xùi.
Cây có thảm đất trời sầu xót,
Hiếu tế không hồn trót nương đâu;
Ắt rồi liền tiếp năm sau,
Mùa màng mất-mát người hầu lưu-ly.
Thời hay mệnh thôi thì xiết kể,
Vốn từ xưa cũng thế khác gì,
Làm sao khỏi được vạ ni,
Chữ rằng: « thú tại tứ di » mới là.

Song-kim NGUYỄN ĐỨC-TƯƠNG

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(TỪ MỒNG 1 ĐẾN 30 THÁNG SÁU NĂM 1930)

Mồng 1 tháng sáu. — *Thủ-tướng Pháp* TARDIEU *đọc ở* Dijon *một bài diễn-văn tổng-thuật về tình-hình chính-trị và bày tỏ sự kết-quả từ ngày đem thi-hành cái chương-trình của Nội-các mình.*

Mồng 2. — *Tại Chúng-nghị-viện Anh có cuộc tranh-luận lớn về bản hiệp-ước hải-quân ở* Londres: *Ông* BALDWIN *thay mặt đảng bảo-thủ trình đơn xin lập một ủy-ban điều-tra, đơn này, sau khi thủ tướng* MACDONALD *đã đáp lại, bị 282 phiếu phản-đối chống với 201 phiếu ưng-thuận. — Có tin tòa Nội-các* MACDONALD *sắp chỉnh-đốn lại.* . . . .

. . . . . .

— *Tòa Nội-các Thụy-điển* (Suède) *từ chức.*

Mồng 3. — *Nghị-viện Pháp tiếp-tục các công việc; Hạ-nghị-viện định để ngày thứ sáu thảo-luận các cuộc chất-vấn, bắt đầu thảo-luận cuộc chất-vấn về các việc biến-động ở Đông-dương.*

— *Nước Pháp và nước Ý đã ký tại* Rome (*kinh-đô Ý*) *một bản hiệp-ước giao-tế.*

— *Ông* EKMAN *là lĩnh-tụ đảng bình-dân Thụy-điển* (Suède) *được cử lên lập tòa Nội-các mới.*

Mồng 4. — *Nước Pháp và nước Ý đã thảo xong hai bản hiệp-ước mới về kinh-tế.*

. . . . . .

. . . . . .

Mồng 5. — *Thủ-tướng* MACDONALD *nước Anh trình Chúng-nghị-viện biết rằng chính-phủ đã quyết-nghị không ưng bản dự-án xây đường hầm dưới bể* Manche.

— *Tại Ấn-độ có một toán chừng 1 vạn 4 nghìn quân rợ* Affredis *phản-nghịch vây thành* Peshavar.

Mồng 6. — *Ở Pháp, Hạ-nghị-viện bắt đầu thảo-luận các cuộc chất-vấn về việc biến-động xứ Đông-dương và đã nghe lời chất-vấn của các ông nghị-viện* MOUTET, TAITTINGER *và* OUTREY.

— *Chúng-nghị-viện Anh tranh-luận về việc giao-tế của chính-phủ Anh với chính-phủ Sô-viết. Tổng-trưởng ngoại-giao* HENDERSON *có tuyên-ngôn về việc đó trong cuộc tranh-luận. — Chính-phủ Anh xuất-bản một quyển « Bạch-thư »* (Livre blanc) *nói rõ các lẽ vì sao mà không ưng bản dự-án xây đường hầm dưới bể* Manche.

— *Nước Anh và nước Nhật ưng-thuận lời biện-giải của nước Mĩ về khoản thay đổi trong bản hiệp-ước hải-quân ở* Londres. *Theo bản hiệp-ước này thì nước Nhật được tặng đội hàng-không của mình.*

— *Tòa Nội-các mới nước Thụy-điển đã thành-lập, ông* EKMAN *làm tổng-lý, ông* RAME *sung vào bộ ngoại-giao.*

. . . . . .

. . . . . .

Mồng 7. — *Thủ-tướng* TARDIEU *thương thuyết cùng các ông* PIÉTRI *Thuộc-địa tổng-trưởng,* MAGINOT *Lục-quân tổng-trưởng,* DELMONT *Thuộc-địa thứ-trưởng, và đại-tướng* CLAUZEL *quản-đốc các đạo quân thuộc-địa, về các việc biến-động ở Đông-dương.*

— *Hoàng-thân* CAROL *nước Lỗ-mã-ni* (Roumanie) *đã lên về nước. Hoàng-thân về như thế này có dự bị trước nên được hoan-nghênh lắm. Nội-các* MANIU *vì không điều-đình được để cho Hoàng-thân vào hội-đồng phụ-chính hoặc để tức vị Hoàng-đế, phải từ-chức. Nghị-viện sắp chiêu-tập và có lẽ ông* MIRONESCO *đứng lên lập tòa Nội-các mới.*

Mồng 8. — *Ông* PIÉTRI *là tổng-trưởng bộ thuộc-địa diễn-thuyết ở trước hội liên-đoàn các nhà thuộc-địa Pháp họp ở* Lorient *đã nói rõ cái chính-sách thuộc-địa của nước Pháp và ý-kiến của chính-phủ định đối-phó với các việc khó-khăn ở thuộc-địa thế nào.* (Bài diễn-thuyết này, bản-chí đã bình-luận ở mục xã-thuyết trên kia.)

— *Quốc-hội nước Lỗ-mã-ni thủ-tiêu đạo luật trước công-quyền của Hoàng-thân* CAROL. *Quốc-hội tôn hoàng-thân lên làm vua, và định việc suy-tôn này có «tố-cập hiệu-lực»* (effet rétroactif), *nghĩa là có hiệu-lực ngược lại từ trước, kể cho là làm vua từ sau khi tiên-hoàng mất đến giờ. Ấu-hoàng* MICHEL *là con hoàng-thân thì thoái-vị và vua mới đặt hiệu là* CHARLES II *đã làm lễ tuyên-thệ. Tòa Nội-các lâm-thời của ông* MIRONESCO *đã đệ đơn xin từ chức.*

Mồng 9. — *Vua* CHARLES II *nước Lỗ-mã-ni giao cho ông* MANIU *lập tòa Nội-các mới. Các quân-nhân tuyên-thệ trung-thành với nhà vua. Ông* DIAMANDY *công-sứ Lỗ-mã-ni ở* Paris *bị triệu về* Bucarest. *Đảng tự-do có cái nguy sẽ phân-liệt.*

— *Bộ tổng-tham-mưu hải-quân nước Nhật chỉnh-đốn lại. Sự xung-đột của ban tham-mưu với bộ hải-quân điều-đình đã tạm xuôi.*

— *Ở Anh, bản báo-cáo của phái-bộ* SIMON *điều-tra về việc Ấn-độ, đã đem công-bố một phần thứ nhất.*

Ngày 10. — *Vua* CHARLES II *nước Lỗ-mã-ni vẫn dò hỏi ý-kiến các phái để lập Nội-các mới. Chắc ông* MANIU *sẽ được cử ra chủ-trương Nội-các.*

Ngày 11. — *Ông* MANIU *khước không nhận lập tòa Nội-các mới nước Lỗ-mã-ni. Trước vua Lỗ-mã-ni vì bỏ bà phi* HÉLÈNE *nên bị truất, nay đã về nước đang cùng bà phi điều-đình để hòa-hợp với nhau.*

Ngày 12. — *Ông* MANIU *là lãnh-tụ đảng quốc-gia thôn-dân* (parti national paysan) *nước Lỗ-mã-ni đã tuyên-ngôn nói vì cớ gì khước không nhận lập tòa nội-các. Đại-tướng* PRESAN *cũng từ-chối nốt.*

Ngày 13. — *Nghị-viện Pháp vẫn thảo-luận các lời chất-vấn về việc biến-động xứ Đông-dương và nghe ông* PIÉTRI *là tổng-trưởng bộ thuộc-địa nói rõ về tình-hình xứ đó.*

— *Ông* MANIU *ưng-thuận đứng lên lập tòa Nội-các mới nước Lỗ-mã-ni, trong tòa Nội-các này thì ông* MIRONESCO *giữ bộ ngoại-giao. Đến tháng chín này sẽ làm lễ đăng-quang vua* CHARLES II. *Ông* DINU CESIANO *sẽ thay ông* DIAMANDY *làm công-sứ Lỗ-mã-ni tại Paris.*

Ngày 14. — *Tòa nội-các* MANIU *đã ra trước hai nghị-viện nước Lỗ-mã-ni; bài tuyên-ngôn của Nội-các được hoan-nghênh lắm.*

Ngày 15. — *Ông* MIRONESCO *tổng-trưởng bộ ngoại-giao Lỗ-mã-ni, có nói cho một viên thông-tin của báo* Petit Parisien *biết rằng cái chính-sách ngoại-giao của nước Lỗ-mã-ni không thay đổi gì hết.*

— *Tại Ấn-độ, các dân Ấn-độ-giáo* (Hindous, *theo đạo chính-truyền*) *họp hội-đồng ở* Bombay *rất là náo-nhiệt để tỏ ý bênh-vực cái chế-độ giai-cấp* (régime des castes) *và đề yêu-cầu cho việc lập-hiến sau này của Ấn-độ đừng can-thiệp về tôn-giáo cùng sự hành-động của các giáo-hội. hai nhà lãnh-tụ quan-trọng của phái Hồi-giáo thương-thuyết cùng tổng-*

đốc Ấn-độ và tỏ ý phái mình muốn hợp-tác cùng chính-phủ Anh.

Ngày 16. — *Hội - đồng trị - sự nhà «Quốc-tế thanh-trái ngân hàng» đã họp kỳ thứ hai và định yêu-cầu cùng mười hai nhà ngân-hàng phát-hành mới góp vốn vào cho nhà Ngân-hàng quốc-tế.*

— *Hai nước Pháp và Ý ký tại* Rome (Ý) *một bản hiệp-ước về cách đối-đãi người dân của hai nước*

— *Có tin đích là ông* Césiano *sẽ thay cho ông* Diamandy *làm công-sứ Lỗ-mã-ni ở* Paris.

Ngày 17. — *Thủ-tướng Anh* Macdonald, *chủ tọa ở* Guidhall (*nhà thị-sảnh thành Luân-đôn*) *một cuộc hội-nghị lớn cùng các chức-dịch sở-tại và yêu cầu các nhà chức-dịch phụ-lực với mình để ngăn-ngừa cái nạn thợ-thuyền thất-nghiệp. Theo cuộc phỏng-vấn của báo* Daily Herald, *thì nguyên-thủ - tướng* Lloyd George *cũng sẵn lòng giúp chính-phủ trong việc này.*

— *Tổng-thống* Hoover *nước Mĩ ký đạo luật mới về quan-thuế.*

Ngày 18. — *Ủy-ban của Quốc-tế lao-động-cục* (B. I. T.) *xét về vấn - đề thời-hạn làm việc trong một ngày, bỏ 27 phiếu đối lại với 16 phiếu để phản-đối sự làm 7 giờ một ngày và bỏ 27 phiếu đối lại với 18 phiếu để phản-đối sự làm 7 giờ rưỡi một ngày.*

— *Tòa nội-các Ai-cập* (Egypte) *từ chức.*

Ngày 19. — *Ủy-ban Hội-nghị Quốc-tế lao - động ưng - chuẩn hai khoản thứ nhất bản dự-án hiệp-ước định hạn làm việc cho các công-nhân, là 8 giờ một ngày và 48 giờ một tuần-lễ.*

— *Ông* Baldwin *nước Anh, thay mặt đảng bảo-thủ từ chối không muốn cùng thủ-tướng* Macdonald *công - tác trong việc giải-quyết vấn-đề công-nhân thất-nghiệp* (question du chômage).

Ngày 20. — *Hạ nghị-viện Pháp trong kỳ họp buổi chiều đã nghe các ông nghị-viên* Thoumyre, Candace *và* Varenne *thảo-luận về các việc biến động ở Đông-dương.*

— *Hội-nghị lao-động định trong các mỏ mỗi ngày làm việc 7 giờ 45 phút thôi.*

— Ismail Sidkypacha *lập tòa nội-các Ai-cập mới.*

Ngày 21. — *Nghị-viện Ai-cập hoãn lại một tháng nữa.*

— *Ở Ấn-độ có nhiều cuộc xung-đột lưu-huyết tại lỉnh* Bombay.

Ngày 22. — *Vì đạo luật mới về quan-thuế của nước Mĩ có thiệt lớn cho các nước nên các nước đều có lời phản-kháng. Tổng-thống* Hoover *nước Mĩ định rằng trong luật đã có một điều cho phép được châm-chước* (clause de flexibilité), *vậy sẽ thi-hành điều đó đối với nước Pháp cho được bằng lòng.*

Ngày 23. — *Ông* Albert Thomas *giám-đốc quốc-tế lao-động-cục, đọc tại Hội-nghị lao-động họp ở* Genève (*Thụy-sĩ*) *một bài diễn-văn nói tóm lược tình-hình các vấn-đề lao-động đã đem nghiên-cứu ở Hội-nghị.*

— *Bản báo-cáo của phái-bộ* Simon *kết-luận cần phải xét lại việc lập-hiến cho Ấn-độ.*

Ngày 24. — *Ủy-ban xét về thời-hạn làm việc trong các mỏ than họp tại* Genève, *cấm không được bắt các thợ-thuyền làm việc thêm giờ, trừ khi có việc chiến-tranh thì không kể.*

Ngày 25. — *Chính-phủ* Madrid (*Tây-ban-nha*) *biểu đồng-tình về bản dự-án Liên-Âu của ngoại-tướng* Briand *nước Pháp đã khởi-xướng, nhưng vẫn muốn giữ quyền tự-do hành-động của mình.*

Ngày 26. — *Ở Pháp đảng xã-hội cấp-tiến tại Nghị-viện quyết-nghị yêu-cầu lập một ban ủy-viên riêng của Nghị-viện để điều-tra về tình - hình xứ Đông-dương cùng là xét các việc cải-cách cần-cấp.*

— *Ông* Robert de Caix *đã trình rõ với ủy-ban của hội Vạn-quốc về công-cuộc của nước Pháp ở* Syrie *và* Liban.

Ngày 27. — *Tại Nghị-viện Pháp đã kết-liễu cuộc thảo-luận các lời chất-vấn về việc biến-động xứ Đông-dương. Lời thỉnh-cầu của ông* Daladier *lập một ủy-ban điều-tra, sau khi thủ-tướng* André Tardieu *can-thiệp vào, bị 325 phiếu phản-kháng đối lại với 260 phiếu đồng-tình, cả nghị-viện đều giơ tay tỏ lòng tín-nhiệm chính-phủ.*

Ngày 28. — *Thượng-ủy-ban đồng-minh thông cho ủy-viên Đế-quốc Đức* (Commissaire d'Empire) *ở* Mayence (*Đức*) *biết rằng việc các nước đồng-minh đóng binh ở đất* Rhénanie *nay đã kết-liễu, và chuyển-giao lại các quyền cho viên ấy.*

— *Hội-nghị quốc-tế lao-động họp ở* Genève (*Thụy-sĩ*) *bỏ 70 phiếu đối lại với 43 phiếu để phản-đối bản dự-án định hạn-chế giờ làm trong một ngày ở các mỏ than. Bản hiệp-ước về vấn-đề cưỡng-bách lao-động* (travail forcé) *ở các thuộc-địa được 93 phiếu ưng-thuận đối lại với 50 phiếu phản-đối.*

Ngày 29 — *Mấy toán quân đồng-minh còn đóng ở* Rhénanie *Đức, đã triệt-hồi nốt.*

— *Tại* Bruxelles (*nước Tỉ*) *khai Hội-nghị quốc-gia về khoa-học.*

— *Việc cách-mệnh ở* Bolivie (*Nam-Mĩ*) *đã kết-quả thành-lập một chính-phủ mới ở đô-thành* La Paz.

Ngày 30 — *Mấy toán quân sau cùng còn đóng ở* Rhénanie *đã rút về hết. Lá cờ ở bộ tổng-tham-mưu Pháp đã hạ xuống, có ông* Tirard *và thống-soái* Guillaumat *chứng-kiến. Kinh-thành* Berlin *nước Đức hoan-nghênh việc triệt-hồi quân Đồng-minh ở* Rhénanie. *Tổng-thống* Hindenburg *và chính-phủ Đức đã tuyên-bố một bài thông-cáo quốc-dân về việc đó, cả Nghị-viện đứng dậy nghe bài diễn-văn ứng-khẩu của thủ-tướng* Loeb.

— *Chúng-nghị-viện Anh quyết-nghị phản-đối việc đào đường hầm dưới bể* Manche *thắng được 7 phiếu.*

Vấn-đề tự-trị nước Cao-lỵ.

Ít lâu nay trong báo-giới Nhật-bản có nói ngờ rằng Chính-phủ sắp cải-cách việc chính-trị nước Cao-lỵ. Nước Nhật đối với việc ấy định xử-trí thế nào, đó là một vấn-đề mà dân Cao-lỵ hằng lấy làm lo-ngại. Tử-tước Saito *làm Tổng-đốc Cao-lỵ vừa bị triệu về* Tokio *để thương-thuyết cùng chính-phủ về một vài điều nên sửa đổi trong việc cai-trị thuộc-địa.*

Năm 1920 chính Tử-tước Saito *đã lập ra cái chế-độ hiện-hành để cho người Cao-lỵ được quyền bày tỏ ý-kiến về các vấn-đề có quan-hệ đến mình. Cái chế-độ ấy chưa thể ví với một chính-phủ tự-trị được, nhưng cũng là một quãng đầu trong con đường tự-trị đó rồi. Cách chính-trị nước Cao-lỵ ngày nay như thế nào? Chính-phủ lập một hội-đồng trung-ương* (Chusin) *để giúp việc cho quan Tổng-đốc. Các hội-viên thì tuyển trong các người Cao-lỵ có thế-lực và có lịch-duyệt. Hội-đồng này tư-cách na-ná như Nghị-viện và đứng giữa làm môi-giới cho dân và chính-phủ, Hội-đồng thay mặt dân đạt lời yêu-cầu lên chính-phủ, lại công-bố cách chính-trị của chính-phủ cho dân rõ.*

Ngoài Hội-đồng trung-ương, ở các tỉnh cũng có đặt các hội-đồng tương-tự, nhưng chỉ xét các vấn-đề can-thiệp riêng đến việc cai-trị các địa-phương mà thôi.

Tử-tước Saito *lập ra các Hội-đồng đó là cốt để giảm bớt cái ác-cảm của dân đối với một chính-phủ ngoại-quốc vẫn có ý nghiêm-khắc, vì các quan-lại Nhật cai-trị nước Cao-lỵ thường không biết thấu bụng dân, xúc-phạm đến tình*

tính phong-tục của dân, nên lòng dân sinh oán. Người Nhật hiểu rằng việc lầm-lỡ đó có thể làm tổn-hại đến thanh-thế của chính-phủ được, cần phải cải cái chính-sách cũ, nên mới lập ra Hội-đồng trung-ương. Tuy người Cao-ly không ép chính-phủ phải theo ý mình được, nhưng được quyền tham-dự đến việc cai-trị trong nước, cũng đủ rửa được cái tiếng nghiêm-khắc cho chính-phủ rồi.

Cái chế độ này mới thi-hành được mươi năm mà quang-cảnh trong nước đã khác nhiều. Nhờ về cái chính-sách kinh-tế khôn-khéo của chính-phủ Nhật mà trong nước được thịnh-vượng và cách sinh-hoạt của dân cũng khá nhiều. Hội-đồng Cao-ly dẫu không ép chính-phủ theo ý-kiến của mình được, nhưng người Nhật cũng đã lưu-tâm đến các điều yêu-cầu của Hội đồng.

Về việc học trong bản-xứ đã có về tiến-bộ, người dân đã sảo có học-thức, đã tiệm được tự-do, bèn yêu-cầu chính-phủ cho rộng quyền tham-dự vào việc chính-trị trong nước. Người Nhật không thể làm ngơ các điều yêu-cầu đó được, nên quan Tổng-đốc phải hứa cho dân sẽ lập một chính-phủ tự-trị.

Tử-tước SAITO đã thương thuyết cùng chính-phủ Nhật về cái ý của mình muốn cải các Hội-đồng Cao-ly hữu-danh vô quyền, ra làm các cơ-quan chính-trị mới có quyền thảo-luận và quyết-nghị các việc, không phải tùy ý chính-phủ. Song quan Tổng-đốc cùng các quan Công-sứ các tỉnh vẫn giữ chuẩn-y các việc Hội-đồng đã quyết-nghị.

Việc cải-cách đương dự-tính đó chắc sẽ làm cho quyền công-dân của người Cao-ly được tăng-tiến, nhưng không biết có vừa lòng cả toàn-dân không. Xem các việc âm-mưu mới khám-phá ra được ở Nhật-bản và ở Cao-ly thì có thể đoán được rằng người Cao-ly cũng chưa lấy thế làm mãn-nguyện. Vấn-đề Cao-ly là một vấn-đề quan-trọng, không phải nhất-đán cải-cách mà giải-quyết xong được ngay. Nước Nhật nói rằng Cao-ly là một thuộc-địa của mình, nhưng địa-vị của cái thuộc-địa nước Nhật đó phải như thế nào? Có phải nước Nhật muốn nước Cao-ly đồng-hóa mà làm thành một địa-phận của Nhật không? Nếu phải thì tại sao trong cách đối đãi người Nhật và người Cao-ly lại có khác nhau? Từ trước đến giờ người Cao-ly vẫn bị coi vào hàng dân-tộc thuộc quyền nước Nhật, chứ không được đãi ngang hàng với người Nhật, không được quyền bầu-cử, không được dự các kỳ thi công, ... Chính-phủ thuộc-địa thì rõ ra cái tính-chất phái quan-liêu Nhật-bản. Người Cao-ly tuy là được quyền phái đại-biểu để bày tỏ ý-kiến của mình về việc cai-trị trong nước, nhưng đó chỉ là một sự tham-dự gián-tiếp và hẹp-hòi vào việc chính-trị mà thôi. Về đường chính-trị, đến ngày nay người Cao-ly cũng chỉ mới được một cái nghị viện chửa thành hình (embryon de parlement), cho đến việc học, cũng chịu phần kém, không được đãi như người Nhật, vì có hai hạng trường sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng, một hạng cho người Nhật và một hạng cho người Cao-ly. . . . .

. . . . . .

Cái tình-trạng nguy-ngập đó là do nước Nhật không có một cái chính-sách nhất-định đối với Cao-ly. Ngay chính-phủ cũng chưa hề nghĩ tới sẽ dùng phương gì đối-phó với thuộc-địa, không cho người Cao-ly được hưởng lợi-quyền của người Nhật mà cũng không dám cho được tự-trị. Người nào đã nghiên-cứu về lịch-sử ngoại-giao của nước Nhật đều phải công-nhận rằng người Nhật ít khi chịu đem một ý-kiến

gì hay, hay một cái chương-trình thích-hợp, ra thực-thành ngay bao giờ. Vẫn biết rằng trước khi đem thực-hành một việc cải cách to-tát cũng cần phải qua một cái thời kỳ dự-bị và thí-nghiệm đã, nhưng trong bao nhiêu năm trời mà vẫn do-dự thì có phải rõ ra cái thái-độ cầu-an, không biết mưu-tính những việc trường-cửu không?

Chính cái tính do-dự đó là một cái nguyên-nhân của cách chính-trị thuộc-địa bất-định của người Nhật ở Cao-ly, đã làm cho dân xứ này càng ngày càng thêm mối lo ngại. Nước Nhật ngày nay như đang tới quãng đường rẽ, kịp phải quyết định nên bắt nước Cao-ly đồng-hóa với mình hay là cho được tự-chủ. Vấn-đề này mà chưa giải-quyết ngay đi, thì e rằng cái chính-sách của Tử-tước SAITO *cũng không thể ngăn-ngừa được các nỗi khó-khăn trong việc giao-tế của nước Cao-ly với nước Nhật.*— (Dịch báo Tây).

Thời-cục nước Tàu

Cuộc Nam Bắc phân - tranh trong nước Tàu kéo dằng-dai mãi chửa biết bao giờ liễn-kết. Cứ như tin-tức trong hơn một tháng nay, từ khi Uông Tinh-Vệ ở hải-ngoại lên miền Bắc hợp-tác với Diêm, Phùng, ai cũng tưởng rằng cánh Bắc-phương lại được đảng quốc-dân giúp thêm vào thì thế-lực lại càng thêm mạnh, chính Tưởng Giới-Thạch cũng lấy làm lo. Nào là Uông đứng đầu cho Tả-đảng cực-lực hoạt-động ở miền Bắc; nào là câu-kết đảng Cộng - sản cho nổi lên quấy rối ở miền Hồ-nam và miền Dương tử - giang, làm cho Tưởng phải hoãn việc đánh Tế nam.

Nguyên Uông vốn có tiếng là người khuynh-hướng về xã-hội-chủ - nghĩa và lại vẫn thân - thiện với phái Cộng-sản, nay lại lên hợp-tác với hai nhà quân-phiệt Diêm, Phùng thì thanh-thế rất lớn. Trước kia các phái trong đảng quốc-dân bất-bình với Tưởng cũng đều lên họp cả ở Bắc-bình, nương với Diêm Phùng, để cùng mưu đảo Tưởng. Diêm vốn chẳng ưa gì đảng quốc-dân, nhưng cũng lợi-dụng đảng cho mạnh thế-lực. Lại còn đảng Sơn-tây là đảng thực-lực thuộc về hữu-phái thì Châu Lỗ đứng đầu, vốn cùng với phái Cải-tổ là tả-phái, Uông Tinh-Vệ đứng đầu, không khác gì như nước với lửa, xưa nay vẫn công kích lẫn nhau. Nay muốn điều-hòa các phái lại, nên mới lập ra khuếch - đại hội - nghị, do hai phái Cải-tổ và phái Sơn-tây cùng các phần - tử ở dưới quyền Diêm, Phùng tổ-chức nên, nhóm hội - nghị thì lấy ủy-viên kỳ thứ hai (tức là phái Cải-tổ) làm trung-tâm, mà mở rộng ra cho các ủy-viên các kỳ khác cùng dự vào; lại mời cả những ông không có chân trong quốc-dân-đảng cũng dự bội-nghị, cách ấy là mở rộng ra để điều-hòa cả hai bên, nên mới gọi là khuếch-đại hội-nghị, chủ ý là muốn tổ-chức lấy Chính - phủ Bắc - bình cho được chóng thành. Về việc quân và chính trị thì Diêm chịu toàn - trách về việc đảng thì Uông chịu trách-nhiệm chân-toàn. Phùng thì để mặc cho Uông với Diêm bàn tính tổ-chức ra chính-phủ; lúc thì tuyên-bố sẽ lập một tòa nội-các Trung-hoa, lúc thì bàn sẽ lập ra mười bộ, lúc thì Uông, Diêm, hai người cùng nhường nhau chức chủ-tịch chính-phủ, cái cách nhường nhau ấy cũng chẳng cao-thượng gì, chẳng qua đã biết tỏng rằng cái chức chủ-tịch chỉ làm buồng-xung cho các mặt họ công-kích, mà khó-khăn nhất là vấn-đề tài chính, sau này chính-phủ mà thành-lập thì biết trù-liệu vào đâu, thôi thà lảng ra làm bộ tương-nhượng chứ chả đại gì mà giơ đầu chịu bảng.

Ngờ đâu đương lúc tài-chính quẫn-bách, việc quân bối-rối, Uông, Diêm đương bàn tính lập chính-phủ chưa xong, thì việc quân đã thất-bại ở mặt Tế-nam.

Chính-phủ Nam-kinh định đem cái âm-mưu của bọn Uông Tinh-Vệ giúp ngầm quân Cộng-sản tàn phá tỉnh Hồ-nam, tuyên-bố cho liệt-cường biết. Hà Ứng-Khâm cũng bảo rằng việc loạn ở Trường-xa thực do Uông, Diêm, Phùng xui giục. Lưu Lư-Ân cũng báo-cáo, đại-ý nói Uông Tinh-Vệ gần đây vì quân-đội của Trương-Phát-Khuê và Lý Tôn-Nhân tan vỡ, miền Nam không có chỗ đứng vững được nữa, nên phải lên miền Bắc để tìm đường ra. Điều kém nhất của Uông là không có chủ-kiến, sau khi đến Bắc-bình đã mấy lần đổi cách chủ-trương, lúc đầu thì chủ lấy đảng trị nước, rồi lại mở cuộc quốc-dân hội-nghị, sau lại chủ thảo ước-pháp; cùng thời lại liên-lạc đảng Cộng-sản, khiến ở Hồ-nam bạo-động đốt cướp thành Trường-sa đến hơn 30 tiếng đồng-hồ. Uông làm hại dân, lần này lại thêm một cái ấn-tượng rất sâu nữa.

Nay Uông thấy Bắc-quân thất-bại ở Tế-nam, sự-thế miền Bắc càng ngày càng nguy-cấp, tình thế của Uông có thể nói là « chui vào ống dễ, chui ra ống khó ».

Xem thế thì gần đây Nam-quân đã thắng-lợi, mà Bắc-quân đã suy kém dần. Hiện hai quân Nam Bắc trước kia đương chống nhau ở mặt Lan-phong, mà đánh nhau kịch-liệt nhất là trận Kỷ-huyện ở về phía đông Hà-nam. Nhưng về mặt Lan-phong quân Phùng phòng-thủ kiên-cố, khó lòng vượt qua được, Tưởng mới dụng kế dương đông kích tây, ra sức đánh một trận ở Kỷ-huyện rồi lui quân mặt này mà quay về mặt Tân-phố, tiến lên đánh Tế-nam. Trong khi đánh lấy Tế-nam, Bắc-quân mất đến hai phần ba quân-lính và rất nhiều khí-giới, Nam-quân tiến lên không gặp ngăn-trở gì cả, có thể kéo thẳng lên đến Thiên-tân. Thế là Nam-quân đã thu-phục được thành Tế-nam.

Chánh-phủ Sơn-đông đã từ Thanh-đảo dọn về Tế-nam. Quân Sơn-tây ở dọc đường Giao-tế đã lui hết về Thanh-thành. Hiện cả đường ấy đã phạm-vi về quân Trung-ương. Nam-quân lại đánh tan được đạo quân Sơn-tây ở Thái-an. Hiện đã lục-tục qua sông Hoàng-hà đuổi đánh địch-quân

Tưởng Giới-Thạch quyết thừa thắng đời quân đến đánh Trịnh-châu và Biện-lương. Hiện đã cho mang quân ở đường Tân-phố xuống đường Lũng-hải để đuổi quân Phùng.

Phùng Ngọc-Tường vì thấy Tế-nam thất-thủ, Hứa-xương và Lan-phong đều có cơ nguy-cấp, nên đã triệu-tập cuộc hội-nghị quân-sự khẩn-cấp ở trạm xe Trịnh-châu quyết trong ba ngày rút hết các bộ đội ở hai đường Lũng-hải và Bình-hán, họp cả ở Trịnh-châu. Nếu có nguy nữa sẽ bỏ Trịnh-châu lui giữ Đồng-quan, sẽ tính cuộc quyết-đấu cuối cùng.

Tưởng Giới-Thạch liền điện cho các bộ chia làm hai bộ lớn, một bộ tiến lên miền Bắc đuổi đánh, một bộ kéo lên đóng thêm ở đường Lũng-hải. Bộ đuổi đánh do Hàn Phục-Cừ, Lý Diễn-Uẩn chỉ-huy, Trần-Điều-Nguyên, Mã Hồng-Quỳ giữ mặt sau còn đều kéo lên đường Lũng-hải.

Quân Trung-ương lại đánh đến Lan-phong, hiện quân Phùng và quân Diêm đã rút ra cả. Tưởng Giới-Thạch lại hạ lệnh đánh thành Lạc-dương, có treo giải một trăm vạn đồng, để thưởng cho đạo quân nào vào được thành ấy. Máy bay Trung-ương có bay đến Bắc-bình, ném bom xuống nhiều nơi, làm cho khuếch-đại hội-nghị đương họp chưa xong mà

phải tan. Lại ném cả bom xuống chỗ gần nhà Uông Tinh-Vệ ở.

Diêm Tích-Sơn vì quân-sự thất-bại hiện không biết làm ra thế nào, quyết hết sức kết giao với Trương Học-Lương, cầu Trương Học-Lương lấy thực-lực cùng giúp, thì chức chủ-tịch chính-phủ có thể nhường Trương. Diêm đã phái Phó Tác-Nghĩa đến Bắc-đại-hà yết-kiến Trương, và phái Triệu Đái-Văn ra cửa quan yết-kiến Trương Tác-Tường. Trước khi phái đông-bắc chưa đem thực-lực cùng giúp, hai đường đông-tây đều thu-rút phòng-tuyến, hết sức cố giữ.

Diêm tích-Sơn lại điện cho Trương Học-Lương nói rằng: Thành Tế-nam thất-hãm, thực bị thiệt hại to, tôi sẽ chịu cả trách-nhiệm đối với quốc-dân nhận tội, nhưng vẫn cần phải đánh đổ Tưởng Giới-Thạch, việc do trừ ngài không còn ai làm được, các việc đã phái Phó Tác-Nghĩa đến nơi bày tỏ, xin vì nước vì dân, cùng mưu toan chính-cục ở miền Bắc.

Trương Tác-Tường điện cho Trương Học-Lương, đại-ý nói nên trước sau nghiêm giữ thái-độ trung-lập, chớ vì lời nói ngọt mà chuyển lòng, chớ vì uy-vũ mà khuất-phục và khuyên Trương Học-Lương mau mau trở về Thẩm-dương, chớ để người các phương quấy rối. Trương Học-Lương trả lời, nói cái danh-phận đại-nghĩa, dẫu phục-tòng Trung-ương, nhưng phàm có cử-động gì, tất phải trông vào phần phúc-lợi của bốn tỉnh Đông-bắc mà xem xét một cách cẩn-thận, còn việc mang quân vào của quan, thì chắc không có việc đó, xin cứ yên lòng.

Xem thế thì Trương Học-Lương vẫn cứ trông ngóng không chịu giúp bên nào, thủy-chung vẫn giữ thái-độ trung lập.

Có người bàn với Diêm Tích-Sơn nói phái Cải-tổ vốn người về miền Đông-bắc (cánh Trương Học-Lương) không ưa, nếu đuổi Uông đi, thì mới có thể mong miền đông-bắc giúp sức được.

Có tin ở Bắc-bình rằng các tướng lĩnh là bọn Hà Thành-Tuấn, Dương Hồ-Thành, Vương Kim-Ngọc, Từ Nguyên-Toàn, Tưởng Đỉnh-Văn, Hà Đầu-Dần, Thượng Quan Vân-Tường, Nhạc Duy-Tuấn, Phạm-Thạch-Sinh, Tiền Chi-Sở, Hách Mộng-Linh cùng thông-điện đánh Uông Đình-Vệ, vì Uông như Khánh-Phủ ngày xưa, nói không trừ được Khánh-Phủ thì nan nước Lỗ chưa bao giờ thôi. Các bậc hiền-triết trong nước và các bạn đồng-chí trong đảng nên cùng lòng phẫn-hưng kể tội rồi mang quân đánh.

Lại có tin ở Bắc-đái-hà, Trương Học-Lương có mở cuộc hội-nghị trọng-yếu; các tướng-lĩnh bậc cao thuộc bộ-hạ Diêm Tích-Sơn và Phùng Ngọc-Tường có nhiều người mật-khiến đại-biểu đến yết-kiến Trương Học-Lương tỏ ý không muốn đánh nhau nữa, xin Trương đứng ra cán-toán, mong sau này Diêm Phùng đi sang nước khác, khôi-phục hòa-bình, bèn đem toàn-lực trừ nạn Cộng sản. Trương bằng lòng, lập-tức định rõ cái phương-pháp làm ra thế nào, giao cho bọn Trương-Quần điện trình chính-phủ Trung-ương và Tưởng Giới-Thạch để hỏi ý-kiến.

Trung Nga giao-thiệp. — Cuộc hội-nghị Trung Nga chính-thức vẫn chưa định vào ngày nào. Xét ra nước Nga vì thấy Diêm Phùng làm phản, có ý trông ngóng; hiện đại-biểu Trung-hoa là Mạc Đức-Huệ dẫu còn ở Moscou, nhưng chỗ nào cũng bị chánh-phủ Nga coi xét, hành-động cũng gần mất tự-do, chính-phủ Nam-kinh đã điện cho

Mạc hỏi rõ cái thái-độ của nước Nga, dợi sau khi Mạc trả lời, nếu nước Nga quả không có cái ý thực-thà, thì hạ-lệnh dòi Mạc về để tỏ ý cự-tuyệt.

Bản hiệp-ước Trung-Pháp-Việt. — Ngày thứ sáu 25 Juillet, trong quan-báo ở *Paris* và ở Nam-kinh có tuyên-bố bản hiệp-ước Trung-Pháp. Gọi là « Trung-Pháp » nhưng thực là bản hiệp-ước riêng của Trung-hoa đối với Đông-dương. Ngày 2 Décembre 1928 hai chính-phủ Pháp và Trung-hoa đã cùng nhau ký một bản thương ước, còn đối với Đông-dương, *Paris* và Nam-kinh đều nghĩ nên ký một bản hiệp-ước riêng.

Các vấn-đề mà hai chính-phủ phải đem xét, rất là khó-khăn. Người Tàu sang làm ăn ở Đông-dương từ xưa đến nay vẫn được hậu-đãi, được hưởng đủ mọi sự dễ-dàng trong xứ này, thế mà còn kêu không được đãi như các người ngoại-quốc khác, đòi đủ các thứ quyền-lợi cho xứng-đáng với dân một nước độc-lập.

Lời yêu-cầu chánh-đáng, chính-phủ Pháp chẳng lẽ không xét cho công-bằng. Vì vậy chính-phủ mới giao đặc-quyền cho bá-tước de MARTEL, đại-sứ ở Trung-hoa, M. M. DE LA BROSSE nguyên Thống-đốc Nam-kỳ và GARREAU đại-diện quan Toàn-quyền Đông-dương để cùng đại-biểu chính-phủ Nam-kinh xem xét về mọi khoản trong bản hiệp-ước.

Trải qua bao sự khó-khăn, đã nhiều lần tưởng việc điều-đình đến thất-bại, mãi đến 16 Mai trước, mới ký xong bản hiếp-ước này tại Nam-kinh. Hôm 25 juillet quan-báo *Paris* và Nam-kinh đều tuyên-bố các khoản trong điều-ước này. Bản hiệp-ước Trung Pháp đối với Đông-dương rất quan-hệ, nay lược đăng các khoản như sau.

Nội dung bản điều-ước có 11 khoản. Ngay khoản đầu bãi cả các bản hiệp-ước ký từ trước: bản thương-ước Trung-Pháp ký tại Thiên-tân ngày 26 Avril 1886, bản thương-ước phụ ký ngày 26 juin 1888 tại Bắc-kinh và các công-văn về bản-ước này, trao đổi tại Bắc-kinh ngày 27 juin 1887, cùng là bản hiệp ước ký tại Bắc-kinh ngày 20 Juin 1895. Các bản hiệp-ước đó từ nay bãi đi không thi-hành được nữa.

Khoản thứ nhì. — Các thành-phố *Long-châu* ở Quảng-tây, *Tư-mao*, *Hà-khẩu* và *Mông-tự* ở Vân-nam vẫn mở cho việc buôn bán qua cương-giới xứ Đông dương và Trung-hoa.

Khoản thứ ba. — Chính-phủ Trung-hoa có thể phái lãnh-sự sang Đông-dương đặt tại các thành-phố Hà-nội hay Hải-phòng và Sai-gòn. Mà chính-phủ Pháp vẫn được cử lanh-sự sang các tỉnh đã kể ở khoản trên.

Các viên lãnh-sự hay các viên-chức làm tòa lãnh-sự phải là người quán ở nước cử mình đi. Các viên-chức ấy không được buôn bán hoặc làm kỹ-nghệ gì.

Khoản thứ tư. — Các người Trung-hoa lúc tới địa-phận Đông-dương, các người thuộc dân Đông-dương lúc tới địa-phận Trung-hoa, đều phải có giấy thông-hành do quan chức xứ mình phát cho. Các giấy thông-hành đó phải có chữ ký chuẩn của tòa lãnh-sự xứ mình sắp tới, hoặc của các viên chức xứ ấy có quyền ký chuẩn.

Hai nước giao ước cùng nhau vẫn nước nào theo luật lệ nước ấy, mà đối đãi lẫn nhau theo như một tối-huệ-quốc, về các lệ-luật lấy căn cước về những giấy mà sau này:

1.) Giấy thông-hành.

2.) Giấy phép đi lại trong xứ và giấy phép ra ngoài.

3.) Việc người thuộc xứ Đông-dương xuất-nhập ba tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông, và người Trung-hoa xuất-nhập xứ Đông-dương.

Những lệ-luật về việc cho phép hoặc ở tạm-thời, hoặc ở vĩnh-viễn cho các dân-cư vùng cương-giới, vì công việc phải qua lại luôn luôn địa-phận nước láng diềng hoặc ở tạm đó ít lâu, thì vẫn không thay đổi.

Khoản thứ năm — Người Trung-hoa sang ở Đông-dương hay người thuộc Đông-dương sang các tỉnh đã kể trên, có quyền lập-nghiệp ở đó, hoặc đi lại trong xứ cùng là buôn bán, làm kỹ-nghệ. Theo như các luật-pháp thi-hành ở Đông-dương hay ở Trung-hoa, thì các người ấy quyền-*lợi không* kém các người ngoại-quốc khác.

Người Trung-hoa ở Đông-dương, người Pháp và người Đông-dương ở các tỉnh Trung-hoa đã kể tên trên kia, không bao giờ phải chịu thuế cao hơn, hoặc đánh thêm, như tiền thuế các người ngoại-quốc khác.

Khoản thứ sáu.— Các thứ hàng-hóa Trung-hoa do các cảng Trung-hoa lại, muốn nhờ đường qua Bắc-kỳ đi thẳng lên Vân-nam, được biệt-đãi, không phải chịu tiền thuế theo lệ chung.

Các hàng-hóa ấy cứ tính giá mà phải trả một phần (1°/₀) thôi. Các hàng-hóa ở các tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông mượn đường Bắc-kỳ đi cũng được quyền-lợi như thế.

Các quặng mỏ, thiếc, da tươi cùng các thứ hàng-hóa đã ghi hoặc sau sẽ ghi vào bản A phụ thêm vào khoản này, được miễn trừ thuế. Các thứ hàng-hóa khác phải tính theo giá mà trả 1°/₀.

Các thứ chiến-cụ khí-giới và đạn-dược của chính-phủ muốn nhờ vận tải qua địa phận Bắc-kỳ cũng được miễn thuế.

Các tàu của Đông-dương, trừ thứ chiến-hạm và tàu chở quân lính và đạn-dược, được đi từ Lạng-sơn đến Cao-bằng khứ hồi trong các sông Kỳ-cùng và sông Bằng-giang là đường thủy nối tỉnh Lạng-sơn với Long-châu và Cao-bằng.

Các tàu ấy và hàng-hóa để trong tàu không phải đóng thứ thuế gì.

Khoản thứ bảy. — Hai nước cam đoan nếu phải đặt lệ cấm hoặc ngăn giảm việc nhập-cảng và xuất-cảng hoặc vận-tải ở Đông-dương và ba tỉnh Yun-nam, Quảng-tây và Quảng-đông thì luật-lệ ấy cũng thi-hành ngay đối với các nước khác.

Tuy vậy hai nước vẫn có được quyền ra luật-lệ ngăn cấm hay giảm việc nhập-cảng, xuất-cảng và vận-tải các thứ thổ-sản có quan-hệ đến việc trị-an, cần cho việc quân-nhu, cần phải bênh-vực về phương-diện kỹ-nghệ và mỹ-thuật, hoặc phòng giữ cho khỏi bệnh thời-khí, bênh vực mùa-màng trong xứ, hoặc có liên-can phạm đến độc-quyền của nhà nước hay là việc luân-lý chung. Mà các điều-luật ấy phải do việc tối-cần làm chứng, cũng là phải thi-hành với các nước ở vào cảnh-ngộ ấy.

Khoản thứ tám — Chính-phủ Trung-hoa ở ba tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông cùng là chính-phủ Pháp ở Đông-dương không được đánh thuế các hàng-hóa của người thuộc Đông-dương hay người Trung-hoa mang vào, nặng quá tiền thuế mà người trong xứ ấy hay người các ngoại-quốc khác phải chịu.

Khoản thứ chín. — Các người Trung-hoa bị tội bên Tàu trốn sang địa-phận Đông-dương, người Đông-dương bị tội bên xứ này trốn sang Tàu, theo đơn của chính-phủ hai nước nếu quả là kẻ có tội thời sẽ bị truy-nã bắt giao về nước, trừ ra những trường-hợp mà theo như lệ thường của vạn-quốc không có thể bắt giao trả thì thôi.

Khoản thứ mười. — Bản hiệp-ước này thi-hành trong một thời hạn 5 năm. Sáu tháng trước khi hết hạn, mỗi bên đều có thể đạt giấy cho chính-phủ bên kia biết ý mình hoặc muốn sửa lại hoặc muốn bỏ bản hiệp-ước này; nếu không có công-văn trong hạn ấy thì bản hiếp-ước sẽ cứ thi-hành. Nhưng hết cái hạn 5 năm thì bất cứ lúc nào hai nước đều có thể đạt công-văn tỏ ý muốn hoặc sửa đổi lại, hoặc hủy bỏ bản hiệp-ước. Như thế thì bản hiệp-ước sẽ thành vô-dụng một năm sau kể từ ngày đạt công-văn.

Bản hiệp-ước này sẽ chuẩn-y ngay và trao đổi tại *Paris* và hai tháng sau sẽ đem thi-hành tại Đông-dương cùng ngày với các tỉnh Vân-nam Quảng-tây và Quảng-đông.

Khoản thứ mười một — Bản hiệp-ước này làm bằng chữ Pháp và chữ Hán. Hai bản đều đem so-sánh rất kỹ-lưỡng.

Tin đủ như thế, các đại-biểu hai nước đều ký bản hiệp-ước này làm thành 2 bản và đóng ấn lên.

Làm tại Nam-kinh ngày 16 mai 1930, trúng vào ngày 16 tháng năm năm Trung-hoa dân-quốc thứ 19.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Juillet đến 15 Août. — *Một cuộc biểu-tình ở Trung-kỳ.* — Sáng hôm 16 Juillet có độ 700 người biểu-tình mang cờ đỏ vào huyện Ninh-hòa tỉnh Nha-trang. Viên tri-huyện hứa đệ lời yêu-cầu lên quan sứ thì bọn biểu-tình giải-tán ngay.

Công-thải thuộc-địa. — Hạ-nghị viện bên Pháp mới thảo-luận bản dự-án công-thải ở thuộc-địa định là 3 ngàn triệu quan (*3 milliards*). Riêng phần Đông-dương là 1250 triệu.

Việc án mạng chính-trị ở đường Barbier (Sài-gòn). — Vụ án mạng này xảy ra từ năm 1926, nay tòa mới tra xét xong và tìm ra được nhiều hội kín. Phiên hôm 18 tòa tuyên án 3 người bị xử tử. 1 người 20 năm khổ-sai, 1 người 10 năm khổ-sai, 1 người 8 năm tội đồ, 3 người 10 năm cấm-cố, 2 người 7 năm cấm-cố, 13 người 8 năm cấm-cố và nhiều người từ 18 tháng đến 5 năm tù.

Lính ta sang Pháp. — Chính-phủ Đông-dương định chọn trong 5 xứ lấy 150 người lính khố-xanh để cho sang dự cuộc đấu-xảo thuộc-địa năm 1931.

Việc bênh-vực các người lao-động. — Trưởng ban quốc-tế lao-động khi đã

khảo-sát về vấn-đề lao-động ở Viễn-đông, có thêm mấy điều này vào chương trình : vấn-đề cưỡng-bách lao-động việc điều-tra tình-hình bọn lao-động ở các thuộc-địa. Về việc thứ nhì quan Tổng-thống Pháp mới ký một bản sắc-lệnh nói về cách mộ người làm, cách lập các phòng coi về lao-động, các tờ hợp-đồng của chủ với người làm công, và lập hội-đồng hòa-giải. Các vấn-đề này khi thi-hành thì thợ-thuyền nước ta cũng được nhờ.

Một điều sửa-đổi trong viện dân-biểu.— Quan Thống-sứ định sửa-đổi lại mấy điều ở viện dân-biểu, nhất là việc ban trị-sự của viện phải mỗi năm bầu một lần chứ không để ba năm như trước nữa.

Một đạo nghị-định mới. — Hôm 23 quan Thống-sứ ra một đạo nghị-định để riêng các đất bãi bể cho các dân quê An-Nam ở các làng gần bể để các làng ấy được mở mang to ra, và để cho dân-cư các làng đông-đúc ra dãy lập xóm mà ở.

Quan Toàn-quyền với việc thể-thao.— Quan Toàn-quyền cho hội *Cercle Sportif Annamite* ở Nam-kỳ 1 ngàn đồng để giúp tiền lộ-phí cho mấy người hội-viên sang đấu vợt ở *Singapour*.

Sự phòng-thủ các phủ huyện. — Quan Thống-sứ truyền lệnh cho các quan Công-sứ và các quan tỉnh phải tìm cách đề-phòng các phủ huyện cho được vững-vàng. Các nhà tư phải xa huyện và phủ-lỵ nên những nhà nào ở gần phủ huyện sẽ phải dọn đi hết.

Tòa Thượng-thẩm xử việc chính-trị. — Phiên tòa họp hôm 28 xử ba việc chính-trị. Việc thứ nhất là vụ cộng-sản ở Hưng-yên, tòa phạt 8 người từ 2 năm tù cho tới 15 năm khổ-sai. Vụ thứ nhì là vụ cộng-sản Nam-định, 1 người bị 7 năm khổ sai. Vụ thứ ba là vụ ba đảng-viên cộng-sản bị bắt ở Nam-định thì 2 người đàn ông bị khổ sai chung-thân và 1 người bị 20 năm khổ-sai, còn người đàn bà bị 10 năm khổ-sai.

Truyền-đơn ở Hà-nội. — Hôm 28 ở các phố Hà-nội có rải nhiều truyền đơn cộng sản khuyên thợ-thuyền lập các cuộc biểu-tình ngày 1er *Août* này để yêu-cầu tăng lương cho các thợ-thuyền và bồi-thường cho nhà các người bị thiệt-hại trong các cuộc biểu-tình ở Thái-bình và Nghệ-an.

Đề-phòng ngày 1er Août. — Vì trong thành-phố có nhiều truyền-đơn cổ-động biểu-tình trong ngày 1er *Août*, nên sáng hôm 31 *Juillet* sở mật-thám có đến khám xét nhiều nhà trong thành-phố và bắt nhiều người bị tình-nghi. Phủ Thống-sứ có một bài tuyên-cáo cho quốc-dân biết rằng Chính-phủ sẽ hết sức giữ trật-tự và khuyên dân không nên làm điều trái phép. Ở Hà-nội, Vinh, Hải-phòng, Thái-bình có bắt được nhiều truyền-đơn.

Ngày 1er Août. — Cả ngày hôm nay ở Hà-nội được bình-tĩnh không xảy ra chuyện gì. Các lính-trảng được lệnh phải ở trại từ 31 Juillet cho tới 2 Août. Tối có xe thiết-giáp chở súng cối xay

và các toán lính bồng súng đi tuần các phố. Quan Thống-sứ phái 2 chiếc máy bay đi tuần khắp địa-hạt Bắc-kỳ.

Tại Bến-thủy (Trung-kỳ) có cuộc biểu-tình chừng vài trăm người, ở Hóc-môn, Baqueo (Nam-kỳ) cũng có biểu-tình nhưng giải-tán ngay được, tại Trà-vinh (Nam-kỳ) lính cảnh-sát bắn vào bọn biểu-tình bị 3 người chết và mười người bị thương. Chừng vài chục người bị bắt.

Một việc sửa đổi trong chính-trị xứ Đông-dương. — Quan Toàn-quyền mới ký một đạo nghị-định lập ở Nam-kỳ, Cao-miên, Trung-kỳ và Bắc-kỳ những ủy-ban để điều-tra nghiên-cứu và thực-tình mấy việc cải-cách quan-trọng về kinh-tế và xã-hội. Những ủy-ban này do các quan thủ-hiến các xứ chủ-tọa và các hội-viên Tây Nam sẽ cử ở trong các hội-đồng bản-xứ, các phòng thương-mại và canh-nông.

Vụ Việt-Nam quốc-dân đảng tại Hội-đồng đề-hình. — Sáng hôm 5 Août Hội-đồng đề-hình đã họp ở tòa-án Hà-nội để xét-xử 140 người bị-cáo có chân trong Việt-Nam quốc-dân đảng. Hội-đồng xử mãi đến mồng 9 mới tuyên-án. 12 người bị xử-tử trong số đó có Đoàn Trần-Nghiệp tức Ký Con, Phạm Văn-Khuê tức Cai Khuê, Nguyễn Văn-Nho là em Nguyễn Thái-Học và Lương Ngọc-Tôn. 109 người bị phát-lưu chung-thân, 5 người phát-lưu chung-thân vắng mặt, 11 người khổ-sai chung-thân, 4 người 20 năm khổ-sai, 20 năm biệt-sứ, 4 người 10 năm khổ-sai 10 năm biệt-xứ, 2 người 10 năm tội đồ 20 năm biệt-xứ, 1 người 10 năm cấm-cố 20 năm biệt-xứ, 2 người 5 năm cấm-cố 5 năm biệt-xứ, 1 người 5 năm tội đồ 20 năm biệt-xứ, 1 người 5 năm tù 3000 quan tiền phạt 1 người 5 năm tù.

Việc sửa-đổi trong ngạch Học-chính. — Quan Thống-sứ sắp cho thi-hành việc sửa-đổi trong ngạch Học-chính, định mỗi tỉnh đặt một viên đốc-học hay điền-học người Nam, mỗi phủ huyện đặt một viên giáo-thụ, huấn-đạo có quyền đi xem xét công việc của các giáo-viên trong hạt mình.

Việc tăng thuế giấy nhật-trình. — Vì có tin trong Nam-kỳ nói rằng các nhà làm báo trong đó đã phản-kháng việc chính-phủ dự-bị tăng thuế giấy nhật-trình tại phòng thương-mại, nên hôm mồng 10 báo *France-Indochine* có đạt giấy mời các nhà báo ngoài Bắc phản-kháng việc này tại phòng Thương-mại Hà-nội.

Các dân-biểu chính-phủ cử ra. — Chính-phủ đã cử 26 vị dân-biểu thay mặt dân tại Nghị-viện cho cả toàn xứ Bắc-kỳ. Tính cả các vị đại-biểu do dân bầu thì kỳ này toàn-viện có 101 vị.

Giới-thiệu sách mới

1. — Gia-đình giáo-dục (phép dạy con). 67 trang, giá 0p.35. — 2° — *Học-sinh tu-tri (lời khuyên học-trò).* 33 trang, giá 0p.20. Hai quyển này đều của cụ cô-giáo-học NGUYỄN BÁ-HỌC soạn ra và đã có đăng trong báo *Nam-Phong* năm trước, nay con cụ là NGUYỄN VĂN-MINH và NGUYỄN VĂN-KHẢI xuất-bản, in tại Đông-Tây ấn-quán, phố hàng Bông, Hà-nội, bán tại nhà M. Nguyễn Văn-Minh, 108 Rue de France Nam-định, và M. Nguyễn Văn-Khải, 117 bis Rue du Chanvre Hà-nội.

3° — Tu-thân. NGUYỄN QUÝ-TOẢN soạn, 95 trang, in tại nhà in Trung-bắc tân-văn Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư

Mới xuất-bản :

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Địa-dư Hà-nội). Đông-kinh ấn-quán xuất-bản, giá 0p.40 ; ở xa tiền cước ngoài.

Xuất-bản trước :

1. — Văn-minh luận
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp, quyển thứ I, 5 hào, quyển thứ II 4 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.

Sắp xuất-bản :

Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE.